Xuân Diệu
thơ & đời

TUYỂN CHỌN, GIỚI THIỆU

LỮ HUY NGUYÊN



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

XUÂN DIỆU

THƠ VÀ ĐỜI

XUÂN DIỆU
THƠ VÀ ĐỜI

LỮ HUY NGUYÊN

(Sưu tầm và tuyển chọn)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

XUÂN DIỆU
CHUYỆN THƠ CHUYỆN ĐỜI

Các công trình nghiên cứu và bài viết về Xuân Diệu có một khối lượng rất lớn và nhiều dạng vẻ, khó có thể trong một lần thu thập được đầy đủ. Chúng tôi xin các tác giả có bài được chọn vào tập sách vui lòng cho phép chúng tôi sử dụng mà không kịp báo trước; hoặc lại tự ý cắt, lược... cho bài viết hợp với chủ điểm:

XUÂN DIỆU - THƠ VÀ ĐỜI

Tập sách này thiên về chọn những bài mang tính chất hồi ức, những mẩu chuyện, những kỷ niệm về thơ Anh, đời Anh, có thể là trực tiếp, có thể là gián tiếp. Vì vậy sự thật là chúng tôi đã để sót những bài viết về Xuân Diệu của nhiều tác giả. Sơ xuất ấy là điều đáng tiếc, không thể có sự biện hộ nào về phía chúng tôi. Kính mong các nhà văn, nhà thơ... và các bạn đọc yêu mến Xuân Diệu vui lòng gửi bổ sung cho lần xuất bản sau; chúng tôi rất hân hạnh được đón nhận và thành thật cảm ơn trước!

LỮ HUY NGUYÊN

THẾ LỮ

MỘT NHÀ THI SĨ MỚI: XUÂN DIỆU

Trong những văn thơ của các bạn gửi đến *Phong hóa* hồi báo còn sống, một hôm chúng tôi nhận được một bài thơ ngắn dưới ký tên Xuân Diệu. Bài thơ ấy tả cái sức huyền diệu, cái lực thần tiên của âm nhạc vang động tới tận tâm hồn. Tác giả thấy hương thơm của hoa, thấy vị say của rượu ngọt, màu hương thơm của ánh sáng và những cảnh sương khói hiển hiện lẫn lộn trong dòng suối, lời chim và tiếng khóc than.

Ý thơ tỏ ra thi sĩ có một tâm hồn đằm thắm và rất dễ cảm xúc, nhưng lời thơ chưa được chải chuốt: ngượng nghịu như những ngón tay đờn uốn nắn còn non. Cách đó ít lâu, ông Xuân Diệu gửi đến một bài thứ hai sửa lại bài trước, trong đó chúng tôi thấy sự âu yếm của thi sĩ đối với nghệ thuật mình, và sự cố gắng diễn đạt những cảm tưởng của mình bằng những lời xứng đáng. Ông khuyên người yêu hãy lắng nghe "khúc nhạc thơm" nhuần thấm, hãy "uống thơ tan trong khúc nhạc" và:

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của Du dương;
Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
Hiển hiện hoa và phảng phất hương...

Đó là bốn câu chu đáo nhất trong mười sáu câu bối rối và mơ hồ.

Bài thơ bởi thế không đăng, nhưng chúng tôi chắc thế nào cái thiên tài khép nép kia sẽ có lúc nảy nở ra và khi đó sẽ có những màu đậm đà, những ánh xán lạn.

Quả nhiên sự mong ước của chúng tôi thành sự thực.

Ông Xuân Diệu lần lượt gửi thơ đến, và cũng là gửi những lời hứa hẹn chắc chắn của tâm hồn ông.

Đó là một tâm sự nồng nàn kín đáo, một linh hồn rạng rỡ và say mê, đằm thắm, hiện ở trong những điệu thơ êm dịu và ái ân, thiết tha và bồng bột. Cảnh sắc của sự vật, nỗi âm thầm của tình ái, dáng tươi cười của mùa xuân, nỗi tiếc thương lạnh lẽo của mùa thu, lời van xin, khuyên nhủ của tấm lòng yêu thấm thía nhưng rụt rè; tất cả những tình cảm ấy đều tả trong thơ Xuân Diệu một cách mới lạ, ý nhị, vừa đơn giản, vừa đầy đủ, gợi cho ta thấy những hình ảnh, những tư tưởng bát ngát và tươi đẹp không ngờ. Thơ của ông không phải là "văn chương" nữa; đó là lời nói, là tiếng reo vui hay tiếng năn nỉ, là sự chân thành cảm xúc, hoặc là những tình ý rạo rực biến lẫn trong những thanh âm...

Sự yêu đương trong lòng người thi sĩ này cũng kín đáo chân thực như nghệ thuật của ông. Ông im lặng để cho lòng yêu im lặng hòa với cảnh vật, nhưng trong sự im lặng ấy, ta thấy cảnh vật chung quanh ông có biết bao vẻ tình tứ và bao nhiêu điệu ái ân:

Một tối, bầu trời đắm sắc mây,
Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy,

Hoa nghiêng xuống cỏ, trong khi cỏ
Nghiêng xuống làn rêu. Một tối đầy...

Những lời huyền bí, tỏa lên trăng,
Những ý bao la rủ xuống trần,
Những tiếng ân tình hoa bảo gió,
Gió đào thỏ thẻ bảo hoa xuân...

Khi lòng chứa chan sự thương nhớ, trước hết ông thầm nhắc đến cảnh vật gợi buồn bằng những lời thân mật và tha thiết:

Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm,
Anh nhớ em, em hỡi! Anh nhớ em!
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm,
Mà ánh sáng đều hòa cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rối;
Vài miếng đêm u uất lẩn trong cành;
Mây theo chim về dãy núi xa xanh,
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.

Tất cả lòng buồn não của nhà thi sĩ hình như thoát ra, hình như mông mênh hòa hợp với cảnh vật mông mênh, và cũng hình như để mặc cho cảnh vật len thấm vào tận tâm hồn. Trong thơ ông, tình với cảnh bao giờ cũng có sự cảm thông mật thiết:

Thôi hết rồi! Còn chi nữa đâu em;
Thôi hết rồi tủi gió gác với trăng thềm,
Với sương lá rụng trên đầu gần gũi.
Thôi đã hết hờn ghen và giận tủi.
- Được giận hờn nhau sung sướng bao nhiêu!

Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
Vào chậm chậm ở trong hồn hiu quạnh.

Người ta đoán thấy dáng điệu đê mê bát ngát của người thi sĩ đa tình trong lúc say sưa đau đớn, người ta hưởng những vị chua chát kỳ dị đằm thắm của nỗi xót thương. Có phải không, ông đã gợi ra hết được những điều mong manh u ẩn trong lòng người và cùng với chúng ta cùng chung những lời than thở, băn khoăn.

Bởi vì nhà thi sĩ biết yêu, theo nghĩa rộng rãi nhất của tình yêu. Ông có tấm lòng đắm đuối của tất cả mọi người; yêu nhan sắc, yêu non sông, yêu thơ ca, và yêu cả những nỗi buồn thương, nhớ tiếc. Mà yêu là yêu chứ không nghĩ đến tại sao yêu? Ông trả lời cho lòng ông rằng:

Ai đem phân chất một mùi hương,
Hay bản cầm ca? Tôi chỉ thương,
Chỉ lặng chuồi theo dòng cảm xúc,
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương
Làm sao cắt nghĩa được tình yêu!
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu.

Cho nên nhà thi sĩ lúc nào cũng có cớ để cho tâm hồn rung động. Một ngày chủ nhật bỏ phí đi quá nửa, đủ khiến ông xa xôi nghĩ đến những ngày dần phai:

Thong thả chiều vàng, thong thả lại...
Rồi đi... đêm xám tới dần dần...
Cứ thế mà bay cho đến hết
Những ngày, những tháng, những mùa xuân.

Ông ví những giờ trong những ngày tốt đẹp ấy như những bó hoa tươi mà ông ôm ấp trong tay, nhưng ông phải tiếc than vì bó hoa không còn được mãi:

Vừa mới khi mai tôi cảm thấy,
Trong tay ôm một bó hoa cười,
Ngọn gió thời gian không ngớt thổi,
Giờ tan như những cánh hoa rơi.

Mùa xuân với những tiếng chim ca ánh sáng; với những nụ cười thắm, kết bằng những cánh hồng, với hơi gió xuân thơm nhởn nhơ và vô ý, lả lơi thổi cho cành mai cợt ghẹo nhánh đào, với những tiếng cây reo hớn hở mà nghệ thuật của ông đã đúc vào những câu thanh lịch xiết bao đậm đà:

Giữa vườn ánh ỏi tiếng chim vui,
Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời:
Sao buổi đầu xuân êm ái thế!
Cánh hồng kết những nụ cười tươi.

Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao;
Cây vàng rung nắng, lá xôn xao;
Gió thơm phơ phất hay vô ý,
Đem đụng cành mai sát nhánh đào.

Đêm trăng có những ánh vàng reo thành tiếng dưới ngọn bút của ông:

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ,
Im lìm không dám nói năng chi.

Mùa thu với những hoa lá tả tơi và xao động, với những luồng run rẩy lạnh lẽo, với những đêm quang sáng và những ngày buồn tênh:

Thỉnh thoảng nàng Trăng tự ngẩn ngơ,
Non xa khởi sự nhạt sương mờ,
Đã nghe rét mướt luồn trong gió,
Đã vắng người sang những chuyến đò.

Ở tình cảnh nào, Xuân Diệu cũng có lời mềm mại, hoặc xán lạn, đê mê, hoặc lả lơi sung sướng, hoặc buồn bã tha thiết như tiếng thở than tận cõi sâu kín của tâm hồn.

Nhà thi sĩ ấy bảo ta rằng:

Tất cả tôi run rẩy tựa dây đàn.

Mà đó là những dây đờn huyền bí kết bởi muôn sợi tình cảm tha thiết, bởi những sắc anh linh khiến cho nhà thi sĩ dễ xúc động hát lên những tiếng đẹp đẽ ngọt ngào để yên ủi được chúng ta trong cuộc đời hiện thực.

*
* *

Sự cảm động dồi dào và quý báu của ông còn cho ta thấy nhiều hứng vị của cái chân tài đặc biệt ấy. Tôi mong rằng sẽ được dịp nói đến thơ của Xuân Diệu nhiều hơn, để lại được ca tụng nhà thi sĩ của tuổi xuân, của lòng yêu, và của ánh sáng.

1937

THẾ LỮ

TỰA "THƠ THƠ"

Nhà thơ ấy là một chàng trai trẻ hiền hậu và say mê, tóc như mây vướng trên đài trán thơ ngây, mắt như lưu luyến mọi người, và miệng cười mở rộng như một tấm lòng sẵn sàng ân ái. Chàng đi trên đường thơ, hái những bông hoa gặp dưới bước chân, những hương sắc nảy ra bởi ánh sáng của lòng chàng, *Thơ thơ* là cụm đầu mùa chàng tặng cho nhân gian. Và từ đây chúng ta đã có Xuân Diệu.

Loài người hãy hiểu con người ấy!

Xuân Diệu là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian, ông đã không trốn tránh mà lại còn quyến luyến cõi đời, và lời nguyền ước của ông có bao nhiêu sức mạnh:

Ta ôm bó, cánh tay ta làm rắn,
Làm dây da, quấn quýt cả mình xuân.
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần,
Thân hóa rễ để hút mùa dưới đất.

Là một người sinh ra để mà sống, Xuân Diệu rất sợ chết, sợ im lặng và bóng tối, hai hình ảnh của hư

vô. Mục đích của người đời có phải là hạnh phúc đâu!

Mục đích chính là sự sống. Mà còn gì làm cho sự sống đầy đủ hơn xuân và tình?

Cho nên Xuân Diệu say đắm với tình yêu và hăng hái với mùa xuân, thả mình bơi trong ánh nắng, rung động với bướm chim, chất đầy trong bầu tim mây trời thanh sắc. Ông hăm hở đi tìm những nơi sự sống dồi dào tụ lại. Khi ông khao khát vô biên tuyệt đích, chẳng phải ông muốn lên tới đỉnh cao nhất của sự sống đó sao? Ham yêu, biết yêu, Xuân Diệu muốn tận hưởng tình yêu, vì ông thấy chỗ tình yêu mới gồm được bao nhiêu ý nghĩa.

Nhưng xuân không dài dặt, tình có bền đâu! Xuân với tình cũng như sự thực không bền, và lại còn mong manh hơn cuộc đời chảy trôi. Bởi thế, Xuân Diệu vội vàng, bao giờ cũng lo âu thắc mắc, luôn luôn tận tâm, siêng năng mà sống, ông mau mau đem hết cả tâm hồn mà tặng cho đời, và ông cũng đòi hết cả tâm hồn của người yêu dấu, của trời đất, của mọi sự vật trên trần gian.

Ta thấy cả nỗi cuống quýt sảng sốt của thi nhân giơ tay với lấy giây phút qua, bám lấy bầu xuân hồng, và rền rĩ thở than với người yêu dấu. Người tình nhân có những câu não nuột thấm thía, khiến nụ cười ta rung ở miệng cùng nước mắt dưới hàng mi...

Sở dĩ Xuân Diệu tham lam tình yêu, chất chứa vào lòng, không chán, không đủ, không nguôi, là bởi thi sĩ rất sợ cô độc. Ông muốn biến ra nhiều thân, hóa thành muôn ức, triệu, vì ông thấy người ta đến chỉ trơ trọi một mình. Ông tìm gần gụi vì ông riêng tây, ông thấy nỗi mênh mông của tâm hồn nên ông muốn thành một cây kim để hút vào thiên hạ.

Thơ Xuân Diệu do đấy mà buồn tịch mịch ngay trong những điều ấm nóng reo vui. Lạnh lùng ám khắp mọi nơi, "Xa vắng gần tự muôn đời", ở đâu cũng là nơi nhớ nhung, thương tiếc. Lòng thi sĩ thấy rõ điều trái ngược: nồng nàn bởi vì thê lương, khăng khít nhưng vẫn hững hờ, bao nhiêu éo le của cảnh đời mà Xuân Diệu yêu tới đau khổ. Thơ Xuân Diệu là hơi thở thầm kín, giấu giếm, trong đó ẩn sự huyền bí ghê rợn của một đêm trăng, sự não nùng bao la của một biển chiều, và tất cả tâm hồn khó hiểu của người, của cảnh.

Rồi càng khó hiểu, người thi sĩ càng cố tìm. Ông dò xét cái "thế giời bên trong"; lượm lặt từng sợi tơ mềm yếu, từng mảnh nhớ thương, từng vụn sầu tủi. Ông nghiệm thấy rằng:

Phải can đảm mới bền gan yếu đuối,
Phải khôn ngoan mới dư trí dại khờ.

Nên chịu mất một ít kiêu căng để được thêm rất nhiều sự sống. Vì ông đã du ngoạn trong xứ yêu

mến, nói cho ta hay những đường lối uẩn khúc quanh co.

Ông còn nghe thấu sự mơ hồ, như đã thạo dò la những điều tinh tế. Con người phức tạp cũng đơn sơ, con người thiết thực cũng mơ mộng: ông có một trái tim, nhưng ông còn có một linh hồn. Ông tỏ ra đã từng vào trong thế giới của sự u huyền: hương trầm, âm nhạc; thời khắc, khói sương... tất cả đều nói cho ông nghe những lời chi li và những dây liên lạc. Với những câu thơ ít lời nhiều ý, súc tích như đọng lại bao nhiêu tinh hoa, Xuân Diệu là một tay thợ biết làm ta ngạc nhiên vì nghệ thuật dẻo dang và cần mẫn.

Nhưng ở trên nhà nghệ thuật, ở trên nhà thi sĩ, ta thấy lòng ta mến yêu một linh hồn mở rộng, một tấm lòng chào đón, một con người ân ái đa tình. Người ấy chắc chắn không cần phải quá đợi chờ, van xin, vì lẽ nào cõi đời còn mãi mãi lạnh lùng vô tư, khi đã nghe tiếng đàn si mê của Xuân Diệu.

1938

BỖNG DƯNG THI SĨ HÓA... TÂY ĐOAN[*]

Nhà thơ Xuân Diệu vừa rồi làm kinh ngạc một số người: Xuân Diệu mới đỗ tham tán thương chính. Anh chàng mới được giấy bổ vào Sài Gòn nhậm chức, để vào đó khám những hàng lậu và làm tờ trình nhà đoan.

Trước ngày lên đường, bạn hữu anh đặt tiệc tiễn hành. Bữa tiệc có tất cả tám người: Hoàng Đạo, Nhất Linh, Thạch Lam, Huy Cận, Thế Lữ, Tú Mỡ, Khái Hưng và Xuân Diệu.

Khi rượu đã chếnh choáng say, tám người bàn nhau cộng sức làm thơ tiễn hành. Bắt đầu từ Hoàng Đạo, lần lượt mỗi người làm một câu thất ngôn, tám người vừa được một bài bát cú. Định thế rồi làm thế, sau cùng được bài liên ngâm ứng khẩu:

Bỗng dưng thi sĩ hóa tây đoan,
Nửa mặt nhà thơ, nửa mặt quan.
Chén rượu tiễn đưa thơ khó nghĩ,

---

[*] Trích " Tin văn... vẩn" của Lê Ta tức Thế Lữ. Đầu đề đoạn trích do chúng tôi đặt (N.B.S).

Nỗi tình ly biệt ý khôn toan.
Giờ đây xin nhớ phen bùi ngọt,
Chốc nữa đừng quên cảnh... tóp chan!
Ví thử anh em đều xuất cả,
Còn tuôn ra lắm mạch thơ gàn.

Câu "chốc nữa đừng quên cảnh tóp chan" (nói lái thành *chát tom*)[1] là một câu bướng bỉnh của Tú Mỡ.

Bài thơ xuất khẩu và nghịch ngợm đó là sự nghiệp ứng biến của tám người. Lại tám người say. Tú Mỡ nhân thế đặt ngay bài thơ là: *Bát tiên quá... chén.*

*
* *

Riêng phần Tú Mỡ, tự coi là người đàn anh của Xuân Diệu trong "làng gãi", tặng thêm một bài tức cảnh sau này:

Tớ gần lên lão ở làng đây,
Mình mới chen chân đến xóm này.
Bền chí mà theo đòi nghiệp mới,
Vỡ lòng đã học lấy nghề hay.
Đường đời sẽ thấy cầu vinh nhục,
Sự thế rồi xem khóe quắt quay.
Ba chục năm dài đi lẽo đẽo,
Nàng thơ chẳng rẫy, ấy là may!

---

1. *Chát tom*: Tiếng trống cầm chịch cho hát ả đào.

HOÀI THANH
HOÀI CHÂN

XUÂN DIỆU

Bây giờ khó mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt Nam hồi Xuân Diệu đến. Người đã tới giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần, vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng.

Ngày một ngày hai cơ hồ ta không còn để ý đến những lối dùng chữ đặt câu quá tây của Xuân Diệu, ta quên cả những ý tứ người đã mượn trong thơ Pháp. Cái dáng dấp yêu kiều, cái cốt cách phong nhã của điệu thơ, một cái gì rất Việt Nam, đã quyến rũ ta. Đọc những câu:

Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơi lả?

Hay là:

Chính hôm nay gió dại tới trên đồi,
Cây không hẹn để ngày mai sẽ mát,
Trời đã thắm, lẽ đâu vườn cứ nhạt?
Đắn đo gì cho lỡ mộng song đôi!

Ta thấy cái hay ở đây không phải là ý thơ, mà

chính là cái lối làm duyên rất có duyên của Xuân Diệu, cái vẻ đài các rất hiền lành của điệu thơ.

Nhưng thơ Xuân Diệu chẳng những diễn đạt cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Vả chăng tinh thần một nòi giống có cần gì phải bất di bất dịch. Sao lại bắt ngày mai phải giống hệt ngày hôm qua? Nêu ra một mớ tính tình, tư tưởng tục lệ, rồi bảo: Người Việt Nam phải như thế, là một điều tối vô lý. Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết. Nhưng sự sống muôn hình thức mà trong những hình thức nhỏ nhặt thường lại ẩn náu một nguồn sống dồi dào. Không cần phải là con hổ ngự trị trên rừng xanh, không cần phải là con chim đại bàng bay một lần chín vạn dặm mới là sống. Sự bồng bột của Xuân Diệu có lẽ đã phát biểu ra một cách đầy đủ hơn cả trong những rung động tinh vi. Sau khi đọc đi đọc lại nhà thơ có tâm hồn phức tạp này, sau khi đã tìm kiếm Xuân Diệu hoài, tôi thấy đây mới thực là Xuân Diệu.

Trong cảnh mùa thu rất quen với thi nhân Việt Nam, chỉ Xuân Diệu mới để ý đến!

Những luồng run rẩy rung rinh lá...

cùng cái:

Cánh biếc run run chân ý nhi.

Nghe đàn dưới trăng thu, chỉ Xuân Diệu mới thấy:

Lung linh bóng sáng bỗng rung mình.

và mới có cái xôn xao gửi trong mấy hàng chữ lạ lùng này:

Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời;
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi!
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.

cũng chỉ Xuân Diệu mới tìm được nơi đồng quê cái cảnh:

Mây biếc về đâu bay gấp gấp,
Con cò trên ruộng cánh phân vân.

Từ con cò của Vương Bột lặng lẽ bay tới ráng chiều đến con cò của Xuân Diệu không bay mà cánh phân vân, có sự cách biệt của hơn một ngàn năm và của hai thế giới.

Cho đến khi Xuân Diệu yêu, trong tình yêu của người cũng có cái gì rung rinh. Người hồi tưởng lại:

Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử,
Gấm trong lòng và khi đứng chờ ngây,
Và nhạc phấn dưới chân mừng sánh bước
Và tơ giăng trong lời nhỏ khơi ngòi;
Tà áo mới cũng say mùi gió nước,
Rặng mi dài xao động ánh dương vui.

Còn rất nhiều câu có thể tiêu biểu cho lối xúc cảm riêng của Xuân Diệu. Tôi chỉ dẫn một thí dụ này nữa. Trong bản dịch *Tỳ bà hành* của Phan Huy Vịnh có câu:

Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt,
Một vừng trăng trong vắt lòng sông.

tả cảnh chung quanh thuyền sau khi người tỳ bà phụ vừa đánh đàn xong. Một cái cảnh lặng lẽ, lạnh lùng ẩn một mối buồn âm thầm, kín đáo. Thế Lữ có lẽ đã nhớ đến hai câu ấy khi viết:

Tiếng diều sáo nao nao trong vắt
Trời quang mây xanh ngắt màu lơ.

Mặc dầu hai chữ "nao nao" có đưa vào trong câu thơ một chút rung động, ta vẫn chưa xa gì cái không khí bình yên trên bến Tầm Dương. Với Xuân Diệu cả tình lẫn cảnh trở nên xôn xao vô cùng. Người kỹ nữ của Xuân Diệu[1] cũng bơ vơ như người tỳ bà phụ. Nhưng nàng không lặng lẽ buồn, ta thấy nàng run lên vì đau khổ:

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.

Ngay từ khi trăng mới lên, nàng đã thấy:

Gió theo trăng từ biển thổi qua non;
Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.

Chỉ có trong thơ Xuân Diệu mới có những thoáng

1. "Lời kỹ nữ" trích theo đây.

buồn rờn rợn như vậy.

Ngay lời văn Xuân Diệu cũng có vẻ chơi vơi. Xuân Diệu viết văn tựa trẻ con học nói hay như người ngoại quốc mới võ vẽ tiếng Nam. Câu văn tuồng bỡ ngỡ. Nhưng cái dáng thơ bỡ ngỡ ấy chính là chỗ Xuân Diệu hơn người. Dòng tư tưởng quá sôi nổi không thể đi theo những đường có sẵn. Ý văn xô đẩy, khuôn khổ câu văn phải lung lay.

Nhưng xét rộng ra, cái náo nức, cái xôn xao của Xuân Diệu cũng là cái náo nức, cái xôn xao của thanh niên Việt Nam bây giờ. Sự đụng chạm với phương Tây đã làm tan rã bao nhiêu bức thành kiên cố. Người thanh niên Việt Nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người. Họ tưởng có thể nhắm mắt làm liều, lấy cá nhân làm cứu cánh cho cá nhân, lấy sự sống làm mục đích cho sự sống. Song đó chỉ là một cách dối mình. "Chớ để riêng em phải gặp lòng em", lời khẩn cầu của người kỹ nữ cũng là lời khẩn cầu của con người muôn thuở. Đời sống của cá nhân cần phải vịn vào một cái gì thiêng liêng hơn cá nhân và thiêng liêng hơn sự sống.

Bởi Xuân Diệu đã gửi trong thơ của người lẫn với một chút hương xưa của đất nước, bao nhiêu nỗi niềm riêng của thanh niên bây giờ - Xuân Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới - nên chỉ những người

lòng còn trẻ mới thích đọc Xuân Diệu, mà đã thích thì phải mê. Xuân Diệu không như Huy Cận, vừa bước vào làng thơ đã được người ta dành ngay cho một chỗ ngồi yên ổn. Xuân Diệu đến giữa chúng ta tới nay đã ngót năm năm mà những tiếng khen chê vẫn chưa ngớt. Người khen, khen hết sức; người chê, chê không tiếc lời. Song những ai chê Xuân Diệu, tưởng Xuân Diệu có thể trả lời theo lối Lamartin ngày trước: "Đã có những thiếu niên, những thiếu nữ hoan nghênh tôi".

Với một nhà thơ còn gì quý cho bằng sự hoan nghênh của tuổi trẻ.

Tháng 7-1941

(Thi nhân Việt Nam)

XUÂN DIỆU TỰ BẠCH

... Tôi muốn nói đến một cái gì tâm sự hơn, thắt vào mình hơn[1]. Tôi quý yêu Chế độ như mấy chục triệu đồng bào của tôi: và tôi còn thêm một chút yêu quý riêng của một người văn nghệ, một thi sĩ. Tôi đã có lần kiểm điểm *"Những bước đường tư tưởng của tôi"* (1957), nói Đảng, chủ nghĩa Mác Lênin đã giải thoát tôi ra khỏi nhà tù tư tưởng cũ, đưa tôi vào chủ nghĩa cộng sản, tuổi trẻ của thế giới, như thế nào. Mỗi người trí thức đi với Cách mạng, cũng đều sâu sắc biết ơn sự hoàn sinh tư tưởng ấy. Ở đây, tôi muốn nói lòng cảm kích của tôi đối với chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, muốn kể lại cái đau khổ của người thi sĩ ở trong đời cũ, dưới khía cạnh xã hội.

Làm một thi sĩ Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, thơ phải chăng là một cái tai vạ khiến cho mình thua kém ở trong đời, cái đời kim tiền, cái đời tô hô,

---

1. Viết năm 1960. Đây là trích đoạn một thiên hồi ức của nhà thơ Xuân Diệu. Đầu đề do chúng tôi đặt.

bần tiện? Cái đời mà mười lăm, hăm nhăm năm sau, nghĩ đến còn muốn khạc nhổ. Không biết chủ nghĩa Mác Lênin, không có vũ khí tư tưởng, người thi sĩ xuất thân ở giai cấp tiểu tư sản, chân không bén đất, cật chẳng đến trời, luôn luôn chết điếng vì tự ái; anh ta không có những khí giới của cái xã hội chó sói, là tiền và răng nanh; khi chó sủa gâu gâu; khi những cái xấu xa của xã hội quá trâng tráo, anh ta tỏa thơ ra làm sương mù để che thân. Năm 1937 đỗ tú tài ở Huế xong, tôi gọi là học cao đẳng luật, để ra Hà Nội, nơi hoạt động văn học. Tháng 12 năm 1938, quyển *Thơ thơ* ra đời, nhận được sự hoan nghênh của công chúng; nhưng người làm ra thơ ấy vẫn cứ chơi vơi, gập ghềnh ở trong đời. Những người yêu thơ lúc đó cũng hiền lành, ngơ ngác không có quyền lực như tôi. Ngoài họ ra, cái tên hiệu "thi sĩ" buông vào xã hội cũ như một thứ gì lạc điệu, buồn cười; Các Mác đã từng nói cái xã hội tư bản đặc biệt hà khắc với một số ngành nghệ thuật, ví dụ như thơ. Nhiều khi, có những anh bạn nhanh nhảu đoảng giới thiệu tôi là "thi sĩ" ở giữa một số người, làm tôi tức, cảm thấy bị làm nhục, như ai đem vứt một cành hoa xuống đất. Những khi đứng giữa bọn nhà buôn, bọn ông quan, tôi chỉ mong chúng đừng biết mình là "thi sĩ". Một mặt khác, làm thơ là một đằng, còn làm ăn lại đi một nhẽ khác. Làm ăn! Kiếm ăn!

Nỗi đời cay cực đang giơ vuốt,
Cơm áo không đùa với khách thơ.

(1938)

Từ ngày Cách mạng Tháng Tám, tôi hoạt động ở Văn hóa cứu quốc, người thi sĩ được coi như một cán bộ; những năm gian khổ nhất của Kháng chiến, tôi được lĩnh lương 48 kilô gạo; tuy ít ỏi, 48 kilô gạo ấy quý báu hơn tất cả vàng bạc nào; người thi sĩ được chế độ mới coi như một người có ích, chính thức lĩnh lấy trách nhiệm nuôi anh, để anh làm thơ, phục vụ nhân dân. Còn xã hội cũ ấy anh ra ngoài rìa cuộc đời, anh làm thơ, xã hội cũ bất biết! Anh muốn sống, anh phải làm nghề khác.

Tôi và bạn Huy Cận ở trên gác 40 Hàng Than (1939-1940) ở dưới nhà là nhà thơ Lưu Trọng Lư. Xã hội cũ đặt tôi giữa một gọng kìm. Tôi biết rõ lắm: Làm thơ không phải là một hậu phương, làm thơ không sống được. Tiền phương làm cách mạng: trình độ tôi lúc đó chưa đẩy tôi lên. Chỉ còn lại cái gọng kìm ác nghiệt; một là làm thơ như anh Lưu Trọng Lư ở dưới gác: viết văn, viết truyện bán cho một ông xuất bản tư sản dân tộc; anh Lư có tài; nhưng cứ viết mãi, bán bản thảo hàng tháng như vậy, thì được mấy năm? Khi cái túng thiếu nó thúc bách, thì văn viết chưa chín vẫn cứ phải bán. Và anh Lưu Trọng Lư viết truyện được, chứ tôi không viết truyện được. Tôi thương anh Lư, và sợ cho cái "nghề" viết văn? Phải kiếm nghề khác. Tôi đã thử

làm thầy giáo dạy trường tư, tôi dạy rất xoàng. Tôi bèn đi thi làm tham tá nhà đoan (thương chính, thuế quan). Làm công chức của chế độ ta là làm cán bộ cách mạng, là quang vinh; chứ trong xã hội cũ, người thi sĩ đang tung tăng với một chút ít tự do nào đó, mà "bó thân về với triều đình", vào làm công chức trong bộ máy chính quyền của Pháp thuộc, là một sự tụt rơi, là công khai thú nhận không dám ngang nhiên sống với thơ nữa. Tôi nhớ mãi một sáng hôm đó, năm 1940, tôi cầm mấy tờ giấy đi thi tham tá nhà đoan, đến trước cửa phòng thi, tôi cụng đầu vào thi sĩ Vũ Đình Liên, làm thơ trước tôi và là một ông giáo trường tư rất vững nghề, cũng đi thi như tôi. - Ô hay! Vũ Đình Liên! - Ô kìa! Xuân Diệu! Chúng tôi như hai cô con gái nhà lành, bị xã hội cũ đẩy tới trước cửa lầu xanh của con mụ Tú Bà; chúng tôi nhìn nhau, một tủi cực đắng cay tràn chiếm tâm hồn hai thi sĩ. Rồi tôi đỗ. Rồi tôi đi làm tham tá nhà đoan ở Mỹ Tho (Nam Bộ). Xã hội cũ gọi là ông tham, quan tham tá; ở Nam Bộ gọi là ông còm-mi, sang trọng lắm! Đã có thể lấy con gái những ông đại điền chủ rồi đấy! Trong đời tôi, chưa có bao giờ tôi đắng cay, tủi cực như ba năm rưỡi trời.

Bỗng dưng thi sĩ hóa Tây đoan![1]

1. Câu đầu trong một bài thơ Tú Mỡ tặng Xuân Diệu. Xin xem toàn bộ bài thơ và câu chuyện "giai thoại" có thật ấy, trong bài "Bỗng dưng thi si hóa... Tây đoan" của Lê Ta (Thế Lữ) trong sách này (N.B.S).

Ngày hai buổi, tôi đến ở cái nhà đoan Mỹ Tho, cái "lầu Ngưng Bích" hai tầng, đã chôn vùi gần bốn năm của đời tôi; tháng ngày nhạt nhẽo, tôi thường đến sở rất muộn; không dám đi qua cửa chính, vì có thằng chủ sự Pháp, tên thực dân già nanh ác ngồi đó, như một con chó canh địa ngục, tôi đi ngõ sau, trèo cửa sổ mà vào phòng giấy của mình! Tôi đã xin thôi năm 1943 và tháng 8-1945, thì Tổng khởi nghĩa.

Tôi không bao giờ tha thứ chế độ cũ đã không cho tôi sống với nghề nghiệp, chức vụ thi sĩ, đã nghiến tấm lòng người thơ dưới hàng nghìn tấn cực nhục.

Đi trong đời như một kẻ lột da,
Rách đau thương ở giữa bọn gian tà!

Các bạn nhà văn, nhà thơ trẻ bây giờ có biết đâu cái kiếp trước của bọn chúng tôi, những nhà văn dưới chế độ cũ. Các bạn bây giờ đúng là nằm trong nôi của chế độ, được chăm sóc từ tinh thần đến vật chất ngay từ khi mới bước vào nghề văn. Những ngày Cách mạng Tháng Tám, chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nuôi dưỡng tôi, cho tôi làm cán bộ của cách mạng với cương vị là một nhà thơ. Trước kia, tôi đã cực nhục vô cùng với chế độ cũ coi rẻ nhà thơ, thì bây giờ người thi sĩ trong tôi cảm kích vô hạn trước cái thái độ đại nghĩa của Đảng. Đảng khẳng định trước hết người thi sĩ là một người có

ích, một người xã hội và Nhà nước rất cần đến và quý trọng. Cái ơn tri ngộ ấy hơn tất cả lương tiền, chức vị; chính nó làm cho giữa rét mướt, mà cảm thấy mình ấm áp; lúc ăn ngô, ăn sắn cũng vẫn thấy tươi vui. Cố nhiên, cùng với cái khẳng định ấy, người thi sĩ còn phải học tập, rèn luyện, cải tạo theo tư tưởng, lập trường cách mạng. Trong việc này, Đảng đã tỏ ra vô cùng kiên nhẫn. Mười lăm năm, Đảng đã là một người thầy tài diệu, nắm được các quy luật của tâm trí, không sốt ruột, nâng trình độ của người học trò từ thấp lên cao, theo từng bậc tiến lên của cách mạng, đồng thời Đảng như một người bạn thân ái. Cái người văn nghệ lắm khi tính tình như ngựa trái chứng, mỗi người một nét, một kiểu, bụng dạ hồn nhiên, nhưng mồm miệng lại thích nói cho cay, cho chua, vui buồn giận tức đôi khi như bị ma làm; Đảng đã không nệ những tiểu tiết ấy mà nhìn cái năng suất chính, nhìn tác phẩm đóng góp của họ.

Nói đến mười lăm năm Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tại sao tôi cứ nhớ đến ông cử nhân họ Mai, dạy chữ Hán ở trường Quy Nhơn, lúc tôi còn học lớp nhì (tương đương cấp I). Ông hay chữ, làm nghề này dưới thời Pháp thuộc, lương tháng 18 đồng bạc; ông đã già, tôi mới 13 tuổi; tôi nhớ mãi cái giọng Bình Định rền rền bùi ngùi của ông, khi bao nhiêu lần ông ngâm trong lớp:

Mấy ai ở đặng hảo tâm,
Nắng hun giúp nón, mưa dầm giúp tơi.

Tôi nhớ mãi, vì đó là tiếng than thở của cái xã hội xưa, trong đó chẳng ai thương ai. Tôi nhớ lại hôm nay, khi nghĩ đến lòng chăm chút, cưu mang của chế độ ta đối với nhà văn. Ôi người mẹ hiền! Tôi chưa thấy ngành y tế nào có thể bảo vệ sự thai nghén được chu đáo như Đảng chăm sóc sự thai nghén văn học. Nắng hun giúp nón, mưa dầm giúp tơi; thiếu thực tế, thì cho đi thâm nhập thực tế; thiếu văn hóa thì cho đi học văn hóa; từng chặng, từng chặng, lại mời các ngành đến trình bày tình hình cho các nhà văn nghe; trước khi các nhà văn đi về thực tế, thì thông tư cho các cấp ủy, dặn dò cấp ủy tích cực giúp đỡ; cung cấp lương tiền; sắm cả cho mỗi người một túi thuốc để về địa phương; Đảng rất lo nhà văn xa mất cái hơi thở, hơi mồ hôi của quần chúng mà rơi tàn héo hắt. Ôi, người mẹ quá hiền nữa kia? Tôi tưởng chăm sóc đến như Đảng, thì người không có buồng trứng sáng tác cũng phải đẻ ra tác phẩm! Nếu viết xoàng hay không viết được, thì chỉ còn có trách mình nữa thôi! Không phải là không có số ít trường hợp năm mười năm đi đi lại lại thực tế, mà chẳng đẻ ra là sao! Nhưng Đảng đã lo đại sự, thì không nề những cái phí nhỏ. Các bạn mới vào làng văn, được hưởng sự chăm nom chí tình của chế độ ta, có biết chăng dưới

chế độ cũ, quy luật cạnh tranh, đào thải tự nhiên thật là khốc liệt ở trong văn học? Có biết chăng đến nhà văn lão thành cũng phải bán văn nuôi miệng? Huống chi nhà văn trẻ, họ bị vứt ra bơi lấy một mình ở giữa dòng đời đầy rác rưởi, bùn tanh.

*

* *

Mười lăm năm, viết ra được mười bốn quyển sách trong chế độ ta, tôi lĩnh hội được cái quý báu vô ngần này: là gió, là điện của công chúng cách mạng, mà phần lớn gồm công nông binh. Một Mạnh Thường Quân, một vua Lui XIV nào cũng lu mờ, tẹp nhẹp so với cái rộng rãi, độ lượng của công chúng cách mạng đối với văn nghệ và văn nghệ sĩ. Người thi sĩ đọc thơ mình trước quần chúng, nếu thơ đó chí tình, dễ thông cảm là được sự hoan nghênh khuyến khích của những người lao động; chính sự hoan nghênh hồn nhiên đó cổ vũ nhà thơ càng ngày càng sáng tác hay hơn. Phục vụ ai cho bằng phục vụ quần chúng; những chục trứng gà, những bó chè tươi, những rổ khoai lang, những cái nắm tay của họ thưởng công cho, làm anh mãi mãi không quên. Và đến nay, năm thứ 15 Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, người thi sĩ bỗng khám phá một điều: Anh gieo hạt tác phẩm của anh trên một

miếng đất thần thông biến hóa! Năm 1955, tập thơ *Ngôi sao* của tôi in 1.500 quyển; năm 1960, tập thơ *Riêng chung* của tôi đã in đến 6.000. Có một phần là do sự tiến bộ của thơ tôi, còn phần lớn, là do chế độ ta từng ngày, từng năm đi làm thêm người đọc; có thể gọi chăng, đó là một phép tiên, một ân huệ của chế độ đổ vào túi thơ của người thi sĩ. Cái ngạc nhiên thật là dễ chịu! Và miếng đất thần thông sẽ nhân cái hạt tác phẩm lên đến bao nhiêu nữa, khi nước nhà thống nhất, khi hoàn thành một, hai kế hoạch năm năm? Gió, gió càng lớn mãi thổi vào buồm!

Tôi đi cân thuốc bắc ở hàng mậu dịch, chị biên hóa đơn hỏi thăm ốm thế nào? Đến công an khu phố, được hỏi thăm bấy lâu sáng tác ra sao? Vào triển lãm, người ta đùa thân mến cái anh làm thơ... Nào đâu là sự tự ái chết điếng người trong chế độ cũ khi bị gọi là "thi sĩ"! Những con mắt, những con mắt nhìn trìu mến, khuyến khích, đỡ nâng, làm cho tôi, khi trở về lại thầm nói một mình:

- *Dễ đem gan óc đền nghì trời mây*! Làm thế nào đền ơn cho nhân dân, cho công chúng?

(...)

1960

HỮU NHUẬN

NGƯỜI EM CÙNG CHA CÙNG MẸ CỦA XUÂN DIỆU

Nhà văn Tịnh Hà - em cùng cha cùng mẹ của nhà thơ Xuân Diệu - tên thật là Ngô Xuân Sanh, lúc nhỏ còn có tên là Đàn, sau này viết văn ký bút hiệu là Tịnh Hà, Ngô Hải, Ngô Thứ Xuân (bút hiệu này do anh Xuân Diệu đặt cho, ký dưới truyện vừa *Chim lồng* viết năm 1943, Huy Xuân dự định xuất bản).

Khác anh là Xuân Diệu vốn tính nhường nhịn, chịu đựng mọi cảnh ngang trái của gia đình, cố học hành rèn luyện thành tài để sớm tự lập, - Tịnh Hà từ bé sẵn tính mặc cảm, không chịu nổi cảnh phải xa mẹ đẻ, sống với mẹ lớn - một người đàn bà ích kỷ, đố kỵ và đanh đá luôn ngược đãi hai đứa con vợ bé của chồng (tức Ngô Xuân Diệu và Ngô Xuân Sanh).

Trong nhà mẹ lớn, Tịnh Hà trở thành một thứ đứa ở, ăn thiếu mặc rách và luôn luôn được "dạy dỗ" bằng nhiều hình phạt nặng nề. Cuối cùng mới bảy tuổi đầu (khoảng 1933), Tịnh Hà đã phải bỏ nhà đi hoang. Suốt bảy tám năm ròng của thời niên

thiếu, Tịnh Hà sống ở hè phố với lũ trẻ trèo me, khèo keo, từng làm đứa trẻ phụ việc ở quán cơm, ở hiệu giặt là; từng làm phu mộ đồn điền trên cao nguyên, làm phu kéo xe, làm cậu giáo trường làng, làm *nhíp* ga xép xe lửa hoặc làm kép hát cải lương... và cũng từng có lúc đói quá ăn quỵt, móc túi, bài bạc.

Lăn lộn với lớp thiếu niên bụi đời, Tịnh Hà sớm tiếp xúc với đủ loại người tốt xấu khác nhau - những thằng nhỏ con sen, gái nhảy, phu xe, lưu manh chuyên nghiệp... và cả những học sinh, thợ thủ công từng tham gia "hội kín", rải truyền đơn chống Pháp.

Sớm có năng khiếu văn chương và lòng say mê văn học ngay từ hồi nhỏ, Tịnh Hà nuôi ý nguyện được sống nhiều, lăn lóc nhiều trong đám người lao động thuộc lớp "dưới đáy" xã hội - như Nguyên Hồng, như M.Goócki, hai nhà văn mà anh rất kính phục - để có dịp viết về họ, cũng chính là viết về mình.

Năm 1942, Tịnh Hà vào làm phu bốc vác ở ga Sài Gòn, học thêm các lớp buổi tối để nâng thêm trình độ văn hóa, ngoại ngữ. Cùng thời kỳ này, Tịnh Hà có dịp quen biết nhà văn Tô Hoài và một số nhà văn trẻ khác. Lòng say mê văn học được dịp khích lệ. Và tác phẩm đầu tiên, vốn được ấp ủ, được nghiền ngẫm từ những năm trước, Tịnh Hà dành viết về đoạn đời bảy tám năm "đi hoang" của mình, về nỗi thương nhớ khôn nguôi của mình với người

anh là Xuân Diệu và với má - bà má vợ lẽ của một ông tú kép nho học, vốn rất thương chồng thương con mà hầu như suốt đời phải xa chồng xa con, sống trong tủi nhục, cô đơn.

Chính dưới ánh sáng cột đèn điện trong vườn hoa Ông Thượng (Sài Gòn) đầu năm 1941, Tịnh Hà viết những trang đầu tiên của cuốn tự truyện *Đi hoang* - ban đầu tác giả đặt tựa đề là *Gió cuốn bụi đời,* sau này anh Xuân Diệu đề nghị đổi lại thành *Đi hoang*.

Đọc những chương đầu, anh Xuân Diệu - lúc bấy giờ làm tham tá Sở đoan Mỹ Tho - rất xúc động và thấy ở người em ruột thịt của mình hứa hẹn một khả năng sáng tác văn học. Anh Xuân Diệu đã đưa Tịnh Hà xuống Mỹ Tho sống với mình, tạo mọi điều kiện cho em hoàn thành sáng tác đầu tay: 450 trang đánh máy bản thảo *Đi hoang.*

Năm 1943, anh Xuân Diệu ra Hà Nội, rồi tham gia Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, rồi đi kháng chiến ở Việt Bắc, còn Tịnh Hà thì ở Khu V. Bản thảo *Đi hoang* không có dịp tu sửa, hoàn chỉnh, nó nằm gọn trong ba lô Xuân Diệu như một kỷ niệm, một vật báu.

Suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, Tịnh Hà công tác tại Chi hội văn nghệ Liên khu V, cùng với Tế Hanh, Nguyễn Văn Bổng, Phạm Hổ, Nguyễn Thành Long... chuyên viết truyện, ký và đôi khi làm thơ.

Sáng tác của Tịnh Hà thời kỳ này có tập truyện *Bà cụ Thản* (do Ty thông tin và văn nghệ Phú Yên xuất bản, 1947), *Đường đi cực Nam* (viết chung với Tế Hanh, do Chi hội Văn nghệ Liên khu V xuất bản, 1952), truyện dài *Giành lúa* (đã trích in trên tạp chí văn nghệ của Chi hội Văn nghệ Liên khu V) - Truyện này từng được nhà văn Nguyên Hồng biểu dương trong mục đọc sách của tạp chí *Văn nghệ* của hội văn nghệ Việt Nam (*Việt Bắc*, số 37 - 1952)...

Sau hòa bình 1954, Tịnh Hà ở lại miền Nam, từ 1957 vào Sài Gòn sống bằng nghề bán kem, đạp xe ba gác, làm phu khuân vác bến tàu... và tiếp tục viết văn. Ngoài khoảng hơn năm chục truyện ngắn đăng trên các báo Sài Gòn, Tịnh Hà còn để lại các tập tiểu thuyết, phóng sự: *Kho 5, Sở Mỹ, Hai nẻo đường hoa, Tình yêu sân khấu* (tiểu thuyết, do Nhà Nguyễn Đình Vượng xuất bản năm 1962 với bút hiệu Ngô Hải). Hầu hết các sáng tác này là viết về đời sống cơ cực, bế tắc của các tầng lớp lao động, của trí thức văn nghệ sĩ nghèo ở xã hội miền Nam dưới thời Mỹ - ngụy, trong chừng mực nhất định, có giá trị lên án và tố cáo chế độ thực dân mới.

Lúc sinh thời, nhà thơ Xuân Diệu có ý định sửa chữa và bổ sung tập *Đi hoang* thành một hồi ký văn học, đứng tên hai anh em. Nhưng chưa thực hiện được thì nhà thơ đã mất đột ngột cuối năm 1985.

Một số nhà văn và bạn bè có dịp được đọc bản

thảo *Đi hoang* đều xúc động, coi đây là một hồi ký có giá trị và đến động viên tác giả gia công sửa chữa để có thể xuất bản được. Nhưng do phải lăn lộn kiếm sống (thời kỳ này không có công ăn việc làm, anh phải đi bỏ mối yaua), Tịnh Hà chưa làm được việc hoàn chỉnh tác phẩm tâm huyết của mình, thì cũng như người anh, anh đã ra đi đột ngột vào đầu năm 1989 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mất, anh Tịnh Hà có nhờ tôi - người em kết nghĩa của anh Xuân Diệu và cũng là của Tịnh Hà - sửa chữa, tu chỉnh bản thảo để có thể ra mắt bạn đọc được. Tôi đã làm công việc của người "biên tập", sửa chữa văn phong chữ nghĩa cho gọn gàng, chuẩn xác - và như trên đã nói, bản thảo tác giả để lại là bản viết lần đầu, chưa được cắt gọn, sửa chữa - đồng thời vẫn tôn trọng lối viết giản dị, chân phương, giàu cảm xúc của tác giả.

Nhà xuất bản Văn học đã trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc tập *Đi hoang* vào năm 1989; qua đó, bạn đọc hiểu được ít nhiều những bi kịch của một thời và đặc biệt là bi kịch của gia đình nhà thơ Xuân Diệu - nhà thơ lớn thế kỷ XX của dân tộc ta.

LỜI NGƯỜI BIÊN SOẠN:

Trong tập sách *Xuân Diệu, thơ và đời,* chúng tôi trích hai đoạn tự truyện của Tịnh Hà viết về Xuân Diệu.

TỊNH HÀ

ĐI HOANG
(Trích)

CAY CỤC NỖI ĐỜI

Tối hôm qua tôi sốt nặng, sáng nay người mỏi nhừ. Tôi đang ngáp dài ngáp ngắn, ngồi ở góc Chùa Bà, bỗng thấy rõ anh tôi ở trong nhà đi ra. Mừng quá, tôi chạy lại gọi rất lớn:

- Anh Diệu!

Thấy tôi tiều tụy, ốm gầy, anh tôi hỏi:

- Lâu nay em làm gì? Em đau phải không?

Tôi ngắm anh tôi rất kỹ, anh sang quá. Anh diện bộ đồ tây trắng, ca vát cẩn thận. Tôi trả lời qua loa với anh. Không cần nói rõ, anh tôi cũng biết là tôi đang ở trong cảnh đói rét.

Tôi hỏi anh tôi:

- Bây giờ anh đi đâu?

- Anh đi xuống nha bang tá có việc cần. Thầy sai đi.

Anh vừa nói vừa móc túi cho tôi một đồng bạc. Thì giờ ngắn ngủi, xem cách anh tôi vội vàng.

Tôi lau nước mắt và cầm lấy đồng bạc. Lúc ấy

đồng bạc đối với tôi lớn lắm. Với đồng bạc ấy, tôi mua thuốc trừ sốt rét và may một cái quần đùi.

Cơm nước xong, còn dư được sáu hào, gói rất cẩn thận, tôi cứ đi, mà không biết đi đâu. Phố này sang phố khác. Hết đứng lại đi, hết đi lại ngồi. Cứ thế mãi cho đến chiều, tôi rẽ ra đường bờ sông, ngồi trên đường sắt, ngắm sông Chùa Bà, và hít lấy ngọn gió sông. Ngó về phía nhà tôi, cửa đóng kín, tôi đứng dậy đi tới xem có anh tôi không? Cả nhà đi đâu vắng, không một ai. Chỉ thấy anh tôi ngồi ở bàn học, chăm chú đọc sách. Tôi lại gần cửa sổ gọi:

- Anh!

Anh tôi ngó ra thấy tôi, đứng dậy, lấy áo bận rồi cùng tôi đi ra phía đường ray xe lửa. Rẽ qua một cái dốc, anh em tôi đã ở bên một đống gạch dưới bờ sông.

Chúng tôi ngồi chuyện trò vồn vã. Anh tôi hỏi:

- Lâu nay em làm gì?

- Em đi theo hát, cũng đủ ăn, không ra gì nhưng cái nghề hát hay tan gánh, nhiều khi linh đinh khổ cực.

- Em đi theo hát làm gì?

- Em đã hát được, lương bốn hào mỗi đêm và cơm nuôi. Em cũng có sắm được khá áo quần, nhưng rã gánh em bán hết.

- Em ạ, lần sau dẫu thế nào cũng đừng bán, để mà bận em nhé.

- Đói chịu sao nổi, em phải bán.

- Bây giờ em không có đồ bận à?

- Không, em hết rồi, còn cái áo thun rách với cái quần đùi em mới mua đây. Em có một bộ vải đen cũ, nhưng bán rồi, vì không tiền uống thuốc. Em đau sốt rét.

Vẻ mặt anh nhăn nhó, trông thấy tôi thương quá, chắc anh lo cho tôi lắm.

- Anh còn quần áo cũng đủ bận, để anh nhường cho em một bộ đồ vải trắng, một áo thun và một quần đùi nữa.

Tôi sướng quá:

- Em mừng lắm, nếu được quần áo này.

Anh tôi dặn:

- Em hãy để mà bận, đừng bán nữa. Để quần áo của anh lại, tức là em thương anh và nhớ đến anh luôn.

Tôi khóc:

- Em chắc thiệt, nhưng đói khổ, một đôi khi thành mất cả.

Anh tôi buồn rầu bảo tôi:

- Em hãy gắng sống tạm, làm thế nào cho no cái bụng là được lắm. Anh sẽ cố gắng, nếu đỗ đạt thì thế nào anh cũng tìm phương cứu giúp em. Anh thương em nhất trong đời của anh.

- Em sẽ cố gắng nghe theo lời anh dặn.

- Anh cũng khổ lắm em ạ. Anh đi học chỉ ăn một

ít tiền nhà, phải kiếm thêm tiền lấy mà học. Em chớ tưởng rằng anh sung sướng.

Anh thấy cái áo của tôi rách sau lưng, lấy tay kéo lại cho kín. Anh khóc vì thấy tôi là một người hoàn toàn cơ khổ, còn hơn một đứa ăn mày.

- Em ạ, anh buồn lắm, nhất là mỗi khi nghĩ đến má, đến em. Thế em đã về thăm má chưa?

Nghe nhắc đến má, tôi oà lên khóc:

- Em nhớ má lắm nhưng vì quần áo rách rưới, lại đau ốm, về chỉ để cho má thêm đau lòng. Thế anh đã về thăm má chưa?

- Anh đã về thăm bà, thăm má. Má hỏi tin em, nhưng anh không biết em ở đâu. Anh cũng trả lời qua loa cho má bớt buồn. Má thương em lắm, má nhắc em luôn, má sợ nhất là em đói rét.

- Má chúng ta có mạnh khỏe không anh?

- Má cũng mạnh khỏe, bà cũng thế.

- Anh về ở mấy ngày?

- Hai ngày, nhưng bây giờ mỗi lần về thăm bà, thăm má, anh thấy buồn quá, buồn hơn lúc nhỏ hai anh em ta được về thăm bà thăm má.

- Phải đấy anh ạ! Nói gì cái lúc nhỏ, anh em ta khi nào đi đâu cũng đi đôi với nhau, mỗi lần xa nhà bà, xa má, ta lại buồn lo, vì sợ phải về nhà mẹ lớn, phải không anh?

Anh tôi khẽ gật, tôi cũng lặng lẽ nhìn đống gạch bể nát lộn xộn dưới chân đang chờ người ta khiêng

đem đổ... Anh tôi hỏi:

- Để mai nay anh đưa bộ quần áo cho em và cho em một đồng bạc, em hãy về thăm má, cho má mừng.

- Dạ em tính về thăm má, rồi em cũng đi xa, theo người ta lên Kontum làm thợ giặt. Người ta cần em, vì em biết biên ký.

- Ừ được đấy, nếu em có đi, thì khi thăm má xong xuống đây anh sẽ cho em thêm một đồng nữa. Nhưng em phải lo làm ăn, đừng chơi bời em nhé. Nếu đang lúc khổ cực này mà em biết lo, thế là anh thương em.

- Dạ, em nhớ anh lắm, mà viết thư cho anh thì không biết về chỗ nào. Em đành thôi.

- Để hôm nào xuống, anh sẽ bảo. Điều cần nhất là em phải lo đủ ngày hai bữa.

Hai anh em ngồi vơ vẩn một lúc nữa thì trời tối. Anh tôi giật mình:

- Anh phải về đốt đèn sửa soạn ăn cơm.

- Thôi anh về.

- Em coi chừng ra phía sau, anh bảo con Đồng nó đem cơm ra cho ăn.

- Thôi đừng làm thế, rủi mẹ lớn biết mẹ đánh nó tội nghiệp.

- Anh về em nhé, mai chừng mười giờ đến mà lấy đồ.

Anh vuốt đầu tôi. Anh tôi đi về nhà, tôi ngó mãi

theo anh. Anh tôi đã vô nhà rồi, tôi còn đứng trơ trên đường sắt, nói thầm trong miệng:

- Em cũng về, mà về đâu? Em về ở góc phố Gia Long, đường Khải Định, ăn cơm quán chị Đẩu, rồi ngủ ở đống gỗ trước Chùa Bà.

Tôi đi ngang qua nhà, nghe mẹ tôi nói oang oang. Tôi sợ quá, rón rén dòm vào khe cửa sổ.

Một lát sau, anh tôi ôm ra cho tôi bộ đồ trắng, cái áo thun và cái quần đùi. Anh móc ở lưng quần ra đưa cho tôi một đồng bạc, căn dặn tôi phải về thăm má.

Tiếng guốc của mẹ tôi tiến gần cửa sổ, tôi ôm gói áo quần vùng chạy ra phía đường ray xe lửa.

Dưới gốc cây bàng, tôi giắt đồng bạc vào lưng, mặc thử bộ quần áo. Có hơi rộng một chút. Tôi xếp lại, gói vào tờ giấy đem gởi trong quán cơm chị Đẩu.

Hôm nay có tiền, tôi mừng quá mà ăn không biết ngon. Tôi tự nghĩ: Anh mình còn đi học làm gì có tiền mà cho mình đến hai đồng bạc. Anh mình dành dụm để mua sách; vì thấy mình khổ, nên anh mình nhịn mua sắm vở để cho mình chắc.

Tôi cứ luẩn quẩn nghĩ đến anh tôi luôn. Và thương anh lắm. Giá như gia đình tôi yên ổn, thì ngày nay tôi cũng học đã khá rồi.

Nhưng rồi thằng Bằng biết tôi có tiền, nó rủ rê tôi đánh lú. Thế là tôi lại trắng tay, lại ân hận và lại phải nói dối anh tôi.

Sáng hôm sau, tôi đến nói với anh Diệu rằng tôi có việc cần phải đi Kontum gấp, không về thăm má được. Vả lại về lúc bây giờ, thấy tôi đau yếu, má lại buồn thêm. Anh cũng tùy ý tôi, cho tôi thêm một đồng, hai chiếc nem, hai trái chuối, rồi an ủi dỗ dành tôi, phải cố gắng làm ăn, lo nuôi lấy thân. Còn muốn gửi thư thì nhờ anh Trình gửi hộ. Tôi buồn bã từ giã anh tôi, ra ngồi dưới gốc cây bàng trước chùa Bà, tôi bóc nem, chuối ra ăn. Nghĩ đến anh và má, tôi chỉ là một kẻ đáng chết. Tôi phỉnh phờ dối trá anh tôi, tôi là một kẻ có tội chỉ vì ham mê cờ bạc.

*

* *

Anh tôi đi Hà Nội học, tôi không biết, chỉ nghe thằng Thương mách lại. Thế là tôi lại phải xa anh tôi.

Tôi sống theo những đứa trẻ hoang đãng, trà trộn với anh em kéo xe.

Tôi gặp lại thằng Bằng, nó gọi tôi hỏi chuyện. Tôi không bằng lòng, vì nó làm cho tôi phải chịu khổ sở, vì tôi nghe lời nó đánh bạc để đến nỗi không được về thăm má tôi, và không được gần anh tôi.

Nó đến gần tôi, và móc ra một cái ná cao su rất đẹp.

- Sanh! Tao mới mua cái nạng cao su này, bảy

xu để đi bắn chim.

- Kệ mày, tao không biết!

- Mày làm bộ lắm, chắc bây giờ mày ngon rồi phải không? Mày không nhớ hồi trước, tao cho mày ngủ nhờ với tao một chiếu, bây giờ mày làm phách.

- Không, không làm phách gì hết, tao không biết bắn ná.

Tôi vừa nói vừa bỏ đi. Thằng Bằng theo tôi và nói:

- Thấy mày tội, tao thương. Chắc mày chưa ăn cơm, đi ăn với tao rồi tối ngủ với tao, sáng mai đi bắn chim với tao, bắn được bao nhiêu lấy tiền chia hai.

Nghe Bằng nói, tôi cảm động quá. Tôi tự nghĩ: Bây giờ cô độc một mình, tôi cần phải làm bạn với nó. Nó có bụng tốt với mình thật. Tại mình ham tiền mới đánh bạc. Nếu nó cứ rủ mà mình không đánh thì nó làm gì? Tôi bỗng cười lạt:

- Ừ, tao theo mày. Từ nay tao với mày sẽ là bạn thân.

Nghe tôi nói, nó móc túi đưa cho tôi một hào hai, bảo tôi cất đi để cùng đi ăn cơm. Tôi giơ tay cầm lấy. Bằng nói:

- Tao với mày từ nay sẽ giúp đỡ lẫn nhau. Mày vác khèo nèo đi theo tao, tao xách ná sớm mai đi bắn chim, trưa khèo keo để bán. Hai đứa mình lấy hai món này nuôi sống, no đủ lắm.

(...)

Ở NHÀ THƯƠNG THÍ[1]

Người nằm bên cạnh thấy tôi không có ai tới thăm nom, cũng biết rằng tôi cô độc một mình. Thấy tôi nằm, trân trân đôi mắt, người ấy hỏi:

- Em đau thế mà không cơm cháo gì à? Phải gượng ăn thì mới mạnh được chớ!

Gần một tuần lễ không ai hỏi han thăm viếng gì, trừ thầy khán hộ hỏi bệnh và chích thuốc. Tôi nằm đờ trên giường, miệng không hề nhếch mép. Thấy người ấy hỏi, tôi gắng ngồi dậy, nói chuyện cho đỡ buồn.

- Thưa ông, cháu đắng miệng lắm, ngậm cơm vào nuốt không xuống.

Người ấy lại hỏi:

- Em không có cha mẹ bà con gì sao?

Tôi lắc đầu chán nản:

- Cháu không có ai hết, cháu một mình!

Xúc động quá, tôi không nói được nữa, đôi dòng lệ từ từ chảy trên đôi má sâu hoắm dơ bẩn.

Người ấy an ủi tôi:

- Khóc mà làm gì. Ở đời này trời sanh sao chịu vậy. Tôi ở tận Phù Mỹ, cha mẹ mất sớm, ở với chú,

1. Trích chương *Tôi kéo xe*. Đầu đề đoạn này do chúng tôi đặt.

chú dạy làm nghề thợ mộc cũng đủ sống, không vợ con gì. Thỉnh thoảng chỉ có chú tôi vô thăm thôi.

- Ông còn có người thăm viếng, lỡ có xảy ra việc chẳng lành còn có người nhận lãnh, còn cháu chả có ai...

Bao nhiêu nỗi khổ trong lòng như muốn trút ra kể hết cho người ấy nghe, nhưng tôi cố quên, nhắc lại càng đau đớn lắm. Tôi nói tiếp:

- Cháu khổ lắm, chết sống tự trời, nhưng cháu chỉ sợ nếu cháu chết, họ vứt vào nhà xác, rồi họ làm thế nào ông nhỉ?

Người ấy trợn đôi mắt vàng úa, hé đôi môi lợt lạt nhếch mép cười, một cái cười buồn rầu thảm hại:

- Nghĩ làm quái gì cái điều ấy. Em chỉ nghĩ làm sao cho mau mạnh, chớ ở nhà thương này không phải một mình em thôi đâu! Hàng trăm, hàng ngàn người cùng số phận như em... Như chúng mình, họ bó chiếu đem chôn.

Nghe những câu ghê rợn, tôi không sợ cho mảnh linh hồn tôi lạc hướng, phần xác tôi lăn lóc cực nhọc, bị họ giày vò, tôi chỉ sợ sau này má tôi và anh Diệu tôi không tìm thấy dấu tích tôi để đến viếng thăm. Tôi lại khóc.

Người ấy lại nói:

- Sự vong như sự tồn, chết sống gì cũng vậy, nghĩ làm quái gì! À, trưa nay em có ăn cơm không?

- Cháu không ăn được.

- Thế em không ăn được, để thưa thầy khán hộ cho nấu cháo nhé?

- Dạ cám ơn ông.

Có tiếng giày nện mạnh phía sau nhà gác, lại nghe giọng nói tiếng Pháp, chắc là có đốc tờ Tây đến, tôi nằm xuống kéo chăn lên đắp. Cả phòng thuốc thí im lìm không một tiếng động, thỉnh thoảng có tiếng ho và tiếng khạc nhổ.

Mấy hôm sau, tôi đã bớt rét, nhưng trong mình còn mệt lắm. Ngồi trên giường bệnh, tôi trông những con bệnh xung quanh có vẻ tồi tàn, ngơ ngác, nhưng họ vẫn còn hơn tôi nhiều. Tôi thèm ăn lắm, nhất là đồ chua và đồ ngọt. Mỗi một hàng quà, hàng cháo đi ngang qua cửa sổ, tiếng rao lanh lảnh, tôi lại nuốt nước bọt, mơ màng đến những thức ăn ngon. Ngó thân hình tôi thật là tệ, cái quần đùi vá đã rạn, dơ nhớp, cái áo đen hoen bụi bặm trắng phau; mình gầy, vóc võ, ghét bám đầy. Những lúc ngồi nghĩ vơ vẩn tôi lại lấy tay cào đất ở cổ, ở lưng.

Thấy ông nằm bên cạnh đương lúi húi viết thư, tôi sực nhớ đến anh tôi, tôi muốn viết một bức thư cho anh tôi để xin tiền, và nói rõ hoàn cảnh của tôi hiện giờ cho anh tôi biết. Nhưng không có bút mực, không tiền mua tem, tôi lấy gì mà viết, lấy tem đâu mà dán vào bao thư? Hay là xin ông này một tờ giấy, còn không có tem tôi cứ bỏ thơ phạt cũng

được.

Ngồi đợi ông ấy viết xong, thấy còn dư hai tờ giấy, mừng lắm, tôi lễ phép thưa:

- Thưa ông, cho cháu xin một miếng giấy viết thư.

- Đây này, em cứ lấy mà viết.

- Ông cho cháu mượn luôn cây viết và bình mực.

Ông ấy trao cho tôi hai tờ giấy và bút, mực. Tôi viết một tờ, còn một tờ làm bao thơ. Đã lâu lắm, gần ba năm rồi anh tôi không biết tôi đi đâu, ở đâu và làm gì, được thư tôi chắc anh mừng lắm.

Tay tôi run, viết không được, vì đã lâu lắm tôi không hề cầm bút. Viết được vài câu đầu, cảm động quá, tôi giơ tay lên lau nước mắt. Bây giờ thì nước mắt tôi nhiều quá, rớt xuống giấy nhoen cả chữ, tôi không ngăn nổi những dòng lệ thương tâm ấy, cứ mặc cho nó tuôn ra. Tôi viết rất nhiều, kể nỗi khổ của tôi cho anh biết hiện giờ tôi đang đau nặng, nằm nhà thương thí, mong anh tưởng đoái cho tôi xin vài đồng bạc nuôi sống trong những ngày đau ốm. Sau cùng, tôi nói cho anh rõ muốn cho tôi tiền hãy gởi về cho anh Cầu, người trong họ, hiện đang làm nhà băng Nông Phố. Viết xong, tôi làm bì thư bỏ vào, lấy cơm dán cẩn thận. Chết nỗi, tôi không biết đề bì thì làm thế nào. Tôi nhớ anh tôi là một người trong nhóm *Tự lực văn đoàn,* tôi đi hỏi ông nằm bên cạnh:

- Thưa ông, ông có biết tòa soạn báo *Ngày nay* ở Hà Nội nằm ở con đường nào không ạ?

Ông nằm cạnh tôi nghĩ ngợi rồi đáp:

- Không, tôi không đọc báo, thành ra không biết.

Tôi bước ra nhà giấy để hỏi thăm thầy khán hộ. Tôi lấp ló không dám vào. Thầy khán hộ đang xem một cuốn sách Tây to tướng. Thấy có bóng lấp ló ở ngoài cửa, thầy trông ra hỏi:

- Mày muốn gì?

Tôi bước vào, vòng tay, cúi đầu lễ phép thưa:

- Thưa thầy, thầy có biết tòa soạn báo *Ngày nay* ở đường nào, chỉ giúp cho con.

- Mày hỏi tòa soạn *Ngày nay* làm gì?

- Thưa thầy con có việc cần muốn viết thư cho một nhà văn ở tòa soạn.

Thầy đặt quyển sách xuống bàn, dịu dàng hỏi:

- Anh viết văn à?

- Dạ không, con có nhờ người ta chút việc cần.

Thầy suy nghĩ, rồi nói:

- Tòa soạn *Ngày nay* ở 80 đường Quan Thánh, Hà Nội.

Tôi lẩm bẩm:

- 80 đường Quan Thánh... Dạ, con cám ơn thầy.

Thầy khán hộ khẽ gật, ngó đăm đăm vào tôi.

Đề chỗ ở của anh tôi rồi, tôi không muốn bỏ ở thùng thư nhà thương. Muốn chắc hơn, tôi mang ra tận nhà dây thép.

thấy?

- Tôi nằm nhà thương thí và ra ngoài đã năm hôm.

- Anh lành bệnh rồi chứ ?

- Tôi hết rét rồi, còn mệt lắm. Hiện nay tôi còn đi xin thuốc bổ hàng ngày.

Anh Cầu ngắm thân hình tôi, nói:

- Anh gầy lắm. Anh Diệu có gởi cho anh năm đồng bạc và một bức thư nhờ tôi đưa hộ cho anh.

Tôi mừng rú lên:

- Anh đưa cho thư tôi xem thử nào!

Anh Cầu đi vào lấy tiền và thư ra:

- Anh Diệu bảo tôi đưa cho anh dần dần, kẻo đưa một lần anh tiêu hết.

- Không sao đâu anh ạ! Tôi sẽ tìm cách tiêu lần hồi. Tôi còn phải mua thuốc mà uống nữa.

Ngẫm nghĩ, anh Cầu tiếp:

- Tôi cũng muốn đưa hết cho anh, nhưng sợ anh đem đánh bạc hết thì hỏng. Anh Diệu còn dặn may cho anh một bộ đồ vải đen cho chắc để anh mặc.

- Được tôi sẽ may. Anh cứ giao tiền cả cho tôi.

- Tôi cũng giao cả cho anh, nhưng anh hãy liệu mà tiêu nhé! Từ nay anh có muốn gửi thư hãy đưa cho tôi gửi cho, đừng bỏ thư phạt nữa.

- Cám ơn anh, nếu cần gửi, tôi sẽ nhờ anh.

Chào anh Cầu, tôi nhét năm đồng bạc vào lưng quần, bóc thư ra xem. Vừa đi tôi vừa đọc.

"Ha noi, le 16 Août 1938

Em Sanh!

Được thư em, anh khóc. Anh chỉ trách rằng làm anh mà không biết giúp em giúp má. Nhưng trời đã cho anh sẵn cái tài, cái tài thi sĩ, bởi thế anh lơ lãng về bên thực tế, hóa ra không kiếm được tiền. Bây giờ anh sẽ tạm bỏ thơ, bỏ văn để lo chuyện kiếm tiền mà giúp em, giúp má. Anh cũng thường nghĩ đến em, đến má. Chiêm bao thấy em luôn, nhưng anh không biết làm thế nào cứu giúp em.

Sanh yêu quý của anh! Anh yêu em nhất đời của anh. Không bao giờ anh quên em được. Nhờ trời anh có việc làm, anh sẽ hết lòng cứu giúp em. Hiện giờ anh khuyên em hãy lo làm ăn, đừng ham chơi bời lêu lổng, em ạ.

Anh cũng khổ lắm, không sung sướng gì. Đã lâu nay anh không ăn tiền nhà, phải kiếm lấy tiền mà học. Giữa tháng anh không có tiền, được tin em đau nặng, anh phải mượn bạn năm đồng gửi cho em. Anh Cầu sẽ đưa cho em làm hai lần, và em sẽ may một bộ đồ vải đen cho chắc mà mặc em nhé! Sau khi lành mạnh, em hãy gắng mà ăn làm, nếu em nghe theo lời anh tức là em thương anh lắm đó.

Nhận được tiền, em nhớ gửi thư, kẻo anh trông. Đưa anh Cầu gửi hộ.

Anh của em,

Xuân Diệu

T.B. Độ trước anh có gửi đồ lên Bellevue cho em, nhưng hay tin em đã bỏ Bellevue, anh lại thôi."

Xem xong thư của anh, tôi ngồi bên vệ đường bưng mặt khóc nức nở. Cái thư làm tôi cảm động quá chừng, đọc qua một lần tôi thuộc hết.

Cầm năm đồng bạc ở tay, tôi đứng dậy vừa đi vừa lau nước mắt. Có bà đi chợ về thấy thế, nói với một bà khác:

- Thằng nhỏ làm gì mà cầm bạc vừa đi vừa khóc.

BẾN XE KÉO SỐ LẺ

- Sanh, làm sao mà khóc thế em.

Anh San vừa hỏi vừa đưa cho tôi nửa ổ bánh mì. Tôi cầm lấy rồi nói:

- Em vừa được thư của anh em, anh của em có gửi cho em năm đồng bạc, em may bộ đồ hết hai đồng, còn ba đồng em đánh bài thua hết.

- Khóc mà làm quái gì. Hết tiền thì đi kéo xe sẽ có. Em đã mạnh rồi, thì từ nay cứ đi kéo xe.

- Thế họ còn hỏi giấy nữa không, anh?

- Hỏi làm gì cái ấy, đã đến mùa thuế đâu mà họ hỏi.

Tôi nhếch mép cười, chua xót:

- Thế thì được, sao em buồn quá anh San ạ. Anh đi chơi đâu dẫn em đi với.

Anh San móc túi lấy ra đồng xu năm đưa cho tôi, nói:

- Cầm cái này mà đi ăn cơm, đến chiều tới đây, tao dẫn đi vô nhà ông đội Bốn coi đá gà.

- Cám ơn anh, đá gà họ có cá tiền chứ anh nhỉ?

- Có chứ, lớn lắm, ăn thua tới bạc trăm.

Anh San đi rồi, tôi lủi thủi một mình, bụng cứ nghĩ đến số bạc ba đồng của anh tôi gửi cho. Tôi ăn miếng bánh mì không thấy ngon, tôi chỉ trách tôi là một thằng khốn nạn, dại khờ ham mê bài bạc. Không có tiền để ăn cho no chứ thua thì từ ấy đến nay tôi thua nhiều lắm, có tới hơn ba chục bạc, lúc một đồng, lúc ba hào, năm hào. Hôm nay là bữa thua nhiều nhất. Thò tay vào túi, chạm phải bức thư của anh tôi tôi lại nhớ đến câu anh tôi khuyên nhủ: "Em gắng lo làm ăn, ấy là em thương anh lắm đó". Nước mắt tôi cứ tuôn ra, tôi muốn đem tôi ra mà hành hình, tôi quả là một kẻ vứt đi; đau ốm, được từng ấy tiền lại đem nướng vào sòng bài, đám bạc.

Ngắm bộ đồ mới của tôi, tôi nhất định thế nào cũng phải để mà mặc. Bộ đồ này là kỷ niệm của anh tôi, tôi sẽ gần anh tôi luôn, nếu bộ đồ này luôn luôn ở sát trong mình tôi. Tôi vơ vẩn nghĩ suy, lòng hồi hộp buồn rầu, đồng xu năm rớt xuống đất, tôi cúi xuống nhặt lên bỏ vào túi.

1941 - 1942

TẾ HANH

KỶ NIỆM XA - KỶ NIỆM GẦN

Năm 1937, tôi đang học năm thứ nhất thành chung trường Quốc học Huế. Và nghe nói trong những học sinh miền Trung ở Hà Nội đưa về học ban tú tài có Xuân Diệu lúc ấy đã là học sinh khoa triết của trường.

Tôi đang ở cái tuổi mười lăm, mười sáu mê thơ, nhất là say sưa Thơ mới trong đó có thơ Xuân Diệu đăng trên các báo ở Hà Nội lúc bấy giờ.

Nhưng không hiểu vì sao tôi chưa trực diện thấy Xuân Diệu bao giờ. Một phần vì tính tôi rụt rè lại mới vào học có mấy tháng, từ quê ra còn bỡ ngỡ. Một phần vì chúng tôi cách nhau đến sáu lớp. Tôi là học sinh năm đầu của trường, mà Xuân Diệu là học sinh năm cuối. Tôi cho anh là bậc đàn anh rất xa với lứa tuổi mình.

May sao tháng 2-1937 có cuộc biểu tình của học sinh ở Huế bãi khóa đi đón Gôđa, một người của Đảng xã hội Pháp qua xem tình hình Đông Dương. Tôi không nhớ rõ ngày nào chỉ nhớ hôm ấy học sinh bỏ học đi biểu tình qua các đường phố. Bọn chúng tôi đi từng nhóm theo từng lớp từng trường. Sau

này tôi mới biết anh Tố Hữu là một trong những người lãnh đạo trường tôi.

Chợt tôi nghe anh bạn bên cạnh chỉ một học sinh lớn vừa đi qua, bạn ấy nói đó là nhà thơ Xuân Diệu. Anh ở trong nhóm những người phụ trách các lớp. Tôi bàng hoàng; bấy lâu yêu thơ anh nhưng tôi chưa được thấy anh bao giờ nên không ngờ anh đẹp thế, lúc ấy anh vừa tròn hai mươi tuổi. Chờ mãi không thấy Gôđa đâu, tôi ngồi lặng im trên bờ đường nhẩm làm một bài thơ trữ tình chịu ảnh hưởng của thơ Xuân Diệu lúc bấy giờ. Về lớp các bạn khen tôi và chúng tôi rủ nhau làm một tờ báo trong lớp, tôi giữ mục thơ. Đó là bài thơ đầu tiên của tôi. Nếu đọc thơ Thế Lữ tôi bắt đầu yêu thơ, năm 1935, thì tháng 2 năm 1937 khi được thấy Xuân Diệu tôi làm bài thơ đầu tiên của tôi.

Năm 1985, ngày 29-10-1985 tôi đến thăm anh Xuân Diệu tại phòng làm việc của anh. Chúng tôi trao đổi với nhau về việc tặng thưởng của Hội đồng dịch thuật trong bốn năm 1981-1984 và bàn về Ban sơ khảo của Hội đồng thơ cho tặng thưởng 1984. Tôi ra về thấy còn sớm nên đến câu lạc bộ Ba Đình để tắm. Khi trở về nhà thì bị tai nạn xe đạp, sau đó tôi phải vào nằm bệnh viện. Hai hôm sau, chủ nhật ngày 3-11, vợ tôi vào và nói, anh Xuân Diệu có đến nhà thăm và gửi cho cam anh còn dặn là phải ăn quả chín trước còn quả xanh sau. Cùng với cam của

anh Tô Hoài đó là quà đầu tiên của các bạn cho tôi khi bị ốm. Đến ngày 11-11, anh Xuân Diệu lại đến thăm tôi ở bệnh viện cùng anh Huy Cận. Xuân Diệu lại bàn với tôi về thành phần của Ban sơ khảo của Hội đồng thơ.

Tôi ra viện được mấy ngày thì ngày 6-12 anh Xuân Diệu lại đến nhà tôi thăm lần nữa và cũng bàn với tôi về công việc của Hội đồng thơ.

Bỗng ngày thứ bảy 14-12, tôi nghe nói anh đau tim và phải vào bệnh viện. Hôm sau chủ nhật 15-12 lúc 9 giờ tôi vào thăm anh ở phòng cấp cứu của bệnh viện Việt Xô, anh nằm im trên giường bệnh nhưng rất tỉnh táo. Anh nói thấy choáng váng và vào bệnh viện kịp thời. Chúng tôi nói chuyện với nhau về tình hình đất nước và tình hình của Hội Nhà văn ta. Anh hỏi người ta đã làm tuyển tập cho Tế Hanh chưa? Tôi nói tôi đã nộp bản thảo rồi chắc là sẽ ra sau tuyển tập của Chế Lan Viên và Huy Cận. Anh nói phải làm đi không thì nhiều khi ra đi mà không thấy tuyển tập của mình như Nguyên Hồng. Anh ứa nước mắt và tôi cũng khóc. Cháu Hà, con dâu anh Huy Cận vào, và tôi nắm tay anh xin về.

Đó là cuộc gặp mặt cuối cùng của tôi với anh Xuân Diệu. Kể từ cuộc gặp đầu tiên tháng 2-1937 đến cuộc gặp cuối cùng này, vừa đúng 48 năm 10 tháng.

TẾ HANH

THƠ XUÂN DIỆU VÀ ÂM NHẠC

Thơ ca và âm nhạc là hai bộ môn nghệ thuật rất gần nhau nhưng cũng rất khác nhau. Thơ ca sử dụng ngôn ngữ để diễn tả tâm tình. Âm nhạc sử dụng âm thanh để nói lên cảm xúc. Làm một câu thơ để tả một điệu hát hay một tiếng nhạc không phải là dễ.

Xưa nay ta đã biết những nhà thơ có tài dùng thơ để tả nhạc. Như nhà thơ Bạch Cư Dị đời Đường Trung Quốc trong bài thơ *Tì Bà hành* khi tả tiếng đàn Tì Bà của người Kỹ nữ.

Dây to dường đổ mưa rào,
Nỉ non dây nhỏ tựa chiều chuyện riêng.

Thi hào Nguyễn Du của Việt Nam đã tỏ tài năng của mình khi tả Kiều đánh đàn:

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.

Trong những nhà thơ Việt Nam hiện đại thì Xuân Diệu là người có nhiều thành công nhất trong việc dùng thơ để tả nhạc. Rõ ràng hơn cả là trong ba bài thơ sau đây: *Nhị hồ, Nguyệt cầm, Huyền diệu*.

Trong bài *Nhị hồ* in trong tập *Thơ thơ* xuất bản

năm 1938, Xuân Diệu đã làm cho chúng ta say mê khi nghe tiếng đàn dẫn ta vào thế giới của âm thanh, nhất là trong thời gian xa xưa với những sự tích của Á đông đã đi vào huyền thoại:

Điệu ngả sang bài Mạnh Lệ Quân
Thu gồm xa vắng tự muôn đời
Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

Tiếng đàn thầm dịu dẫn tôi đi
Qua những sân cung rộng hải hồ
Có phải A Phòng hay Cô Tô
- Lá liễu dài như một nét mi.

Nếu bài *Nhị hồ* dẫn ta đi vào sự diệu kỳ của thời gian xa vắng, thì bài *Nguyệt cầm* in trong tập *Gửi hương cho gió* xuất bản năm 1944 lại đem đến cho ta những cảm giác diệu kỳ mới mẻ nhất là về không gian:

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương trăng nhớ, hỡi trăng ngần.
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

Bài *Nguyệt cầm* làm cho ta dễ nhớ và nhớ lâu hơn bài *Nhị hồ* vì Xuân Diệu không dùng những điển tích mà những người không biết thì sẽ thấy bớt thú vị. Trái lại Xuân Diệu nhấn mạnh vào những cảm xúc của thiên nhiên, nhưng nâng lên

thành hư ảo:

Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh
Lung linh bóng sáng bỗng rung mình...
...
Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê,
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề.

Bài thơ *Huyền diệu* viết trước hai bài thơ *Nhị hồ* và *Nguyệt cầm*. Bài *Huyền diệu* không nổi tiếng bằng hai bài kia nhưng đã cho ta thấy dụng ý của tác giả về nghệ thuật nhất là khuynh hướng của trường phái tượng trưng. Bài thơ lấy tiêu đề một câu thơ của nhà thơ Pháp nổi tiếng Bôđờle (Baudelaire) thế kỷ XIX.

Những mùi hương, những màu sắc, những âm thanh xướng họa với nhau. Bài *Huyền diệu* mở đầu:

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm,
Say người như rượu tối tân hôn.

Ở đây trong nhạc có mùi thơm, có vị rượu. Nhà thơ đã tả âm thanh bằng những cảm giác khác, anh đưa khứu giác, vị giác vào thính giác.

Đến đoạn thơ thứ hai:

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường,
Dẫn vào thế giới của Du dương.

Ở đây nhà thơ cho bản nhạc có màu hường, anh đưa thị giác vào thính giác.

Đến đoạn cuối là đoạn hay nhất của bài thơ, Xuân Diệu đưa giác quan thứ năm là xúc giác và

âm nhạc vào:

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im,
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim.
Còn cứ run hoài, như chiếc lá,
Sau khi trận gió đã im lìm.

Viết năm 1992
Viết lại năm 1995

THANH TỊNH

ANH XUÂN DIỆU THÂN YÊU

Đã gọi là bạn cũ lâu năm thì những lúc trò chuyện, tâm sự với nhau chắc chắn không phải chỉ một vài lần. Tuy nhiên cũng do thời gian hay hoàn cảnh đặc biệt nào đó mà những buổi gặp nhau trở thành những kỷ niệm khó quên. Có thể nói tôi quen biết anh Xuân Diệu tại Huế trước đây vừa tròn nửa thế kỷ, nghĩa là từ năm 1936. Ngày ấy tôi làm việc tại "Hội những người bạn yêu Huế cổ". Và kết hợp làm thêm trong ngành hướng dẫn khách du lịch. Tôi đã viết được một ít truyện ngắn và vài bài thơ. Những bài này lại được đăng trên vài tờ báo ở Hà Nội. Có một điều đáng nói là nhiều bài đăng trên báo địa phương lại ít người để ý. Anh Xuân Diệu đã tìm đến gặp tôi ngay tại nơi tôi làm việc. Ngày ấy tôi hay e thẹn mà anh Xuân Diệu cũng khá rụt rè. Chúng tôi không nói gì nhiều đến văn thơ mà nói về di tích này, phong cảnh khác nên thơ của Huế. Sau đó anh nhờ tôi đưa anh Huy Cận và anh đi xem lăng tẩm. Chúng tôi xuống đò ngang qua sông Hương phía thượng nguồn để đến lăng Minh Mạng. Con thuyền lướt nhẹ trên dòng nước

trong xanh, dịu dàng, êm ả. Anh Huy Cận tự nhiên đưa một ngón tay xuống sông rẽ nước rồi đọc:

Thiếp tâm chính tự tràng giang thủy,
Trú dạ tùy lang đáo Phúc Châu.

Đoạn anh đọc tiếp lời dịch:

Lòng em như nước Trường Giang ấy,
Sớm tối theo chàng đến Phúc Châu.

Tôi giới thiệu một câu hò của vùng phá Tam Giang cũng nói lên ý ấy:

Anh ngồi trên chiếc thuyền ngãi,
Em đứng trên bãi cát tình.
Thuyền đi cát cũng rung rinh,
Lòng em tư lự bập bềnh trôi theo.

Anh Xuân Diệu, đôi mắt lim dim như suy nghĩ rồi nói chậm chạp: - "Thuyền đi cát cũng rung rinh" thì hay thật. Tuy nhiên ý chung nhưng phong thái lại riêng. Một đằng là lời của người quý phái sống trong khuê các. Một bên là tiếng nói hồn nhiên, chất phác đậm đà của lớp người sống giữa trời sông...

Nhớ lại càng rõ anh Xuân Diệu yêu thơ, say thơ, tìm hiểu đủ các cạnh khía, ngóc ngách của thơ không phải khi đã sống nhiều, đi nhiều mà đã lộ ra khá rõ nét từ buổi đầu, từ lúc tuổi đời chưa đến hai mươi.

*
* *

Giữa năm 1949 trong chiến dịch biên giới, tôi được anh Nguyễn Đình Thi giao phụ trách tổ văn nghệ gồm anh Văn Giáo họa sĩ, anh Nguyễn Đắc điện ảnh và anh Chính Yên nhà báo. Chúng tôi đang ở Văn Mịch bên sông Kỳ Cùng chuẩn bị lên đường tìm trung đoàn 174 Cao Bắc Lạng. Mấy ngày liền nước sông dâng lên cao. Thêm nữa bom đạn của giặc trút xuống vùng này từ sáng đến chiều. Ủy ban xã liền đưa chúng tôi vào lánh trong một cái hang vừa rộng vừa sâu. Mọi đường tiếp tế lương thực đều bị cắt đứt. Ngày ngày chỉ biết ăn khoai và bí, ngô của đồng bào đem đến cho. Sự thật bí và ngô cũng có hạn nên chúng tôi thường bữa đói bữa no. Nhưng chúng tôi thèm nhất là chất mặn. Vì vùng này cũng như nhiều vùng núi rừng khác ở Việt Bắc, Tây Bắc, muối vốn rất hiếm.

Vào một buổi trưa, một em bé người dân tộc đưa vào hang thêm ba người nữa. Chúng tôi mừng quá, vì trong số ba người mới đến có anh Xuân Diệu.

Anh Nguyễn Đắc vui vẻ nói:

- Thế là tối nay chúng ta được nghe lời thơ mặn mà của anh Xuân Diệu. Như thế cũng đỡ nhớ muối.

Anh Xuân Diệu cười nói:

- Lời mặn mà đến đâu cũng không thể thay muối được. Thay chất mặn chỉ có...

Anh Chính Yên nói chen:

- Chỉ có nước mắt à?

Anh Xuân Diệu lắc đầu:

- Không phải, chỉ có muối.

Nói xong anh mở ba lô lấy ra một gói muối chừng mấy lạng biếu anh em. Anh còn biếu thêm mấy hộp diêm nữa. Thú thật chưa lúc nào tôi thấy món quà tặng đơn sơ nhưng lại quý đến thế.

Càng hiểu thêm anh Xuân Diệu không chỉ mơ ước, thơ mộng khi làm thơ mà trong mọi mặt sinh hoạt của cuộc sống, anh đều tính toán, lo xa từ việc lớn đến việc nhỏ khá chu đáo.

*

* *

Giữa mùa hè năm 1950, tôi đang ngồi nghỉ chân trong một quán nhỏ ở Văn Lãng bên này Đèo Khế thì thấy anh Xuân Diệu đột ngột bước vào. Tôi hỏi anh có cùng đi với ai không? Anh cười nói: "*Một mình luôn luôn một mình*". Tôi mời anh đến ngồi cùng bàn với tôi. Uống xong cốc nước chè đường, anh hỏi tôi có cùng về xóm Chồi không thì đi cùng cho vui. Xóm Chồi, dưới chân núi Tam Đảo ngày ấy là trụ sở của Hội Văn nghệ Việt Nam. Tôi cho anh biết tôi đang trên đường về đất quê hương Bình Trị Thiên. Anh Xuân Diệu nhìn tôi ái ngại:

- Đi xa thế à? Từ Đèo Khế vào Đèo Ngang kia à? Bao giờ mới lại gặp nhau?

Câu hỏi tâm tình ấy tự nhiên gieo vào lòng tôi nỗi bồi hồi xao xuyến khó tả. Để tránh yên lặng, tôi đã đáp lại một câu sáo:

- Chỉ có núi mới không gặp nhau.

Anh Xuân Diệu lẳng lặng mở ba lô lấy ra một túi nhỏ bằng vải xanh. Anh lại lấy từ trong túi vải xanh này ra một lọ thuốc viên. Anh trút ra mấy chục viên thuốc trên tờ giấy trắng đoạn gói lại cẩn thận rồi trao tôi:

- Thuốc kiết loại tốt đấy. Ăn uống lúc này dễ bị bệnh lỵ lắm. Giữ lấy mà dùng khi cần.

Anh lại lấy ra từ một túi con khác một cái nắp bút Paker rồi cười nói.

- Nắp bút này mình nhặt được giữa sân đồn giặc đã thành tro ở trung du. Cũng không biết dùng làm gì. Đem theo thì bận, vứt thì tiếc. Nhưng nắp bút này ai thiếu cũng trở thành quý lắm đấy. Anh cứ giữ cho vui để nhớ nhau.

Từ đó tôi đã đem theo cái nắp bút này qua bao nhiêu chặng đường của đất nước. Cho đến hôm nay, 35 năm đã qua, chiếc nắp bút ấy vẫn còn trên bàn, trước mặt tôi và mỗi lần nhìn đến lại nổi bật trong lòng tôi hình ảnh dịu hiền anh Xuân Diệu với rừng núi trập trùng Đèo Khế, Đèo Ngang.

Xuân 1986

TÔ HOÀI

NHỚ LẠI MỘT KỶ NIỆM

Mùa hè năm 1951, anh Xuân Diệu và tôi đi xuống vùng nam Phú Thọ. Chúng tôi đi tham gia công tác thuế công thương nghiệp. Trực tiếp làm công tác quần chúng, tác phong ấy đã thành nền nếp của anh chị em văn nghệ sĩ trong kháng chiến. Ban ngày đến một nơi; tối lại đi nơi khác, để phòng địch ở Việt Trì đột kích ra. Dẫu trong hoàn cảnh khẩn trương thế, nhưng bao giờ anh Xuân Diệu cũng tìm cơ hội nói chuyện thơ, bình thơ với cán bộ với đồng bào.

Đây cũng lại là thói quen rất riêng, rất quý của anh, bao nhiêu năm vẫn vậy. Năm kia, ở Quảng Nam - Đà Nẵng, khi chúng tôi lên huyện Giàng, sáng sớm qua Đại Lộc, thấy anh Xuân Diệu ngồi rửa mặt, hỏi hôm nay đi đâu, anh nói đi nói chuyện thơ với giáo viên toàn huyện.

Lần đi Việt Trì này, anh Xuân Diệu kể cho tôi nghe vừa qua anh có dịp thăm bộ đội biên giới, anh được đọc nhiều bài thơ bích báo của bộ đội và anh đã công phu chép vào sổ tay cho tôi một số bài thơ bích báo ấy. Hơn một năm qua, anh chỉ đi nói

chuyện và đọc những bài thơ bích báo, trong đó có *Bài thơ "Liên Khình"* - thật ra, bài thơ không có tên, anh đặt là *Bài thơ "Liên Khình"* cho dễ gọi mà thôi.

Liên và Khình là hai chiến sĩ ta trong một đơn vị bộ đội đóng trên núi Phia Khình. Trong một trận đánh đồn địch, cả hai chiến sĩ đều hy sinh và đã được đưa về chôn trên núi ấy. Anh em trong đơn vị nhớ đồng chí Liên và đồng chí Khình đã cùng nhau làm bài thơ ấy rồi dán lên liếp bích báo đại đội.

Nhiều năm sau, vào thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, anh Xuân Diệu và tôi có lần cùng nhau đi nói chuyện văn học ở trường Đại học Sư phạm Vinh, hồi ấy sơ tán lên huyện Thạch Thành (Thanh Hóa). Anh Xuân Diệu đã giảng nhiều buổi, trong đó lại có buổi nói với học sinh về những bài thơ bích báo bộ đội với *Bài thơ "Liên Khình"*.

Rồi lại nhiều năm nữa, năm 1978, anh em chúng tôi được dịp sang thăm nước Cộng hòa nhân dân Lào. Anh Xuân Diệu nói chuyện ở hội trường Bộ Văn hóa với các đồng chí cán bộ văn hóa Lào, anh kể chuyện *Bài thơ "Liên Khình"*. Lên Luang Phabăng, anh cũng nói về thơ chiến sĩ, thơ bộ đội...

Có lẽ tôi là một người bạn có duyên nghe nhiều lần *Bài thơ "Liên Khình"*. Anh cắt nghĩa như giải thích cho tôi:

Bài thơ ấy là hình ảnh tinh thần chiến đấu,

tình đồng chí đồng đội của người chiến sĩ Việt Nam, là hình ảnh những đức tính và lòng dũng cảm kiên cường của con người Việt Nam. Những sự việc lớn lao như thế nói lúc nào cũng là mới, là hiện đại, cũng như chủ nghĩa Mác, cũng như tình yêu, lúc nào cũng là mới. Cậu có đồng ý với mình thế không?

Tôi xin chép lại nguyên văn *Bài thơ "Liên Khình"* mà anh Xuân Diệu đã chép vào sổ tay của tôi năm ấy.

Liên, Khình
Trên Phia Khinh
Hay chăng có nhớ chút tình chúng tao
Cùng cầm súng, cùng cầm dao
Cùng ăn cơm nắm, cùng vào đồn Tây
Cớ sao hôm nay vắng mặt chúng mày
Để súng ai vác, để dây ai chuyền
Chúng tao lắm lúc cũng quên
Nhưng khi nhớ đến lại thương Liên, Khình
Chúng tao đã biểu đồng tình
Phia Khinh xóa bỏ, Liên Khình là tên.

TÔ HOÀI

CÁT BỤI CHÂN AI(*)

(Trích)

Đầu năm 1950, chi bộ Đảng quyết định kết nạp hai đảng viên mới, Nguyễn Tuân và Xuân Diệu. Trang trọng, mỗi người được kết nạp ở một buổi họp khác nhau. Bí thư chi bộ Trọng Hứa hồi ấy phụ trách văn phòng cơ quan. Tôi ở báo *Cứu quốc* về, được dự kết nạp Nguyễn Tuân ở rừng, giản dị như một buổi họp. Chỉ thêm một ống nứa cắm mấy nhành hoa mua, hoa đơn đỏ ngắt ngoài đồi. Hai người giới thiệu, Nguyễn Huy Tưởng và Tố Hữu; Tố Hữu cũng sinh hoạt chi bộ ấy (...)

Một tháng sau, chi bộ kết nạp Xuân Diệu.

Mùa thu năm 1950, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng và tôi lên Cao Bằng tham gia chiến dịch giải phóng biên giới, chiến dịch lớn đầu tiên của quân chủ lực. Nguyễn Tuân với một đoàn công tác khác về đồng bằng liên khu ba. Ngày 13 tháng 2 năm 1951, Nguyễn Tuân được công nhận đảng viên chính thức ở chi bộ tuyên truyền liên khu - tôi lại

---

(*) Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 1991.

ghi theo trí nhớ con số tuyệt hảo của Nguyễn Tuân.

Không biết khi đó Xuân Diệu đã qua Sơn Dương và những vùng rừng núi thẳm Bản Ty, Đầm Hồng chưa. Bài thơ đăng tạp chí *Văn nghệ* có câu *Sớm nay ra khỏi u tỳ quốc,* Xuân Diệu đã sáng tác ở Yên Dã. "U tỳ quốc" đây mới là những nếp nhà tranh lưng đồi, đâu bằng mấy năm sau, đi sâu vào cuộc kháng chiến gian khổ, chúng ta ở Động Móc áp núi Là, ở Thượng Yên rừng sâu bờ sông Lô. Trước mặt, thấy con trăn gió nằm trong bụi nứa và những con kỳ đà mốc thếch nghểnh đầu rình bắt gà. Đêm nghe hổ ra suối, tiếng gầm khô rợn.

Rời thành phố, lên đến Yên Dã đã u tỳ quốc lắm rồi. Tôi quen Xuân Diệu trước 1945. Tôi cũng là người Xuân Diệu rủ đi nghe và cổ vũ Xuân Diệu lần đầu tiên diễn thuyết đề tài *Thanh niên với quốc văn* ở giảng đường trường đại học Hà Nội. Xuân Diệu nói: "Hoài đi ủng hộ Diệu". Anh Hiền sinh viên mặt tái xanh nhút nhát ra giới thiệu lúng túng. Không sao, Xuân Diệu áo tuýt so lụa mỡ gà, cà vạt lấm tấm vàng sẫm, làn tóc rậm đen loăn xoăn trên đài trán đã thu hút người nghe vào ngay câu chuyện. Đột nhiên, Xuân Diệu nói nhịu chữ "tâm hồn" như một bà già trong làng bán bánh đúc có tật nói nhịu nhảm. Nhưng Xuân Diệu vẫn tiếp tục sang sảng hùng biện không ai kịp sửng sốt.

Xuân Diệu và Huy Cận lên Nghĩa Đô, ở chơi cả

buổi và ăn cơm. Dịu dàng, âu yếm, Xuân Diệu cầm cổ tay tôi, nắm chặt rồi vuốt lên vuốt xuống. Bốn mắt nhìn nhau đắm đuối. Xuân Diệu gắp thức ăn cho tôi. Cử chỉ thân thiết quá, hơi lạ với tôi, nhưng mà tôi cảm động. Tôi sướng mắt nhìn tập *Thơ thơ* khổ rộng nhà in Trung Bắc phố Hàng Buồm. Hai chữ *Xuân Diệu* nét chì sắc gọn, không phải chữ gỗ dẹp đét.

Thỉnh thoảng, Xuân Diệu lại lên nhà chơi. Vẫn nắm tay cả buổi, nhìn tha thiết. Xuân Diệu yêu tôi. Nhớ những tình yêu con trai với nhau, ở trong làng và ở lớp, khi mới lớn. Học lớp nhất trường Yên Phụ, nói vỡ tiếng ồ ồ, mặt sủi trứng cá, chúng nó cứ bảo tôi là con gái. Nhiều thằng cặp đôi với tôi, đòi làm vợ chồng. Có hôm chúng nó tranh vợ đánh nhau lung tung. Có đứa xô vào ôm chặt, sờ soạng toạc cả đũng quần tôi. Nhiều hôm đi học không dám đến sân trường sớm. Phải lẩn vào trong ngõ Trúc Lạc nghe trống mới chạy ù đến sắp hàng vào lớp.

Đương cữ mưa rào. Trong thung lũng, có khi con nước mù mịt trắng xóa cả ngày. Ở Yên Dã, đi chợ Lục Ba, Ký Phú nhỡ gặp cơn lũ lên phải ngủ nhờ qua đêm bên này suối. Hết mưa rào xối xả, đến mưa dầm tả tơi, còn buồn hơn. Triền Tam Đảo cao ngang đầu đổ bóng tối sầm. Nước mưa giọt ngắn giọt dài, đêm ngày mái nứa rả rích không lúc nào dứt hạt. Dường như trong trời đất chỉ còn cái xóm

núi này sót lại chưa bị nạn hồng thủy. Có uống cả vò rượu nếp nhà kiến trúc sư Võ Đức Diên cũng không vơi được cái hiu hắt và nỗi nhớ phố phường, chốc chốc lại giơ đếm ngón tay nhớ kể tên những ai ai. Mới xế chiều đã chập tối, chẳng còn ai thò chân ra đường xóm đá tảng lầy lội. Cơm xong, nhà ăn đóng cửa, mái rạ lẫn vào sườn đồi chơ vơ. Mấy cậu văn phòng ở một mình, xong bữa lại quẳng bát đĩa đấy, vào chơi ngủ luôn tại các nhà trong xóm. Có cậu việc gấp, đánh máy đêm xong rồi cũng chuồn mất. Dãy buồng ở tập thể không đèn đóm, tối thui. Không nghe tiếng trở mình, giát giường không ken két. Im như đất hoang. Nhà tôi ở ngoài ven gò giữa đồng. Rượu khuya, đường mưa lội, tôi ngủ lại.

Chúng nó sợ, đi bỏ trống cả cơ quan. Cả dạo mưa gió, Xuân Diệu ở lại u tỳ quốc không ra ngoài. Giọt gianh lách tách mái nứa gọi về những đêm ma quái, rùng rợn, say đắm. Bàn tay ma ở đâu sờ vào. Không phải. Tay người, bàn tay người đầy đặn, âm ấm. Hai bàn tay mềm mại xoa lên mặt lên cổ rồi xuống dần xuống dần (...) Bóng tối bập bùng lên như ngọn lửa đen, không có ánh, cái lạnh đêm mưa rừng ấm dần lên. Chẳng còn biết đương ở đâu, mình là ai, ta là ai.

Rồi như chiêm bao, tôi ngớ ra, thống khoái. Im lặng. Nghe mưa rơi xuống tàu lá chuối trong đêm và cái mệt dịu dàng trong mình. Giữa lúc ấy, hai

bàn tay mềm như lụa lại vuốt lên mặt. Làn môi và hơi thở nóng như than. Cơn sướng lại cồn lên cho đến lúc ngã cả ra, rúc vào nhau.

Trời rạng sáng, Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi he hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã trơ ra khi sáng bạch. Tôi chạy xuống cánh đồng giữa trời mưa.

Nhưng đêm mai lại vào cuộc dữ dội. Trong đêm quái quỷ lại thấy hình như mình không phải mình mọi khi; cũng không biết rồi trời sáng. Cho đến khi thật thấy rạng sáng mới rởn rợn.

Mọi công việc cơ quan lặng lẽ, nhưng cứ tối đến thì nháo lên, nháo lên một cách âm thầm. Các chàng trai trẻ vào ngủ lang trong xóm. Thằng Đại trắng trẻo, mũm mĩm thì biến là phải. Nhưng cả đến thằng Nghiêm Bình cao to hiên ngang thế, tối cũng lẳng lặng vác cái ghi ta đi. Bốn bên lặng như tờ. Chỉ còn cái màn buông sẵn của lão trai già Văn Hiến - một tay bốc trời khoe trước kia đã nhẵn mặt ăn chơi xóm Môngmác bên Pari. Không biết lưu lạc ở đâu vào cơ quan, lão Hiến quần nâu vá gối, vá hai bả vai to bằng cái quạt mo, không biết ai mách đến cơ quan công tác giữ sổ công văn đi đến. Có những đêm quanh đống củi sưởi, Trọng Hứa nhún nhảy gãi ghi ta một ca khúc Phần Lan, Đào Vũ dịch lời Trung Quốc: *Đây gió, đây trong rừng*... thì lão nghệ

sĩ Văn Hiến bỗng trợn mắt uốn tay vờn cái ống quần rách nhảy quanh ánh lửa một mình một điệu vanxơ uyển chuyển tả tơi, chiếc màn một trơ trọi của lão Hiến, đôi khi cả màn của Kim Lân, của Nguyên Hồng ở Bắc Giang sang, ngủ tạm đấy. Chẳng biết đêm hôm có ông tướng nào bị bàn tay nhung sờ vào rốn không. Cuộc kiểm điểm Xuân Diệu kéo đến hai tối. Hồi ấy chưa biết phương pháp chỉnh huấn, nhưng hàng ngày chúng tôi làm việc giờ giấc nghiêm ngặt, mỗi tổ buổi chiều trước giờ tăng gia lại hội ý rút kinh nghiệm, hướng dẫn sửa chữa và công việc ngày mai từng người. Cả cơ quan họp đến khuya. Chỉ có ông Phan Khôi lên buồng vẫn mắc sẵn màn đi ngủ từ chập tối, bỏ ngoài tai mọi việc.

Xuân Diệu chỉ ngồi khóc, chẳng biết Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Trọng Hứa, Nguyễn Văn Mãi, cả lão Hiến, thằng Nghiêm Bình, thằng Đại và mấy thằng nữa, có ai ngủ với Xuân Diệu không, nhưng cũng không ai nói ra. Tôi cũng câm như hến. Lúc rồ lên, trong đêm tối quyến rũ, mình cũng như điên kia mà. Không nói cụ thể việc ấy, nhưng ai cũng to tiếng gay gắt "tư tưởng tư sản, phải chữa đi". Xuân Diệu nức nở "tình trai của tôi... tình trai...", rồi nghẹn lời, nước mắt lại ứa ra.

Ít lâu sau trong một cuộc họp Ban chấp hành, Xuân Diệu bị đưa ra khỏi Ban thường vụ. Và cũng

thành một cái nếp kéo dài, từ đấy không ai nhắc nhở đến những việc chủ chốt trước kia Xuân Diệu đã phụ trách. Bỗng dưng, Xuân Diệu trở thành một người hiếm có thì giờ, chỉ chuyên đi viết. Mà Xuân Diệu cũng tự xa lánh mọi công tác.

Mỗi khi nhớ chuyện về Xuân Diệu chỉ buồn thương, buồn cười và đáng yêu, chỉ đáng yêu. Xuân Diệu tính đếm cẩn thận, từ chi tiêu đến sáng tác, cẩn thận một cách lờ khờ, có khi tưởng kín bưng, kỳ tình ai cũng biết.

Đặt kế hoạch hẳn hoi chứ. Xuân Diệu hay đi nói chuyện văn thơ. Xuân Diệu chăm chút bảy, tám bài nói, nói khắp nước cũng chuyên mấy "tủ" ấy. Đã trau dồi đến thuộc làu, chỗ nào giơ tay, chỗ nào nghiêng phải, nghiêng trái, lên giọng và nhấn mạnh, chỗ nào đợi vỗ tay, đợi cười và mỉm cười. Xuân Diệu xuýt xoa thú vị: "Nước ta rất chuộng văn học và cũng là cái mốt. Phục vụ không bao giờ xuể được, nói suốt tháng vẫn kín chương trình". Thời chống Mỹ tôi đi với Xuân Diệu lên nói chuyện ở Đại học Sư phạm Vinh sơ tán trên huyện Thạch Thành, Thanh Hóa. Mỗi bữa ăn, Xuân Diệu săn sóc thực đơn lấy - Xuân Diệu nói - như thế không làm chủ nhà tốn kém, lại hợp sự cần thiết của mình, không sang trọng đâu, toàn những thứ cần thiết, mấy quả trứng, thịt bò hay thịt gà, canh măng hay canh cà chua, canh cà chua hơn, cho nhiều hành và

nhớ đậm một chút. Với ngày hai buổi, lại tối nữa, phải thế mới có sức. Cả đến viết, Xuân Diệu cũng tính chi ly tức cười, mỗi bài đều để làm hai việc một lúc. Bài nói ở đài hoặc đăng báo rồi in sách. Nếu không, không viết, không bao giờ viết bài đăng báo rồi không in vào sách. Xuân Diệu chê tôi viết lung tung, phí chữ. Năm tháng qua, quyển sách thành hình trong đầu, các bài viết lắp dần vào. Lại từ đấy tính ra sự tiêu pha. Ở Yên Dã, cái quần ka ki vàng nhạt của Xuân Diệu đã bợt cả hai bên mông. Hỏi sao để trễ tràng thế, sắm cái quần khác đi. Bảo: "Không ngờ cái quần này mau rách, thành thử lỡ kế hoạch. Đáng lẽ cuối năm mới đến hạn thay quần mới. Chán quá". Chúng tôi đi công tác "thuế công thương" ở trung du. Xuống tận Lâm Thao, cách bốt Việt Trì không mấy chốc. Đã được trên tỉnh dặn phải gọn, nhưng ba lô Xuân Diệu vẫn đủ thứ dự trữ, mỗi chuyến đi công tác đều sắp sẵn thế. Lọ nước mắm kem đặc sệt. Một túi củ hành tỏi đã bóc bớt lớp vỏ cho nhẹ đem từ khu Bốn ra. Hộp thịt bò khô ướp lá sả. Cái thịt bò khô khan ấy xào nấu ở nhà tôi, hôm chúng tôi tạt vào Thinh Cù trước khi xuống Lâm Thao. Lúc đi, tôi chỉ đeo ba lô con cóc, có cái màn và quần áo. Xuân Diệu cằn nhằn: Cậu này có cái ăn mà cũng ẩu. Thế thì cậu quý cái gì? Nói thế, nhưng xuống bếp tập thể vẫn chia cho tôi miếng thịt và củ tỏi, cho đấy, ăn nữa cũng được.

Nhưng cứ phàn nàn, cảu nhảu. Tôi cười và chén tự nhiên.

Xuân Diệu cho tôi là một đứa khinh bạc. Nhưng lại thương tôi, nên hay khuyên bảo, nhiều khi từ những việc nho nhỏ. Xuân Diệu khuyên tôi phải biết quý miếng ăn. Xuân Diệu dạy tôi khi nào đứng đái thì cắn chặt hai hàm răng lại, như thế sẽ ăn khỏe chẳng kém hàng ngày uống vitamin B. Xuân Diệu bảo bí quyết dưỡng sinh gia truyền ấy, ông thân sinh đã dạy từ khi còn bé. Tôi có cảm tưởng Xuân Diệu ăn uống chẳng bao nhiêu, nhưng ăn cố. Không phải Xuân Diệu ăn, mà là một người nào khỏe lắm gắp hộ, biến Xuân Diệu thành con ma ăn, trông đến thương. Một chuyến cùng nhau đi nước Lào, chúng tôi ở khách sạn Apôlô, mỗi sáng Xuân Diệu nhắc: Không ăn sữa thì để riêng đấy cho mình, không ăn hết bánh cuốn thì lấy đĩa sẻ sẵn ra cho vệ sinh. Cố lên, ăn phất phơ như cậu không được. Nhà bàn bưng ra nhiều món, Xuân Diệu cứ thong thả vừa nhai vừa nhấm từng miếng đến hết. Đêm ấy đau bụng phải đi cấp cứu. Ở bệnh viện về, Xuân Diệu thở dài: "Cái miệng làm khổ cái bụng, mình phải tính tham ăn". Nhưng rồi lại vẫn thong thả quét sạch mâm, như mọi khi.

Tuy vậy, ăn phung phí Xuân Diệu không chịu. Tôi rủ Xuân Diệu đi nhà hàng Phú Gia, đầu bàn đặt chai bọc rơm rượu ý Chianti. Có cả Nguyễn Tuân và Huy cận. Tôi nói đùa với Nguyễn Tuân:

"Phải lên cao lâu để xem ông ấy ăn cho thích mắt". Nhưng Xuân Diệu chỉ gọi có một món bít tết. Xuân Diệu bảo tôi: "Bao nhiêu đứa đứng xung quanh rình chọc tiết cậu, giết tiền của cậu. Ăn làm gì! Một món ở đây nó nghiến bằng cả tháng thịt chó. Thịt chó bổ nhất trong các món thịt. Thịt chó, nhưng Xuân Diệu cũng không đụng đến thịt chó hàng. Xuân Diệu mua thịt chó sống, mỗi tuần lễ đánh chén hai lần vào ngày nhất định. Trong thành phố nhiều quán thịt cầy, mà không có hiệu bán thịt chó sống. Xuân Diệu đã có thổ mua quen. Xuân Diệu mách tôi: "Cái cô bé ngồi sau cửa chợ Hàng Da". Tôi đã đến mua của cô hàng thịt chó sống bên cái sân bán cua ốc nhớp nháp cạnh nhà vệ sinh khai nồng nặc. Bây giờ chợ Hàng Da mới, cô hàng thịt chó sống ra đứng bán rong ngoài vỉa hè. Chẳng biết ngày trước cô hàng có biết ông khách quen ấy là nhà thơ của ta không.

Một dạo tôi làm đối ngoại ở cơ quan. Thỉnh thoảng, Xuân Diệu cho tôi chiếc mùi soa, đôi bít tất, đem đến tận nhà. Tôi cười: "Hối lộ à?". Xuân Diệu nói: "Thằng này thì cái gì cũng đoán được, mà nói ác. Ừ, để nhớ đến nhau thôi ". Có gì đâu mà tinh quái, chỉ hồn nhiên như Xuân Diệu mới lấy làm lạ.

Từ thuở trẻ, cái bắt tay như vồ lấy, trán đụng vào nhau, bốn con mắt vuốt ve nhau nghiêng ngả. Ở đâu Xuân Diệu cũng đào hoa mối tình trai. Buổi

chiều trong kháng chiến, đã hết lo máy bay lên ném bom, chúng tôi đặt ba lô nghỉ chân ở Ấm Thượng xuống sông tắm táp xong lên dạo phố. Đêm nay thị trấn mời Xuân Diệu nói chuyện thơ. Bọn con trai choai choai kháu khỉnh xúm quanh nhà thơ. Tuổi trẻ, trai gái thấy nhau như có điện, dù điện yêu hay điện ghét, thái độ hiện ngay ra con mắt, nụ cười, cái bĩu môi, dáng xóc cổ áo, bãi nước bọt. Đằng này con gái đi ngang mặt dửng dưng như không, nhưng con trai xoắn xít vòng trong vòng ngoài. Sáng hôm sau đến chơi, Xuân Diệu nắm cổ tay từng đứa, nhìn dõi vào mắt, mân mê như chọn dẫn mía. Các cậu còn đeo ba lô hộ, tiễn chúng tôi một quãng xa.

Chiều hôm ấy ở Viêng Chăn bên cửa sổ buồng khách sạn Apôlô bờ sông Mêkông trông sang lưng phố bến Nọng Khai bên kia. Rặng cây "mạy sắc", những chòm hoa đùn lên như dải mây vàng phủ dài.

Chúng tôi trầm ngâm cả giờ nhìn sông lũ đỏ ngầu - cách một mảng nước đã là Thái Lan. Mai mốt dòng sông xuống dưới kia qua chín cửa ra biển đông. Thời gian, xa cách và sông nước lúc nào cũng không cùng.

Tự dưng, Xuân Diệu nắm tay tôi:

- Chúng mình già rồi.

Nhớ những đêm man dại ở Yên Dã, nhớ như in hơn bốn mươi năm trước, cũng tay tôi đây, Xuân

Diệu vuốt lên, đắm đuối. Bây giờ nhìn nhau lặng yên. Tôi chợt buồn hơn cả câu Xuân Diệu nói. Xuân Diệu không già mà tôi mới là ông lão. Xuân Diệu có một tình yêu riêng không bao giờ biết tuổi, từ xưa đến giờ vẫn tơ tưởng, vẫn thanh xuân, vẫn thiết tha. Ở Đan Mạch mới có luật cho người cùng giới lấy nhau. Lão Axen 72 tuổi yêu lão Alyxin 70 tuổi đã trên bốn mươi năm, bây giờ được ra tòa thị chính thủ đô Côpenha làm đăng ký kết hôn. Nhưng chàng Xuân Diệu không thủy chung như hai lão kia. Xuân Diệu tài hoa và đam mê, cả đời đuổi theo mộng.

Một bài thơ, những bài thơ, những mối tình trai, tình gái. Thơ Xuân Diệu gửi một người lính trẻ rời thành phố vào chiến trường:

EM ĐI

Tặng Hoàng Cát

Em đi, để tấm lòng son mãi
Như ánh đèn chong, như ngôi sao
Em đi, một tấm lòng lưu lại
Anh thương nhớ em, lệ muốn trào.

Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga
Chưa chi ta đã phải chia xa!
Nụ cười em nở, tay em vẫy
Ôi mặt em thương như đóa hoa!

Em hỡi! Đường kia vướng những gì
Mà anh mang nặng bước em đi!
Em ơi, anh thấy như anh đứng
Ôm mãi chân em chẳng chịu lìa.

Nhưng bóng em đi đã khuất rồi,
Đứt lìa khúc ruột của anh thôi!
Tình ta như mối dây muôn dặm
Buộc mãi đôi thân, dẫu cách vời.

Em hẹn sau đây em trở về
Sống cùng anh lại những say mê...
Áo chăn em gửi cho anh giữ
Xin gửi cùng em cả hẹn thề!

Một tấm lòng em sâu biết bao
Để anh thương mãi, biết làm sao!
Em đi xa cách, em ơi Cát
Em chớ buồn, nghe! Anh nhớ, yêu...[1]

(Đêm 11/7/1965, 23 giờ 30)

Ai yêu thơ Xuân Diệu, hiểu được thơ tình não nùng của Xuân Diệu, không phân biệt trai gái, phải thấu nỗi niềm và duyên nợ của nhà thơ, suốt đời nhớ thương và chờ đợi. Không bao giờ sầu não thất vọng, không bao giờ già, mãi mãi ban đầu.

(...)

1. Báo *Nhân dân*, số Tết Kỷ Tỵ (1989).

HOÀNG CÁT

NHỮNG NGÀY TẾT CỦA NHÀ THƠ XUÂN DIỆU

Có lẽ, ai cũng biết nhà thơ Xuân Diệu là người sống độc thân. Nhưng chưa chắc đã mấy ai biết được cái cảnh sống ấy của ông trong những ngày Tết nhất như thế nào.

Nếu chúng ta hiểu, Tết là một dịp để cho mọi gia đình Việt Nam, dù giàu nghèo, dù sang hèn đều nghỉ ngơi công việc thường nhật, gói bánh chưng, mua dự trữ thức ăn, sắm sanh cái này cái nọ, thì ta có thể nói rằng, nhà thơ Xuân Diệu không có Tết bao giờ. Tết, đối với Xuân Diệu, chỉ có khác ngày thường duy nhất ở hai điểm: thứ nhất, trong nhà có một cành đào thắm rất đẹp - đẹp vào loại nhất nhì phiên chợ hoa hôm ông đi sắm cành đào ấy. Thứ hai, trên chiếc bàn con con, mặt vuông, gần như hình lập phương, kích thước 40x40x40 centimét có một bao thuốc lá thơm và một đĩa kẹo ngon để tiếp khách ngày xuân. Còn thì không hề có bánh chưng, mâm ngũ quả, giò chả hay bất cứ một thức ăn thức uống nào khác thường.

Thường tình, những ngày gần Tết, rồi những ngày áp Tết, ai ai cũng có một tâm trạng xốn xang,

nao nao nghĩ nhiều, bàn nhiều đến cái Tết, rồi chạy đi chỗ này một tí, chạy tới chỗ kia một tí, mua thứ này, sắm thứ kia... Riêng đối với nhà thơ Xuân Diệu thì không hay ít ra, thì tôi chưa thấy ông làm như thế bao giờ.

Càng những ngày trước Tết, gần Tết, áp Tết, rồi 30, mùng một Tết... ông càng ngồi riết róng bên bàn viết. Ông cố tình lấy công việc để lấp đi cái khoảng trống thời gian đáng sợ của một người độc thân, không vợ, không con trong những ngày Tết ấy. Đêm 30 Tết hàng năm, ông vẫn một mình một bóng ngồi bên cái bàn viết, cố sức dồn hết nghị lực và tâm lực vào những trang văn, mặc chung quanh ông nhà nhà vợ chồng, con cái quây quần. Thỉnh thoảng ông lại ngừng viết hoặc ngừng đọc, ngồi sau cái bóng tối mờ mờ của chao đèn bằng thủy tinh màu, ngước mắt lên nhìn xa xăm vào khoảng không vô tận, thở dài một mình: "Chà chà chà chà...". Đã nhiều lần tôi thấy ông quá mệt mỏi và quá đau đầu, phải tự mình lấy quả tạ tay bằng gang đập đập lên vai, lên cổ và suốt dọc sống lưng... Mãi cho đến khi tiếng pháo giao thừa nổ ran trời Hà Nội, ông mới buông bút xuống, miệng "chà chà chà...", chân rời bàn viết, tự đi rót cho mình một ly rượu, một mình đón giao thừa.

Những ngày Tết, Xuân Diệu thường chỉ rời bàn viết lúc nghỉ đi ăn cơm. Tết nào ông cũng có một tờ giấy ghi lịch đi ăn cơm Tết tại những gia đình

người thân mà ông được mời.

Ở Hà Nội, ông có hai người em ruột: chị Ngô Xuân Như và anh Ngô Xuân Huy. Thường thường bữa cơm tất niên chiều 30 Tết, ông ăn tại nhà chị Như. Những bữa cơm sau vào các ngày mùng một, mùng hai Tết thì ở nhà em trai ông là anh Ngô Xuân Huy, hoặc gia đình anh Ngô Nhật Quang (phố Yên Thế), gia đình anh Nguyễn Thượng Đạt (phố Nguyễn Thượng Hiền) là hai người bạn thân của ông mời. Trong những ngày Tết ấy năm nào gia đình nhà thơ Huy Cận cũng mời Xuân Diệu một bữa. Vì hai ông cùng ở chung một số nhà 24 Điện Biên Phủ, cho nên bữa cơm khách tại nhà Huy Cận, đối với Xuân Diệu là nhẹ nhàng, thuận tiện nhất, thường thường hôm ấy Xuân Diệu tập trung vào công việc viết lách được cao nhất, cho tới tận lúc phải ngồi vào mâm.

Ngoài khoảng thời giờ ít ỏi để đi chúc Tết, thăm thú một số bạn bè, đối với nhà thơ Xuân Diệu, những ngày Tết là những ngày ông làm việc bên bàn viết cật lực. Ông tự gồng mình lên mà làm việc. Ông cố tình như thế để phần nào bớt đi nỗi cô đơn. Nếu có ai đó nghĩ rằng Xuân Diệu là một người yếu đuối thì người đó đã hoàn toàn nhầm. Sự thật, Xuân Diệu là một thi sĩ luôn luôn và lúc nào cũng là một người có nghị lực phi thường, sống và làm việc, lao động sáng tạo phi thường, bất chấp mệt mỏi, bất chấp đau khổ, bất chấp cô đơn.

NHÀ THƠ XUÂN DIỆU ĐI MUA HOA

Bình sinh, nhà thơ Xuân Diệu rất yêu hoa, nhưng ông là người kỹ tính trong nghệ thuật này. Bất cứ lúc nào, trong nhà ông cũng có hoa tươi để trên bàn.

Một lần, Xuân Diệu ghé vào mua hoa ở quầy bán hoa tươi ngã tư Tràng Tiền. Thấy ông cầm lên xem hết loại hoa này đến loại hoa khác, rồi chần chừ, có ý không thích mua, bà cụ bán hàng vội đon đả hỏi:

- Bác định mua hoa gì mà chọn kỹ thế này?

Xuân Diệu đắn đo, nhìn ngắm khắp lượt quầy hoa, rồi lưỡng lự nói:

- Hoa không được tươi, cụ nhỉ...

Bà cụ bán hàng liền sốt sắng nói, giọng hồ hởi và hóm hỉnh:

- Ấy ấy! Nhà thơ ơi! Hoa của cửa hàng chúng tôi cũng là "hoa mới"... đấy chứ! - Bà nhã ý kéo dài giọng hai tiếng "hoa mới", rồi cười rất thoải mái.

Xuân Diệu hơi sững lại trước tình cảm xởi lởi ấy của bà cụ bán hàng, thì bà đã bỗ bã đọc nhại mấy câu thơ trong bài *Ngói mới* của ông:

Trên những nẻo đường tôi dạo, tôi qua
Tôi đã nghe nhiều những khúc ca... "Hoa mới"
Trên những nẻo đường tôi dạo, tôi đi
Tôi đã nghe tiếng rầm rì... "hoa mới".

Xuân Diệu biết bà cụ bán hoa đã nhận ra ông là Xuân Diệu. Cả nhà thơ và bà cụ bán hàng cùng cười sảng khoái. Rồi bà cụ hỉ hả nói với ông:

- Tôi nghe tiếng bác đã lâu, nhưng chưa gặp lần nào nên không biết người. Vừa rồi nghe bác nói, tôi nhận ra giống giọng bình thơ *Ngói mới* ở trên đài mà!

Xuân Diệu vui vô cùng. Ông coi đó là phần thưởng cao quý nhất mà cuộc đời dành cho một thi sĩ như ông. Ông hào hứng chọn mua năm bông laydơn thật đẹp. Nhưng bà cụ bán hoa cứ nhất thiết chọn đủ cho ông mười bông hoa đẹp nhất trong số hoa của quầy hàng. Xuân Diệu lúng túng vì sợ tốn nhiều tiền. Bà cụ bán hoa vui vẻ nói:

- Bác cũng phải để cho bạn đọc, bạn nghe đài chúng tôi được biếu nhà thơ đủ mười bông "hoa mới" thì nó mới sum suê cùng với "ngói mới" của nhà thơ chứ!

Xuân Diệu rất xúc động, cám ơn bà cụ bán hoa. Song ông nhất thiết chỉ xin nhận năm bông bà cụ đưa thêm, còn năm bông ông đã chọn thì nằng nặc trả tiền. Ông nói:

- Các cụ buôn bán thứ hàng đặc biệt này chắc

chẳng lời lãi bao nhiêu, quý nhất là đem niềm vui và cái đẹp đến cho mọi người thôi, cụ ạ. Cũng giống như lũ thi sĩ chúng tôi ấy mà!

Trên đường về nhà, Xuân Diệu gặp một nhà thơ trẻ, ông sung sướng chìa bó hoa ra khoe, rồi nói với giọng tràn trề phấn khích:

- Đấy, cậu thấy không, chí ít thì Xuân Diệu cũng là hạng nhà thơ cỡ "đại tá" hoặc "thiếu tướng" chứ! Đến một người bán hoa bình thường mà cũng còn nhận ra tớ là nhà thơ Xuân Diệu kia mà!

HÀ XUÂN TRƯỜNG

"THẾ MÀ BẤY LÂU NAY MÌNH CỨ TƯỞNG ÔNG ẤY... ĐÁNH MÌNH"(*)

Cho đến nay, nhiều người vẫn coi bài thơ nhại *Là thi sĩ* của Tân Trào (Trường Chinh) là đánh vào Xuân Diệu. Bài thơ của xuân Diệu ra năm 1938 mà bài thơ nhại của Tân Trào viết năm 1942, sao lại có chuyện đánh xa xôi vậy? Nhân dịp làm tuyển tập *Về văn hóa và nghệ thuật* của đồng chí do Nhà xuất bản Văn học ấn hành, tôi được biết nguồn gốc của bài thơ ấy như sau:

Thời kỳ này trong trí thức thanh niên có tâm lý thích chủ nghĩa lãng mạn và rất thích thơ Xuân Diệu. Lúc bấy giờ Ban binh vận do anh Hoàng Văn Thụ phụ trách. Anh Thụ giao cho hai đồng chí nữ vận động anh Nguyễn Văn Vịnh (trung tướng Nguyễn Văn Vịnh của ta sau này, lúc đó là Đội Vịnh hay còn được gọi là "Xécgiăng" Vịnh).

Theo điều tra của ta Đội Vịnh là một người tiến bộ có thể vận động được. Một đặc điểm đáng chú ý

(*) Trích *Vài câu chuyện văn học - báo chí với đồng chí Trường Chinh*. Đầu đề này do chúng tôi đặt (N.B.S).

của "ông đội" này là rất thích thơ, hay nói chuyện về thơ ca, làm cả thơ lãng mạn siêu thoát nữa.

Sau mấy lần tìm cách gần được Xéc giăng Vịnh, hai chị về nhăn nhó phàn nàn với anh Hoàng Văn Thụ:

- "Anh xem thế nào chứ... chúng em chịu thôi; ông Vịnh hay thuộc thơ, hay đọc thơ lắm! Những là mây gió với yêu đương; mà chúng em lại chẳng biết gì. Ông ấy lại nghĩ chúng em là gái làng chơi. Khó gần lắm!"

Anh Trường Chinh biết chuyện liền bảo: "Thế thì tôi làm cho hai chị một bài thơ để đi vận động. Tuần này các chị cứ về thăm dò tiếp. Tuần sau đến đây, có gì thay đổi chúng tôi sẽ báo lại". (Hồi đó các anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ thường lui tới gặp nhau ở ngoại thành Hà Nội, trong đó cơ sở quan trọng nhất là ở làng Vạn Phúc, Hà Đông).

Một tuần sau đó, khi hai chị quay lại, anh Trường Chinh đem bài thơ của mình ra đọc cho hai chị nghe. Bài thơ dễ hiểu, vui, lại rất dí dỏm. Hai chị nghe thích thú lắm, học thuộc lòng rồi đi tìm ngay ông "Xécgiăng" yêu thơ.

Một thời gian sau, gặp lại anh Trường Chinh, hai chị kể:

- Hôm đó như mọi bận ông Vịnh cứ vừa đùa vừa tếu, ghẹo bọn chúng em. Lựa lúc thích hợp chúng

em giả bộ tỉ tê bắt chuyện thơ phú rồi làm như tiện thể đọc chơi thử một bài. Ông Vịnh sững sờ, khen "thơ hay thế", lại hỏi "ai làm đấy?". Chúng em đáp "Chúng em làm chứ ai". Ông Vịnh vội vàng lấy sổ tay ra chép luôn.

Đó chính là bài thơ nổi tiếng đầy tính châm biếm sắc sảo *Là thi sĩ* của đồng chí Trường Chinh.

Anh Vịnh được giác ngộ tham gia cách mạng, vận động binh lính khố xanh, lính Nam triều đứng về phía nhân dân, bị địch bắt giam ở Hỏa Lò, sau bị bắt ra Côn Đảo.

Năm 1951, trong đoàn đại biểu Nam Bộ ra dự Đại hội Đảng lần thứ II có anh Nguyễn Văn Vịnh. Gặp đồng chí Trường Chinh, anh Vịnh sung sướng và cảm động bày tỏ: "Chính nhờ bài thơ của anh mà tôi giác ngộ cách mạng đấy". Anh Vịnh có tặng đồng chí Trường Chinh một số bài thơ anh làm trong nhà tù Hỏa Lò và Côn Đảo. Anh Trường Chinh lấy một số bài đọc cho tôi nghe, cười rất hồn nhiên, thân mật nói: "Cậu xem, ai bảo thơ không vận động cách mạng được?". Khi tôi kể lại hai câu chuyện này cho Xuân Diệu nghe, Xuân Diệu thoải mái lắm và bỗng nói lắp (Xuân Diệu có đặc điểm hễ xúc động mạnh là nói lắp):

- "Thế mà... mà bấy lâu nay mình cứ tưởng "ông ấy" đánh... đánh... mình".

HÀ MINH ĐỨC

XUÂN DIỆU NÓI VỀ *ĐÂY MÙA THU TỚI*

Đây mùa thu tới của Xuân Diệu là một trong những bài thơ hay nhất của phong trào Thơ mới. Tiếp nối mùa thu của thơ ca dân tộc các nhà thơ mới đã có những đóng góp quan trọng trên đề tài này. Cũng giống với mùa thu xưa, với bầu trời xanh thắm, nắng vàng, trăng thanh, sương khói phủ... nhưng các nhà thơ mới đã miêu tả thiên nhiên với cảm hứng hiện đại. Không chỉ là hình ảnh và cảm xúc, các nhà thơ mới đặc biệt chú ý đến sự cảm nhận trực tiếp của các giác quan. Quan sát, lắng nghe rất cụ thể và tinh vi cùng với những liên tưởng, mộng tưởng đã góp phần tạo cho những bài thơ viết về thiên nhiên vừa chân thực vừa thơ mộng. Xuân Diệu có những khám phá tinh vi về thị giác trong *Đây mùa thu tới*, Lưu Trọng Lư lắng nghe tinh tế từ cái xào xạc của lá thu đến tiếng lòng thổn thức của tình thu ở người thiếu phụ qua bài *Tiếng thu*. Huy Cận với chất thu man mác trong nhiều bài và lặng buồn với *Thu rừng*. Chế Lan Viên buồn đến nao lòng mỗi độ thu về. Chùm thơ về mùa thu trong phong trào thơ mới như *Tiếng*

thu của Lưu Trọng Lư, ***Đây mùa thu tới*** của Xuân Diệu và *Thu* của Chế Lan Viên gồm những bài hay vào loại bậc nhất trong thơ mới.

Trong tâm trạng riêng của mỗi người đều mang nỗi niềm riêng của một thế hệ. Đẹp và buồn là nét chung của những bài thơ thu của Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Huy Cận. Khi nói về những cảm xúc thiên nhiên trong thơ mình Xuân Diệu hay nhắc đến bài *Đây mùa thu tới* và xem như một sáng tác khá hoàn thiện. Trong những lần hỏi chuyện Xuân Diệu, Xuân Diệu đã nói say sưa về sáng tác này. Không gì quý hơn được nghe chính tác giả nói về đứa con tinh thần của mình từ lúc còn thai nghén.

Tôi ghi lại những câu hỏi và ý kiến trả lời của Xuân Diệu trong buổi nói chuyện với anh cách đây đã hai mươi lăm năm. Khi tôi hỏi anh về những bài hay nhất trong thơ Xuân Diệu trước Cách mạng, Xuân Diệu đã lần lượt giới thiệu và phân tích các bài *Lời kỹ nữ*, *Đây mùa thu tới, Nguyệt cầm*, *Thơ duyên...*

Hỏi: *Đọc* Đây mùa thu tới *của anh tôi thấy tác giả có những sáng tạo mới khác với tình thu và cảnh thu trước đây, anh đã kế thừa những gì của thơ phương Đông, phương Tây qua sáng tác này?*

Xuân Diệu: *Đây mùa thu tới* là bài tiêu biểu trong chùm bài cảm xúc về thiên nhiên của Xuân

Diệu. Viết về mùa thu là một thử thách, rất khó khăn, vì thơ ca cổ kim đông tây đã có những đỉnh cao về thơ thu. Cảm hứng về thu rất cổ truyền lại rất moderne. Về thơ phương Đông phải nhắc tới năm bài thu hứng của Đỗ Phủ (ô hô ngũ ca hề) rồi *Thu giang tống khách* của Bạch Cư Dị, *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế. Về thơ cổ Việt Nam phải kể ba bài thơ của Nguyễn Khuyến: *Thu vịnh, Thu ẩm, Thu điếu.* Mỗi bài có một phong vị riêng. Nguyễn Khuyến đã tài tình thâu tóm được cái hồn thu của làng quê Việt Nam trong các bài thơ thu. Ta yêu biết bao cái thanh cao trong trẻo, dịu êm và không khí tĩnh lặng, thanh bình của mùa thu Việt Nam trong thơ Nguyễn Khuyến. Bài *Đây mùa thu tới* của mình tiếp thu truyền thống phương Đông và cả phương Tây qua thơ Bôđơle, Véclen, Huygô... Trong câu thơ đầu tôi có chịu ảnh hưởng và phảng phất ít nhiều hình ảnh những bờ liễu, bến liễu trong thơ Tống, nhưng chủ yếu là hàng liễu đẹp của Hà Nội, của miền Bắc Việt Nam. Dạo làm viên chức trong Nam đọc thơ Thế Lữ tôi không hiểu hết những câu thơ hay

... Theo cô đội nón kia vào trong sương.
... Gió đào mơn trớn liễu buông tơ.

Huy Cận, Chế Lan Viên khi ra Bắc cũng mê cây liễu. Tế Hanh cũng có ý thơ hay về liễu:

Chắc gì mắt em như lá liễu,
Đã cắt lòng anh một nét dao.

và tôi cũng nói đến cái đẹp của liễu:

Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều.

Còn trong bài thơ *Đây mùa thu tới* là tả liễu trong một tâm trạng buồn, cái buồn của cá nhân và của cả một thế hệ. Trong cuộc đời cũ dễ có cảm xúc buồn và trước cái đẹp cũng dễ buồn.

Hỏi: *Anh cho biết một số hình ảnh và chữ nghĩa đặc biệt mà anh quan tâm và có dụng ý về nghệ thuật khi viết bài thơ.*

Xuân Diệu: Toàn bài là một cấu trúc hài hòa, như một cơ thể sống. Tôi nói đến một số câu, số chữ thôi.

Câu thơ *Hơn một loài hoa đã rụng cành* được Thế Lữ chữa lại là:

Đã mấy loài hoa rụng dưới cành.

và đăng trên *Ngày nay* số báo Trung Nam Bắc. Sau in sách tôi lại phục hồi lại.

Hơn một... có nghĩa là không phải một và không biết bao nhiêu. Nếu viết mấy loài thì limité quá. Đáng lẽ phải viết *rụng dưới cành* nhưng tác giả muốn nói cái gì trực tiếp hơn, của sự rơi rụng lìa bỏ, dùng động từ theo thể intransitif. Cần chú ý chữ *rũa.*

Trong vườn sắc đỏ rũa màu xanh.

Rũa có nghĩa là làm cho nát, cho hỏng.

Trong một bài báo trên *Tao đàn,* Hoài Thanh cho *rũa* đây là *rủa* có nghĩa là sắc màu không hòa hợp và cụ thể là màu đỏ rủa màu xanh (*le rouge qui jure avec le vert*). Ý của mình không phải thế.

Câu thơ: *Những luồng run rẩy rung rinh lá* không kể đến nghệ thuật láy âm, láy từ mà chủ yếu phải chú ý đến frisson của thế kỷ XX, frisson của thơ hiện đại.

Điều mình muốn nói là những rung động của nhạc điệu và giao cảm bên trong. Phải có sự quan sát lắng nghe tinh tế mới bắt được những rung động trong thiên nhiên. Không phải là sự mô phỏng hiện tượng thiên nhiên mà là giao cảm tinh vi. Câu chữ mang hơi thơ hiện đại.

Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

cũng là những nét phác họa kiểu tranh thủy mặc Trung Quốc. Ở đây tất cả biểu hiện sự tàn úa và cỏ cây như cảm thấy run sợ vì sắp phải rụng tàn. Vầng trăng thu cũng được miêu tả đặc biệt:

Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ,

cần chú ý chữ *tự*. Mùa thu đến tạo ra những đổi thay trong đêm thu, rồi sương thu, khói thu... nên vầng trăng cũng mờ ảo và tự ngẩn ngơ, *tự* ngẩn ngơ chứ không phải *bị* ngẩn ngơ.

Non xa khởi sự nhạt sương mờ.

chữ *khởi sự* là cách dùng của khu Năm. Anh Trần Hiếu Minh cũng thường dùng. Chữ hơi cứng nhưng

cũng hòa hợp được với thơ.

- *Non xa khởi sự nhạt sương mờ.*
- *Vì giấc mơ hoa đà khởi sự.*

Hai câu thơ mà mình tâm đắc nhất là

Đã nghe rét mướt luồn trong gió
Đã vắng người sang những chuyến đò.

Câu thơ phác họa những nét vẽ đơn sơ và cách cảm rất chân thực về không khí thu của làng quê Việt Nam. Dân tộc mà cũng mới mẻ, kết hợp được cổ và kim.

Lúc này trời đã vào thu. Gió rét đầu mùa thỉnh thoảng thổi về từng cơn bất chợt. Chưa phải là mùa đông. Mình không có ý định tả mùa đông ở đây. Mùa đông có không khí riêng.

Tôi cắt ngang lời anh và hỏi: "Thơ Xuân Diệu nói đến Xuân, Hạ, Thu mà không có mùa Đông. Đó là chuyện ngẫu nhiên hay thuộc về cảm hứng. Trong hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* hình như không có bài nào, tứ nào dành cho mùa đông".

Xuân Diệu: "Có lẽ... có lẽ... Cảnh vật mùa đông cũng rất độc đáo và gợi cảm. Tôi tiếc rằng miền Bắc nước ta với một mùa đông dài, rét mướt và nhiều khi lạnh cóng mà chưa có thơ hay. Sau Cách mạng Tháng Tám có viết một bài *Rét* tả cảnh mùa đông nhưng thực ra chỉ có một khổ là đọc được:

Rét phóng trời đông ra rất xa
Mây như pha sữa cả trời nhòa

Lọc đều ánh sáng lên phơi phới
Cả một ngày như mới sớm ra.

Những câu thơ cuối bài *Đây mùa thu tới* khép lại những cảm xúc với thiên nhiên bằng hình ảnh con người. Cô gái tựa cửa chờ đợi, nhớ mong. Cái tình thu nặng lắm, không cho một người mà với cả nhiều người. Mình dùng ít nhiều... thiếu nữ theo cách nói của Victo Huygô, tất cả đều có chung tâm trạng đó".

(Ghi lại theo lời kể của
Xuân Diệu ngày 18-10-1969).

HÀ MINH ĐỨC

ANH ĐÃ "SỐNG HẾT MÌNH" CHO CUỘC SỐNG VÀ CHO THƠ

(Trích)

Gần nửa thế kỷ đến với thơ, Xuân Diệu đã miệt mài trong lao động sáng tạo. Từ phong trào Thơ mới đến các giai đoạn phát triển của thơ ca sau Cách mạng Tháng Tám, ở chặng đường nào Xuân Diệu cũng có những đóng góp quan trọng. Sáng tác phê bình, nghiên cứu, dịch thuật và nói chuyện về thơ, Xuân Diệu có mặt ở tất cả các hoạt động của thơ, đưa thơ về với cuộc sống và công chúng văn học. Nói về phong trào Thơ mới cũng là nói về mối băn khoăn suy nghĩ da diết của Xuân Diệu trong mấy chục năm qua. Anh muốn có một sự đánh giá chính xác, công bằng về hiện tượng văn học nhiều màu vẻ,phức tạp này. Theo thời gian những ý kiến đánh giá về Thơ mới ngày càng thỏa đáng hơn. Cảm nhận thấy điều đó nên Xuân Diệu hay nói vui: "Mình phải luyện Iôga để sống lâu, và bảo vệ cho quan điểm của mình về Thơ mới". Công lao của Xuân Diệu trong phong trào Thơ mới thật không

nhỏ. Có lần nói chuyện với anh Tế Hanh về Thơ mới, tôi hỏi: "Nếu cần chọn năm nhà thơ tiêu biểu nhất trong phong trào Thơ mới thì theo anh đó là những ai?". Tế Hanh suy nghĩ và bảo: "Kể cũng khó, nhưng theo tôi thì phải kể đến Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử...". Tôi lại hỏi: "Nếu chọn một người tiêu biểu nhất thì theo anh là ai?". Anh Tế Hanh trả lời nhanh hơn: "Đó là Xuân Diệu". Những đóng góp của Xuân Diệu cho Thơ mới cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc với tinh thần khoa học và sự nhạy cảm nghệ thuật. Trong những năm chống Mỹ cứu nước, tôi đã đề nghị với anh Xuân Diệu để được nghe những ý kiến của anh về phong trào Thơ mới và riêng về những sáng tác của anh. Dạo ấy vào khoảng tháng mười năm 1969. Thành phố lúc này sơ tán nên đã vợi người và một ngày báo động đến mấy lần. Tôi gửi cho anh những câu hỏi và anh trả lời dần sau các lần gặp gỡ. Cứ một tháng khoảng hai lần tôi lại được gặp anh. Câu chuyện có lúc trọn vẹn trong hai ba tiếng đồng hồ, có lúc bị ngắt quãng vì báo động. Tôi nhớ nhất là vào một đêm trăng, thành phố mất điện, anh Xuân Diệu rủ tôi ra ngồi nói chuyện dưới bóng cây hoàng lan trong vườn. Trăng vào cuối thu rất sáng và Xuân Diệu nói về nghệ thuật của bài *Nguyệt cầm.* Anh muốn nhấn mạnh đến sự cộng hưởng của ánh sáng và âm thanh. Tiếng đàn trong

đêm trăng, tiếng nước suối thánh thót, không gian mở ra mênh mông và thời gian như ngưng đọng lại. Anh đọc xong và ngâm theo điệu Nam ai, bài thơ ngân vang lên trong nhạc điệu. Đêm ấy trở về, giọng ngâm của anh làm tôi xao xuyến mãi, Xuân Diệu đã nhập thân hoàn toàn vào con người linh thiêng của nghệ thuật. Anh bồi hồi xúc động có thể như chính lúc làm ra bài thơ đó. Lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất tôi được nghe anh ngâm thơ theo giọng đặc biệt trên. Từ đấy khi nói về Thơ mới tôi dè dặt và thận trọng hơn trong từng suy nghĩ. Tôi đã đôi lần phát biểu về Thơ mới và vẫn mong có dịp nói kỹ hơn về hiện tượng văn học này.

...

Nếu với thơ, Xuân Diệu biểu hiện tài năng như bẩm sinh của người nghệ sĩ, thì ở các hoạt động khác cho thơ, anh là người lao động cật lực. So sánh giữa làm thơ và viết nghiên cứu có lần anh Xuân Diệu bảo với tôi: "Làm thơ tuy vất vả nhưng có cảm xúc bù đắp khi suy nghĩ. Viết nghiên cứu dễ tổn thọ". Biết thế nhưng anh đã đầu tư vào hoạt động này phần lớn công sức của mình. Đối với thế hệ chúng tôi anh là tấm gương lao động nghệ thuật. Mỗi lần đến thăm anh tôi thường thấy anh đang ngập trong công việc. Anh rời bàn làm việc, vồn vã chào hỏi khách rồi kể ngay vào việc mình: "Mình đang phải trả nợ Cái tiểu luận về Tú Xương gay

quá". Một dịp khác anh lại phân trần: "Thơ Tản Đà dễ chinh phục người đọc, nhưng những vấn đề về thơ Tản Đà lại thật là hóc búa". Anh vừa nói vừa vỗ vào đầu, những món tóc xõa xuống vầng trán rộng. Những giây phút của tư duy chưa qua. Trong giây phút ấy tôi thấy ở anh vẻ đẹp đặc biệt của khuôn mặt đang suy nghĩ và sáng tạo. Xuân Diệu làm việc không mệt mỏi. Anh làm việc như để trả nợ cho cuộc đời. Hết việc này lại đến việc khác, hăm hở, nhiệt tình. Có lẽ cái giây phút sung sướng nhất của anh là lúc vừa hoàn thành xong một công việc. Và sau đó lại bắt tay vào một công việc khác. Có lần tôi nói với anh: "Anh cả nể nên nhận nhiều đơn đặt hàng quá". Xuân Diệu cười: "Mình tự làm vất vả mình, song đó là niềm vui. Như thế là xã hội còn tín nhiệm mình. Vả lại cũng phải để cho các nhà xuất bản và báo chí thúc giục, có thế mới chịu làm đúng hạn, mới được việc". Xuân Diệu đã khéo kết hợp yêu cầu của xã hội với kế hoạch lâu dài của bản thân. Trong phạm vi nghiên cứu và phê bình văn học anh đã phác họa ra từ hai chục năm về trước những dự kiến công việc sẽ làm. Công trình *Những nhà thơ cổ điển Việt Nam* của anh là kết quả của quá trình sáng tạo ấy. Anh trân trọng những nhà thơ cổ điển của dân tộc và muốn khám phá ra cái thế giới riêng của mọi người. Anh viết Hồ *Xuân Hương, bà chúa thơ Nôm,* và từ cái đột phá điểm ấy Xuân Diệu mở ra với Nguyễn Du nhân dịp kỷ niệm

200 năm sinh; rồi Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu, Tản Đà, Nguyễn Trãi... Anh chưa có dịp nói nhiều đến Cao Bá Quát, Nguyễn Bỉnh Khiêm, những đỉnh thơ mà anh hâm mộ. Có lần nói chuyện với anh về chùm thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến tôi tỏ ý hơi ngạc nhiên vì Nguyễn Khuyến đã bắt được ý thu, hơi thu trên khung cảnh của một vùng đất đồng chiêm trũng. Xuân Diệu gật đầu đồng tình và bảo: "Cái tài là ở chỗ ấy. Không cần đến rừng thu, hồ thu mà chỉ là ao thu thôi, và ngày nay sự nghiệp của nhiều nhà thơ chúng ta không khéo lại thua mấy câu: "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo". "Ngõ trúc quanh co khách vắng teo". Xuân Diệu trân trọng với cái hay cái đẹp trong từng câu thơ cổ. Ở mỗi thế giới thơ, anh say sưa chiêm ngưỡng tìm tòi khám phá. Trong câu chuyện về nghiên cứu văn thơ cổ tôi đặt một số câu hỏi với anh. Với khối lượng nghiên cứu lớn như thế anh giải quyết làm sao cho đầy đủ vấn đề tư liệu. Xuân Diệu nói rõ mục đích và phương pháp của mình: "Mình chỉ chú ý những bài đặc sắc và tìm hết cái riêng độc đáo của mỗi nhà thơ qua những bài thơ hay. Mỗi người có một cách tìm tòi và đóng góp". Tôi nghĩ cách làm của anh là vô cùng quan trọng. Dĩ nhiên là công việc của Xuân Diệu không thể thay được việc làm của nhiều nhà nghiên cứu khác(...).

Anh thường nói: "Cái nguy hiểm của các nhà

phê bình là dùng quá nhiều thước đo. Với người này thì cái thước là một trăm centimét với người khác cái thước lại chỉ còn bảy mươi centimét. Tôi nói thế cũng là nói để răn mình vì tôi cũng là nhà phê bình". Xuân Diệu không chỉ giới thiệu những bông hoa trong vườn nhà, anh muốn giới thiệu cái đẹp muôn màu vẻ của những nền thơ của các dân tộc với bao hương sắc lạ (...)

Anh đã lao động không mệt mỏi với tư cách một nhà nghiên cứu và phê bình văn học, một dịch giả. Anh còn say mê đóng góp cho thơ qua công việc của một diễn giả. Xuân Diệu đã nói chuyện thơ hàng trăm buổi trên khắp các miền đất nước. Nhiều lần nghe anh nói chuyện tôi thấy anh có một cái duyên nói rất độc đáo. Anh chăm chú đến hội trường, khoảng cách giữa diễn giả và người nghe, ánh đèn, micrô với một yêu cầu nghiêm khắc như một diễn giả chuyên nghiệp. Nhưng khi đứng trước mặt công chúng thì anh chỉ là một nghệ sĩ với tất cả những nét đáng yêu và hồn nhiên nhất. Anh muốn có sự giao cảm thực sự trong câu chuyện. Những tràng vỗ tay của công chúng khi câu chuyện đến cao trào hoặc kết thúc một đoạn bình thơ diễn cảm làm anh thực sự xúc động. Anh cúi đầu xuống rất lâu để cảm tạ người nghe. Và câu chuyện lại tiếp tục như lúc mở đầu. Xuân Diệu nói chuyện có điệu bộ để tăng thêm sự diễn cảm. Anh thu mình lại để bắt chước những cô thiếu nữ e thẹn trong những câu ca

dao giao duyên. Anh nói đến kẻ thù với giọng đay nghiến băm bổ khi bình bài *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*. Anh như tự ru mình và mềm mại trong điệu bộ khi đọc những bài thơ tình. Câu chuyện của anh có lúc thật mạnh mẽ sôi nổi khi cần bảo vệ một điều gì. Kết thúc buổi nói chuyện anh vẫy tay chào mọi người và sau đó thường ngồi một mình yên lặng như để nhớ lại những giây phút sôi nổi đã qua. Có thể lúc này anh cũng thấm mệt sau hai ba tiếng đồng hồ hoạt động liên tục. Gặp gỡ, chuyện trò, giao tiếp với quần chúng là nhu cầu nội tại, là một vùng khâu hoạt động của Xuân Diệu. Mỗi lần anh đến với công chúng lại cảm thấy như được tiếp sức thêm. Sau những chuyến đi thực tế nhiều ngày trở về, Xuân Diệu kể lại với bè bạn về những buổi nói chuyện. Anh hào hứng nói về đêm bình thơ cho công nhân gang thép Thái Nguyên. Anh vừa nói vừa tìm tờ áp phích trải rộng trên bàn. Tờ áp phích hoan nghênh nhà thơ Xuân Diệu đến với công nhân gang thép. Anh trách cứ tôi đã không lưu ý và biết đến đầy đủ cái hay của bài thơ *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*, một bài thơ có sức chinh phục công chúng. Một lần khác anh lại kể về chuyến đi bình thơ ở phía Nam. Tên tuổi anh đã đến với mọi người từ rất lâu trong thơ lãng mạn. Hôm nay công chúng nhiều tỉnh vừa được giải phóng lại được chào đón Xuân Diệu một nhà thơ cách mạng. Người say sưa chiêm ngưỡng anh từ khuôn mặt, vầng trán, đến

dáng đi. Người nắm tay, người xin chữ ký. Những miền quê hương mới, lớp công chúng mới đã đem lại cho anh bao phấn chấn nhiệt tình. Xuân Diệu say sưa nói có ngày hai buổi, thậm chí đến ba buổi cho những đối tượng khác nhau. Tôi còn nhớ vào những năm đầu chống Mỹ cứu nước, anh vào chỗ sơ tán của trường Đại học Sư phạm Vinh để hội thảo khoa học và nói chuyện. Đây là vùng quê miền núi của Thanh Hóa. Ngoài những buổi hội thảo khoa học anh em chúng tôi thường gặp gỡ theo từng nhóm để chuyện trò. Anh Xuân Diệu đã tranh thủ tất cả thời giờ để nói chuyện với cán bộ và sinh viên. Một buổi trưa thấy vắng bóng anh. Sát giờ họp chiều mới thấy anh đi từ phía nhà bếp trở về. Anh bảo: "Mình tranh thủ phục vụ mấy anh chị em cấp dưỡng" và anh vui vẻ: "Thơ là nhu cầu của tất cả mọi người. Anh chị em bận rộn nên cũng thiệt thòi". Những lần đi nói chuyện ở các nơi không phải bao giờ Xuân Diệu cũng có được những điều kiện thuận lợi. Có lúc anh đi ô tô hàng đến một thị trấn rồi thầy trò một trường cấp III đem xe đạp ra đón. Khi ra về một thầy giáo cấp III vui vẻ xách lên ô tô theo anh mấy con gà, món quà nhỏ của nhà trường. Có lần anh đạp xe vào Thanh Xuân nói chuyện với sinh viên khoa Văn trường Đại học Tổng hợp. Khi ra về trời đã khuya, tôi đạp xe đi cùng anh và bày tỏ lòng biết ơn anh đã đến với tuổi trẻ của nhà trường. Anh vui vẻ nói: "Đến với anh em sinh viên

mình cũng như được trẻ lại". Lúc này anh đã ngoài năm mươi tuổi nhưng tình cảm của anh lại đang như ở giữa độ thanh xuân. Sau này anh cũng đến với sinh viên khoa Văn mấy lần nữa. Anh đã để lại cho các em những ấn tượng sâu sắc và nổi lên nhất là tấm lòng trung thực và sức sống tươi trẻ của tâm hồn một nhà thơ. Anh có ý thức chống đỡ lại những biến đổi của thời gian và độ cao của tuổi tác. Và chính nhiệt tình gắn bó với cuộc sống, với công việc đã luôn luôn giữ ở Xuân Diệu chất thanh xuân của cuộc đời. Anh vẫn thường hay nói đến sự hồi sinh và những chu kỳ tái tạo của một cuộc đời thơ. Cái vòng đời của một người nghệ sĩ là hữu hạn song chu kỳ sáng tạo ở mỗi người có thể còn nhỏ bé hơn nhiều lần. Phải biết mở rộng sức sáng tạo và theo Xuân Diệu thì cái bí quyết, cái chìa khóa vẫn là ở cuộc đời. Anh thường nói: "Hết một chặng đường thơ tôi lại nghèo nàn đến kiệt sức, và cuộc sống lại hồi sinh cho tôi một chu kỳ sáng tạo mới". Xuân Diệu thiết tha yêu mến và trân trọng cuộc đời, cuộc đời rộng lớn mà gần gũi, cuộc đời nghiêm khắc mà ân cần độ lượng, cuộc đời có lúc như trớ trêu, vô tình mà công bằng chu đáo. Xuân Diệu tha thiết yêu cuộc sống, anh truyền cả tình cảm ấy đến bạn bè và đó là ngọn lửa không ngừng đốt cháy lên ánh sáng trên những trang sách thôi thúc anh trong mỗi công việc làm. Thời gian với anh là thời gian hữu ích, thời gian lao động. Khối lượng công việc

thật lớn lao, phần của cuộc đời đặt nặng trên hai vai anh; phần của khát vọng sáng tạo không ngừng của người nghệ sĩ. Anh đã sống hết mình cho cuộc đời, cho thơ. Trong những lần đến thăm anh tôi chưa một lần thấy anh trong dáng vẻ nghỉ ngơi. Anh sinh ra để lao động, sáng tạo. Niềm vui lớn của anh cũng là những thành quả lao động. Anh đã chuẩn bị cho tác phẩm thứ năm mươi. Sức sáng tạo của anh như con tàu lao về phía trước. Chưa có dấu hiệu nào của sự ngừng nghỉ.

Mùa thu năm ngoái tôi đến thăm anh. Khi tiễn chân tôi ra cổng, tôi nhìn tại tòa nhà hai tầng xinh xắn và buột miệng nói: "Anh Xuân Diệu ạ, mai sau tòa nhà này sẽ là một bảo tàng văn học đẹp cho hai anh".

Anh Xuân Diệu cười và bảo: "Đất nước mình khó khăn, nhà cửa lại thiếu thốn, mình chỉ mong một cái pơlắc thôi, gọi là một dấu hiệu kỷ niệm".

Ý kiến chân thành và khiêm tốn của anh làm tôi xúc động và suy nghĩ miên man. Một tòa nhà kỷ niệm, một căn phòng, một tấm biển... trong có nói lên một cái gì... nhưng sâu xa hơn, cuộc đời và tác phẩm của anh sẽ sống mãi trong lòng mọi người, sống mãi với thời gian.

PHẠM TIẾN DUẬT

NHÀ THƠ XUÂN DIỆU

Tôi muốn viết về anh bằng những lời nồng nhiệt. Không phải chỉ là để mừng anh, người vừa được phong tặng một tước vị cao quý: Viện sĩ Viện Hàn lâm Nghệ thuật của nước Cộng hòa dân chủ Đức, một viện Hàn lâm nổi tiếng với những tên tuổi Đức và những tên tuổi lừng danh trên thế giới: L.Aragông, P.Nêruđa, J.Amađô, R.Anbécti, C.Ximônốp, M.Sôlôkhốp, và nhiều người khác. Tôi muốn viết về anh bằng ngôn ngữ của trái tim, không phải chỉ vì trong lòng rưng rưng một niềm quý trọng và khâm phục, mà còn vì một lẽ ra giản dị: Suốt nửa thế kỷ qua, hầu như ngày nào Xuân Diệu cũng viết, đến nay đã mấy nghìn trang sách, thế mà hầu như không có một dòng nào thờ ơ, không có một dòng nào lãnh đạm. Xuân Diệu không khi nào nói để mà nói, viết để mà viết. Trong ngôn ngữ của anh, khi cởi mở, khi cay nghiệt, lúc tỉnh táo, lúc mê say, luôn luôn đập một trái tim trung thực, luôn luôn hồi hộp một nỗi niềm khám phá. Tất cả sự lớn lao của Xuân Diệu bắt đầu từ cái lẽ giản dị sâu sắc ấy.

Tôi muốn bao quát anh dầu không thể như bao quát một bộ phim dài. Chặng đường anh đã qua là một chặng đường mà trên đất nước và trên hành tinh này đã xảy ra bao biến cố lớn lao. Năm anh sinh ra (1917) trùng với năm có tiếng nấc hạnh phúc của thế kỷ, năm Cách mạng Tháng Mười Nga thành công. Dầu cho, phải nhiều nhiều năm sau đó Xuân Diệu mới lớn lên, rồi tiếng sóng biển gần nhà cha mẹ ở Quy Nhơn, đêm trăng thành Huế, chiều tà Hồ Tây, rồi còn yêu, còn buồn, còn thương, dầu thế đi nữa thì bão táp cách mạng vẫn cứ đến như một quy luật không thể cưỡng được. Xuân Diệu là một trong những nhà thơ lãng mạn sớm nhất biểu lộ niềm reo vui trước *Ngọn quốc kỳ*, trước *Hội nghị non sông*. Và từ ấy, anh không chỉ là nhà thơ của tình yêu mà thực sự trở thành một người hoạt động xã hội tích cực phục vụ cách mạng, phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Anh được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa I (1946 - 1960). Anh làm báo, làm xuất bản, làm cán bộ tuyên truyền, làm công tác đào tạo nhà văn. Anh là một trong những hạt nhân tích cực tham gia việc chuẩn bị và thành lập Hội Nhà văn Việt Nam. Anh viết báo, viết sách, với nhiều thể loại và đến với các vùng đất từ miền núi cao Tây Bắc, Việt Bắc đến chót mũi Cà Mau, làm thơ, đọc thơ và diễn thuyết trước công chúng. Chỉ tính trong vòng hai năm 1970, 1971 anh đã nói

chuyện về thơ Bác đến hai trăm năm mươi buổi. Anh góp phần không nhỏ trong các hoạt động văn hóa, hoạt động ngoại giao, phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam với nhiều dân tộc anh em trên thế giới. Anh là người mơ mộng nhưng cũng là người hiện thực, con người anh là con người thơ, và cũng là con người của Đảng. Tất cả nhuần nhuyễn trong anh như miền quê cha Hà Tĩnh khắc nghiệt và miền quê má Bình Định phóng khoáng, nhuần nhuyễn trong anh.

Nhưng, nói như Xuân Diệu: "Sở dĩ thành chuyện là vì tác phẩm hay, cho nên người phê bình đi vòng quanh thế nào rồi cũng phải quay về trung tâm là tác phẩm tức là hồn của tác giả, sự nghiệp đóng góp của tác giả". Thế mà, muốn chiếm lĩnh được tác phẩm của Xuân Diệu đâu phải việc dễ: một khối lượng sách đồ sộ với năm chục tập và bao nhiêu bài báo từ mấy chục năm nay, trong số đó có đến mười sáu tập thơ, gần hai chục tập phê bình và tiểu luận. Chỉ tính riêng các tác phẩm phê bình viết về các nhà thơ cổ điển Việt Nam anh đã viết gần mấy chục vạn chữ! Năm chục tập sách kia có phải đâu là năm chục thùng gạo mà tôi có thể thu nhỏ lại thành rượu! Nó vốn là rượu rồi, nếu cố gắng chưng cất một lần nữa thì cùng lắm, sẽ thành một thứ cồn, mất hết cả hương vị thiên nhiên. Chỉ có thể rút ra ngay một nhận xét rằng tất cả các tác phẩm của Xuân Diệu đều có một phẩm chất chung, dầu đây

là thơ hay là văn, nghiên cứu hay dịch thuật, phẩm chất chung ấy là sự không nửa vời, là sự đi đến cùng của những thôi thúc, sự làm kỳ được của những mục tiêu. Anh đã không nói về vấn đề gì thì thôi, đã nói là nói cho lọn nghĩa chữ, lật trái lật phải, nói rồi nói nữa, kỳ cho đến lúc ngôn ngữ tới được người nghe. Cũng bởi vậy ở gần Xuân Diệu có thể có lúc ta cảm thấy khó chịu: Anh không chịu nhân nhượng. Nhưng đấy cũng là đặc điểm làm cho ta kính trọng. Anh là một trong những người có tài và quyết liệt nhất, bằng thơ, tấn công vào lề lối thơ mòn sáo và trì trệ của thứ thơ hủ nho thuở đó. Xét về mặt hình thức nghệ thuật, thắng lợi của phong trào Thơ mới là thắng lợi của một cuộc cách mạng về thơ mà ngay cả Tố Hữu cũng ủng hộ, dầu không cùng một tư tưởng với phong trào ấy. Thơ ca Việt Nam, ngoài kho tàng ca dao, sau sự cách tân của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, trước Thơ mới chưa từng có một cuộc cách tân nào lớn đến như thế. Phải nói thêm rằng, những đóng góp của Thơ mới chỉ có ý nghĩa thực sự khi nó trở thành phương tiện của một tư tưởng mới và được phát huy lên vào giai đoạn lịch sử kế tiếp - giai đoạn cách mạng và kháng chiến. Ngoài sự cách tân về lối nói, đặc biệt là sự phát triển về thể loại, *Thơ mới* có những hạn chế không nhỏ. Kể từ Cách mạng Tháng Tám 1945, thời đại mới đã mở ra một con đường lớn cho các tài năng, trong đó có Xuân Diệu tiếp tục

khám phá, sáng tạo. Anh đã mở rộng cảm xúc, mở rộng đề tài, mở rộng lối nói và cũng lại đứng trên bảng đầu của sự đóng góp cùng với những tên tuổi hàng đầu: Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Nguyễn Đình Thi và nhiều anh chị khác là những nhà thơ của cách mạng. Trong năm chục tập sách của Xuân Diệu chỉ có hai tập thơ, tập thơ văn xuôi *Trường ca* và tập truyện ngắn *Phấn thông vàng* là được viết trước năm 1945. Phần lớn tác phẩm, trong đó có những tác phẩm giá trị nhất, Xuân Diệu đã hoàn thành trong lòng chế độ mới.

"Trong hoàn cảnh một nước nông nghiệp lạc hậu lâu đời, mất độc lập trong nhiều thế kỷ, bị phong kiến và đế quốc bóp nghẹt, chúng ta cần phải có cái bụng liên tài, yêu mến những tài năng, thấy tài năng ở đâu là hết lòng trân trọng, quý báu". Xuân Diệu đã tâm sự như thế và đã làm như thế một cách mê say. Anh đã có công khám phá cái hay, cái đẹp của người xưa, người nay và nhiệt tình giới thiệu cho công chúng trong nước và ngoài nước cùng anh ngưỡng mộ. Anh góp phần không nhỏ trong việc "chính thức rước lên đàn cao vinh dự của những thiên tài loài người", những tên tuổi lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du. Với trường hợp Nguyễn Trãi, tôi phải ca tụng anh bằng một lời nói đã được suy nghĩ kỹ càng, phải có một nhãn lực như anh mới có thể nhìn xuyên thủng tầng bụi dày đặc của

sáu thế kỷ, với bao nhiêu từ cổ đã trở thành tối nghĩa, với bao nhiêu dị bản phải sàng lọc, mới có thể trích ra được những câu vô giá như vậy chứ chưa nói chi đến việc công phu cẩn trọng bình giá. Anh đã trả lại giá trị thực cho Hồ Xuân Hương, một trường hợp mà trước đó không phải dư luận đã nhất trí đánh giá. Anh đã mạnh dạn gọi Hồ Xuân Hương là Bà chúa thơ Nôm và công chúng đã đồng tình với anh. Có thể nói, Xuân Diệu là người đã phát hiện ra, nhà thơ viết tuồng Đào Tấn và triển lãm cái hay của ông tổ tuồng này bằng giấy trắng mực đen. Còn bao nhiêu công trình mà tôi, trên một bài báo ngắn, không thể nhắc tới. Nhưng phải nói thêm rằng, Xuân Diệu không chỉ làm sống lại những tác phẩm của quá khứ mà còn cố gắng làm sống lại các nhân vật của quá khứ. Anh không nhìn những vĩ nhân của văn học ấy như những thiên thần, mà nhìn họ như những người trần, mắt thịt, và như vậy, đã làm họ cử động được. Thuật phê bình của Xuân Diệu là từ mắt xanh Xuân Diệu đã đành, nhưng cũng phải nói thêm là anh đã học được lối nghĩ khúc chiết của phương Tây và kết hợp với cách cảm thụ tinh vi vủa phương Đông - ví dụ như cách cảm thụ của nhà phê bình đại tài đời Thanh: Kim Thánh Thán. Và do vậy, giọng văn phê bình của anh vừa tỉnh táo vừa đam mê. "Trời đất ơi! Tú bà nói không đầy nửa phút, mà bọt mép của mụ

văng ra mãi đến ngàn năm! Tưởng như mụ đã xé xác người ta rồi, cái con hổi cái! Tưởng như mụ nói rách cả trang giấy *Truyện Kiều!*". "Chiêu Hổ thì có vợ có con, yên cửa yên nhà, tốt thân tốt thế, quan lớn, sống lâu! Còn Xuân Hương thì lận đận long đong, chưa ra bề nào! Hạ những lời đùa như thế, giữa hai người tài tử, ai đáng hơn ai?". Những câu văn có tim có óc như thế trong các tác phẩm phê bình của Xuân Diệu thật nhiều, tôi cứ tùy tiện trích ra để rồi tôi cảm động lại về trái tim giàu cảm động ấy.

Tôi chưa nói gì về những công trình dịch thuật của anh, một khối lượng và một công lao không nhỏ. Tôi cũng chưa nói gì về các tập bút ký sinh động của anh.

Nhưng thôi, tôi tự nhủ, anh là một cái nhà máy đang làm việc, một cái xe đang chạy, một cái cây to đang còn nảy lá. Anh còn đang chuẩn bị cho ra đời những tập sách mới. Kho tàng thơ của anh còn mấy trăm bài thơ tình chưa công bố. Tôi chỉ có đôi lời nôm na nhưng kỹ lưỡng của một người chiến sĩ văn nghệ ở thế hệ đi sau anh, ngưỡng mộ anh, học tập anh và chờ đợi anh. Đã là sự sống có nghĩa là say mê, có nghĩa là sáng tạo. Chính Xuân Diệu đã nói như vậy:

Sự sống chẳng bao giờ chán nản.

Hà Nội, 9-1-1983

CON GÀ ĐẺ TRỨNG VÀNG(*)

Xuân Diệu tự ví mình là con gà mái đẻ trứng; và Tố Hữu đã có lần nói Xuân Diệu là con gà đẻ những trứng vàng!

Anh đã đẻ trứng cho Đời, cho Nhân dân, Tổ quốc, anh là nhà thơ chiến đấu, nhà bình luận văn học lỗi lạc... Khi anh qua bình thơ ở Pháp, anh nói người ta ca ngợi anh như ca ngợi một người đã chết, và anh cười cái cười của anh, rộng mở... Anh quý và giữ gìn từng lời khen tặng, như đó là hương hoa thơm phải giữ, là lộc tặng của người đời.

Vừa đây anh vào Nam, đi Minh Hải, ghé lại Sài Gòn, anh còn nói chuyện ở Long An, một anh cán bộ đẩy xuồng cho anh đi, "tôi đẩy xuồng cho thi sĩ Xuân Diệu". Anh uống một ly nước mía, rồi một ly nữa vì ngon miệng, ở Tuy Hòa, người bán nước mía không chịu lấy tiền của nhà thơ Xuân Diệu. Anh nói anh đã từng ăn cơm chiêu đãi của các vị tổng thống, nhưng cái cốc nước mía đó anh nhớ đời. Anh lấy làm thích khi một anh xích lô Sài Gòn đạp cho

---

(*) Trích bài *Nghìn sau còn nhớ...*

anh đi và trò chuyện với anh là đã mê thơ anh như thế nào... Má tôi chăm sóc anh mấy ngày ở Cần Thơ dạo anh xuống đó mà lần nào vô anh cũng nhắc lại và hỏi thăm sức khỏe má.

Anh thích bình luận sự đời, nhân tình thế cố, triết lý một cách hình tượng, ví von ngoa ngoắt, lắc lắc cái đầu có mái tóc thi sĩ vừa nói đùa đôi khi chua chát bằng cái giọng Bình Định đãi đưa. Anh nói: "Mình là Trảo Nha mà" (Trảo Nha là "nanh vuốt", tên làng quê anh và cũng là bút hiệu của anh).

Đối với ai anh cũng chân tình, thân mật, đôn hậu. Anh ăn ở thủy chung, quý trọng tình cảm, anh là "người kim chất cổ" - cổ, không có nghĩa xấu, mà là giữ được cái nền nếp tốt đẹp, trọng nhân nghĩa của ông bà, dân tộc ta.

Anh đã viết gần năm mươi cuốn sách, bình thơ trên bốn trăm cuộc, còn làm biên tập sách báo, viết báo, làm báo... thì nhiều. Một khối lượng khổng lồ...

NGUYỄN THANH KIM

MỘT LỜI NÓI THẬT

Những năm ấy, liên tiếp mấy nhà văn cao niên "rủ nhau đi". Đều là những bậc đại danh, nhưng thứ bực theo giá trị tác phẩm thì khác nhau, khác nhau xa. Khi được tin trên đài, trên báo "cáo phó" một "nhà" kia đã qua đời, nhà giáo kiêm nhà phê bình nọ phóng xe đến 24 Điện Biên Phủ (cột cờ cũ) nói với nhà thơ Xuân Diệu, giọng đầy nuối tiếc, như để cùng chia sẻ với nhà thơ nỗi mất mát không thể bù lấp này:

- Anh Xuân Diệu ơi! Ông X. mất rồi. Đau đớn quá, trống vắng quá, chẳng có gì bù đắp nổi!

Anh Xuân Diệu hất mớ tóc mây gió bồng bềnh, trễ cặp kính trắng xuống, khẽ khàng:

- Ai mất mà chẳng thương chẳng xót, nhưng cậu bảo X. mất đi không gì bù đắp nổi. Nhưng X. còn gì?

Nhà thơ và nhà giáo nọ nguôi dần chuyện ấy, lan man trò chuyện việc văn, việc đời, những cái lẽ tử sinh, ly biệt. Câu chuyện đột nhiên chuyển sang những ấn tượng trong lễ tang nhà văn Nguyên Hồng tổ chức trước đây.

Bỗng Xuân Diệu ngắt quãng câu chuyện, hình như sau nhiều cân nhắc, suy tư:

- X. chẳng còn gì. Nguyên Hồng thì chẳng bao giờ mất mát, còn mãi. Văn anh ấy sẽ còn suốt đời *rên rỉ* trong chúng ta đấy. Và sẽ còn *rên rỉ* lâu hơn nữa.

Thật là một lời nói thẳng mà chính xác! Xuân Diệu như vậy đấy.

NGUYỄN HOÀNH KHUNG

NHÀ THƠ MỚI NHẤT TRONG CÁC NHÀ THƠ MỚI(*)

Trong nửa sau những năm ba mươi, lá cờ đầu của phong trào *Thơ mới* được chuyển qua tay Xuân Diệu. Xung quanh Xuân Diệu và Huy Cận (được gọi là nhóm Huy - Xuân) là một loạt thi sĩ, có người cũ và có người mới sáng tác, như Nguyễn Đình Thư, Phạm Hầu, Phan Khắc Khoan, Thu Hồng, Huyền Kiêu, Yến Lan, Tế Hanh... Họ làm thành dòng chính của Thơ mới thời kỳ này. Bên cạnh dòng chính đó, có hai xu hướng thơ mới đáng chú ý hơn cả: Thơ điên (còn gọi là "Trường thơ loạn" của nhóm thơ Bình Định tập hợp xung quanh Hàn Mặc Tử) và xu hướng thơ được gọi là "tả chân", chuyên tả cảnh - trừ Nam Trân đi vào cảnh xứ Huế, còn thì đều tả cảnh quê: Anh Thơ, Bàng Bá Lân, Đoàn Văn Cừ. Đi vào đồng quê nhưng không chỉ để tả cảnh quê mà còn với cả hồn thơ "chân quê" thì chỉ có

(*) Trích *Một mùa thơ nở rộ*. Đầu đề đoạn trên do chúng tôi đặt (N.B.S).

Nguyễn Bính, thi sĩ "thơ mới" có công chúng rộng rãi nhất.

Với Xuân Diệu - nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới, tiêu biểu đầy đủ nhất cho thời đại (thời đại chữ "tôi" - NHK thêm) (TNVN) - cái "tôi" đã thật sự được giải phóng. Nó không còn dáng vẻ bỡ ngỡ, dè dặt trước đó, mà nó phát biểu hết sức thành thật, táo bạo những cảm xúc, khát khao của trái tim đang tràn đầy, cháy bỏng của nó. Thơ Xuân Diệu là niềm khát sống, khát yêu đến cuồng nhiệt. Con người ấy muốn uống cạn, một cách vồ vập, "cái ly tràn đầy sự sống" - lời Tago. *Vội vàng* là bản tuyên ngôn sôi nổi của quan niệm nhân sinh mới mẻ đó. Nhưng đồng thời, Xuân Diệu hiểu rất rõ sự trôi chảy của thời gian, sự tàn phai của tuổi trẻ, nỗi bất trắc của cuộc đời. Vì vậy, con người yêu sống nồng nàn ấy luôn "vội vàng", "giục giã" để tận hưởng cuộc sống. Xuân Diệu muốn đốt sáng lên ngọn lửa trái tim và tuyên chiến quyết liệt với tình trạng "chết mòn" mà ông gọi là "nỗi đìu hiu của cái Ao Đời bằng phẳng":

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.

Không thể không coi đó là một thái độ nhân sinh tích cực: dứt khoát không chấp nhận cuộc sống tẻ nhạt, mù tối, vô danh vô nghĩa.

Trong thơ Xuân Diệu toát lên một nhu cầu

mãnh liệt: được cảm thông. Con người rất có ý thức về bản ngã ấy không phải là một cái "tôi" khép kín, chỉ biết có mình, mà là cái "tôi" luôn mở ra với cuộc đời. Cái "tôi" ấy cần "phơi trải", "trình bày", ân cần hơn mọi sự ân cần, là một tâm hồn khao khát tìm gặp những tâm hồn. Nhà thơ trải đi những hạt "phấn thông vàng", "gửi hương" của lòng mình "cho gió" bốn phương, mong mỏi đến với những tâm hồn đồng cảm.

Con người khát sống, khát yêu, khát khao giao cảm ấy trở thành một nhà thơ tình, cỡ lớn, như một tất yếu! Bởi vì trên đời có gì khiến cho con người cảm thấy được sống đầy đủ, mãnh liệt bằng tình yêu, và có niềm giao cảm nào trọn vẹn, tuyệt vời bằng tình yêu? Không bằng lòng với tình yêu mơ màng, xa xăm như Thế Lữ hay Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu huy động cả linh hồn và thể xác, mọi giác quan để hưởng ứng tình yêu một cách vồ vập, ham hố, luôn "thèm muốn vô biên tuyệt đích". Lần đầu tiên ở Việt Nam, tình yêu được quan niệm một cách chân thành, táo bạo, mới mẻ đến thế: một tình yêu đích thực, vừa rất đỗi trần tục, đậm sắc dục, nhưng đồng thời thật lý tưởng, đòi hỏi trước hết là sự giao hòa tuyệt đối của hai tâm hồn. Ngay trong những câu thơ nồng nàn, đầy nhục cảm trong bài *Xa cách (Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực...)* thì trong chiều sâu cảm hứng, chính là niềm khao khát

tới đau đớn sự giao cảm của trọn vẹn về linh hồn của con người trong cái cuộc đời lạnh lùng, đẩy mỗi cá nhân vào một hòn đảo cô đơn đó.

Bi kịch của tâm hồn Xuân Diệu cũng chính ở đó. Muốn hiến dâng tâm tình chân thành, si mê, thèm khát sự giao cảm với đời, nhưng đáp lại chỉ là sự hờ hững, lạnh nhạt *(nước đổ lá khoai)*, là sự cô đơn có tính chất nghiệp dĩ của cái "tôi". Tác giả *Thi nhân Việt Nam* đã khái quát thấm thía: "Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng, ta đi tìm bề sâu *Nhưng càng đi sâu vào càng thấy lạnh* (NHK nhấn mạnh). "Là người tiêu biểu đầy đủ nhất cho cái "tôi" "thơ mới". Xuân Diệu là người có ý thức "đi tìm bề sâu" nhất và đồng thời rùng mình trước cái lạnh đó sớm nhất. Đến Xuân Diệu, tâm trạng cô đơn không còn âm thầm, lặng lẽ như ở người xưa, mà trở thành một cảm giác rất nhục thể, đặc biệt sâu sắc, da diết, thấm thía tận xương tủy:

Em sợ lắm, giá băng tràn mọi nẻo,
Trời đầy trăng lạnh lẽo buốt xương da.

Cái "tôi" đã đào tới tận đáy của nó, nó bỗng cảm thấy tất cả sự nhỏ bé, trơ trọi của nó trong một thế giới bao la xa lạ. Cuối cùng, nó sợ bắt gặp chính nó: *"Chớ để riêng em phải gặp lòng em "* - tức là nó mơ hồ hiểu rằng không thể lấy cá nhân làm cứu cánh cho cá nhân. Vậy là, với Xuân Diệu, "thơ mới" đã lên tới đỉnh cao để rồi bắt đầu đi vào khủng hoảng, bế tắc.

Khó nói hết vai trò cách tân to lớn của Xuân Diệu đối với thơ ca Việt Nam khi đó. Đúng là "Xuân Diệu là người đã đem đến cho thi ca Việt Nam nhiều cái mới nhất" (Vũ Ngọc Phan). Cái mới ấy trước hết là ở một nguồn sống mới, một cách cảm xúc mới, được diễn đạt bằng một giọng điệu, một ngôn ngữ nồng nàn, trẻ trung chưa từng có. Đồng thời, do chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa tượng trưng Pháp để đi sâu vào cái huyền diệu bên trong "của cái tôi", Xuân Diệu có những rung cảm tinh vi để cảm thụ và diễn tả những biến thái tế vi của trái tim và ngoại cảnh. Không ít câu chữ trong thơ Xuân Diệu còn sượng, quá "Tây", nhưng dần dần, với bút lực sáng tạo dồi dào, Xuân Diệu đã nhanh chóng đạt tới độ nhuần nhị, tinh tế, vừa mới mẻ thanh tân vừa Việt Nam. Nhà nghiên cứu Phạm Thế Ngũ nhận xét: "Sau 1940, người ta không còn mè nheo Xuân Diệu về tật ngô nghê, người ta ngâm nga vì bắt chước. Thi sĩ quả đã với tác động màu nhiệm của thiên tài, vừa giáo hóa mình vừa cảm hóa người, lôi công chúng vào chia sẻ và thưởng ngoạn ngôn ngữ mình, biến nó thành mẫu mực của thưởng thức" *(Việt Nam văn học sử giản ước tân biên, III, Sài Gòn, 1965).*

Tên tuổi gắn liền với Xuân Diệu là Huy Cận và đôi bạn thơ này trở thành trung tâm của phong trào Thơ mới nửa sau những năm ba mươi.

NGUYỄN QUỐC TÚY

XUÂN DIỆU, NHÀ THƠ MỚI TRỮ TÌNH CẢM XÚC, TRÀN ĐẦY CẢM GIÁC VÀ LUÔN "THỨC NHỌN GIÁC QUAN"

Từ trước tới nay, nhiều người đã đề cập đến những nét riêng của Thơ mới Xuân Diệu. Hoài Thanh, trong *Thi nhân Việt Nam* cho rằng: "Xuân Diệu mới nhất trong các nhà Thơ mới". Nguyễn Đăng Mạnh thấy nét riêng của Thơ mới Xuân Diệu là "niềm thiết tha giao cảm với đời". Và còn nhiều người nói nhiều điều khác nữa. Nhưng tôi cho rằng một phong cách thơ lớn như Thơ mới Xuân Diệu ắt hẳn còn nhiều nét riêng nữa cần phát hiện. Ở bài này, tôi muốn đề cập đến một nét riêng của Thơ mới Xuân Diệu: "Nhà thơ mới trữ tình cảm xúc, tràn đầy cảm giác và luôn "thức nhọn giác quan". Để làm sáng tỏ điều này, đầu tiên tôi trích bài *Cảm xúc,* mở đầu tập *Thơ thơ,* tập thơ mới đầu tay của Xuân Diệu.

CẢM XÚC

Tặng Thế Lữ.

Là thi sĩ, nghĩa là ru với gió,
Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây.
Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến.

Đây là quán tha hồ muôn khách đến,
Đây là bình thu hợp trí muôn phương.
Đây là vườn chim nhả hạt mười phương,
Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc...

Đôi giếng mắt đã chứa trời vạn hộc,
Đôi bờ tai nào ngăn cản thanh âm.
Của vu vơ nghe mãi tiếng kêu thầm...
Của xanh thắm thấy luôn màu nói sẽ...

Tay ấp ngực dò xem triều máu lệ,
Nghìn trái tim mang trong một trái tim.
Để hiểu vào giọng suốt với lời chim,
Tiếng mưa khóc lời reo tia nắng động.

Không có cánh nhưng vẫn thèm bay bổng;
Đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời.
Trút thời gian trong một phút chơi vơi,
Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ...

Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ,
Mà vạn vật là muôn đá nam châm.
Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơi lả?

Có thể nói *Cảm xúc* là *Tuyên ngôn Thơ mới* của Xuất Diệu. Dưới nhan đề bài thơ này lại có dòng đề tặng "Tặng Thế Lữ". Chắc là Xuân Diệu đã nghĩ đến Thế Lữ và bài thơ *Cây đàn muôn điệu,* một tuyên ngôn Thơ mới của Thế Lữ, khi viết dòng đề tặng này. Cái hay của *Cảm xúc* là không nói gì thêm, không nói gì mới, mà chỉ nhắc lại và biểu đồng tình của Xuân Diệu đối với *Cây đàn muôn điệu.* Nhưng có cái rất mới, rất tuyệt vời độc đáo là *Cảm xúc* đã tuyên ngôn thơ cả về đặc điểm thi pháp và phong cách của Thơ mới Xuân Diệu: *Thơ mới trữ tình cảm xúc, cảm giác "mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây"* và *"Như hương đêm say dậy với trăng rằm"* và *cái tôi trữ tình được coi như một phương thức biểu hiện trữ tình: "Nghìn trái tim trong một trái tim".* Đến tập Thơ mới thứ hai, tập *Gửi hương cho gió,* ở bài *Thanh niên,* Xuân Diệu lại tuyên ngôn về *lối sống, nhận thức, khám phá và sáng tạo nghệ thuật* thơ của mình:

Sống toàn tâm, toàn trí, toàn hồn!
Sống toàn thân và thức nhọn giác quan
Và thức cả trong giấc nồng phải ngủ.

"Sống toàn thân và thức nhọn giác quan", Xuân

Diệu đã tuyên ngôn thơ về lối sống để nhận thức khám phá, sáng tạo nghệ thuật của thơ mình là luôn luôn "thức nhọn giác quan".

Trong Thơ mới Xuân Diệu, mọi tư tưởng, tình cảm, cảm nghĩ của các nhân vật trữ tình và cái tôi trữ tình của nhà thơ đều được cảm nhận và biểu hiện bằng cảm xúc, cảm giác, bằng sự thức nhọn giác quan, kể cả tình yêu:

Ai đem phân chất một mùi hương,
Hay bản cầm ca! Tôi chỉ thương,
Chỉ lặng chuồi theo dòng cảm xúc,
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu,
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều.
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu.

(Vì sao)

Nói "*nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt, bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu*" cũng có nghĩa là nhà thơ cảm nhận được tình yêu, chiếm lĩnh được nó nhờ có cảm giác như có "nắng nhạt", "mây nhè nhẹ", "gió hiu hiu" mà các giác quan thức nhọn bắt được. Âm điệu câu thơ "bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu" như cũng muốn chuồi theo làn cảm giác có "mây nhè nhẹ, gió hiu hiu" mơn man lướt nhẹ từ trong tầm mắt, trên da thịt.

Dưới ngòi bút trữ tình cảm xúc, tràn đầy cảm giác, luôn thức nhọn giác quan, những tình cảm như nỗi buồn, niềm cô đơn được biểu hiện như là những cảm xúc người ta cảm giác được qua giác quan:

Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá,
Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ.

(Trăng)

Nỗi cô đơn, bơ vơ dường như cảm giác được bằng mắt (thị giác), nhìn thấy ánh "trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá". Nỗi buồn dường như cũng cảm giác được, thậm chí đo, đếm được bằng mắt:

Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.

Ngòi bút Thơ mới trữ tình cảm xúc, tràn đầy cảm giác, luôn thức nhọn giác quan cũng nhận thức và biểu hiện được những cảm giác rất tinh tế trong cõi vô thức của con người:

Hôm nay trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.

(Chiều)

Trong cõi tâm linh của lòng người:

Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả hiu hiu khẽ buồn.

(Chiều)

Niềm tha thiết yêu đời, khao khát giao cảm với đời cũng được biểu hiện bằng một ước mong hành động gây ấn tượng mạnh về cảm xúc, cảm giác: "cắn".

Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi.

(Vội vàng)

Đến cái đẹp của thiên nhiên tháng giêng cũng được biểu hiện bằng một cảm giác cụ thể của vị giác: "ngon".

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần

(Vội vàng)

Hiển nhiên ở đây có mối tương giao, tương hợp giữa các giác quan (correspondance des sens); ngon là cảm giác nhận được từ lưỡi (vị giác) nhưng cặp môi gần lại được cảm nhận bằng mắt (thị giác) mà Xuân Diệu học tập được từ thuyết tương giao, tương hợp, của nhà thơ tượng trưng Pháp Baudelaire. Chúng tôi trích dưới đây bài *Huyền diệu* của Xuân Diệu có lời đề từ là câu nói của Baudelaire (Hương thơm, màu sắc, âm thanh tương ứng):

HUYỀN DIỆU

(les parfumes, les couleurs, et les sons se répondent).

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm,
Say người như rượu tối tân hôn.
Như hương thấm tận qua xương tủy,
Âm điệu thần tiên, thấm tận hồn.

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường,
Dẫn vào thế giới của Du dương.

Ngừng hơi thử lại, xem trong ấy,
Hiển hiện hoa và phảng phất hương.

Hãy nghe lẫn lộn ghé bên tai,
Giọng suối, lời chim, tiếng khóc cười.
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc,
Ngọt ngào kêu gọi thuở xa khơi...

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im,
Hay vẫn ngừng hơi nghe trái tim.
Còn cứ run hoài, như chiếc lá,
Sau khi trận gió đã im lìm.

Ở đây tôi muốn lưu ý hai điều. Một là, chịu ảnh hưởng của thuyết tương giao, tương hợp giữa các giác quan trong hàng ngũ các nhà Thơ mới không phải chỉ có một mình Xuân Diệu mà còn có Huy Cận và nhiều nhà Thơ mới khác nữa.

Lên bể cao hay đi xuống bể sâu?
Không biết nữa - có chút gì làm ngợp,
Trong không khí... hương với màu hòa hợp
(Huy Cận - Đi giữa đường thơm)

Tế Hanh trong bài Thơ mới *Quê hương* cũng có hai câu thơ đặc sắc nhờ được sáng tạo dựa trên cảm quan nghệ thuật của thuyết tương giao, tương hợp:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.

"Làn da ngăm rám nắng" và "cả thân hình" được cảm nhận bằng mắt (thị giác), nhưng lại còn được cảm nhận cả bằng mũi, bằng lưỡi (khứu giác, vị giác): nồng thở vị xa xăm.

Hai là, tuy không phát biểu thành thuyết này, thuyết nọ, nhưng trong *dòng thơ trữ tình cảm xúc* của thơ trung đại Việt Nam có nhiều câu thơ biểu hiện sự tương giao, tương hợp giữa các giác quan. Câu thơ mở đầu *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều đã biểu hiện sự tương giao này:

Trải vách quế gió vàng hiu hắt.

Gió màu vàng (thị giác) và gió thổi hiu hắt (xúc giác và thính giác). Đọc tiếp khúc ngâm này ta còn gặp:

Lạnh lùng thay giấc cô miên,
Mùi hương tịch mịch bóng đèn thâm u.

Giấc ngủ cô đơn thì lạnh lùng, mùi hương (vị giác) thì lặng lẽ (thính giác), bóng đèn thì tối, sâu (thị giác). Hoặc:

Đóa lê ngon mắt cửu trùng.

Đóa lê lại ngon (vị giác) con mắt (thị giác) của nhà vua. Mà nói về việc biểu hiện cảm giác thì người ta cũng nghĩ là Xuân Diệu học tập được từ thơ Pháp bởi thơ Pháp rất tài tình trong việc biểu hiện cảm giác. Nhưng rồi thì cũng không chỉ Thơ mới Xuân Diệu học tập điều đó. Thơ mới Hàn Mặc Tử cũng rất giỏi về biểu hiện cảm giác.

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc.

(Đây thôn Vĩ Dạ)

Dọc bờ sông trắng nắng chang chang.

(Mùa xuân chín)

Da thịt trời ơi, trắng rợn người.

(Gái quê)

và ở *Chinh phụ ngâm*, một trong những tác phẩm tiêu biểu dòng giọng điệu trữ tình cảm xúc của thơ trung đại Việt Nam ta cũng gặp khá nhiều câu thơ rất tài tình trong việc biểu hiện cảm xúc, cảm giác:

Sương như búa bổ mòn gốc liễu,
Tuyết nhường cưa xẻ héo cành ngô.
Giọt sương phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vẳng chuông chùa nện khơi.
Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.

Những hình ảnh thơ và nhất là các từ ngữ: *búa, bổ, mòn, cưa, xẻ héo, kêu vẳng, gió thổi, màn lay, gió xuyên* đã đập mạnh vào các giác quan, biểu hiện những cảm giác mãnh liệt, dữ dằn. Nhưng dẫu sao, đây vẫn là những cảm giác đối với thế giới khách quan, ngoại cảnh. *Chinh phụ ngâm* khúc còn giỏi trong việc biểu hiện những cảm giác trong tâm linh:

Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông

Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trên hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.

"Trên hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu", âm điệu lời thơ như cũng chuồi theo làm cảm giác chạy quặn xiết trong lòng người chinh phụ.

Lưu ý hai điều đó để thấy rằng nét riêng của Thơ mới Xuân Diệu: trữ tình cảm xúc, tràn đầy cảm giác, luôn thức nhọn giác quan không phải chỉ riêng Xuân Diệu mới có và không phải chỉ là sự đột khởi ở riêng Xuân Diệu, không có dính dáng đến ai. Nét riêng của Thơ mới Xuân Diệu ở đây chỉ có nghĩa là nét đó nổi bật lên, đậm đà, sâu sắc đến mức trở thành một trong những nét đặc trưng cho phong cách Thơ mới Xuân Diệu và nét riêng này được thể hiện ở cả hai phương diện: *Chất thơ và ngôn ngữ thơ.*

Về *phương diện chất thơ,* nét riêng này được thể hiện ở chỗ bởi luôn luôn thức nhọn giác quan nên Xuân Diệu đã sáng tạo được trong Thơ mới của mình một thế giới nghệ thuật riêng: tràn đầy cảm xúc, cảm giác:

Những luồng run rẩy rung rinh lá,
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

(Đây mùa thu tới)

Hư vô bóng khói trên đầu hạnh,
Cành biếc run run chân ý nhi.

(Thu)

Mây biếc về đâu bay gấp gấp,
Con cò trên ruộng cánh phân vân.

(Thơ duyên)

Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh,
Lung linh bóng sáng, bỗng rung mình.

(Nguyệt cầm)

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi...

(Nguyệt cầm)

Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt,
Mắt run mờ kỹ nữ thấy sông trôi.

(Lời kỹ nữ)

Hương hiu hiu nên gió cũng ngọt ngào,
Hôn nho nhỏ mà đầu hoa nặng trĩu.

(Hoa đêm)

Sắc lạ rung rinh bốn phía hè,
Hồn ai hiu hắt lá xanh tre.

(Nhớ mông lung)

Thế giới tràn đầy cảm xúc, cảm giác này không chỉ là thế giới khách quan mà cả thế giới nội tâm, tâm linh của lòng người cũng lung linh, long lanh cảm xúc, cảm giác:

Ấy những cánh chuyển trong lòng nhè nhẹ,
Nghe xôn xao, rờn rợn đến hay hay.

(Xuân không mùa)

Anh một mình nghe tất cả buổi chiều,
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh.

(Tương tư chiều)

Lòng ta vui rợn thế chơi vơi.

(Gửi trời)

Chim hôm run rẩy trong tim nhỏ.

(Núi xa)

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi.

(Nhị hồ)

Có lẽ trong thơ Việt Nam trước đó và cả những nhà thơ cùng thời với Xuân Diệu chưa có ai đã cảm giác được nỗi tương tư cứ dâng lên chơi vơi trong tâm hồn mình như vậy. Phải tặng giải nhất cho Thơ mới Xuân Diệu trong việc biểu hiện các làn cảm giác:

Tay ân ái như những làn thân thể,
Đã ôm đời vào ngực để mơn ru...

(Tình mai sau)

Về *ngôn ngữ thơ*, nét riêng này của Thơ mới Xuân Diệu được thể hiện ở chỗ nhà thơ dùng rất nhiều lần các từ biểu hiện cảm xúc, cảm giác như: *run, rợn, nức*... Chỉ lấy một từ *run* làm ví dụ đã thấy nó xuất hiện trong Thơ mới Xuân Diệu với một tần số rất cao, với nhiều sắc thái ngữ nghĩa và thường có mặt trong những câu thơ bạn đọc khen hay:

Những cành run rẩy rung rinh lá.

(Đây mùa thu tới)

Cành biếc run run *chân ý nhi.*

(Thu)

Mắt run *mờ kỹ nữ thấy sông trôi.*

(Lời kỹ nữ)

Còn cứ run *hoài như chiếc lá.*

(Huyền điệu)

Đánh vào thân thể run *như sậy.*

(Muộn màng)

Và giữa vườn im, hoa run *sợ hãi.*

(Tiếng gió)

Đây lá bâng khuâng run *trước gió.*

(Dâng)

Chim hôm run *rẩy trong tim nhỏ.*

(Núi xa)

Tôi run *như lá, tái như đông.*

(Hư vô)

Trong tiếng gió ta nghe run *nước mắt.*

(Lời Bá Nha)

Tất cả rơi run *rẩy tựa dây đàn.*

(Dối trá)

Với nét riêng của một hồn thơ luôn thức nhọn giác quan để sống, nhận thức, khám phá, sáng tạo, biểu hiện nghệ thuật, Thơ mới Xuân Diệu đã dùng rất nhiều lần và rất đạt *các động từ chỉ hành động và trạng thái tâm linh của cái tôi trữ tình, của các nhân vật trữ tình để biểu hiện cảm xúc, cảm giác mãnh liệt, dữ dằn* như các từ: *ôm, riết, quấn, cắn,*

ăn, uống, hút, say, no nê, đã... Nhiều đoạn thơ in đậm đặc dấu ấn nét riêng này của ngôn ngữ Thơ mới Xuân Diệu:

Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn
Ta muốn riết *mây đưa và gió lượn*
Ta muốn say *cánh bướm với tình yêu*
Ta muốn thâu *trong một cái hôn nhiều*
Và non nước, và cây và cỏ rạng
Cho chếnh choáng *mùi thơm, cho* đã đầy *ánh sáng*
Cho no nê *thanh sắc của thời tươi*
Hỡi xuân hồng ta muốn cắn *vào ngươi.*

(Vội vàng)

Hoặc

Ta ôm choàng, ôm riết *bánh thần tiên*
Ta ôm bó *cánh tay ta làm rắn*
Làm dây da quấn quýt *cả mình xuân*
Không muốn đi mãi mãi ở vườn trần
Chân bắt rễ *để* hút *mùa dưới đất.*

(Thanh niên)

Và

Ta bám *vào da thịt của đời*
Ngoạm *sự sống để làm* êm *đói khát*
Muôn nỗi ấm *và ngàn muôn nỗi* mát
Ta đều ăn, nhấm nhía *rất ngon lành*
Ngực thở trời mình hút *nắng trời xanh.*

(Thanh niên)

Còn đây nữa:

Tôi kẻ đưa tay bấu *mặt trời*
Kẻ đựng trái tim trìu *máu đất*
Hai tay chín mọng bám *vào đời*
Kẻ uống tình yêu dập *cả môi.*

Ngay cả ở lĩnh vực tình yêu, Xuân Diệu cũng muốn biểu hiện tình yêu đôi lứa bằng những từ ngữ chỉ hành động và trạng thái giao cảm của giác quan đôi lứa.

Hãy sát *đôi đầu! Hãy* kề *đôi ngực*
Hãy trộn *nhau đôi mái tóc ngắn dài*
Những cánh tay hãy quấn riết *đôi vai*
Hãy dâng *cả tình yêu lên khóe mắt*
Hãy khăng khít *những cặp môi* gắn chặt
Cho anh nghe *đôi hàm ngọc của răng.*

(Xa cách)

Biểu hiện trạng thái tâm hồn đang yêu, hoặc chưa yêu, Xuân Diệu cũng dùng những từ ngữ chỉ sự sống động hoặc sự ngủ yên, bất động của giác quan:

Bằng lời riêng nơi cuối mắt đầu mày
Bằng nét vui, *bằng* vẻ thẹn, chiều say
Bằng đầu ngả, *bằng* miệng cười, tay riết
Bằng nín lặng, bằng chi anh có biết
Cốt nhất là em chớ lạnh như đồng
Chớ thản nhiên bên một kẻ cháy lòng
Chớ yên ổn như mặt hồ nước ngủ.

Vâng! Xuân Diệu ưa một tình yêu sống động "thức nhọn giác quan" ông không thể chấp nhận tình yêu mà các giác quan "như mặt hồ nước ngủ", bất động.

Chính không hiểu nét riêng này trong chất thơ và cả trong ngôn ngữ Thơ mới Xuân Diệu nên có người đã ngộ nhận có mùi vị của "triết lý hưởng thụ" và tình yêu nhục cảm" ở những đoạn thơ vừa trích ở trên. Thật là oan cho nhà thơ mới trữ tình cảm xúc Xuân Diệu, người mà thơ luôn luôn tràn đầy cảm giác. Và để sống, nhận thức, khám phá và sáng tạo nghệ thuật, ông luôn luôn "thức nhọn cảm giác". Nói theo kiểu nói ngày nay là ông sống và sáng tạo nghệ thuật với các giác quan vốn đã tinh nhạy lại luôn kéo cần ăng ten và phát sóng ra đa.

Để biểu hiện cảm giác, độ tinh nhạy, sự tương giao của các giác quan, ông đã sáng tạo những từ ngữ mới nhằm biểu hiện cái tột cùng, cái quá kích, cỡ của những cảm xúc, cảm giác.

Sao vàng lẻ một, trăng riêng chiếc,
Đêm ngọc tê ngời, men với tơ...

(Buồn trăng)

"Tê ngời" là một sáng tạo từ thành công của Xuân Diệu đã biểu hiện các vẻ ngời ngời tuyệt đỉnh của đêm ngọc được thâu nhận từ các giác quan cực nhạy: xúc giác và vị giác (tê), thị giác (ngời). Cũng có nhiều trường hợp, tác giả không sáng tạo từ mới

mà dùng từ cũ, nhưng sáng tạo trong cách dùng từ. Ví dụ:

Tháng giêng ngon *như một cặp môi gần.*

hoặc:

Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi.

Có không ít người khi bình Thơ mới Xuân Diệu cho rằng cách dùng từ "cắn" và "ngon", ở trường hợp hai câu thơ trên là Xuân Diệu đã học được từ ngôn ngữ thơ Pháp. Thật ra, không đúng như vậy. Ở đây, là một dấu hiệu của phong cách ngôn ngữ Thơ mới Xuân Diệu: Cách dùng từ để biểu hiện những cảm xúc mãnh liệt, những cảm giác quá kích, quá cỡ.

Ngoài ra, Xuân Diệu lại còn dùng lối đảo ngữ, đảo từ, đặt những tính từ chỉ màu sắc, âm thanh lên trước chủ ngữ để đánh mạnh cảm giác, lay động các giác quan. Ví dụ:

Long lanh tiếng sỏi vang vang hận.

Thuận ra là "tiếng sỏi long lanh hận vang vang". Thuận như thế thì hết cả thơ: "tiếng sỏi" hết "long lanh" và cái "hận" cũng thôi hết "vang vang". Về lối dùng đảo từ, đảo ngữ này thì thơ trung đại Việt Nam cũng đã có:

Xanh om cổ thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ.

(Bà Huyện Thanh Quan)

Có phải đã có sự học tập sáng tạo thơ cổ điển

của Xuân Diệu đối với hai câu thơ này, khi ông viết hai câu thơ sau đây:

Huy hoàng trăng rộng, nguy nga gió,
Xanh biếc trời cao, bạc đất bằng.

(Buồn trăng)

Chỉ biết trong Thơ mới Xuân Diệu, đảo từ, đảo ngữ xuất hiện với một tần số rất cao để khắc sâu các ấn tượng, các tính chất của âm thanh, sắc màu mà các giác quan đã thu nhận được. Các ấn tượng và tính chất đó thường được biểu hiện bằng những từ có sức đập mạnh vào các giác quan:

Một luồng không khí xô *qua mặt,*
Thắm *cả đường đi,* rực *cả đời.*

(Ngẩn ngơ)

Gợi bóng hình những thân thể cơ hàn,
Với môi tím, *với cảnh nghèo* vạc *mặt.*

(Tiếng gió)

Giữa vườn ánh ỏi *tiếng chim vui,*
Thiếu nữ nhìn sương chói *mặt trời.*

(Nụ cười xuân)

Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều,
Bên màu hoa mới thắm như kêu.

(Nụ cười xuân)

Trong trường hợp phải có sự lựa chọn dùng từ thì bao giờ Xuân Diệu cũng chọn những từ có sức gợi cảm, có sức lay động các giác quan. Ví dụ: ở đoạn thơ sau đây Thế Lữ muốn dùng từ "đây", còn

Xuân Diệu lại muốn dùng từ "đầy":

Một tối bầu trời đắm sắc mây
Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy
Hoa nghiêng xuống cỏ, trong khi cỏ
Nghiêng xuống làn rêu. Một tối đầy.

Từ "đây" là đại từ chỉ nơi chốn, nó bị hư hóa, trừu tượng hóa, không còn hình tượng. Còn từ "đầy" lại là tính từ chỉ sự đầy đặn. Nó có hình tượng và được cảm giác bằng mắt (thị giác). Chọn từ "đầy" là đúng với nét riêng của ngôn ngữ Thơ mới Xuân Diệu.

Tuy nhiên, không phải bao giờ Xuân Diệu cũng thành công trong việc sáng tạo từ mới hoặc dùng từ cũ một cách sáng tạo hay đảo từ, đảo ngữ, để biểu hiện cảm xúc, cảm giác, lay động giác quan người đọc. Đã hơn một lần Xuân Diệu thất bại. Đó là trường hợp các câu thơ sau đây:

Đêm qua mưa gió lạnh lùng trời,
Anh ở, em đi, lạnh lẽo người

(Hết ngày, hết tháng)

Đảo từ, đảo ngữ ở đây đã không đưa lại một tác dụng tu từ nào *(lạnh lùng trời,* thuận là: *trời lạnh lùng; lạnh lẽo người* thuận là *người lạnh lẽo),* bởi vì người Việt không nói *người lạnh lẽo* mà chỉ nói *thời tiết lạnh lẽo* cũng không nói *trời lạnh lùng* mà nói *trời lạnh*. Ở trường hợp hai câu thơ này, Xuân Diệu đã không nắm được cái tinh tế trong cách dùng từ

tiếng Việt. Do đó biện pháp nghệ thuật đảo từ, đảo ngữ này của ông chẳng những không biểu hiện được cảm xúc, cảm giác như ông muốn mà còn có nguy cơ biến hai câu thơ này thành hai câu thơ trào phúng. Thêm một ví dụ nữa:

Còi thét như gươm tay hoảng đứt,
Khói đùn mây bạc, lệ lên ngươi.

(Hết ngày, hết tháng)

Hai câu thơ này không biểu hiện được cảm xúc nào, không lay động được giác quan nào, vì "tay hoảng đứt" còn hiểu được là "hốt hoảng như tay bị chém đứt". Nhưng "lệ lên ngươi" thì phi lý, không đúng với sự thật, sự thật là "lệ tràn mi", "nước mắt chảy dài trên má", chứ làm gì có chuyện "lệ lên ngươi". Câu thơ muốn biểu hiện cảm xúc, cảm giác, đánh thức giác quan, nhưng lại khó hiểu và siêu thực.

Thêm một ví dụ nữa:

Không gian đâu? Thuyền ta vượt trùng dương,
Lòng vỡ tung, ta say khướt đau thương.
Muốn đi gấp cho xương rờn tốc độ,
Cho văng xé tay chân, cho rẽ riêng đầu cổ.

(Sầu)

Những sáng tạo từ mới "văng xé" "rẽ riêng", và những sáng tạo trong việc dùng từ cũ: xương "rờn" là không chấp nhận được vì nó không hợp với quy luật sáng tạo từ mới của tiếng Việt. Thành ra các

đoạn thơ chẳng những không biểu hiện được cảm xúc, cảm giác gì mà lại còn đi vào quỹ đạo của trường phái thơ tối nghĩa, khó hiểu, điên loạn, siêu thực.... "Ngọc còn có vết". Đó có phải là cái vết trên viên ngọc Thơ mới Xuân Diệu lung linh, long lanh cảm xúc, cảm giác, phản chiếu sự tinh nhạy của các giác quan thông minh và sống động.

(Trích chương X tác phẩm
Thơ mới - Bình minh thơ Việt Nam
hiện đại, *Nhà xuất bản Văn học, 1994).*

ĐOÀN THỊ ĐẶNG HƯƠNG

XUÂN DIỆU - HOÀNG TỬ CỦA THI CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Thơ của Xuân Diệu về một phương diện nào đó là một sự phản ánh một thời đại mới trong thi ca hiện đại Việt Nam hình thành từ trước Cách mạng, đã được tôi luyện trong máu lửa của cách mạng và đạt tới đỉnh cao của nó vào thế kỷ này ở Việt Nam. Nhà nghệ sĩ bậc thầy này đã thật sự có một ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của thơ ca hiện đại Việt Nam. Và chính ông, cũng giống như những nhà thơ cùng thời với ông (những nhà thơ đã nổi tiếng trong phong trào Thơ mới) đã kế thừa những thành tựu không thể chối bỏ được cũng như khắc phục được chính những nhược điểm và cả những khuyết điểm của chủ nghĩa lãng mạn thời kỳ đầu của ông, tuyên chiến với chủ nghĩa lãng mạn ấy là gột rửa tâm hồn thi sĩ khỏi những tàn tích của nó, cũng như phá vỡ những nền móng cũ để xây dựng nên những hình tượng mới của cách mạng Việt Nam, tạo ra một nền thơ của tương lai. Chính ông, chứ không phải ai khác, một trong những chủ

tướng của dòng thơ lãng mạn quá khứ đã xây dựng nên dòng thơ lãng mạn cách mạng cho nền văn học cách mạng xã hội chủ nghĩa. Và chính ông đã làm nên điều kỳ lạ trong văn học là bước qua cái bóng to lớn của mình trong quá khứ (ông là thi sĩ tiêu biểu của phong trào Thơ mới những năm 1936 - 1940) để trở thành nhà thơ lãng mạn của cách mạng Việt Nam[1].

Khi viết rằng chính ông, Xuân Diệu, đã bước qua cái bóng to lớn trong quá khứ của mình để trở thành một ca sĩ của cách mạng, chúng tôi không hề

1. Chúng tôi cho rằng cho đến những tác phẩm cuối đời, với những bài thơ hay nhất của mình, Xuân Diệu vẫn là một nhà thơ lãng mạn, một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của dòng thơ lãng mạn cách mạng trong nền văn học xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Có nhà phê bình thời kỳ trước đây đã thầm trách một vài sáng tác đây đó của Xuân Diệu sau cách mạng là không phải thuộc phương pháp sáng tác hiện thực XHCN, bây giờ bằng cách nhìn đổi mới trong văn học, chúng tôi nghĩ rằng nếu nói phương pháp sáng tác cơ bản của Xuân Diệu vẫn là thuộc phương pháp sáng tác lãng mạn, thì chúng tôi nghĩ là "chính xác" hơn và điều đó không hề hạ thấp nền văn học xã hội chủ nghĩa của chúng ta, nếu chúng ta sử dụng nhiều phương pháp sáng tác khác nhau bên cạnh phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Và sẽ dễ hiểu hơn nếu chúng ta nhìn nhận thơ Xuân Diệu như cách nhìn mở rộng của các nhà nghiên cứu Liên Xô đối với sáng tác của A.Blôc (ở đây chúng tôi không có ý định so sánh văn tài của hai nhà thơ) đã thừa nhận chủ nghĩa lãng mạn cách mạng của A.Blôc là thuộc nền văn học cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng đây là một vấn đề lý luận mà chúng tôi không có ý định mở rộng ở đây.

có ý cường điệu, mà chỉ muốn nói rằng, đó là một cuộc cách mạng của chính tâm hồn nhà thơ, trong một cuộc cách mạng vĩ đại của cả một dân tộc nô lệ thành một dân tộc tự do, trong cuộc cách mạng đó là những cuộc cách mạng nhỏ không kém phần gian khổ trong mỗi con người của thời kỳ ấy thì Xuân Diệu của chúng ta đã hoàn tất được cuộc cách mạng đó. Đó không thể chỉ là một bước đi đơn giản khi mà một nghệ sĩ trong cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, được nuôi dưỡng bởi một thế giới cũ và được cuốn đi trong cơn lốc của cách mạng (có lẽ còn phải viết thêm rằng Xuân Diệu là một trong những nhà thơ đã có tác phẩm đến với cách mạng sớm nhất ở thời kỳ đó). Xuân Diệu là một trong số không nhiều các nhà thơ đi từ quá khứ tới năm 1945 và qua cả năm 1975 vẻ vang, đã chiếm được vị trí cao đẹp trong đời sống tâm linh của dân tộc. Phải chăng nền thơ ca cách mạng sau này đã ra đời và lớn lên cùng với những tác phẩm của các nhà thơ cách mạng trong đó có Xuân Diệu với *Ngọn quốc kỳ*, với tráng ca *Quân du kích*... Những tác phẩm đã ngân vang tiếng nói của Cách mạng:

Đi theo tiếng gọi nước non thiêng,
Đứng dưới sao vàng ra kháng địch...

Ông là một trong những nhà thơ đầu tiên đã không rời xa những thành tựu trong quá khứ của mình (những thành tựu mà với bước đi mới của

cách mạng Việt Nam hôm nay sẽ được xem xét lại và ghi nhận), và trở thành một trong những nhà thơ đầu tiên xây dựng nền móng cho nền thơ ca cách mạng Việt Nam trong tương lai. Sự có mặt của ông trong những cuộc đấu tranh vì vận mệnh của Tổ quốc, cho dù vận mệnh ấy nhiều khi đã trải qua nhiều thử thách gian nan, chính điều ấy đã làm nên hình ảnh thơ ca của ông. Một nhà thơ lãng mạn ngày xưa đã hát những câu thơ cô đơn: "*Cuộc đời cũng đìu hiu như dặm khách*", lại là người trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc đã viết những câu thơ không thể quên được. "*Tôi cùng xương cùng thịt với nhân dân*", viết một cách chân thành và giản dị như lẽ đời là thế mà không lên gân, không cường điệu. Một nghệ sĩ lớn đã đi với cách mạng bằng một tình yêu chân thành như thế chắc không phải là nhiều trong văn học Việt Nam và cả trong văn học thế giới. Điều đó có được là do sự phong phú giàu có của thế giới tinh thần của ông, sự mãnh liệt cảm thụ xã hội và khao khát lẽ công bằng và chân lý cho xã hội, tất cả những cái đó thấm sâu vào ông, trở thành máu thịt của ông để tỏa ra phản chiếu cuộc cách mạng của chúng ta.

Thơ ca của ông trước cách mạng là tấm bi kịch của giới trí thức, giới nghệ sĩ Việt Nam - đứa con non yểu của cuộc hoài thai cưỡng hiếp giữa một nền

văn hóa thực dân (chứ không phải nền văn hóa Pháp vĩ đại trong tình yêu và sự kính trọng của nhân loại) với một tâm lý văn hóa nô lệ chứ không phải nền văn hóa của dân tộc Việt - cái bi kịch tâm hồn của đứa con yếu đuối và bị bỏ rơi ấy (chứ không nên tô vẽ cho nó những sắc màu tươi sáng), nhưng trong nghệ thuật việc ông đã miêu tả một cách dũng cảm và cay đắng cái bi kịch ấy, bây giờ đọc lại, ta thấy nó mở rộng nhãn quan của chúng ta về tấn bi kịch tâm hồn của một tầng lớp, của một thời đại. Và đó là điều đặc biệt riêng của các sản phẩm tinh thần trong đó có các sản phẩm nghệ thuật của một thời đại, đó là lý do mà ngày nay và cả sau này mỗi chúng ta và các thế hệ độc giả kế tiếp vẫn đọc thơ ông thời kỳ này - thời kỳ ông còn là một trong những chủ tướng của phong trào Thơ mới - mà không để nó vào sọt rác của lịch sử (có lúc bản thân ông đã nghĩ như thế). Chính đọc thơ ông và các nhà thơ khác đương thời lúc đó, ta hiểu được một phần bi kịch của xã hội cũ và ở trong đó có một cái lõi thật sự, cái lõi cơ bản của thơ ca Xuân Diệu cũng như các nhà thơ lãng mạn lúc đó là: Vì sao thế giới cũ cần phải sụp đổ. Và cũng vì lẽ đó mà các thế hệ độc giả hôm nay và cả mai sau nữa sẽ tiếp tục đọc và trân trọng thơ ông cũng như của các nhà thơ lãng mạn thời kỳ 1930 - 1945 và tiếp nhận những đóng góp to lớn của nó, đặc biệt về mặt thi pháp.

Dòng thơ ấy thật sự đã đặt nền móng cho nền thi ca hiện đại Việt Nam thế kỷ XX (và nhiều nhà thơ lớn của cách mạng đương thời và sau này thật sự chịu ảnh hưởng của nó, trong đó có nhà thơ Tố Hữu).

Xuân Diệu để lại cho chúng ta bài học về cuộc đời, bài hát buồn của trái tim mình (trong thơ quá khứ của ông) và cả niềm hạnh phúc tinh thần của mình, sự hăng say xả thân vì cách mạng. Như trên đã nói, ông là nhà thơ lãng mạn cách mạng; hình tượng lãng mạn của cách mạng và nhân dân cách mạng được nhà thơ miêu tả một cách say mê. Tôi nhớ rằng: Các độc giả ở Liên Xô đã rất thích bài thơ Xuân Diệu viết về anh địa chất được dịch ra ở Liên Xô[1] bởi cái hình tượng anh địa chất cầm hòn đá trên tay mà đoán được tuổi của trái đất và những lời thơ về tình yêu của anh địa chất. Có lẽ hình tượng ấy gây ấn tượng là bởi vì nhà thơ đã hiểu một cách tỉnh táo tất cả sự gian khổ, phức tạp, và khó khăn của công cuộc xây dựng xã hội mới, và sự chân thành giản dị đến lạ lùng và với một tính chính xác lạ kỳ tái hiện lại một hình tượng trong thơ.

Có một điều lạ lùng là ngay từ lúc mới bắt đầu bước vào văn học ông đã là một bậc thầy, người đọc

---

1. *Thơ Việt Nam hiện đại,* Matxcơva, NXB. Tiến Bộ, 1981, *tr.* 75-76.

có cảm giác chưa bao giờ ông là một nhà thơ trẻ (không phải về vấn đề tuổi tác mà là vấn đề trình độ nghệ thuật của tác phẩm). Ta chưa quên rằng ngay từ lúc mới xuất hiện trong làng Thơ mới ông đã được coi là một nhà thơ tiêu biểu (thời kỳ 1936 - 1940). Ông đã là một chủ tướng của thơ lãng mạn ngày xưa, và trong dòng thơ lãng mạn cách mạng hôm nay ông vẫn là một trong những vị tướng không mệt mỏi. Chính ông đã cùng với nhiều nhà thơ xưa tiến hành cuộc cách tân nổi tiếng về thi pháp thơ trên văn đàn Việt Nam trước cách mạng, nhưng ông vẫn nhận thức rằng sự khẳng định và tiếp tục một số truyền thống tốt đẹp của nền thơ ca cổ điển dân tộc cũng có thể coi đó là một sự đổi mới. Giữa những năm kháng chiến ông đã viết bài tiểu luận *"Những bệnh ấu trĩ của thơ thời đại"*, mà tôi nghĩ rằng giá có in vào hôm nay thì giá trị tươi mới vẫn còn nguyên vẹn[1]. Như các nhà thơ lớn ở Việt Nam và của các dân tộc khác, Xuân Diệu đã kể cho chúng ta bằng một tình yêu lớn lao về đất nước của chúng ta, nhân dân chúng ta, thơ ông truyền cho chúng ta nguyên vẹn một tình yêu Tổ quốc lạc quan và khắc khổ. Chúng ta đã và sẽ phải đi sâu vào các sáng tác của ông ngay cả ở những nơi mà tưởng như chúng ta đã hiểu hết rồi.

1. In trong tập *Tiếng thơ*, NXB. Văn nghệ 1951, bài viết ngày 15-6-1949.

Các bài học của cuộc đời sáng tác của Xuân Diệu liên quan đến tài năng lớn của ông, sức lao động nghệ thuật ghê gớm và cả những dũng cảm trên con đường tìm tòi sáng tạo nghệ thuật. Thơ của ông, bao giờ cũng là thơ riêng của Xuân Diệu và dù có trộn lẫn giữa trăm ngàn câu thơ của các nhà thơ khác ta vẫn nhận ra thơ ông, cả sự tuyệt vời của những âm thanh được gảy lên từ cây đàn dây của trái tim một nghệ sĩ lớn đến những vẻ xù xì, thô thiển như chưa được bàn tay nghệ sĩ chạm đến, tôi nghĩ, ngay cả điều này ông cũng cố ý, cố ý như Rôđanh đã để lại trên những pho tuyệt tác của mình (ở đây lại một lần nữa tôi không có ý định so sánh tài năng) những mảng đá nguyên vẹn của thiên nhiên không hề chạm dao tới. Chính cả cái vẻ xù xì, thô thiển nhiều khi vụng về đến mức làm phật lòng bạn đọc khó tính, chính cả cái đó đã làm nên trọng lượng những câu thơ của ông. Mà ở một người lao động nhiều như ông, ông đã đọc rất nhiều, đã đóng một vai trò lớn trong việc giới thiệu và dịch thuật các tác giả nổi tiếng thế giới với bạn đọc Việt Nam, đã để lại những tiểu luận nghiên cứu về các nhà thơ cổ điển Việt Nam: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu... và một khối lượng lớn các bài viết về văn học hiện đại Việt Nam (hiện riêng sách đã xuất bản

lên tới hàng nghìn trang) với một cái nhìn rộng rãi sâu sắc, thấu tình đạt lý và một khối lượng mà ngay một nhà nghiên cứu chuyên nghiệp cũng phải thèm muốn; những tì vết trong những bài thơ, trong sáng tác của ông quyết không phải là một sự cẩu thả mà đó là những điều cố tình để làm nên một Xuân Diệu. Đã từng là nghệ sĩ bậc thầy của trường phái lãng mạn xưa, nhà thơ đã để lại cả một thế giới cảm giác đầy thanh âm, màu sắc và hương vị, chính Xuân Diệu đã vượt qua cái trau chuốt, cái tìm tòi nghệ thuật đi hơi quá xa đời sống thực của chính mình khi đi vào thế giới của âm thanh và màu sắc, chẳng hạn câu thơ của ông:

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

mà ông đã cố kéo những cảm xúc về một hình thức về gần với đời thường hơn, với quần chúng hơn từ khi ông gắn bó với cách mạng với nhân dân. Mà chúng ta có thể thấy rõ khi ông ghi chép và viết về thơ, hò vè của bộ đội nhân dân trong kháng chiến bằng những bài viết rất cảm động[1]. Bây giờ trong thơ ông đã có thêm hình dung từ "nhân dân" để thay cho cái tôi xưa cũ cô đơn của nhà thơ lãng mạn ngày xưa.

Nói đến thơ Xuân Diệu mà không nói đến thơ

1. Xem *Tiếng thơ*, NXB. Văn nghệ,1951.

tình yêu của ông thì có lẽ là một cái gì chưa đầy đủ, một mất mát lớn trên bộ mặt thi ca ông. Mặc dù thơ của ông có một cái gì rất riêng tư, ngay cả khi ông viết về những đề tài lớn, vẫn là những câu thơ tình riêng có của chàng Xuân Diệu hào hoa ngày xưa ấy. Ông là một trong những nhà thơ ít có của chúng ta đã liên kết được giữa tình yêu lớn (đất nước, cách mạng và nhân dân) với những tình yêu riêng tư làm một, đó là vì ông đã tiếp nhận và muốn người đọc tiếp nhận cách mạng như là một sự nghiệp riêng tư của bản thân mỗi người. Vì thế từ chàng Xuân Diệu ngày trước, mà theo lời kể của nhà văn Đặng Thai Mai đã có những cô gái ném hoa lên "mớ tóc buồn dợn sóng Quy Nhơn" khi chàng đi trên các phố Hà Nội. Theo lời kể đó thì Xuân Diệu đã là một "người tình trong mộng" của cả một thế hệ độc giả thời ấy. Riêng tôi vẫn nghĩ, Xuân Diệu là một thi sĩ độc đáo nhất của tình yêu ở Việt Nam thế kỷ này (còn chín năm nữa thì hết thế kỷ XX này, liệu chúng ta có thể hy vọng và kịp có một Xuân Diệu thứ hai nữa chăng? Cầu mong cho lời dự đoán này của tôi không đúng).

Tôi vẫn nghĩ tình yêu trong thơ Xuân Diệu có vẻ gì lạ lắm, nó có vẻ là một nỗi khát khao, một nỗi ám ảnh về tình yêu như của trái tim nguyên thuỷ tự thuở mới có Ađam và Êva trên trái đất. Một thứ tình nguyên sơ như thuở hồng hoang. Cái tình yêu

ấy là một nỗi ám ảnh trong Xuân Diệu từ thuở bắt đầu cầm bút và ám ảnh luôn chúng ta là những kẻ hậu sinh và chắc là sẽ ám ảnh lâu dài các thế hệ sau này. Có lẽ Xuân Diệu đã yêu một tình yêu không phải trong cái thế giới của đời thường mà là nhà thơ đã yêu tình yêu của một thế giới tình yêu và đem tình yêu đó vào trong thế giới nghệ thuật của nhà thơ.

Đọc những bài thơ tình của Xuân Diệu ta có cảm giác theo nhà thơ đi vào trong những giấc mơ của tình yêu, mà chính nhà thơ ấy biết mình mơ nên sợ hãi cho lúc tỉnh sẽ phải đối diện với một hiện thực không phải của trong những cơn mơ vì thế những câu thơ ấy nó hấp tấp lo âu, nó run rẩy, vội vàng ngắt nhịp cả trong thi pháp của nó:

Mau với chứ vội vàng lên với chứ!
Em, em ơi tình non đã già rồi...

(*Giục giã*)

Nếu so sánh với một hồn thơ lãng mạn đương thời và không kém độc đáo như Hàn Mặc Tử thì nếu thơ Hàn Mặc Tử cô đơn, cô đơn đến phát điên thì thơ Xuân Diệu yêu đến si cuồng. Nếu nhà thơ họ Hàn nảy sinh thi tứ trong những khoảnh khắc ngắn ngủi dài bằng cả cuộc đời thì chắc hẳn những tứ thơ của Xuân Diệu là sự khai hoa của cái cây tình yêu nảy sinh trong những giấc mơ của con người. Chắc là vì thế mà trong một tuyển thơ tình

thế giới ở Rumani chỉ tuyển chọn hai bài thơ của Việt Nam: một của Hồ Xuân Hương và một của Xuân Diệu[1]. Trong thơ tình của Xuân Diệu, ta không thấy cái ái tình của nhục dục mặc dù Xuân Diệu không kiêng dè và không đi tìm một thứ tình yêu đã được thanh lọc hóa, đó không chỉ là một tình yêu cụ thể, mà là nhà thơ đi tìm một tình yêu và ám ảnh bởi tình yêu mạnh đến nỗi trong bài thơ *Biển* nổi tiếng của mình, nhà thơ có những câu thơ khát bỏng:

Đã hôn rồi, hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt...

Những câu thơ đã viết gần ba mươi năm về trước (năm 1962) mà nay đọc lại vẫn rùng mình vì bàng hoàng, vì ấn tượng nó gieo lại trong trái tim ta. Có lẽ trong thơ tình hiện đại Việt Nam, Xuân Diệu là người đã đem đến một xúc cảm mới lạ và lạ lùng đặc biệt nhất, cái nỗi khát khao, tiếc nuối, giấc mơ của những giấc mơ về tình yêu. Những giấc mơ của tình yêu mà Xuân Diệu đem đến cho ta là giấc mơ về một tình yêu vốn có của con người mà hình như nó đã mất đi trong cái đời thường của con người, nó giống như những giọt nước trong giấc mơ

1. Theo Huy Cận: *Xuân Diệu - Con người và tác phẩm*, NXB. Tác phẩm mới, 1987.

của người lữ hành trên sa mạc giữa ban ngày với cát vàng dưới chân, mặt trời trắng trên đầu và ảo ảnh về những ốc đảo xanh trước mặt. Xuân Diệu đúng là "chàng hoàng tử" của một tư duy lạ về tình yêu (từ của Saint Exupery). Thơ tình của Xuân Diệu là những mảnh thông điệp mà nhà thơ đã tiếp nhận có lẽ từ vô thức trong thế giới sáng tạo của tâm linh nhà thơ. Với Xuân Diệu, người đọc đã nhìn và cảm nhận về tình yêu một cách khác đi trước khi đọc thơ ông.

Khi viết đến những dòng này tôi nhớ lại vào một ngày xuân trong sáng khi đến chúc Tết ông, tôi đã được ông sẽ sàng và đượm buồn đọc cho nghe những bài thơ của ông về tình yêu (những bài thơ tình của ông chưa kịp in và nghe nói đã lên tới nghìn bài): một nỗi buồn dịu dàng trong sáng và một niềm vui thần thánh của tình yêu đã ngân lên trong trái tim tôi, và sau này khi ở xa nghe tin ông mất, không thể đến để vĩnh biệt ông, tôi đã giận mình khi đó không có được cái can đảm của các cô gái Hà Nội nửa đầu thế kỷ này đã rắc những đóa hoa lên mớ tóc buồn dợn sóng của ông[1], lên mái tóc của chàng hoàng tử của thi ca Việt Nam hiện đại.

Để kết thúc, tôi muốn viết thêm rằng: thơ của Xuân Diệu là một loại *thơ thức tỉnh*, nó buộc người

1. Ý thơ của Xuân Diệu: "Tóc anh buồn dợn sóng Quy Nhơn".

đọc phải suy nghĩ chứ không phải đem lại cảm giác an ủi vỗ về. Vì thế những bài thơ của ông, đặc biệt những bài thơ viết trong thời gian chiến tranh chống Mỹ được thế giới hâm mộ, đã được dịch và kêu gọi nhân loại đứng về phía cuộc kháng chiến thần thánh và chính nghĩa của chúng ta. Có lẽ cũng vì thế mà ông đã được nhận danh hiệu Viện sĩ và nhiều giải thưởng lớn trên thế giới. Ông là một nhà thơ lãng mạn của cách mạng, của nhân dân và đồng thời ông cũng là một người chiến sĩ kiên cường làm cho kẻ thù phải nể. Và khi viết bài này tôi không nghĩ là mình hiểu được Xuân Diệu, tôi chỉ muốn nói về cảm nghĩ của thế hệ tôi đối với ông, một tên tuổi chắc chắn sẽ đứng ở hàng đầu trong danh sách những nhà thơ hiện đại đã làm vinh dự cho nền văn học xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

HỮU NHUẬN

NHÀ THƠ XUÂN DIỆU ĐÃ MẤT!

19 giờ 45 phút ngày 18 tháng 12 năm 1985 nhà thơ Xuân Diệu trút hơi thở cuối cùng tại phòng cấp cứu bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô, Hà Nội vì một cơn đau tim đột ngột, sau nửa thế kỷ lao động nghệ thuật cần cù sáng tạo và để lại một di sản văn học to lớn.

Tin buồn truyền đi, gây xúc động lớn không chỉ trong giới văn học nghệ thuật mà trong đông đảo bạn đọc thuộc đủ lứa tuổi trên khắp mọi miền đất nước, trong kiều bào ở nước ngoài và trong bạn bè trên thế giới.

Thi hài nhà thơ quàn tại trụ sở Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam - 51 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội và Nhà nước ta: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Hữu Thọ, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp đã đến đặt vòng hoa vĩnh biệt nhà thơ. Trong sổ tang và trên vòng hoa của đồng chí Trường Chinh ghi: "Vô cùng thương tiếc đồng chí Xuân Diệu". Chủ tịch Phạm Văn Đồng cúi xuống lâu trên khuôn mặt nhà thơ sau gương kính và ghi

vào sổ tang những dòng xúc động: "Tôi ghi ở đây những tình cảm và niềm thương tiếc vô hạn đối với một nhà thơ, nhà văn và người đồng chí quý mến Xuân Diệu". Đồng chí Lê Đức Thọ ghi: "Vô cùng thương tiếc anh, một đồng chí, một nhà thơ có tài năng, sống trung thành, giản dị và đầy nhiệt tình với công tác và thơ".

Đồng chí Tố Hữu, người đồng chí và người bạn thơ của Xuân Diệu, đi công tác xa không về kịp. Ngày 2 tháng 2 năm 1986, nhân kỷ niệm 70 năm ngày sinh Xuân Diệu, trước khi ra nghĩa trang viếng người bạn thơ, đã đến thăm lại căn phòng ở 24 Điện Biên Phủ, Hà Nội - nơi nhà thơ Xuân Diệu đã sống và làm việc suốt hơn ba mươi năm cuối đời. Trước bức tượng bán thân của Xuân Diệu và trước đông đảo các bạn thơ thuộc nhiều thế hệ, Tố Hữu giọng đầy xúc động đã đánh giá rất cao về con người và sự nghiệp của Xuân Diệu:

"Xuân Diệu là một nhà thơ lớn, đặc sắc và độc đáo của nền thơ hiện đại Việt Nam. Xuân Diệu có một đặc điểm là, hình như, suốt cả cuộc đời, như con tằm nhả tơ cứ thế mà sống, cứ thế mà viết hầu như không cần thay đổi gì. Xuân Diệu đi theo cách mạng cũng một cách tự nhiên như vậy vì Xuân Diệu là người trung thực. Đã là người trung thực thì phải đi với cách mạng. Xuân Diệu là nhà thơ sống hết mình và làm việc hết mình. Xuân Diệu

viết được quyển sách nào là muốn được in ngay, in nhanh. Không phải vì Xuân Diệu muốn có tên hay ham muốn gì cho riêng mình mà chỉ vì anh say mê cuộc sống, cần luôn luôn có mặt trong cuộc sống. Cũng chính vì thế mà đôi khi người ta thấy Xuân Diệu rất nghiêm khắc, có lúc như một người khó tính. Ngay cả cái đó của anh cũng chỉ là sự mê đời, say đời. Song Xuân Diệu luôn luôn là một người bạn chí tình đối với các bạn, nhất là những bạn thơ trẻ, hết lòng chăm chút vun trồng các tài năng mới. Khối lượng thơ Xuân Diệu để lại là một khối lượng lớn, có giá trị lâu dài. Cho tới nay và có thể cả những năm tháng trước mắt liệu có ai vượt được Xuân Diệu trong lĩnh vực thơ tình?" và "...không ai có thể thay thế Xuân Diệu".

Nhà văn lão thành Nguyễn Tuân xúc động thốt lên: "Nhà thơ Xuân Diệu mất đi, thấy có mang theo đi một mảng đời văn tôi". Và từ thành phố Hồ Chí Minh, ngay khi nghe tin Xuân Diệu mất, Thế Lữ - người đầu tiên viết bài giới thiệu Xuân Diệu với bạn đọc cách đây bốn mươi tám năm - đã điện cho Huy Cận: "Vô cùng tiếc thương kính viếng hương hồn Xuân Diệu, người bạn chí tình, nhà thơ kiệt xuất, người không ngừng chiến đấu cho thơ văn Việt Nam".

Trong ngày 21 tháng 12 năm 1985, hơn một trăm đoàn đại biểu các cơ quan Đảng, Nhà nước,

Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng của Trung ương Hà Nội và nhiều tỉnh thành phố (trong đó có Nghệ Tĩnh, Nghĩa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Minh Hải...), các cơ quan thông tấn, báo chí, đại biểu các đại sứ quán Liên Xô, Cộng hòa dân chủ Đức, Bungari... cùng đông đảo văn nghệ sĩ, bạn bè và người thân đã đến đặt vòng hoa và nghiêng mình vĩnh biệt nhà thơ.

Chiều 21 tháng 12 năm 1985, lễ truy điệu nhà thơ Xuân Diệu đã cử hành trọng thể. Sau bài điếu văn do đồng chí Hà Xuân Trường, ủy viên dự khuyết trung ương Đảng, Trưởng ban Văn hóa văn nghệ Trung ương, Trưởng ban tổ chức lễ tang: "Một cây lớn nằm xuống, cả khoảng trời trống vắng", nhiều bạn bè thân thiết và đại điện lớp nhà văn trẻ đã đọc lời tỏ lòng thương xót và đánh giá cao sự nghiệp văn học do nhà thơ Xuân Diệu để lại cho đời.

Nhiều ngày sau đó, Hội nhà văn Việt Nam còn tiếp tục nhận được thư và điện chia buồn về việc nhà thơ Xuân Diệu từ trần của các tổ chức quần chúng và Hội nhà văn nhiều nước gửi tới. Điện của Hội nhà văn Liên Xô có đoạn viết:

"Xin các bạn hãy nhận ở chúng tôi lời chia buồn sâu sắc trước việc nhà thơ xuất sắc của Việt Nam, Xuân Diệu, đã từ trần. Những tác phẩm của ông đã nhiều lần được dịch và in ở Liên Xô bằng nhiều thứ

tiếng khác nhau. Độc giả của chúng tôi nhận biết và yêu mến thơ ca tràn đầy tính lãng mạn cách mạng của Xuân Diệu. Chúng tôi đánh giá cao những bản dịch tác phẩm văn học cổ điển Nga và văn học Xô Viết hiện đại của ông, cùng những bài thơ ông viết về Liên Xô. Những tác phẩm của Xuân Diệu là tấm gương rực rỡ về sự nghiệp củng cố tình hữu nghị giữa các nhà văn của hai nước chúng ta". Đại sứ quán Cộng hòa dân chủ Đức tại Hà Nội và Viện Hàn lâm nghệ thuật Cộng hòa dân chủ Đức mà Xuân Diệu là viện sĩ thông tấn, đã gửi thư và điện chia buồn thống thiết.

Tại Xôphia, nơi vừa phát hành tập thơ tuyển bốn mươi bài của Xuân Diệu *Cánh cửa vô biên,* đoàn nhà văn, nghệ sĩ Bungari do nữ thi sĩ Blaga Đimitrôva dẫn đầu đã đến sứ quán Việt Nam chia buồn và dâng hương, hoa viếng nhà thơ Xuân Diệu. Cả gia đình B.Đimitrôva đã để tang nhà thơ Xuân Diệu.

Ngay khi được tin nhà thơ xuân Diệu từ trần, tại Nhà Văn hóa Việt Nam ở Pari, kiều bào ta đã tổ chức lễ tưởng niệm và trưng bày về nhà thơ Xuân Diệu. Nhiều buổi nói chuyện về Xuân Diệu cũng đã được tổ chức sau đó ở Pari. Báo *Đoàn kết* của Hội người Việt Nam tại Pháp trong ba số liền có bài viết về Xuân Diệu.

Hầu hết các báo ở Hà Nội và của các tỉnh, thành

phố trong nước và báo của Việt kiều ở nước ngoài, nhân dịp này, cũng trích in tác phẩm của Xuân Diệu hoặc có bài viết về sự nghiệp của nhà thơ.

Một Việt kiều tại Pháp đã dự định đặt một nhà điêu khắc làm tượng bằng đá cẩm thạch về Xuân Diệu bằng hai tứ thơ: *Giữ hương cho gió* và *Sống chẳng bao giờ chán nản* - bức tượng này sẽ được đặt trong phòng làm việc của nhà thơ và sẽ là nhà lưu niệm của bảo tàng Xuân Diệu.

Huyện Can Lộc, Nghệ Tĩnh (quê cha) đã quyết định lấy tên Xuân Diệu đặt tên cho nhà văn hóa của huyện và thành phố Quy Nhơn, Nghĩa Bình (quê má) đặt tên nhà hát của thành phố là Nhà hát Xuân Diệu. Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có đường phố mang tên Xuân Diệu và thị xã Mỹ Tho - nơi nhà thơ từng sống bốn năm (1940 - 1943) nay đã có đường phố Xuân Diệu...

Gia tài văn học mà Xuân Diệu để lại cho chúng ta là to lớn phong phú và đa dạng. Xuân Diệu là một nhà thơ kiệt xuất mà tác phẩm được nhiều thế hệ bạn đọc ở Việt Nam và cả ở nhiều nước mến mộ. Xuân Diệu là một nhà hoạt động văn hóa có uy tín ở trong nước và ở cả nước ngoài.

HÀ XUÂN TRƯỜNG

XUÂN DIỆU ƠI!

Vô cùng xót xa lưu luyến và thương tiếc, hôm nay Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, đông đảo các nhà văn, những người làm công tác nghệ thuật, bè bạn và thân nhân họp mặt tại đây, thay mặt cho các nhà văn và bạn đọc cả nước, làm lễ vĩnh biệt một trong những người bạn chân thành hết mức, một trong những người đồng chí thân yêu nhất của chúng ta: đồng chí Xuân Diệu, ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học, nghệ thuật Việt Nam, Ban chấp hành Hội hữu nghị Việt - Xô, chủ tịch Hội đồng Thơ của Hội Nhà văn Việt Nam, Viện sĩ Viện Hàn Lâm nghệ thuật của nước cộng hòa Dân chủ Đức, Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, nhà thơ lớn, nhà phê bình văn học xuất sắc, nhà hoạt động văn hóa và xã hội tích cực, người đồng cảm sâu sắc của các thế hệ thanh niên Việt Nam trong suốt chặng đường nửa

thế kỷ qua.[1]

Ngô Xuân Diệu, sinh ngày 2 tháng 2 năm 1916 tại quê mẹ Bình Định. Nguyên quán quê cha ở xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh. Học hết tiểu học ở Bình Định, Xuân Diệu ra học trung học tại trường Khải Định ở Huế và đỗ tú tài ở đó. Sau khi làm tham tá nhà đoan một thời gian ngắn ở Mỹ Tho, Xuân Diệu ra Hà Nội ở cùng Huy Cận, người bạn tâm giao từ thuở nhỏ. Hai mươi năm đầu tiên của cuộc đời Xuân Diệu, dường như trời đất đã sắp đặt cho anh được đi, được thấy, được ngắm phong cảnh tươi đẹp và kỳ lạ của cả ba miền đất nước, được tiếp xúc với con người Việt Nam ở khắp mọi nơi, những con người Việt Nam có tâm hồn vừa kín đáo vừa nồng nhiệt, những con người có tình thương yêu sâu sắc và đằm thắm. Sẵn có trái tim đa cảm, một tấm lòng chân thật đến hồn nhiên và một tài năng gần như là bẩm sinh, ngay từ tuổi hai mươi, Xuân Diệu đã cho in hàng loạt bài thơ tình nổi tiếng và làm chấn động dư luận bạn đọc đương thời. Với hai tập thơ *Thơ thơ*(1938) và *Gửi hương cho gió* (1945), Xuân Diệu trở thành một trong những nhà thơ xuất sắc nhất và điển hình nhất của phong trào Thơ mới, có nhiều đóng góp vào việc cách tân các thể loại thi ca dân tộc và phát triển

1. Điếu văn truy điệu Xuân Diệu ngày 21 tháng 12 năm 1985. Bài viết có đóng góp của Phạm Tiến Duật.

ngôn ngữ dân tộc.

Tại căn gác nhỏ nhà số 40 phố Hàng Than - Hà Nội, Xuân Diệu và Huy Cận không chỉ gặp gỡ nhau ở thi ca mà ở đó cả hai người đã bắt đầu nhen nhóm một ý tưởng mới, ý tưởng xã hội, ý tưởng cách mạng. Nếu như trước đó, Thế Lữ là người chăm sóc những tác phẩm đầu tay của Xuân Diệu, thì từ 1944, Huy Cận là người động viên trực tiếp Xuân Diệu vào mặt trận cứu nước Việt Minh, tham gia khởi nghĩa Tháng Tám và bắt đầu vào một chặng đường hoàn toàn mới. Cách mạng thành công, Xuân Diệu vinh dự được bầu là đại biểu Quốc hội khóa I, và cùng năm 1946 được chọn làm thành viên trong đoàn đại biểu của Chính phủ ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng đoàn, sang Pháp hội đàm. Kháng chiến bùng nổ, Xuân Diệu rời thủ đô Hà Nội đi kháng chiến. Tại chiến khu Việt Bắc anh vui mừng được gặp và làm việc với Tố Hữu và tại đó năm 1949, Xuân Diệu gia nhập Đảng Lao động nay là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hoạt động văn hóa cứu quốc ngay từ ngày đầu, tham gia viết bài và xây dựng tạp chí *Tiên phong* và sau đó là tạp chí *Văn nghệ,* Xuân Diệu là một trong những thành viên tích cực, đặt những viên gạch đầu tiên xây dựng Hội Văn nghệ Việt Nam và sau này, Hội Nhà văn Việt Nam. Với trái tim của nhà văn đảng viên, Xuân Diệu đã tham gia liền hai cuộc kháng chiến,

bằng ngòi bút xông xáo và bằng cả các hoạt động xã hội nhiệt tình, không ngại gian khổ, không sợ ác liệt.

Bài học lớn nhất, tấm gương sáng nhất mà Xuân Diệu để lại cho các thế hệ cầm bút về sau là tấm gương lao động nghệ thuật cần cù, nhẫn nại, tỉ mỉ, say mê và liên tục, là tấm lòng trong sáng, trung thành của một nhà văn đối với Đảng Cộng sản.

Xuân Diệu làm báo, Xuân Diệu làm xuất bản, Xuân Diệu nói chuyện thơ trước công chúng, Xuân Diệu miệt mài trong khảo cứu, Xuân Diệu xong bài thơ này, làm bài thơ khác... Hoạt động chủ yếu của Xuân Diệu là làm việc, làm việc và làm việc. Chỉ tính các buổi bình thơ trước công chúng của Xuân Diệu trong suốt mấy chục năm qua, có lẽ tổng số lên đến hàng nghìn buổi. Ngay những năm gần đây, mặc dầu tuổi đã cao, sức khỏe đã khác trước, với cương vị là Chủ tịch hội đồng thơ của Hội Nhà văn Việt Nam, Xuân Diệu vẫn hăng say, nhiệt tình làm việc với một tinh thần trách nhiệm rất cao.

Di sản mà Xuân Diệu để lại là một di sản lớn bao gồm gần năm chục tập sách, trong đó có 14 tập thơ đã xuất bản, chưa kể nhiều tác phẩm cho đến nay vẫn chưa công bố. Chỉ tính riêng các tác phẩm lý luận phê bình, đã có thể gọi Xuân Diệu là một đại gia. Với một cái nhìn sắc sảo vừa bao quát vừa tỉ mỉ, với một văn phong hóm hỉnh và uyển chuyển

kỳ lạ, Xuân Diệu đã đưa lên đài vinh quang những tên tuổi lớn từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương đến Tú Xương, Nguyễn Khuyến. Xuân Diệu bình giá các tác giả thơ trong nước và giới thiệu các tên tuổi lớn ở nước ngoài. Các công trình nghiên cứu của Xuân Diệu không chỉ có giá trị ở ma lực đặc biệt của ngôn ngữ và văn phong mà có giá trị trước hết ở tính bao quát và sự đạt tới chân lý trong nhiều tác phẩm; trong đó nhiều tác phẩm của Xuân Diệu đề cập đến những tác giả và tác phẩm rất lớn và rất khó, đã từng đẻ ra các cuộc tranh luận dài trong quá khứ, chỉ đến khi Xuân Diệu thấu đáo bình giá mới coi là định hình. Các tác phẩm đi sâu vào nghề nghiệp làm thơ của Xuân Diệu là cả một kho tàng kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn và từ vốn học thức uyên bác của anh.

Xuân Diệu viết truyện ngắn, viết bút ký, dịch thuật, và trong lĩnh vực nào anh cũng đạt tới mức xuất sắc, nhưng hoạt động sáng tác chủ yếu của anh vẫn là làm thơ. Thơ anh là tiếng ca của một trái tim dào dạt yêu đời, yêu người, yêu nước, yêu dân. Phong cảnh Việt Nam, thiên nhiên Việt Nam, con người Việt Nam in dấu vết trên suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ thơ Xuân Diệu. Xuân Diệu ca tụng sự nghiệp anh hùng của quân dân ta trong hai cuộc kháng chiến, ca tụng sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước và bảo vệ hòa bình, ca tụng sự

nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đề tài trong thơ anh rất đa dạng, nhưng đề tài anh say mê nhất, tập trung nhất và cũng thành công nhất là đề tài tình yêu. Trong mấy chục năm qua trong hành trang của lứa tuổi đôi mươi, không thể thiếu được thơ tình Xuân Diệu. Kể từ xưa tới nay, có thể coi Xuân Diệu là một trong những nhà thơ tình say mê nhất và phong phú nhất.

Những di sản tinh thần mà Xuân Diệu để lại cho chúng ta là những di sản đẹp đẽ và là những di sản lâu bền, có thể truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, di sản không chỉ có giá trị trong nước mà còn có giá trị quốc tế.

Tất cả những giá trị ấy đều bắt đầu từ trái tim anh, trái tim lớn của anh hầu như không biết đến sự phai tàn. Trái tim Xuân Diệu vẫn thường chống lại sự già cỗi, chống lại sự ươn hèn. Sao trái tim ấy hôm nay ngừng đập. Một cây lớn đổ xuống làm cho cả một khoảng trời trống vắng. Tổn thất này, biết rằng chẳng thể nào tránh khỏi mà sao đến sớm thế, đột ngột thế, và biết lấy gì để bù đắp!

Diệu ơi! Anh còn nghe không anh, anh có thấy không anh.

Quanh anh hôm nay là bạn bè thân thiết, đã từng vui buồn có nhau, đã chung nhau biết bao kỷ niệm, bao người bạn tóc bạc còn đây sao anh vội đi rồi. Mái tóc anh vốn ưa gội gió trời, vầng trán anh

ưa va đập với bầu trời trăm quê, vạn nẻo, sao bây giờ anh lại dừng bước. Sẽ còn mãi trong chúng tôi giọng nói thân quen của anh, tác phong chu đáo, tỉ mỉ, cởi mở chân thành, thái độ không nửa vời, tình cảm đằm thắm của anh. Tình cảm giữa anh và Huy Cận là tình cảm của một cặp bạn bè thủy chung mẫu mực hiếm có, tình cảm của anh đối với Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi và tất cả văn hữu thân quen cũng sẽ là tấm gương sáng mãi.

Diệu ơi! Quanh anh hôm nay còn có đông đảo các nhà văn, nhà thơ thuộc thế hệ sau anh, còn có các cây bút trẻ ở các địa phương, những người ngưỡng mộ anh, những người đã từng được anh chỉ vẽ, dìu dắt ân cần. Thái độ và tình cảm của anh đối với các thế hệ nhà văn đi sau thân yêu nhưng không nhân nhượng, độ lượng mà nghiêm khắc cũng là tinh thần trách nhiệm của anh trước nền thơ của cả dân tộc.

Từ nay, cánh cửa sổ trông ra ngã tư nơi đường Điện Biên Phủ dầu có mở ra, mà bạn bè, anh em, đồng chí và cả quần chúng mến mộ thơ anh không bao giờ được thấy lại anh nữa. Và riêng tôi, từ Tết này chiều ba mươi sẽ không còn niềm vui chờ nhận từ bàn tay nóng ấm của anh tập sách mới của anh mà năm nào anh cũng đúng hẹn đến tặng. Ngày xưa, khi in tập *Thơ thơ,* Thế Lữ đã từng reo mừng: "Thế là từ nay chúng ta đã có Xuân Diệu", thì từ

đây chúng tôi lại phải kêu lên lời nhớ tiếc: "Thế là từ nay chúng ta không còn Xuân Diệu nữa!". Nhưng các tác phẩm của anh sẽ còn sống mãi, hình ảnh thân yêu của anh vẫn còn sống mãi.

Chúng tôi kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt anh: Xuân Diệu!

HUY CẬN

NỬA THẾ KỶ TÌNH BẠN

Anh Xuân Diệu đột ngột từ giã chúng ta ra đi ngày 18-12-1985, còn mấy tháng nữa thì tròn năm mươi năm của tình bạn chúng tôi. Sắp tới Tết đầu tiên không còn Xuân Diệu, tôi xin ghi vội những chặng đường chính của Huy Xuân.

Tựu trường năm 1936, chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên ở trường "tú tài" Khải Định, Huế (Trường Quốc học cũ). Anh Diệu (ở Hà Nội về) học năm thứ ba, tôi vào học năm thứ nhất. Hai đứa đọc thơ cho nhau nghe, và "đồng thanh tương ứng", kết bạn với nhau gần như tức khắc. Tình bạn của chúng tôi, ngay lúc đó, không chỉ đóng khung trong địa hạt văn chương. Tháng 5-1937, trong trường có cuộc vận động đón Gôđa, đại diện của Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp đến Huế. Anh Diệu cầm đầu đám học sinh ba lớp ban tú tài đi đón. Tôi còn nhớ rõ anh Diệu bảo người gác cổng khóa cổng trường lại, không cho những kẻ nhút nhát rút lui về. Sau cuộc đón ấy, anh Diệu, tôi và một số anh em khác bị cắt học bổng, suýt nữa thì bị đuổi.

Tựu trường 1937, anh Diệu ra Hà Nội học trường

Luật và viết báo *Ngày nay,* tôi học năm thứ hai ban tú tài làm gia sư ở nhà một bác sĩ. Anh Diệu và tôi viết thư cho nhau hàng tuần và tôi gửi cho Diệu những bài thơ tôi vừa làm xong.

Tết năm Dần 1933, bài *Chiều xưa* của tôi được đăng cùng trong một khung với bài *Cảm xúc* của Xuân Diệu trên báo *Ngày nay,* và Tết đó tôi từ Huế ra chơi với Diệu ở Hà Nội, lần đầu tiên tôi làm quen với đất nghìn năm văn vật, và lúc trở về Huế mang theo một cành đào. Hè 1938, tôi ra sống với Diệu ở chân đê Yên Phụ. Ở đó Diệu viết *Truyện cái giường,* một số bài thơ, còn tôi thì viết *Buồn đêm mưa, Trăng lên, Đi giữa đường thơm* và mấy bài khác. Hè 1939, Diệu viết bài giới thiệu *Thơ Huy Cận,* sau một năm tôi đã có thơ đăng đều trên báo *Ngày nay.* Tựu trường năm 1939, sau khi đậu tú tài toàn phần, tôi dạy tư hai tháng ở Vinh và tháng mười ra Hà Nội học Trường cao đẳng Nông Lâm. Diệu thì tiếp tục học luật và dạy văn ở trường Thăng Long. Hai chúng tôi cùng sống ở gác 40, phố Hàng Than ("phố không cây thôi sầu biết bao chừng"), ở tầng dưới là anh Lưu Trọng Lư. Chúng tôi dành dụm tiền học bổng và tiền lương dạy học để cho tái bản tập *Thơ thơ* và cho in dòng chữ "Huy Xuân xuất bản", lên sách.

Cuối năm 1940, Diệu đi làm tham tá thương chánh ở Mỹ Tho, vì kế sinh nhai ("Cơm áo không

đùa với khách thơ"), cũng như tôi học cao đẳng Nông Lâm là cốt để có nghề tay trái. Chúng tôi tạm sống xa nhau, buồn đứt ruột, hàng tuần viết thư cho nhau, có tuần hai, ba lá thư. Từ đầu năm 1942, tôi đã tham gia hoạt động Việt Minh, nhưng chưa có dịp cho Diệu biết. Diệu thì chờ tôi đậu kỹ sư là "cuốn gói" trở về Hà Nội. Hè 1942, tôi đậu kỹ sư canh nông và cuối năm bắt đầu đi làm ở Sở nghiên cứu tầm tang. Diệu điện hỏi tôi: "Diệu từ chức được chưa?", tôi điện trả lời: "Từ chức ngay! Về ngay Hà Nội!". Chúng tôi sống trên gác phố Hàng Bông (số nhà 61), tiếp tục làm thơ, "làm nhà xuất bản Huy Xuân". Thời kỳ này (cuối năm 1943, đầu năm 1944), tôi hướng dẫn Diệu vào con đường hoạt động bí mật (trong Việt Minh và trong Đảng Dân chủ). Cuối năm 1944, Diệu về thăm quê ở Can Lộc (Hà Tĩnh), về thăm gia đình tôi ở xã An Phú và rất bí mật nói với mẹ tôi: "Anh Cận hoạt động Cách mạng rồi bà ạ. Nếu Cách mạng thành công thì không nói làm gì, nếu có điều gì chẳng may, thì con sẽ thay anh Cận cùng bà lo việc gia đình". Mẹ tôi ứa nước mắt và anh Diệu đã giúp mẹ tôi một số tiền để trả nợ. Cuối tháng 7-1945, tôi đi dự Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào (Thái Nguyên), thì Diệu ở lại Hà Nội, "giữ nhà". Cách mạng Tháng Tám thành công, chúng tôi chuyển về ở nhà số 50 phố Hai Bà Trưng (đằng sau Thư viện quốc gia). Diệu hăng say hoạt

động trong Hội Văn hóa cứu quốc, tôi thì phụ trách công tác ở Bộ Canh nông và ở Ban Thanh tra đặc biệt của Chính phủ.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, chúng tôi về Hà Đông rồi lên Việt Bắc, tôi ở ATK (an toàn khu) của Chính phủ, Diệu ở Lục Giá, rồi ở Thanh Cù, làm báo *Văn nghệ*, nhưng cứ khoảng vài tháng một lần, Diệu vai mang balô đi xe đạp và đi bộ về gặp tôi ở ATK. Lại những buổi thơ giữa sương đêm của rừng Việt Bắc. Cũng ở trong rừng Việt Bắc những năm đầu kháng chiến cả hai chúng tôi được kết nạp vào Đảng. Giải phóng miền Bắc chúng tôi về Hà Nội, được bố trí ở nhà số 24, đường Cột Cờ, nay là phố Điện Biên Phủ. Chúng tôi lại hăng say công tác, hào hứng làm thơ, "đi thực tế". Những năm chống Mỹ cứu nước, hai đứa hơn mười lần đi khu Bốn khói lửa, nhiều lần suýt chết dọc đường vì bom Mỹ. Dọc đường, chúng tôi đọc thơ cho bộ đội, cho dân công nghe, sống cuộc đời chiến sĩ, trong không khí hào hùng của đất nước. Giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, chúng tôi lại hăng say "đi thực tế" ở đồng bằng sông Cửu Long, ở Tây Nguyên, ở khu Năm "Khúc ruột miền trung", nhất là Diệu ham đi miền Nam mà anh đã hiểu biết và mến thương nhiều từ trước. Và Diệu đi bình thơ, có tới gần một nghìn cuộc bình thơ cho đến ngày Diệu mất. Còn ở ngôi nhà số 24 Điện Biên Phủ thì "Đêm

đêm trên gác đèn chong - Cận ngồi cặm cụi viết dòng thơ bay - Dưới nhà bút chẳng rời tay - Bên bàn Diệu cũng miệt mài trang thơ - Bạn từ lúc tuổi còn tơ - Hai ta hạt chín chung mùa nắng trong - Ánh đèn trên gác, dưới phòng, - Cũng là đôi kén nằm trong kén trời".

Cuộc sống và thơ đã cho tôi người bạn đời thân thiết nhất, cho tôi tâm hồn tri kỷ, tấm lòng tri âm nơi Xuân Diệu. Chúng tôi sống giữa đời như anh em sinh đôi, nhưng bản lĩnh và phong cách văn chương thì rất khác nhau, khác nhau mà bổ xung cho nhau thành một "quả đôi". Anh Diệu ra đi chưa kịp viết hồi ký, chỉ để lại cái tên *Tôi cảm tạ cuộc đời* cho tập kỷ niệm đang chuẩn bị viết. Xuân mất đi, còn lại Huy. Tôi sẽ viết hồi ký chung cho cả hai người với nhan đề là *Hồi ký song đôi.* Anh Tịnh Hà (em ruột anh Xuân Diệu), các anh Chế Lan Viên, Nguyễn Xuân Sanh, Tế Hanh và nhiều bạn thân khác của chúng tôi sẽ giúp tôi viết đầy đủ về đời và đời thơ của anh Xuân Diệu.

Nửa thế kỷ tình bạn, nói sao cho xiết! Diệu ơi, ở thế giới bên kia Diệu có còn nghe chăng Cận kể chuyện Huy - Xuân trong hơi thở ấm nồng của tiếng Việt, tiếng Việt mà chúng ta đã yêu tha thiết, yêu da diết như chính hồn của dân tộc, như chính hồn của mỗi chúng ta...

LỜI VIẾT THÊM CỦA NGƯỜI BIÊN SOẠN

Theo chỗ chúng tôi biết, nhà thơ Huy Cận đang hoàn thành bản thảo *Hồi ký song đôi* "chung cho cả hai người", dày sáu, bảy trăm trang viết tay, khi in ra sẽ là ngót nghìn trang in khổ 13x19cm. Hiện nhà thơ còn đang giữ bí mật. Tuy nhiên cũng có những điều tác giả *Hồi ký song đôi* đã dần dần "lộ bem" cho bàn dân thiên hạ biết. Nhà thơ Huy Cận còn viết khá nhiều thơ về Xuân Diệu để tặng Xuân Diệu và viếng Xuân Diệu. Sau đây là hai bài Huy Cận không còn giữ bí mật, vậy xin phụ chép sau đây để bổ sung cho bài viết này của nhà thơ trong khi chờ đợi *Hồi ký song đôi*.

BÀI THỨ NHẤT:

TẠI NGÔI NHÀ 24 ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đêm đêm trên gác đèn chong
Cận ngồi cặm cụi viết dòng thơ bay.
Dưới nhà bút chẳng rời tay
Bên bàn Diệu cũng miệt mài trang thơ.
Bạn từ lúc tuổi còn tơ
Hai ta hạt chín chung mùa nắng trong
Ánh đèn trên gác, dưới phòng

Cũng là đôi kén nằm trong kén trời.
Sáng ra gõ cửa: "Diệu ơi,
Nghe dùm thơ viết đêm rồi ra sao".
Diệu còn ngái ngủ: "Đọc mau!
Nghe rồi, xem lại từng câu mới tường ".
Dưới nhà, trên gác thông thương
Dòng thơ không dứt giữa luồng tháng năm.
Đứa năm bảy, đứa năm lăm,[1]
Trăm mười hai tuổi vẫn chăm với đời.
Hoa hoàng lan nở ngát trời,
Hương hoàng lan ấm là nơi gió về.

Tại 24 Điện Biên Phủ - Hà Nội
đêm 19-7-1974.

BÀI THỨ NHÌ:

VIẾNG MỘ BẠN

Lạnh lắm trời ơi! Lạnh lắm không?
Cận về không kịp, chỉ còn trông[2]
Đất vàng một nấm hoa vừa héo
Nằm một[3]*, giờ đây Diệu lạnh lùng.*

---

1. *Năm bảy, năm lăm* là tuổi hai nhà thơ năm 1974, lúc Huy Cận viết bài thơ trên. Xem thêm bài Hoàng Cát trong tập sách này.

2. Lúc Huy Cận đang ở nước ngoài thì ở nhà Xuân Diệu mất. Được tin, anh vội "bay" về - nhưng chỉ còn kịp để viếng mộ bạn.

3. Trước đây Huy Cận có câu thơ: *Chiếu chăn không ấm người nằm một.* (Theo chú thích của tác giả).

Năm mươi năm trước thuở ra đời
Thơ của Huy Xuân trái kết đôi -
Tình bạn Huy Xuân đời ấm áp -
Tiếng ai thăm hỏi: Xuân đâu rồi?

Xuân hãy còn đây, Xuân ở đây
Xuân đi, Xuân vẫn thắm đời này
Dọc đường tiễn Diệu về an nghỉ
Muôn vạn bà con mắt lệ đầy.

Hà Nội, đêm 23-12-1985

CHẾ LAN VIÊN

RỒI ĐÂY VĨNH VIỄN...!

Trời ơi, Hoan, hay Cận, hay Hanh, hay Lư chúng ta lại phải viết cho nhau về chuyện này ư? Mấy năm nay anh em mất nhiều, Hoan phấp phỏng lo lúc thì cho người này, lúc thì cho đứa khác trong lứa tuổi chúng mình. Nhưng phải đâu là Diệu, Diệu còn khỏe lắm mà! Anh em bảo một tuần trước đây Diệu đang còn khỏe. Bài viết rất hay của Diệu là bài viết cho anh chị em nhà văn trẻ hôm nay đến khóc trước quan tài.

Ở Bình Trị Thiên thăm bão lụt, hôm nay Hoan mới ra, và xuống đến sân bay Hà Nội thì mới hay tin Diệu mất. Anh Cơ, chủ tịch Nghĩa Bình quê Diệu, quê má Gò Bồi, khóc ở sân bay. Đến 51 Trần Hưng Đạo thì quan tài sắp lên xe tang! May còn kịp! May ư? Hở Diệu? Cận đâu? Cận 23 mới về! Cháu Vũ của bác Diệu đâu? Cháu Vũ chưa về! Anh Lành đâu? Anh Lành cũng đang họp ở nước ngoài! Sao mà Hoan ngu thế! Cả nhà ôm Hoan khóc, Hoan đến thăm Diệu còn hỏi Diệu đâu! Diệu nằm kia, qua mặt kính còn thấy Diệu. Hoan cố nhìn, cố nuốt cái hình dáng Diệu, rồi đây vĩnh viễn chỉ còn thấy

trên phim trên ảnh mà thôi. Nhưng Diệu đừng buồn (Diệu sinh thời luôn vui mà tính hay buồn). Những người thân yêu của Diệu có gần đủ. Xuân Như, em gái Diệu, Huy, em trai Diệu, Tịnh Hà, đứa em mà Diệu hết sức chăm lo, ở trong Nam cũng vừa ra kịp, một bộ áo quần đơn sơ giữa mùa gió lạnh này. Và bạn bè, bạn bè!... Anh em văn nghệ cưu mang đùm bọc lấy nhau, từ các anh già bảy tám mươi như anh Phan, anh Dụng, anh Lự, cho đến các anh em trẻ Vũ Quần Phương, Đỗ Chu... đến những anh chị em mới viết bài thơ đầu, truyện ngắn đầu, tất cả đều biết Diệu đi là một tổn thất vô cùng to lớn. Câu ấy chúng ta nói quá hóa nhàm, nhiều khi vô nghĩa, nhưng trên xe tang, Hoàng Trung Thông người từng đề tựa cho Diệu, Thông và Hoan đều thấy rằng Diệu từng là một bóng cây to che mát một góc vườn văn học Việt Nam nửa thế kỷ này. Từ nay cho đến cuối thế kỷ góc vườn ấy sẽ quang đi! Ôi, không phải lúc làm cái công việc cân đo lường ấy đâu Diệu ạ! Mà quần chúng chạy theo xe tang kia họ đã đánh giá rồi. Ừ, mới hôm qua thôi, Diệu còn cót két đạp xe đạp ngoài đường, sắp hàng mua các thứ, hay đi dạo chơi trước khi về căn phòng nhỏ ở 24 Cột Cờ: *"Nhà ta 24 Cột Cờ, Ai quen thì tới, ai lờ thì thôi"*. Hôm qua Diệu còn đó, họ chưa vội đánh giá, chưa biết đặt chỗ nào, nhưng nay thì họ đã đánh giá rồi: Họ đã dành những dòng

lệ quý nhất cho Diệu như khi cho cha mẹ, vợ con, cho người yêu mình, cho các chiến sĩ vì họ đổ máu trên các chiến trường. Và chỗ nằm của Diệu họ cũng đặt xong: cùng với Tản Đà, Tú Xương, Yên Đổ, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Trãi... nghĩa là những tinh hoa của giống nòi, của dân tộc mà Diệu đã từng ca tụng bằng tài năng lớn và tâm huyết lớn của mình.

Hoan từng nói đùa là năng suất của Diệu bằng cả một Viện văn chương mà Diệu vừa là viện trưởng, vừa là viện phó, vừa là loong toong, bởi vì chỉ một mình Diệu đã viết hầu hết các danh nhân văn học! Viết hay khó ai thay được!

Cái đau trong cõi tinh thần,
Đã đau một phút lại dần dần đau.

Ừ, bây giờ ta khóc, nhưng rồi đây ta sẽ đau vì thiếu Diệu là một sự thiếu không bù đắp được. Không, không phải chỉ là về văn chương, văn hóa, văn nghệ gì gì đâu, mà về chính trị ấy! Diệu là người đã từng bảo vệ chế độ cộng hòa ta từ hồi trứng nước, đánh nhau với kẻ thù mà bảo vệ, lúc nó mới chỉ là dân chủ cộng hòa 46, 45.

Thôi, Diệu nằm yên nghỉ. Mai kia Cận sẽ về. Rồi đây những độc giả vô danh sẽ đến. Họ mang hoa bên mồ Diệu và đọc.

Ngày hóa bếp hồng em chụm thổi,
Đêm thành lụa tuyết để em thêu.

Những cặp tình nhân của các thế kỷ sau sẽ đến nơi Diệu nghỉ, biết ơn Diệu đã giúp cho họ biết yêu một tia nắng, một cành hoa, trên trái đất này.

Bên quán Ông Già anh gặp em,
Mười năm em có giở ra xem.

Hôm qua, những người từng yêu Xuân Diệu một năm, một tháng, một ngày... cũng dần đủ mặt. Nhưng chính là các người yêu mai sau sẽ giở ra xem.

Tuần tới Hoan về Nam, cùng vợ con Hoan cùng khóc Diệu. Sẽ an ủi nhau: Diệu nằm đấy là không xa nơi Bác nghỉ, Bác vô cùng thiêng liêng, vô cùng vĩ đại. Diệu nằm đấy sẽ vui những điều Bác vui, nghĩ những điều Bác nghĩ. Và nằm trong tình thương của Bác, có bao giờ chúng ta lại cô đơn?

Hà Nội, ngày 21-12-1985

ĐÔNG TRÌNH

"NHẬP VÀO NGƯỜI KHÁC MÀ ĐỌC LẠI MÌNH"

..."Văn mình vợ người"! Đúng là như vậy thật, Văn... nó còn đỡ đấy, chứ thơ, trời đất, nó "mình" một cách đáng kinh sợ! Mình say mình... Chính mình cũng không hiểu nổi.

Tôi nói như thế có dông dài lắm không? Thôi thì xin mách cho các nhà thơ một kinh nghiệm nho nhỏ. Nó nhỏ đấy mà tôi thấy chưa ai nói cả, nên tôi nói; này nhé, khi đưa bản thảo cho nhà in họ sắp chữ, cái bản thử, gọi là cái "bản vỗ" đầu tiên ấy mà, tác giả có nên "chấm bông" không? Không! Một trăm lần không! Đối với các nhà thơ thì lại càng không nên. Vì sao mà không nên? Kinh nghiệm làm sách cho tôi thấy: Cái anh nhà thơ tự "chấm" bản vỗ cho tác phẩm của mình thường để lại nhiều "lỗi morát" hơn cả! Tại sao? Là vì anh ấy "mê" mình quá, "thuộc" mình quá, anh ấy "chấm" cái trong ruột mình, cái đã "nằm lòng", chứ có thấy bản in thử trước mặt đâu mà chấm? Mắt thì chăm chú đọc đấy, dò đấy, từng chữ, từng dòng mà cây bút chì

trên tay nó cứ vờn vẽ theo một nhịp điệu khác, nhịp điệu mê muội của một thứ... "bản gốc nội tâm"!

Cho nên, vì vậy mà các nhà thơ đáng kính trọng ơi, hãy "nhập vào người khác mà đọc lại mình"! Ở trong nhà in, mình nhập vào người thợ sắp chữ, mà phải quên mình đi thì mới nhập vào kẻ khác được. Ở ngoài phố, mình nhập vào người bán hàng. Ở sân ga, nhập vào người đi tàu. Nhập vào người thợ trong nhà máy. Nhập vào người lính ngoài mặt trận... mà đọc lại mình!

Câu chuyện nó như thế này, không phải là không thú vị mà lại cũng bổ ích cho chúng ta: Có lần tôi và anh Xuân Diệu đi tàu lửa từ Hà Nội vào Thanh Hóa. Phía trước chúng tôi, chừng như là mấy cô sinh viên, trên nền lắc lư của nhịp điệu con tàu, mở một tập thơ của anh Xuân Diệu ra đọc. Họ dừng lại ở mấy bài thơ tình in cuối tập, đọc lớn cho nhau nghe, rồi bình, rồi tranh cãi khá sôi nổi... Hoàn toàn hồn nhiên và vô tư, đâu có biết phía sau họ, Xuân Diệu lù lù ra đấy! Thật, ai cho vàng cũng không sướng bằng, nhìn vào nét mặt anh Xuân Diệu, cứ gục gục gặc gặc, lúc nheo mắt, lúc mỉm cười, nghe trộm chuyện mấy cô gái trí thức xinh đẹp nói về mình... Thì các anh nghĩ, vàng nó quý hơn à?

Một ngày sau khi đến Thanh Hóa, chừng như đêm hôm rồi, anh Xuân Diệu khó ngủ. Gặp nhau ở

bàn trà nhà khách, anh nói với tôi: Này ông, mình rút ruột ra mà làm, ấy thế mà có bài bị người ta "phê" đấy ông anh ạ! Nghe họ "phê", mình nóng mặt, chứ từ lâu nay có ai dám cả gan phê thơ tình Xuân Diệu? - Ôi! Cái chuyện vớ vẩn trên xe trên tàu ấy mà... Đến ga rồi, một tiếng còi hú lên là xóa! Xuân Diệu cãi: Xóa thế nào được! Đêm qua mình nằm đọc lại mấy bài ở cuối tập - NHẬP VÀO CÁNH SINH VIÊN ĐI TÀU ẤY MÀ ĐỌC - HÓA THÂN VÀO NGƯỜI KHÁC MÀ ĐỌC LẠI MÌNH - Đúng là mấy bài ấy không hay như mình vẫn chủ quan, do nhà xuất bản muốn có "cái mới" nên phải chiều! Rồi nghiêm túc và một chút bùi ngùi, ít khi thấy anh Xuân Diệu đáng thương như vậy: Là nhà phê bình, ông phải nói hộ điều ấy cho anh em!...

NGUYỄN TÙNG LINH

"CHỈ CÓ HAY VÀ DỞ MÀ THÔI"

Một dạo trên báo chí cũng như trong các cuộc tranh luận về thơ, có nhiều ý kiến - nhất là những người viết trẻ - hay nói đến cái mới và cái cũ trong thơ. Họ bênh vực sự tìm tòi nhưng lại có ý dè bỉu lối thơ chân phương có phần quen thuộc của các bậc đàn anh. Lúc bấy giờ nhà thơ Xuân Diệu đang rất tán dương tính chân chân chân, thật thật thật trong thơ. Nhân một buổi gặp gỡ với các cây bút trẻ Hải Phòng, có người đề cập đến vấn đề cũ, mới, Xuân Diệu ngứa ngáy, lớn tiếng: "Xét cho cùng làm gì có vấn đề mới hay cũ trong thơ, chỉ có hay và dở mà thôi. Ai bảo cụ Nguyễn Trãi là cũ khi cụ viết: *"Tuổi già tóc bạc cái râu bạc. Một ngọn đèn xanh con mắt xanh"*. Còn những bài thơ chưa khô mực nhưng dở mèm mà gọi là mới ư? Cái gì hay thì luôn luôn mới, còn cái dở bị đào thải ngay khi ra đời thì là cũ chứ còn gì nữa".

Sau này mỗi khi có tranh luận thơ, tôi lại nhớ đến lời nhà thơ Xuân Diệu và lại càng thấm thía với ý kiến xác đáng của nhà thơ uyên bác cao tuổi ấy.

"THƠ PHẢI CÓ TÍNH... THƠ"

Lại có một dạo người ta khoác lên thơ rất nhiều tính: Nào tính giai cấp, nào tính nhân dân, nào tính dân tộc, tính hiện đại...

Một lần tôi và nhà thơ Võ Văn Trực đến thăm anh Xuân Diệu ở ngôi nhà của anh ở phố Cột Cờ, nơi anh viết hai câu thơ: *"Nhà tôi ở phố Cột Cờ. Ai thăm thì đến ai lờ thì qua"*. Tôi nhớ lúc đó hình như anh mới đi Pháp về. Anh nói chuyện rất nhiều về xứ người, về văn hóa, văn học của họ. Chuyện loanh quanh thế nào lại xoay đến chuyện thơ. Anh than phiền về việc người ta khoác lên thơ quá nhiều chức năng, e rằng thơ quá tải. Để dễ hiểu, anh ví dụ: Một anh chồng đạp xe qua mấy chục cây số đường về thăm vợ. Vợ anh là huyện ủy viên, chủ tịch xã, hội trưởng hội phụ nữ, ủy viên chi hội chữ thập đỏ... Nhưng trước hết cô ấy phải là vợ anh đã chứ. Anh chồng vượt qua bao đường đất là để về với vợ - một người phụ nữ - chứ không phải về với bà huyện ủy viên, bà chủ tịch xã hay một bà... chức sắc gì đi nữa. Thơ cũng vậy, trước khi thơ mang tính này, tính nọ thì thơ phải có tính... thơ cái đã. Có nghĩa là thơ phải làm cho ta xúc động, phải truyền cảm, phải làm cho tâm hồn người ta bay bổng như được chắp cánh.

NGUYÊN AN

XUÂN DIỆU CÓ MỘT LẦN

Xong việc ở tạp chí *Văn nghệ quân đội,* anh Hồ Khải Đại bảo:

- Ta đến nhà ông Xuân Diệu chơi đi!

- Có hẹn chưa anh?

- Không hẹn chính xác, nhưng hôm nọ gặp nhau ở Hội Nhà văn, ông ấy có hỏi thăm mình và dặn là viết được thêm gì thì đến đọc cho ông ấy nghe.

Như để tôi thêm hăng hái, anh Đại nói tiếp:

- Đừng ngại, Xuân Diệu chan hòa lắm, thích gặp đồng hương xứ Nghệ lắm.

Tôi đã được gặp và hầu chuyện ông dăm ba lần, song vẫn chưa dám tin lời anh Đại. Xuân Diệu, phải, nhà thơ Xuân Diệu là người của nhiều vùng quê rồi. Cái chất Nghệ là gì? Nó có ở ông ra sao? Lại còn cái mặn mòi của mắm, của gió Bình Định nữa, nó ngấm vào ông thế nào? Tôi đạp xe theo nhà thơ Hồ Khải Đại với miên man những ý nghĩ đại loại như thế.

Đi qua bóng mát của mấy tán cây thì đến cửa nhà Xuân Diệu ở. Không hiểu cái mát lạnh của ngôi nhà kiểu cổ có tường dày, lại núp dưới bóng

cây, hay cái ý nghĩ là mình sắp được trò chuyện với một người nổi tiếng tài tình mà cũng hay trực ngôn lúc bình thơ, làm tôi cứ chờn chợn. Như đã rất quen, anh Hồ Khải Đại gõ cộc cộc vào cánh cửa gỗ, tiếng gọi rất vang:

- Anh Xuân Diệu có nhà không?

Tôi hơi hoảng, sao ông Đại to giọng thế nhỉ!? Có tiếng lịch kịch của ghế của bàn từ trong nhà. Im lặng mấy phút, tiếng nhà thơ:

- Ai như Hồ Khải Đại, Đại phải không? Gớm, người thì nhỏ, tên lại to, miệng thì bé, tiếng lại cả.

Nghe ông làm một hơi thế, tôi nhẹ cả người. Mấy câu thơ chợt hiện: "Khi ta đến gõ lên từng cánh cửa - Thì tin yêu chân thật đón ta vào...", tôi đọc nho nhỏ trong lúc chờ anh Xuân Diệu ra mở cửa, Hồ Khải Đại bảo: "Thơ Nguyễn Khoa Điềm đấy! Có lần Xuân Diệu nói với mình là thơ của mấy ông trẻ viết thế thì ghê lắm, chịu rồi". Đến mấy phút, vẫn không thấy ai ra. Anh Đại tự mở hé cửa, tôi kịp nhìn thấy Xuân Diệu cởi trần đang ngồi sau cái bàn viết. Đoạn, anh Đại mở to cửa, rồi hai anh em nhè nhẹ bước vào. Chúng tôi tự động ngồi vào bộ bàn ghế nhỏ ở góc phòng. Phải dăm bảy phút sau, Xuân Diệu mới đứng dậy, ông lúc lắc cái đầu to với mấy món tóc quăn tự nhiên đang rủ xuống, mắt kính lấp lóa. Ông nói, như vẫn tiếp tục trò chuyện với chúng tôi từ bao giờ.

- Nóng nhỉ. Đại kỳ này da dẻ tốt đấy. Có gì đọc nghe đi.

Anh Đại giới thiệu tôi với Xuân Diệu. Ông nhấc kính lên nhìn tôi, cặp môi dày mấp máy, hai cánh mũi động đậy, trông ông hệt như một con mèo đang đứng trước chú chuột nhắt, song đáng yêu một cách thật hồn nhiên. Ông hỏi:

- Em đọc Xuân Diệu cũng nhiều đấy chứ? Em thích câu nào?

Như chú học trò, tôi đọc thơ ông, chẳng ra bài nào lại bài nào, cứ nhớ đâu đọc đấy. Ông im nghe, mắt lúc lim dim, lúc mở to nhìn chầm chầm phía ngoài cửa sổ. Thốt nhiên, ông quay sang anh Đại hỏi:

- Đại thấy có nhiều người thuộc thơ Diệu thế không?

Anh Đại chưa kịp trả lời, ông lại tiếp:

- Mà em đọc có chỗ chưa đúng đâu, thơ mình được dân gian hóa đó, ông Đại ạ. May mà giọng nghe cũng được.

Ông cười, vẻ sảng khoái, rồi bảo tôi đọc lại mấy câu: "Trái tim tôi một cái túi tràn trề". với "Tôi muốn làm cây củi ven sông Ba!". Ông ngồi im nghe, lừng lững như pho tượng, xa xăm, bí ẩn mà dãi dầu. Những giọt mồ hôi lăn lăn từ khuôn ngực chảy xệ xuống phần bụng đang rung rung của ông. Anh Đại đứng dậy cầm lấy cái khăn bông to như khăn

tấm vẫn phủ trên vai ông xuống gấp gấp lại rồi thấm mồ hôi trên lưng và trên bụng ông. Nhà thơ vẫn ngồi yên lặng, ông rên lên khe khẽ, vẻ mãn nguyện, miệng lắp bắp:

- Cảm ơn, cảm ơn Đại, thôi để mình, để mình...

Đoạn, quay sang tôi, Xuân Diệu hỏi:

- Sao em lại thuộc những câu ấy?

Anh Đại đỡ lời:

- Nguyên An trước có dạy Văn cấp III và ở Đại học sư phạm, thầy giáo Văn thuộc thơ Xuân Diệu là phải rồi.

Ông hỏi tôi còn thuộc thơ những ai và thích những bài nào câu nào... Ông kể chuyện hồi nhỏ đi học, nhặt được một ý thơ hay thì vội ghi lại. Ông bảo:

- Thầy giáo Văn bây giờ nên hướng dẫn học sinh biết tự đọc sách, tự ghi chép. Học văn dạy văn muốn cho giỏi cho hay thì phải thuộc nhiều thơ văn. Thuộc thơ văn tức là có bột, để gột nên hồ là các bài luận, phải không?

Ngừng một lát, ông dặn:

- Hôm nào Nguyên An bảo với mấy thầy dạy Văn cho mình gặp các em học sinh với nhá!

Anh Đại đọc bài thơ mới viết. Xuân Diệu nghe rất chăm chú. Rồi như sực nhớ ra, ông đứng dậy rất nhanh, te tái và dềnh dàng, ông đi như chạy vào góc phòng, lôi lôi xếp xếp kéo ra, ôm lại một chồng

sách báo, bản thảo. Ông giở cho chúng tôi xem một tập giấy cứng, khổ to, trang nào cũng chép thơ ông bằng một nét chữ chỗ thì uốn lượn, chỗ thì nhảy múa rất khoáng đạt. Ông nói như khoe, hồn nhiên và chân mộc:

- Việt kiều người ta chép tặng mình đấy, thơ phải hay người ta mới chép truyền nhau như vậy chớ!

Đã trưa, Xuân Diệu bê ra một cái khay có hai cốc nước lọc trong suốt, mát lạnh với hai cái bánh xốp mời chúng tôi. Còn ông, ông xin phép ngồi ăn riêng ở góc phòng: một cốc sữa, mấy lát giò, một cái bánh mì, và hình như còn có một quả trứng luộc với vài quả dưa chuột nữa thì phải. Ông ăn và uống, hối hả, hì hụp như không biết còn có chúng tôi đang có ở trong phòng. Ấy là tôi trộm nghĩ thế.

Tôi và Hồ Khải Đại định về, song lại sợ ông bị hẫng. Không biết là Xuân Diệu có đoán ra không. Có tiếng lách cách của dao và bát, tôi nhìn sang, bàn ăn của ông đã gọn. Ông cầm một cốc nước lọc khác bước lại phía chúng tôi:

- Bây giờ thì mình có thể ngồi thêm với hai bạn dăm phút nữa. Rồi còn phải nghỉ, rồi còn phải viết nữa chớ.

Anh Đại đưa mắt cho tôi, vẻ thông cảm. Còn tôi, tự nhiên thấy thương ông quá. Ông như một người nông dân xứ Nghệ chính cống: cặm cụi làm, hùng

hục làm, hối hả ăn, để rồi lại làm... thiết thực thiết thân đến mức dường như vô ý... Đã thế, tiễn khánh ra cửa ông còn chép miệng:

- Về nhá, lại đến nữa nhá! Ờ mà lát nữa thì các cậu lại có người lo lắng mà hỏi là: "Đi đâu về? Có mệt không?". Còn mình thì chỉ có sách với giấy với bút nó trừng trừng hỏi là: "Hôm nay Xuân Diệu đẻ được bài nào mới không?" thôi!

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

NHỚ BẠN
(Trích)

Thu muộn. Đi lại một mình trên gác xép, tay ôm đứa con bé trong lòng, tôi bỗng nổi cơn thơ thẩn, dìu dịu, ru con bằng hai dòng thơ của anh Xuân Diệu:

Đã nghe rét mướt luồn trong gió,
Đã vắng người sang những chuyến đò.

Trời! Sao mà tha thiết, sao mà thấm đượm hồn! Cái cảnh cuối thu ở miền Bắc? Tôi đã ru hai dòng này bằng đủ các điệu sa mạc, bồng mạc, cò lả, cả quan họ nữa tuy biết rằng đây là hai dòng bảy tiếng. Bảy bẻ thành sáu, thành tám cũng chẳng khó khăn gì. Nhưng giá có anh Xuân Diệu ở bên cạnh, chắc cháu nhỏ chưa dám sà vào lòng ngay. Vì trông anh có hơi dữ tướng. Mặt anh to, sần sùi trứng cá; tóc anh xoăn, bồng lên, xù lên như cái bờm sư tử. Mà sao lưỡi anh có lẽ hơi thụt một chút, nên mấy âm đầu anh phát ra quả là khó khăn; sau đó thì tuôn ra như suối chảy, như mưa rào. Anh thường được mời đi nói chuyện về văn chương, về thơ khắp nơi (cả ở bên Pháp nữa). Anh nói về thơ

của mình ít thôi, nói chuyện về thơ bạn, thơ người xưa thì nhiều. Anh là nhà thơ hiện đại của ta có tác phong đi đọc thơ ở mọi hội nghị, mọi cơ quan, mọi trường học. Tôi thường tự nhủ, anh ấy đi gửi hương cho gió, gửi nhiều, khúc chiết, tinh tế, cả độ lượng nữa. Không cầu toàn bích. Bài nào, dòng nào có từ hay là anh thích thú gợi lên. Anh đến nói chuyện về thơ Trần Đăng Khoa khi em Khoa còn đương học ở trường phổ thông cơ sở. Hình ảnh chiếc lá rơi nhè nhẹ "như là rơi nghiêng", hình ảnh chú dế mèn vuốt râu bờ tre, hình ảnh trăng tròn như quả bóng "lơ lửng mà không rơi".v.v... đều được anh gợi tả một cách thích thú, như chính là thơ của anh vậy. Anh có cho biết là anh đã về quê nhà thơ nhỏ tuổi nhiều lần. Thăm hỏi ân cần, bàn bạc thấu đáo, như người vun xới cây hoa đang chúm chím. Thậm chí anh cũng chẳng tị hiềm khi nói về thơ của người bạn thân thiết, anh Cù Huy Cận. Anh như xuýt xoa nói về cái màu đỏ của con gà núi Tản đứng canh gác biển Đông. Một hôm, anh đằm giọng đọc cả bài thơ tám dòng, bảy tiếng của Phạm Văn Hạnh. Đọc đến dòng cuối:

Quần tơ, thịt lẳn, búp hoa quỳ.

Anh lại nháy nháy mắt với tôi. Phạm Văn Hạnh viết: "Giọt sương hoa" thơ văn xuôi. Phạm Văn Hạnh làm thơ văn vần, thơ bát cú. Có lẽ bài anh Xuân Diệu đọc là bài duy nhất, cách điệu của anh

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

NHỚ BẠN
(Trích)

Thu muộn. Đi lại một mình trên gác xép, tay ôm đứa con bé trong lòng, tôi bỗng nổi cơn thơ thẩn, dìu dịu, ru con bằng hai dòng thơ của anh Xuân Diệu:

Đã nghe rét mướt luồn trong gió,
Đã vắng người sang những chuyến đò.

Trời! Sao mà tha thiết, sao mà thấm đượm hồn! Cái cảnh cuối thu ở miền Bắc? Tôi đã ru hai dòng này bằng đủ các điệu sa mạc, bồng mạc, cò lả, cả quan họ nữa tuy biết rằng đây là hai dòng bảy tiếng. Bảy bẻ thành sáu, thành tám cũng chẳng khó khăn gì. Nhưng giá có anh Xuân Diệu ở bên cạnh, chắc cháu nhỏ chưa dám sà vào lòng ngay. Vì trông anh có hơi dữ tướng. Mặt anh to, sần sùi trứng cá; tóc anh xoăn, bồng lên, xù lên như cái bờm sư tử. Mà sao lưỡi anh có lẽ hơi thụt một chút, nên mấy âm đầu anh phát ra quả là khó khăn; sau đó thì tuôn ra như suối chảy, như mưa rào. Anh thường được mời đi nói chuyện về văn chương, về thơ khắp nơi (cả ở bên Pháp nữa). Anh nói về thơ

Hạnh. Vậy mà anh Xuân Diệu đã nhớ kỹ, thuộc lòng. Đủ biết anh Diệu trân trọng, quý báu thơ hay thơ đẹp biết dường nào. Phạm Văn Hạnh, Nguyễn Nhược Pháp là những nhà thơ "sao băng" của chúng ta, vụt lóe lên, vạch một dòng sáng lên bầu trời. Vậy mà, những ngôi sao sớm tắt ấy vẫn lấp lánh trong lòng anh. Ngoài việc đi khắp nơi, bình văn, bình thơ, anh Xuân Diệu còn để tâm viết ba bài Đại luận về ba nhà thơ lớn, gần gũi với thời chúng ta: Nguyễn Khuyến, Tú Xương và Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Bài anh viết đồ sộ, tinh tế đến nỗi anh em cho anh đã là cả một viện văn học.

Có hôm đi cùng anh Cù Huy Cận, anh đã vào tận trường Đại học Sư phạm I, cây số tám đường Cầu Giấy, để vừa "đòi" bộ lý luận văn học của tôi, vừa tặng quyển đại luận của anh về Nguyễn Khuyến. Chúng tôi bèn đề tặng cho nhau. Khi đưa tôi quyển *Nguyễn Khuyến*, anh Xuân Diệu cười và nói: Cụ Nguyễn Khuyến những bốn vợ kia đấy. Chuyện đùa thôi, nhưng sao tôi lại thấy xót xa: Anh Xuân Diệu vẫn là người độc thân. Anh là người làm thơ tình nhiều nhất, nhưng lại không gặp được tình. Sự đời thật lắm nỗi trớ trêu. Các anh ra về, đêm ấy, trong căn phòng tồi tàn của tôi, tôi chong đèn ngồi đọc quyển *Nguyễn Khuyến* của anh, càng đọc tôi càng vỡ ra một lẽ: Thơ lại gặp thơ.

Chẳng phải không làm thơ, thì không hiểu thơ,

không bình thơ được. Nếu vậy thì học sinh, thầy giáo thời xưa cũng như thời nay hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng vẫn phân tích, vẫn bình thơ thì làm thế nào? Có phải học sinh và thầy giáo đều tất cả là những nhà thơ cả đâu? Nói chính xác hơn, nói đến cái cốt lõi hơn thì theo tôi, muốn hiểu, muốn cảm thụ, muốn phân tích, bình thơ thì phải có tâm hồn thơ, khả dĩ cảm ứng với tâm hồn của nhà thơ. Có hai cây đàn, cây này lên tiếng thì cây đàn kia ít ra cũng rung lên một phần nào tiếng mới lan tỏa trong cõi trời được, thì tiếng thơ mới thấm vào đáy lòng được. Cây đàn của anh Xuân Diệu chẳng những đã rung lên mà còn ngân nga, thánh thót. Đó chính là một công lao lớn của anh Xuân Diệu.

Trong các cuộc nói chuyện về thơ, trong các bài đại luận của anh, anh đã có những tìm tòi, khám phá mà nếu các nhà thơ đã quá cố sống dậy được, chắc phải vỗ vai anh, vỗ vai người tri kỷ.

Trong quyển *Nguyễn Khuyến* anh đã có những dòng đồng cảm, đặc biệt anh đã chú ý đến ba bài thơ mùa thu của cụ nghè Tam nguyên. Cụ đã thấm thía với mùa thu ở miền Bắc, ở nông thôn, cụ đã có những vần trác tuyệt. Anh Xuân Diệu đã thấy cái thấm thía ấy. Anh đã chú ý đến vần *vèo* (vần *eo* trở vận): mặt ao, sóng gợn lăn tăn, lá vàng bỗng đưa vèo, trong cái yên lặng của điền viên bỗng có một cái xáo động nhỏ, xáo động của đồng quê. Trong

việc phân tích thơ văn của cụ Tú Vị Hoàng, anh có một nhận định thật minh xác. Tú Xương ngoài văn chương châm chọc đã có những bài có tính chất trữ tình sâu lắng. Anh cho bài *Sông lấp* là bài thơ có giá trị nhất của cụ Tú; cũng như anh Nguyễn Tuân đã nhận định:

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi đò.

Thơ văn đông, tây, xưa và nay đã nói nhiều đến các biến thiên của đất trời, của cảnh vật và của nhân tình, thậm chí trong tiếng nói của chúng ta đã có những từ ngữ hầu như trở thành sáo mòn: Tristesse d'olymfio... rồi.

Thương hải biến vi tang điền.

rồi tang thương, rồi bể dâu.v.v...

Nhưng trước mắt ta đây, ngay hôm qua đây, sông kia nay đã bị lấp, tiếng í ới gọi đò nay chỉ còn như những tiếng ếch nhái.

Còn đâu nữa: Eo sèo bến nước chuyến đò đông của bà Tú. Còn đâu nữa cảnh mênh mông trời đất. Mà chỉ còn nhà cửa, ruộng đồng, tầm thường đến phát ngán. Phân tích bài *Sông lấp,* anh Nguyễn Tuân nặng về chính trị, anh Xuân Diệu thấy được, chẳng những cái biến đổi của lẽ đời, mà cả của vũ trụ nữa. Trên bình diện này, anh mới cho bài *Sông*

lấp là bài hay nhất của cụ Tú Xương, bài trữ tình nhất của một nhà thơ thiên về châm biếm.

Trong bài đại luận về nhà thơ Sông Đà, Núi Tản, Xuân Diệu thiên về mở rộng ra văn thơ đông tây kim cổ, song anh cũng nói đến cái chất Việt Nam của cụ Nguyễn Khắc Hiếu, cái "Thói" rượu và ngông của nhà thơ. Gần đây người ta đã bàn tán nhiều về bài *Thề non nước* của Tản Đà. Người thì bảo là một bài thổ lộ tinh thần yêu nước, người thì cho là một bài không rõ chủ ý: Nói về tình duyên với cô đào hát, hay nói mập mờ đến tình duyên với "non nước".

Tôi thiên về ý thứ nhất, và tôi cho là ý còn rõ hơn là bài mở đầu bằng dòng:

Kìa bức dư đồ rách tả tơi.

Trong bài *Thề non nước* nhà thơ đã mượn cuộc tình duyên trai gái để nói bóng gió đến tình duyên non, nước.

Bảo cho non biết, chớ buồn làm chi...
... Nước non hội ngộ còn luôn
... Nước đi ra bể lại mưa về nguồn...

Xa xôi vậy thôi, khẳng định đến mức ấy vậy thôi. Mà thế là đã xé lòng, đứt ruột của người có tâm rồi!

Theo dõi các cuộc nói chuyện thơ của anh, đọc các bài viết của anh, tôi tâm đắc một điều: Ít khi anh dùng đến các tính từ nói về phương pháp sáng

tác, như lãng mạn, hiện thực, hiện thực phê phán... Có lẽ anh phải có chủ đích.

Trong một giai đoạn lịch sử văn học nào đó của phương Tây, người ta đã có thể phê phán, chia ranh giới giữa chủ nghĩa lãng mạn với chủ nghĩa hiện thực phê phán, với chủ nghĩa tự nhiên v.v... và người ta đã có thể dán cho một số nhà văn, cái tem, cái nhãn hiệu, dù chỉ là đại khái: Nhà văn lãng mạn như V.Huygô, Byron; nhà văn hiện thực phê phán như Balzac, Zola, nhà văn tự nhiên chủ nghĩa như anh em Goncourt...

Trong lịch sử văn học Việt Nam, xưa kia người ta xa lạ với các danh từ lãng mạn, hiện thực phê phán v.v... thậm chí có thời kỳ người ta còn nói đến văn sử bất phân. Bây giờ, do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do các nhà văn của chúng ta tiếp xúc một lúc với tất cả các thứ chủ nghĩa nói trên, do chịu ảnh hưởng của nhiều thứ cùng một lúc, nên cũng khó mà phân biệt chính xác được họ là thế này, thế nọ, họ mang nhãn hiệu này hay nhãn hiệu khác.

Đối với anh Xuân Diệu cũng vậy thôi. Các nhà phê bình văn học gọi anh là nhà thơ mới thì đúng thôi: Mới so với thơ cũ, mới so với cách dùng từ đặt câu của người trước. Còn bảo anh là nhà văn, nhà thơ lãng mạn thì có lẽ còn phải bàn. Tôi còn nhớ hồi tôi ở trọ một mình trên gác một căn nhà ở phố

Phạm Phú Thứ, anh có đến thăm tôi, anh phải đi qua nhà chủ, nhà dưới. Anh thấy hai cô gái nhà chủ, ngồi buồn thiu ở hai mép giường. Anh đã có phút cảm xúc, và đã viết nên câu chuyện *Tỏa Nhị kiều* đăng trong tập *Phấn thông vàng*. Để tránh tò mò anh gọi tôi là một họa sĩ. Tôi ở ngôi nhà ấy, tôi qua lại, gặp mặt thường xuyên với ông chủ và hai người con gái ngồi lặng ở giường, không một chút sinh động nào, như hai hiện thân của pho tượng buồn. Tôi đã không nhạy cảm, có lẽ do nhìn mãi hóa nhàm. Anh Xuân Diệu không thế, anh đã chụp được một pô tuyệt diệu, một pô rất hiện thực, như cuộc sống bình lặng trôi qua ở giữa thị thành náo nhiệt. Anh quả đúng là một nhà văn hiện thực một trăm phần trăm. Nhiều chuyện trong thơ, trong văn của anh cũng tương tự như thế. Chuyện *Phấn thông vàng* là thột chuyện thực, là một cảm hứng thực, rõ cái ngụ ý: Gửi hương cho gió.

Cuộc đời của anh Xuân Diệu, cuộc đời nhà thơ của anh toàn là sự gửi hương cho gió. Tiếc thay! Gió đã không thổi trả lại anh được chút hương vị của mùi đời.[1]

1. Trích *Nhớ bạn,* Nhà xuất bản Văn học, 1992, phần viết về Xuân Diệu.

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

XUÂN DIỆU VÀ NIỀM KHÁT KHAO GIAO CẢM VỚI ĐỜI

Tôi được tiếp xúc nhiều với Xuân Diệu bắt đầu từ cái hồi anh phụ trách tờ *Tác phẩm mới,* đâu như khoảng 1968, 1969 gì đó, tôi có đến anh mấy lần về chuyện bài vở. Thấy tôi viết bản thảo kín cả hai mặt giấy, anh lấy làm ái ngại. Anh lục tìm cho tôi một cuộn giấy báo chưa in, bảo rọc ra mà làm bản thảo dần:

- Bản thảo phải viết một mặt, sửa chữa tiện. Khi gấp người ta có thể đưa sắp chữ ngay không cần đánh máy.

Thì ra anh quan tâm đến người khác một cách rất cụ thể.

Từ đó, thỉnh thoảng tôi lại đến thăm anh, nhất là khi chán nản, muốn tìm ở anh một không khí làm việc trở lại.

Hồi viết về Nguyễn Tuân, tôi có lúc thấy bí quá, xoay trở mãi không sao đi được phần đầu. Tôi được Xuân Diệu phổ biến kinh nghiệm:

- Quy luật viết - viết phê bình hay sáng tác thơ

cũng thế - là quy luật cóc nhảy. Viết đoạn đầu mà tắc thì cứ bỏ đấy, viết sang phần khác, rồi đến lúc nào đó, quay trở lại, tự nhiên sẽ thấy thông thuận. Vẽ người cũng thế, cứ gì phải vẽ từ đầu xuống, có thể vẽ từ dưới lên cũng được chứ. Rồi anh tìm lời động viên tôi: Mình cũng thế thôi, nhiều khi đặt bút viết mà đầu cứ rỗng không, chẳng có chữ nào. Viết như bị đòi nợ, đến hẹn rồi mà không có xu nào trả. Thế mà rồi cũng viết được đấy. Tập trung suy nghĩ mãi vào một điểm rồi nó bật ra.

Trò chuyện với Xuân Diệu đến độ thân mật thì anh không chỉ nói chuyện văn mà còn nói chuyện đời. Mà chuyện đời không chỉ trên những đạo lý lớn mà nhiều cái tỉ mỉ, thiết thực:

- Này, muốn viết được đều đặn, phải có vật chất bồi dưỡng. Có tài không đủ, phải có sức nữa. Đêm nào mình định viết một cái gì đấy, buổi chiều thế nào cũng phải mua vài lạng thịt. Mình cứ viết hết bài nọ đến bài kia, luôn luôn ở tình trạng phải cố sức. Không bồi dưỡng, không viết được.

Rồi anh cho tôi biết giá thịt bây giờ bao nhiêu, thịt lẫn xương bao nhiêu, loại thịt nạc, thịt thăn bao nhiêu. Rồi giá trứng gà, trứng vịt. Anh tính toán ăn cái gì bổ hơn mà rẻ hơn.

Buổi sáng hôm ấy, anh vừa nói chuyện với tôi vừa để ý nghe ngóng tiếng con gà mái cục tác ngoài sân sau. Anh cười lớn và giải thích:

- Con gà có tật ăn trứng, thành ra khi nó đẻ, nhà thơ phải biết mà "chộp" ngay lấy.

Có những nhà văn sản xuất ra nghệ thuật thì ít mà sống một cách "nghệ sĩ" thì nhiều. Xuân Diệu không thế, anh sống như một người căn cơ, chu đáo nhất. Anh muốn tạo điều kiện để dồn tâm lực vào nghệ thuật đến mức tối đa. Như thế không phải là nói sự tách rời hay đối lập giữa con người của cuộc sống và nghệ thuật của anh ta. Trái lại, đây là nói sự thống nhất, thống nhất cao độ của lối sản xuất văn chương hiện đại. Xuân Diệu không muốn phân tán thì giờ và tài hoa, sức lực vào những cái gì không có ích cho sản xuất. Chỗ đứng và giá trị của nhà văn là ở chỗ sản xuất cho tốt, cho hay, cho nhiều. Ôi, đời người thì ngắn ngủi mà nghệ thuật biết bao là khó khăn. Có dồn tất cả tinh lực, tất cả thì giờ của một kiếp người vào đấy cũng không đủ. Xuân Diệu nghĩ thế, và anh đặt lên trên hết chất lượng và số lượng của trang viết. Anh tập thể dục, anh giữ vệ sinh, anh ăn uống cho đủ lượng, đủ chất và điều độ, tiết kiệm... để viết. Viết ngày, viết đêm. Đang có hứng, có đà thì không thể dừng lại. Vả lại sách in, bài đăng báo có thời hạn của nó. Mùa hè anh xoay trần ra viết. Trông con người anh đang viết, lắm lúc thấy không có vẻ gì là "thi sĩ" cả. Một sự lao động cật lực, căng thẳng, hối hả. Một sự đánh vật với ý tứ, chữ nghĩa, vần điệu, hình ảnh...

và với thời gian. Cái này rút cục mới là kẻ thù đáng gờm nhất của anh. Phải, thời gian - "Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!" - anh phải tranh thủ từng phút, từng giây. Ngày xưa, anh sợ thời gian cướp đi của anh những lạc thú tuổi trẻ và tình yêu. Ngày nay, anh sợ thời gian cướp đi của anh những tháng ngày anh sống và làm việc cho đời, cho cách mạng.

Nhưng bản chất Xuân Diệu là một bản chất tích cực. Anh lao vào công việc. Làm việc và làm việc. Cứ làm việc thật tốt, thật nhiều cho đời thì sẽ được sống mãi với đời. Tôi đã thấy có lần anh phát cáu, văng tục lên với chính sự làm việc quyết liệt của mình: "Chỉ muốn vất mẹ nó đi, sao lại nhận viết làm gì? Khổ quá! Mệt quá?". Nhưng tôi biết, thanh toán xong cái "của nợ" ấy chưa ráo mực, anh sẽ lại nhận ngay một "commăng" khác.

*

* *

Với xuân Diệu, làm thơ, viết văn thực sự là một nghề nghiệp. Đã là nghề thì "nhất nghệ tinh nhất thân vinh". Đừng trông cậy vào cái gì khác, trừ khi anh không thật tâm đi vào nghề này. Muốn "nghệ tinh" thì phải khổ luyện. Cứ xem những cái tên sách của Xuân Diệu: *Dao có mài mới sắc*, *Mài sắt nên kim*... Anh viết bài *Sự lao động cật lực của nhà nghệ sĩ thiên tài,* nêu lên tấm gương lao động nghệ thuật thật "dễ sợ" của Mikenlăng.

Hồi Xuân Diệu xuất hiện trong phong trào Thơ mới, thấy những cách tân táo bạo của anh có dấu vết ảnh hưởng rõ rệt của thơ Pháp, nhiều người tưởng đâu anh chỉ đọc nhiều Muytxê, Véclen, Bôđơle, v.v... rồi bật lên thành thi sĩ. Muốn tự giải phóng, muốn thật là mình, Thơ mới không chỉ học ngoài, mà trước hết phải học trong, học ông cha mình. Thơ mới thực ra có gốc truyền thống rất sâu, căn bản không phải ở thể cách này, thể cách khác của thơ, mà ở cái nhạc điệu tâm hồn riêng của người Việt Nam thấm nhuần trong ấy. Xuân Diệu là con một ông tú kép, tất nhiên có điều kiện tiếp xúc với văn học cổ. Anh đã học nghề thơ thật là kiên tâm, bền chí và đã tập tành qua đủ mọi thể tài của thơ ca truyền thống. Anh giải thích: Cái máu ông đồ Nghệ đã truyền cho anh đức tính cần cù ấy, hòa với dòng máu bên ngoại nồng nàn gió biển Quy Nhơn. Bốn, năm quyển vở thời học sinh anh còn giữ được ghi đặc những sáng tác của nhà Thơ mới tương lai: nào thơ thất ngôn bát cú, niêm luật nghiêm minh tề chỉnh, nào thơ tứ tuyệt, thơ trường thiên cổ thể, thơ lục bát, song thất lục bát. Cả văn tế, hát nói, hát xẩm, ca dao... Dịch cả thơ Tô Huệ đời Tần. Đặc biệt làm rất nhiều từ khúc, cứ dựa theo những bài mẫu trên báo *Nam phong* mà làm hết điệu này đến điệu khác, hàng vài ba chục điệu. Lại phỏng theo một số bài của Tản Đà, Trần Tuấn Khải (*Thề non nước,*

Gánh nước đêm...), tập làm những bài tương tự về vần điệu, về cách láy âm, v.v... Tập theo thơ truyền thống rồi lại tập theo thơ Tây. Từ dịch đến mô phỏng, rồi sáng tác. Con chim non vẫy vẫy đôi cánh vụng về tập theo mẹ, rồi cứ chuyền xa, chuyền xa dần, cuối cùng cất mình bay bay vào không trung.

Tìm hiểu bước đầu tập nghề của các nhà văn, nhà thơ, thấy không phải ai cũng giống ai. Có những cây bút thành công ngay từ những sáng tác đầu tay. Nhưng nhiều nhà văn sau này đi rất xa mà lúc đầu tưởng chừng không có tài cán gì lắm. Đây là trường hợp cái tài như kho vàng nằm sâu dưới đất. Phải bới, rồi phải đúc, phải luyện mãi mới thành. Mới hay, cái quyết định sự nghiệp của một nhà văn là cái trữ lượng chất kim loại quý kia có lớn hay không chứ không phải mỏ chìm hay mỏ nổi.

Như vậy là sự dùi mài khổ luyện cuối cùng lại là để tìm thấy cái thực chất của mình cùng với cái cách nói, cái giọng nói riêng của nó. Cố nhiên, trong cái "tôi" riêng ấy, đã kết tinh biết bao mối quan hệ xã hội và nhiều ảnh hưởng văn hóa rất tinh vi.

Nhưng không nên nghĩ rằng khi đã "thành" rồi thì nhà thơ không còn gặp khó khăn, chật vật gì nữa. Quả thực có những bài thơ hay viết ra rất dễ dàng. Nhưng lao động thơ đâu có phải chỉ bắt đầu từ lúc đặt bút viết. Nhìn chung mỗi bài thơ ra đời lại là một cuộc "mài sắt nên kim".

- Này, - Xuân Diệu nói - có bài thơ chỉ trung bình thôi nhưng nhà phê bình phải hiểu cái đóng góp mới mẻ của nó ở chỗ nào. Thí dụ, bài *Bản đồ huyện Ý Yên* cũng ca ngợi đất nước nhưng bằng cách nhìn một cái bản đồ. Có thể phê: Đây chỉ là một bài thơ trung bình thôi, nhưng tác giả đã đưa ra một cách ca ngợi mới... Bài thơ hay, hương nó tự tỏa ngát, không cần nhà phê bình khen, vì ai cũng thấy rồi. Cái cần nhà phê bình là những bài thơ trung bình.

- Thơ có hai loại. Một loại nói về một sự thực của cuộc sống. Loại này cũng khó nhưng còn dựa được vào chất bột thực tại. Nếu mình có sức, có bản lĩnh thì có thể nhào vắt ra được. Còn loại bài tổng hợp thì khó làm, rất chật vật. Cái tứ bài thơ *Sự sống chẳng bao giờ chán nản* nảy ra trong một đêm liên hoan văn nghệ ở một xã thời chống Mỹ. Cái tứ nảy ra làm mình ứa nước mắt. Khó là tìm ra cái tứ trung tâm, khái quát tất cả. Tuy thế từ cái tứ chung đến khi hoàn thành bài thơ cũng còn vất vả lắm.

- Có những người làm thơ như là cuộc đời sẵn có cái gì thì lấy luôn làm câu thơ, không gia công sáng tạo cho sâu sắc. Thơ không có xác, có chất. Đọc xong không thấy đọng lại cái gì. Nhà văn phải đẻ ra chữ. Câu chữ phải là của mình, phải đẻ ra câu ra chữ của mình mới là nhà văn thực sự.

Trò chuyện với Xuân Diệu, thấy anh là cả một kho kinh nghiệm lớn. Từ tuổi mười lăm, mười sáu cho tới nay, hơn năm mươi năm làm văn, làm thơ, anh chỉ biết có một nghề này. Vì thế anh luôn luôn có ý thức rút kinh nghiệm. Kinh nghiệm của mình, kinh nghiệm của người. Đọc đủ sách đông, tây, kim, cổ. Đọc rất kỹ lưỡng, trăn trở băn khoăn về từng câu, từng chữ của người xưa. Rồi vừa làm thơ, vừa bình luận thơ, đem luôn công việc bếp núc của mình ra mà phân tích, phán xét rất tỉ mỉ. Và viết thành bài, thành sách về đủ các ngõ ngách của nghề. Cái công này của Xuân Diệu thật không nhỏ. Đó là một người thợ cả của nghề thơ, là ông giáo sư của trường chuyên nghiệp về thơ. Những bài, những sách kia là những tập giáo trình sẽ còn có ích lâu dài cho những ai muốn đi vào cái nghề rất đỗi khó khăn này.

*

* *

Xuân Diệu làm việc gì cũng chú ý rút kinh nghiệm. Anh hay đi nói chuyện chỗ này, chỗ kia, và anh cũng rút kinh nghiệm tỉ mỉ lắm.

- Phải để ý từ cái bàn kê thế nào. Lọ hoa có khi cần, có khi không cần thì phải bỏ đi. Rồi ánh sáng trong phòng. Cửa nên đóng hay nên mở. Cả cách sắp xếp ghế ngồi cho người nghe, cự ly mùa hè, mùa rét nên thế nào. Chán nhất là người nghe

không trông thấy người nói. Nghe bằng loa phóng thanh mà! Gặp trường hợp ấy mình thường lấy chuyện Tô Đông Pha ra đùa. Tô Đông Pha râu rậm. Cô em gái làm thơ giễu:

Tìm nửa ngày trời không thấy miệng,
Bỗng nghe tiếng nói phát từ râu.

Bây giờ người nghe tôi nói chuyện:

Tìm nửa ngày trời không thấy mặt,
Bỗng nghe tiếng nói phát từ loa.

Ấy, thỉnh thoảng cũng phải khích động như thế cho người nghe sôi nổi lên, đỡ chán. Tôi nói chuyện mà người nghe lặng im, sợ lắm. Phải tỏ cho người ta biết là mình thích nghe chứ! Vợ chồng nói chuyện với nhau ban đêm. Vợ nói, chồng thỉnh thoảng cũng phải ồ lên chứ, để chứng tỏ mình chưa ngủ, vẫn nghe.

Đúng là Xuân Diệu sợ nhất sự im lặng: "Cốt nhất là em chớ lạnh như đông ". Anh không chịu nổi và cũng không tin được thứ tình yêu chỉ để trong lòng. Không, tình yêu cũng phải cất tiếng nói lên chứ! Cũng rất Xuân Diệu là bài thơ *Phải nói: Em phải nói, phải nói và phải nói.*

Người ta phát hiện trong lĩnh vực thơ tình ở ta, Xuân Diệu là một trong những người đầu tiên đã thực sự hòa nhịp linh hồn với xác thịt. Tình yêu phải thực sự là tình yêu của con người trần tục, chứ không phải thứ tình mà người phương Tây gọi là

Platôních và Biêlinxki từng chế giễu: "Chỉ làm đẹp lòng các vị bảo hộ hậu cung vua chúa phương Đông mà thôi". Tuy nhiên cái đích mà tình yêu nhằm đạt tới phải là sự hòa hợp cao độ của tâm hồn. Thơ Xuân Diệu không chỉ chú trọng thính giác và thị giác. Như thế còn xa xôi, cách bức quá. Phải huy động cả khứu giác, vị giác, và xúc giác để có thể tiếp cận sát sạt, và ôm riết, quấn riết lấy cuộc đời. Con người ấy sinh ra để mà yêu, nên suốt đời khao khát tình yêu: "Kẻ uống tình yêu dập cả môi". Nhưng tình yêu phải là cái đó: Trái tim đỏ thắm của em, tâm hồn xanh thẳm của em - "Trời ơi, anh muốn uống hồn em". Đấy là giây phút giao cảm tuyệt vời của những con người.

Thơ Xuân Diệu nói giao cảm đầy đủ hơn là nói yêu. Sung sướng thay là luôn luôn được giao cảm với đời. Ta hiểu vì sao ngay trước Cách mạng Tháng Tám, dù có lúc hoang mang bế tắc, Xuân Diệu vẫn không chấp nhận những trường thơ Điên, trường thơ Loạn, các thơ triết lý siêu hình rắc rối, cũng như lối thơ gọi là "chủ nghĩa kín mít" (hermétisme) của *Xuân thu nhã tập*. Anh cần có người giao cảm, thật hiểu người, nên nhất quyết không nói bằng thứ tiếng nào khác tiếng nói của đồng loại.

Nhưng ở cái thời Thơ mới, Xuân Diệu đã không tìm được niềm giao cảm ấy. Bi kịch lớn nhất của anh

là ở đấy. Vì anh đi tìm giao cảm ở cái xã hội đồng tiền - tiền trao cháo múc. Nhà thơ lãng mạn: "Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây" thế mà đã nhiều lần phải nói đến cơm áo và đồng tiền. Quyển vở nháp hồi học sinh còn ghi mấy câu thơ chua chát:

Giai nhân là của
Bạc vàng tiền của
Và hoa hương
Là của chủ vườn.

Đối với xã hội ấy, phải có tiền mà anh lại chỉ có tình. Lúc ấy hình như anh đã hiểu được phần nào rồi đấy. Anh chẳng tự trách là *Dại khờ* đó sao:

Người ta khổ vì thương không phải cách
Yêu sai duyên, và mến chẳng nhằm người
Có kho vàng nhưng tặng chẳng tùy nơi...

Cho nên tình của anh, dù chân thành mãnh liệt đến thế nào cũng chỉ như "Nước đổ lá khoai" *(Lòng ta là một cơn mưa lũ - Đã gặp lòng em là lá khoai).* Tình yêu thành ra chỉ có một chiều như *Phấn thông vàng,* như bông hoa rừng *Gửi hương cho gió.* Cái tôi xuân Diệu hồi ấy có lúc cũng kiêu ngạo lắm - ví mình như Hi Mã Lạp Sơn - nhưng nhiều khi cũng thật tội:

... Có gửi tình đi chẳng có về.
... Và hãy yêu tôi, một giờ cũng đủ
Một giây cũng cam một chút cũng đành...

Đó là lý do khiến Xuân Diệu đã chào đón Cách

mạng một cách vồ vập nhiệt tình hơn ai hết. Nhiệt tình và đầy lòng biết ơn. Và Cách mạng cũng chào đón anh vì Cách mạng rất trân trọng những tình cảm đẹp đẽ, chân thành. Bây giờ không phải là sự giao cảm của hai mái đầu lẻ loi giữa cuộc đời đen bạc: "Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ" mà là sự giao cảm của hàng vạn, hàng triệu người. Phải chăng cái vĩ đại nhất của Cách mạng chính là đã tạo ra được cuộc giao cảm lớn của cả dân tộc trên tình yêu đất nước, tình đồng chí, đồng bào? Và trên cơ sở ấy, tình yêu cũng trong sáng biết bao! Vui quá! Cách mạng đông vui quá! Đúng là một ngày hội: "Hội vui quá thế mà mình không biết!". Xuân Diệu đắm mình trong tin và yêu. Và đã tin, yêu, thì "phải nói". Anh viết một mạch những vần thơ sôi nổi ngợi ca cách mạng: *Ngọn quốc kỳ, Hội nghị non sông, Dưới sao vàng*... Lại dùng vũ khí thơ đập vào mặt bọn Việt Cách, Việt Quốc - chúng mày định chia rẽ, phá rối cuộc giao cảm vĩ đại này à!

Kể từ ngày ấy, qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, anh viết không ngừng, không nghỉ. Viết về mọi đề tài. Kể làm sao cho hết những đề tài thơ của Xuân Diệu: về Đảng, về Bác Hồ, cả về chuyên chính vô sản, về chỉnh huấn, cải cách ruộng đất, về đấu tranh thống nhất nước nhà, về những sự kiện thời sự, về những chiến công của

ta và tội ác của giặc, về những thành tựu của chủ nghĩa xã hội trên các mặt nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải..., về anh bộ đội, người nông dân, công nhân, về thầy giáo, về anh địa chất. Đất nước đã thuộc về nhân dân, về mình rồi thì ở đâu chả có thể tìm thấy niềm giao cảm. Tất nhiên anh cũng viết nhiều về tình yêu. Dù sao đây cũng là một giao cảm mãnh liệt và kỳ diệu nhất của con người. Anh kiên trì sáng tác thơ tình và cũng kiên trì đấu tranh cho sự phát triển hợp lý của thơ tình. Rồi anh dịch thơ, viết nghiên cứu và phê bình văn học. Phê bình cũng là sự giao cảm tri âm tri kỷ giữa những người làm thơ và đọc thơ chứ sao! Và, anh viết nhiều, viết say sưa hơn bất cứ nhà nghiên cứu, phê bình chuyên nghiệp nào. Anh còn đi nói chuyện. Ai tính được cho đến nay anh đã nói chuyện bao nhiêu lần. Nói ở mọi nơi, nói với nhiều đối tượng khác nhau. Nói ở hội nghị, nói trên đài phát thanh, trên vô tuyến truyền hình, nói trong nước, nói ngoài nước. Phải đâu anh chỉ có nhu cầu viết và nói. Anh còn muốn tiếp xúc với người đời, với thật nhiều người, ở mọi nơi, mọi lúc. Anh muốn gặp tất cả và tỏ bày với tất cả những cảm nghĩ tin yêu của mình và đón nhận những giao cảm của mọi người. Những ai từng tiếp xúc nhiều với Xuân Diệu thường được nghe anh kể lại với một thích thú đặc biệt về một người chữa xe đạp thuộc thơ anh, một

hành khách trên một chuyến tàu Plâycu - Tuy Hòa nào đó nhường chỗ cho anh vì biết anh là nhà thơ Xuân Diệu, một anh hàng nước mía nào đấy ở một thị xã kia cũng vui sướng phát hiện ra anh và đãi anh một cốc nước mía ba đồng... Không có sự giao cảm giữa những con người thì cuộc đời chỉ là sa mạc, chỉ là hư vô. Nào ở đâu, ở đâu có ai còn chưa biết sự có mặt của Xuân Diệu trên đời này với trái tim tha thiết yêu thương? Câu hỏi đó không ngừng thôi thúc nhà thơ.

Đồng Xa, 25-5-1985

HOÀNG CÁT

"NHÀ TÔI 24 CỘT CỜ"

Có lẽ trong làng văn Việt Nam hiện đại và nhiều người trong số những người đương thời yêu thơ Xuân Diệu, không mấy ai là không biết cặp văn vần lục bát sau đây, do chính Xuân Diệu làm:

Nhà tôi hai bốn Cột Cờ,
Ai yêu thì đến, ai lờ thì qua.

Khi đường Cột Cờ đổi tên thành đường Điện Biên Phủ, thì cặp lục bát trên lại biến thành:

Nhà tôi hai bốn Điên Biên,
Ai yêu thì đến, ai phiền thì qua.

Nhưng tại số nhà 24 Điện Biên Phủ (Hà Nội) ngày ấy không chỉ có một mình nhà thơ Xuân Diệu, mà còn có nhà thơ Huy Cận nữa. Nói cho thật chính xác, thật đúng, thì phải nói ngược lại kia. Nghĩa là, sở dĩ nhà thơ Xuân Diệu được ở đấy là nhờ "ăn theo" tiêu chuẩn của ông Cù Huy Cận. Điều này, lúc sinh thời, chính Xuân Diệu cũng đã từng "khoe" với nhiều người.

Tháng 10-1954, ông Cù Huy Cận là Thứ trưởng, Tổng thư ký Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa từ chiến khu Việt Bắc trở về Hà

Nội được Chính phủ cấp cho ngôi nhà số 24 Cột Cờ để ông và gia đình sử dụng. Nhưng vì Xuân Diệu và Huy Cận là đôi bạn thơ chí cốt từ thời Thơ mới, nên Huy Cận nhường cho Xuân Diệu một buồng trong ngôi biệt thự hai tầng xinh xinh ấy. Đây không phải là lần đầu Xuân Diệu và Huy Cận cùng chung một số nhà ở Hà Nội. Mà trước Cách mạng 1945, cụ thể là hai năm 1939-1940, đôi bạn thơ Xuân - Huy đã cùng ở với nhau tại 40 Hàng Than, cái phố mà Xuân Diệu đã viết truyện ngắn *Truyện cái giường* và một số truyện ngắn khác trong tập *Phấn thông vàng.* Còn Huy Cận thì đã viết nhiều bài thơ nổi tiếng trong tập *Lửa thiêng* như bài *Buồn đêm mưa*, *Trò chuyện,* v.v...

Đời hiu quạnh, thời gian nghiêng bóng nhớ,
Phố không cây thôi sầu biết bao chừng!
Chỉ mơ hồ trùng điệp với mông lung,
Buồn vạn kiếp trên mái nhà dợn sóng.

"Phố không cây" mà Huy Cận nhắc tới trong bài *Trò chuyện,* là phố Hàng Than.

Còn từ năm 1943 đến cuối 1945 thì Xuân Diệu và Huy Cận lại cùng ở với nhau tại 61 Hàng Bông. Nhưng, một dịp khác, nếu có điều kiện, ta sẽ trở lại hai cái địa chỉ văn học này sau. Bây giờ, ta tiếp tục đến với địa chỉ mà Xuân Diệu đã nhắn gửi lại cho ta: *Nhà tôi hai bốn Cột Cờ...*

Nhìn tổng thể thì đó là một ngôi nhà rất đẹp, ở

vào một vị thế cũng rất đẹp của Hà Nội. Ngôi nhà này được xây dựng năm 1897, đến nay đã gần 100 năm. Trước khi hai nhà thơ Xuân Diệu và Huy Cận đến ở đây thì nó là của một viên quan năm (trung tá), người Pháp.

Đường Cột Cờ ngày ấy, đường Điện Biên Phủ hôm nay là một con đường lớn và đẹp. Nó bắt đầu từ ngã năm Cửa Nam, rồi chạy thẳng vào quảng trường Ba Đình. Vì thế, không có một cuộc duyệt binh, tuần hành nào trong những ngày lễ lớn của đất nước lại không diễn ra trên con đường này. Hai bên hè đường là hai hàng cây cao bóng cả, phần lớn là cây lim, cây đa, và đặc biệt là cây sấu. Bài *Quả sấu non trên cao* của Xuân Diệu là một bài thơ được ông lấy "nguyên mẫu" tại nơi ở của mình mà cảm tác nên.

Đến 24 Cột Cờ,bước qua cổng dăm vài bước là ta gặp ngay căn phòng của nhà thơ Xuân Diệu. Đó vừa là phòng ngủ, phòng ăn, phòng làm việc, vừa là phòng tiếp khách, kể cả khách quốc tế của nhà thơ. Chính tại đây, nhà thơ lớn, nhà văn hóa lớn Xuân Diệu đã cho ra đời tất cả những tác phẩm của ông, kể từ sau 1954; đặc biệt là các tác phẩm nghiên cứu phê bình và tiểu luận văn học. (Vì một số bài thơ còn có thể viết tại một số nơi khác).

Và tại ngôi nhà này, hai nhà thơ Xuân Diệu và Huy Cận đã tiếp rất nhiều khách văn quốc tế, trong đó có các nhà thơ khá quen biết với Việt

Nam: Nicolas Guillen, Félix Pita Rodriguez (Cuba), Blaga Dimitrova (Bungari), Mireille Gansel (Pháp), Evguéni Dolmatovski (Liên Xô), v.v... Nhưng trước hết, đây là cái địa chỉ mà hầu hết các nhà thơ, nhà văn Việt Nam hiện đại đều ít nhất đã một lần đến thăm. Họ đến với người bạn chân tình, người anh độ lượng, và là người thầy uyên bác về thi ca: nhà thơ XUÂN DIỆU...

Trong hơn 30 năm liên tục 1954-1985, tại ngôi nhà "24 Cột Cờ" này, hai nhà thơ lớn, đôi bạn thơ hiếm có Xuân Diệu và Huy Cận đã sống và lao động sáng tạo hết mình. Hai ông thường xuyên đọc và chữa cho nhau từng câu thơ vừa mới hiện hình lên các trang bản thảo của mình. Những năm tháng đẹp và quý vô giá ấy của hai nhà thi sĩ đã được chính Huy Cận viết thành bài thơ *Tại ngôi nhà 24 Điện Biên Phủ*

Đêm đêm trên gác đèn chong
Cận ngồi cặm cụi viết dòng thơ bay.
Dưới nhà bút chẳng rời tay
Bên bàn Diệu cũng miệt mài trang thơ.
Bạn từ khi tuổi còn tơ
Hai ta hạt chín chung mùa nắng trong.
Ánh đèn trên gác dưới phòng
Cũng là đôi kén nằm trong kén trời.
Sáng ra gõ cửa: "Diệu ơi!
Nghe dùm thơ viết đêm rồi ra sao".
Diệu còn ngái ngủ: "Đọc mau!

Nghe rồi, xem lại từng câu mới tường".
Dưới nhà trên gác thông thương
Dòng thơ không dứt giữa luồng tháng năm.
Đứa năm bảy, đứa năm lăm
Trăm mười hai tuổi vẫn chăm với đời
Hoàng lan hoa nở ngát trời
Hương hoàng lan ấm là nơi gió về.

19-7-1974

(Rút trong tập thơ Chim làm ra gió,
NXB. Tác phẩm mới, 1989).

Cây hoàng lan mà Huy Cận nhắc tới trong hai câu kết bài thơ là một cây đại thụ. Nó đứng trước cửa sổ phòng văn của Xuân Diệu, vươn lên thật cao, che khuất cả mặt tiền của ngôi biệt thự, cành lòa xòa cả vào cửa sổ phòng văn của Huy Cận.

Bình sinh, những đêm hè, Xuân Diệu thường mang ghế bạt nửa nằm nửa ngồi ra hóng mát dưới cây hoàng lan này; chờ cho thành phố bớt ồn ào, ông mới ngồi vào bàn làm việc một mạch đến tận khuya...

Sau khi nhà thơ Xuân Diệu qua đời (20-12-1985), thì ngày 27-3-1987, Hội đồng Chính phủ ra quyết định bảo tồn toàn bộ căn phòng của ông. Hiện nay, trước căn phòng này được gắn tấm biển: PHÒNG LƯU NIỆM NHÀ THƠ XUÂN DIỆU.

Người trông coi căn phòng lưu niệm ấy là anh Cù Huy Hà Vũ, con trai lớn của nhà thơ Huy Cận, và là cháu ruột, gọi nhà thơ Xuân Diệu bằng bác.

VŨ NGỌC PHAN

XUÂN DIỆU

Xuân Diệu là nhà thơ có cái đầu rất thơ. Thời trẻ, anh có "đài trán thơ ngây" như Thế Lữ đã viết. Sau này, anh vẫn giữ tâm hồn thơ ngây ấy, thơ ngây mà đặc biệt sáng suốt và nhạy cảm. Vầng trán anh nở nang, cao vời vợi, che phủ một phần bởi những mớ tóc loăn xoăn, dấu ấn của con người Bình Định. Xuân Diệu gốc gác Hà Tĩnh nhưng sinh ra và lớn lên ở Bình Định, quê bà thân sinh; anh đỗ tú tài ở Huế, lại có dịp ở Mỹ Tho một thời gian dưới thời Pháp thuộc, rồi dừng bước ở thủ đô Hà Nội gần nửa thế kỷ nay. Anh đã đi gần khắp đất nước, không kể những chuyến đi nước ngoài. Đất nước ta đẹp lắm. Mối tình của anh với Tổ quốc rất đẹp, chân thành, sâu sắc. Dưới vầng trán anh là cặp mắt to, cặp mắt nhìn đời và thiên nhiên sâu thẳm như một nhà hiền triết Ấn Độ. Anh vốn người nhanh nhẹn, gần đây, tuổi tác, tóc anh đã pha sương và sức khỏe anh không còn được như xưa.

Trước Cách mạng Tháng Tám, tôi đã từng gặp Xuân Diệu cùng Huy Cận ở gác 40 Hàng Than, dưới nhà là Lưu Trọng Lư ở với gia đình. Tôi gặp anh ở *Ngày nay* và còn gặp anh ở trên gác cái nhà hai bên cửa hàng bán tạp hóa, gần nhà in Trung Bắc, phố Hàng Bông đệm.

Từ ngày ra Hà Nội, bao giờ anh cũng ở với Huy Cận, nếu kể từ khi ở trường trung học Khải Định, thì đến nay hai nhà thơ là đôi bạn thân thiết thủy chung vừa tròn nửa thế kỷ. Có thể nói tình hạn của Xuân Diệu - Huy Cận không khác gì tình bạn của hai nhà văn Pháp thế kỷ XVI: Môngtenhơ với La Bôêxi, nhưng cuộc đời hai nhà văn Pháp này thua Huy Cận - Xuân Diệu ở chỗ La Bôêxi đã chết yểu, để lại nhớ thương cho Môngtenhơ gần 30 năm cuối đời. Gần đây Xuân Diệu mới mất (đêm 18-12-1985) thọ 70 tuổi (thất thập cổ lai hi)

Xuân Diệu là con người thẳng thắn, chân thành, rất mực chung thủy. Thái độ của anh đối với Thế Lữ, người đi bước trước, người dìu dắt anh buổi đầu - lẽ tự nhiên Xuân Diệu vốn đã là một tài năng - thật là khiêm tốn, gương mẫu. Anh có những người bạn nhỏ, những người em, do anh cưu mang, nâng đỡ, không chút nề hà.

Chúng tôi trở nên bạn thân với nhau qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong cuộc sống thiếu tình cảm gia đình,' Xuân Diệu đã

tìm thấy ở Hằng Phương, người phụ nữ dịu dàng hiền hậu, một tâm hồn người chị. Khi Hằng Phương đau nặng, biết rằng không thể qua được, Xuân Diệu rất buồn, anh nói với tôi: "Chị Hằng Phương có mệnh hệ nào thì tôi sẽ mất một người chị, mất một cánh tay phải". Đến thăm tôi sau khi Hằng Phương mất, anh khuyên tôi: "Mất còn là quy luật của sự sống, chúng mình còn sống ngày nào thì phải tiếp tục làm việc". Anh nói như một nhà hiền triết, nhưng lời nói đượm một vẻ buồn. Tôi nói với anh: "Nhà tôi chết rồi, nhưng rồi các con tôi sẽ năng đến thăm anh, coi anh như người chú". Tôi đã giữ lời và anh Xuân Diệu cũng lấy làm vui...

Từ hồi cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp sắp bùng nổ (1946), Xuân Diệu và Huy Cận cùng mấy bạn nữa đêm nào cũng đến "ngủ du kích" ở nhà chúng tôi ở Thái Hà, đề phòng địch đánh úp trung tâm Hà Nội.

Xuân Diệu là con người giàu tình cảm, chân thành như vậy, nên thơ anh trước Cách mạng cũng như sau Cách mạng sôi nổi, đằm thắm, chứa chan tình người.

*

* *

Nôen 1938, cách đây 47 năm (kể đến 1985), *Thơ thơ* của Xuân Diệu đã ra đời. Thế Lữ giới thiệu:

"... Và từ đây chúng ta đã có Xuân Diệu".

Hồi đó dư luận sôi nổi đón con đầu lòng của Xuân Diệu. Những người bảo thủ, xưa nay quen đọc Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Khắc Hiếu, kêu thơ Xuân Diệu là Tây, là ngô nghê. Nhưng đại đa số, nhất là thanh niên, chào đón *Thơ thơ* như một sáng tác mới lạ, đầy màu sắc và hương thơm. Họ chê những người làm thơ Đường luật (thất ngôn bát cú) là cổ hủ, tự giam mình trong những niêm luật do người nước ngoài đặt ra. Nhiều ý kiến chống đối nhau. Chỉ thiếu một điều là phái bảo thủ và phái tân tiến thủ đô chưa choảng nhau bằng gậy như phái cổ điển và phái lãng mạn Pháp, khi vở kịch Hécnani của Vichto Huygô đưa lên sân khấu thời xưa ở Pari.

Quả thật là "chúng ta đã có Xuân Diệu", đã có một thi nhân đem đến cho thơ những tình cảm, ý nghĩ mới, những tứ, những hình tượng mới. Cây đàn muôn điệu thực sự lên tiếng từ đây. Khuôn sáo cũ bị phá vỡ: cái rỗng, cái mòn bị gạt đi. Thiên nhiên và con người được nhìn, được ghi bằng những nét độc đáo, khác hẳn trước. Cũng con người, cũng thời gian, cũng không gian đấy, nhưng hãy coi chừng:

... Không gian như có dây tơ.
Bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiêu...[1]

Trước Cách mạng Tháng Tám, có nhà thơ coi

1. *Chiều* - *Thơ thơ* - Bản HCXD - trang 66, NXB. Đời nay. 1938.

mỗi mùa xuân đến là lại đem thêm cái già đến. Xuân Diệu là nhà thơ ca ngợi cuộc sống, ca ngợi tình yêu và ca ngợi ngày xuân. Trong anh là cả một mùa xuân, hoa nở không cùng, mùa xuân nở rộ trong yêu đương, chỉ có yêu nhau, xuân mới còn mãi mãi:

Xuân của đất trời nay mới đến;
Trong tôi xuân đến đã lâu rồi,
Từ lúc yêu nhau, hoa nở mãi,
Trong vườn thơm ngát của hồn tôi.[1]

Anh yêu đời thắm thiết, nhiều khi anh cảm thấy thời gian trôi quá nhanh, cuốn đi mất cả tuổi thanh xuân và anh muốn níu nó lại:

Thong thả chiều vàng thong thả lại...
Rồi đi... Đêm xám tới dần dần...
Cứ thế mà bay cho đến hết
Những ngày, những tháng,
những mùa xuân...
Vừa mới khi mai tôi cảm thấy
Trong tay ôm một bó hoa cười
Ngọn gió thời gian không ngớt thổi;
Giờ tàn như những cánh hoa rơi... [2]

Thời gian đi nhanh như vậy, nên đã yêu nhau thì phải sống bên nhau, sống thật gần nhau, sống

---

1. Bài *Nguyên đán* - *Thơ thơ* (Bản chữ HCXD), trang 23, NXB. Đời nay, 1938.
2. Bài *Giờ tàn,* sách đã dẫn (trang 65).

hòa mình làm một. Ngôn ngữ của ta có từ: "mình", mình là một phần của ta, là nửa phần của ta (ma motié). Nói chi đến xa cách, nói chi đến biệt ly, phải gần nhau và gần hơn nữa:

Anh sắp giận. Em mỉm cười, vội vã
Đến kề anh, và mơn trớn: "Em đây!"
Anh vui liền nhưng bỗng lại buồn ngay.
Vì anh nghĩ:Thế vẫn còn xa lắm...

....

Hãy sát đôi đầu! Hãy kề đôi ngực!
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài!
Những cánh tay! Hãy quấn riết đôi vai!
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!
Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng!
Trong say sưa, anh sẽ bảo em rằng.
Gần thêm nữa!Thế vẫn còn xa lắm!

(Xa cách)[1]

Nhưng muốn hòa làm một, khó lắm thay, vì "Linh hồn ta u ẩn tựa ban đêm, ta chưa thấu, nữa là ai thấu rõ!"[2]. Mình không biết rõ bản thân mình, nó có phần hồn và phần xác, đó là "điều cực khổ của con người" (misère de l'homme) như Pátxcan đã viết: Yêu nhau, được thật gần nhau cũng đã là lý tưởng.

---

1. *Thơ thơ* - tr. 30 và 31, NXB. Đời nay, 1938 (Bản chữ HCXD).
2. Bài *Xa cách* (tr. 31).

Sau Cách mạng Tháng Tám, Xuân Diệu vẫn là nhà thơ tình yêu, nhà thơ yêu đời. Trước Cách mạng Tháng Tám có nhà thơ đã ví cuộc đời là "bể thẳm mênh mông". Biển cả và sóng lớn đối với nhiều nhà văn, nhà thơ Đông, Tây là cảnh rùng rợn, vì nó chứa đựng biết bao tan vỡ và chết chóc, nhưng trong bài *Biển* (1962) dưới con mắt của Xuân Diệu, sóng cả xô vào bờ cát là những cái hôn nồng thắm của Nước với Đất, những cái hôn "ào ạt như nghiến nát bờ em". Xuân Diệu làm tôi nhớ đến bức họa "Đất và Nước" tuyệt đẹp của nhà danh họa Rubenx, người Flamăng (thế kỷ XVI và XVII). Đất được biểu tượng bằng cô gái yêu kiều khỏa thân, có nước da trắng hồng, thân hình hơi phì nộn, đầy sức hấp dẫn. Còn Nước bằng một chàng trai cực kỳ lực lưỡng có nước da nâu thẫm, tay cầm cây đinh ba đang tỏ tình với cô gái (chàng trai có thể là thần Neptuyn).

Một đoạn trong bài *Biển* của Xuân Diệu sau đây chúng ta cùng thưởng thức:

Anh xin làm sóng biếc
Hôn mãi cát vàng em
Hôn thật khẽ thật êm
Hôn êm đềm mãi mãi

Đã hôn rồi, hôn lại
Cho đến mãi muôn đời

Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt...

Cũng có khi ào ạt
Như nghiến nát bờ em
Là lúc triều yêu mến
Ngập bến của ngày đêm...

Khi đã có những tình cảm độc đáo và nồng thắm như vậy đối với con người và đối với thiên nhiên, Xuân Diệu đã chào mừng và ca ngợi Cách mạng với tất cả tấm lòng và ý nghĩ của mình. Cũng là tình yêu và đây là tình yêu rộng mở của nhà thơ: yêu nhân dân, yêu Tổ quốc, yêu Đảng quang vinh.

Đứng trên cương vị một nhà thơ, một nhà văn mà hoạt động chiến đấu trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày một phát triển, từ ca ngợi "ngọn quốc kỳ" và "hội nghị non sông", anh đã sáng tác những bài thơ đấu tranh thống nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, ca ngợi những chiến thắng lẫy lừng của ta, ca ngợi những con người mới, những bài chứa chan tình đất nước. Từ nửa thế kỷ nay, tôi vẫn thấy ở anh con người chăm bón cho "cây đời mãi mãi xanh tươi", nhà thơ ca ngợi cuộc sống, ca ngợi tình yêu, những cái vĩnh hằng của dân tộc của nhân loại. Cái chất Nghệ Tĩnh ở trong máu anh rất mạnh và anh đã sinh ra và lớn lên ở đất Quy Nhơn, đất sinh trưởng và khởi đầu hoạt động của anh

hùng Nguyễn Huệ, nên ý chí của anh rất vững vàng, đã quyết là làm ngay và làm đến cùng.

Anh cần cù làm việc không mệt mỏi. Tính đến nay anh đã có 45 tác phẩm, trong đó có 15 tập thơ, còn lại là những tập bút ký, phê bình và tiểu luận.

Xuân Diệu đã từ giã cõi đời này. Từ nay tôi không còn được thấy người bạn thân quý đến với tôi. Khi chén rượu, khi chén trà, thỉnh thoảng anh lại lắc lắc cái đầu, tóc to xù khuyên tôi không nên cầu toàn trong nghề viết và phải giữ gìn trong lối sống. Mới cách đây không lâu anh đến thăm tôi và nói: "Sáng nào tôi cũng dậy sớm, chạy quanh vườn hoa Lênin. Chúng mình phải giữ gìn lắm đấy, biết đâu lại chả đi đột ngột như Như Phong". Anh khuyên tôi như vậy, nhưng ở đời có những cái không tránh được và anh đã ra đi đột ngột...

Cái không tránh được ấy đã đến với anh. Xuân Diệu đã mất, nhưng những tác phẩm anh để lại sẽ đời đời sống mãi với đất nước Việt Nam.

Diệu sao đi vội thế?
Bạn hiền, vắng thêm anh,
Cây cao thường dễ đổ
Ác mấy, hỡi ông Xanh!

20-12-1985

THIẾU MAI

NGƯỜI ANH LỚN
(Trích)

Lòng yêu sự sống, có lẽ đó là yếu tố chủ yếu tạo nên sự hấp dẫn của thơ Xuân Diệu trước Cách mạng. Song, mặt khác, cũng chính vì yêu sự sống đến si mê, mà tuổi trẻ của anh đã đau đớn, đau đớn triền miên trong bế tắc cô đơn. Đây là bi kịch của cá nhân anh, cũng là bi kịch của cả một thế hệ thanh niên thuở ấy.

Cách mạng Tháng Tám đã giải phóng những tâm hồn đau khổ như Xuân Diệu, mang lại cho họ một cuộc sống lành mạnh mà họ hằng khao khát. Xuân Diệu là nhà thơ lớn sớm hòa vào dòng thác cách mạng nhất. Ngay sau ngày tuyên bố độc lập chưa đầy ba tháng, anh đã sáng tác tráng ca *Ngọn quốc kỳ* và tiếp đó, *Hội nghị non sông,* ca ngợi thành quả và khí thế cách mạng bằng những lời thơ hùng hồn, đanh thép. Từ ấy, trái tim anh luôn luôn đập cùng một nhịp sống của thời đại, của nhân dân. Anh là người đi nhiều, đến đâu cũng chan hòa trong cuộc sống của quần chúng, nói

chuyện thơ cho quần chúng nghe, và ra về là sáng tác những bài thơ ca ngợi cuộc sống mới, ca ngợi cách mạng.

Cuộc đời Xuân Diệu là một cuộc đời lao động cần cù, cật lực, không ngừng, không nghỉ. Anh đọc ngày đọc đêm và viết ngày viết đêm, viết như muốn cướp thời gian, muốn làm cho mỗi phút giây của thời gian đều biến thành những dòng chữ để lại cho đời. Anh làm thơ, viết bút ký, tiểu luận, phê bình, giới thiệu, dịch... Ở lĩnh vực nào, tác phẩm của anh cũng đạt đến mức xuất sắc độc đáo. Chỉ cần nhìn qua khối lượng tác phẩm đồ sộ của anh để lại, ngót năm mươi tác phẩm đủ các thể loại, ta cũng phần nào hình dung được cường độ và năng suất lao động của anh. Tuy vậy, có gần anh, có thấy anh lao tâm khổ tứ, suy tư trong lúc làm công việc sáng tạo, mới cảm nhận hết giá trị của một sức lao động đầy say mê, đầy trách nhiệm và mới biết quý từng ý mà anh viết ra.

Tôi có nhiều dịp làm việc với anh Xuân Diệu, suốt trong một thời gian dài, mười lăm năm, kể từ khi tôi về công tác tại tuần báo *Văn nghệ* (1969). Những lúc báo cần một bài nghiên cứu bất luận về một nhà thơ cổ điển, một nhà thơ nước ngoài, hoặc một vấn đề lý luận thơ ca..., chúng tôi thường nghĩ đến anh Xuân Diệu. Vì kiến thức sâu rộng của anh, vì sức làm việc với năng suất cao và đặc biệt rất kịp

thời của anh, và vì anh am hiểu cặn kẽ, thấu đáo công việc làm báo cũng như yêu cầu của báo. Anh lại có tính hay nể, nhất là nể những lời đề nghị mà anh có khả năng đáp ứng được. Thường thường anh không phụ lòng chúng tôi, mỗi khi chúng tôi đến mời anh viết bài. Anh nói rất ân tình: "Mình yêu cầu các bạn đăng bài nhiều rồi, bây giờ các bạn yêu cầu mình, không lẽ mình từ chối. Thôi được, mình sẽ viết. Chỉ phiền các bạn là cứ sáng sáng, cố gắng gọi điện giục mình". Anh vẫn thường bảo anh rất cảm ơn những lời nhắc, vì nó buộc anh phải giữ lời hứa, nghĩa là buộc anh phải tập trung suy nghĩ, phải động não, sắp xếp ý tứ, hoàn thành bài viết. Không ít lần, tôi phải đến chầu chực bên cạnh anh để lấy từng trang, từng trang cho kịp đánh máy để đưa in. Anh ngồi đó, trán nhíu lại, mồ hôi đọng từng giọt trên trán, căng thẳng và mệt nhọc. Nhưng rồi, như một con trâu kéo cày, vất vả từng bước, từng bước, cuối cùng, thửa ruộng cũng được cày xong đúng hạn.

Với anh Xuân Diệu, sống - có nghĩa là lao động. Hai khái niệm sống và lao động hòa vào nhau, gắn với nhau, không tách rời ra được. Hễ ngừng viết vài ngày là anh lại thấy sốt ruột, không an tâm thế nào ấy. Năm 1978, trong chuyến đi Hungary trao đổi văn hóa, mặc dù chương trình làm việc đã đầy ắp, khi nhà xuất bản ngoại văn nước bạn ngỏ ý đề nghị

anh dịch 100 bài thơ của Nguyễn Trãi ra tiếng Pháp để bạn dựa vào đó mà dịch ra tiếng Hung, anh hăng hái nhận lời ngay. Thế là anh phải thức đêm để dịch, có nhiều đêm gần như thức trắng. Bản dịch hoàn thành kịp thời hạn với chất lượng cao. Xong công việc, anh lim dim mắt, bóp hai thái dương và lại nói câu nói quen thuộc mỗi khi làm xong một công trình nào đó: "Đau óc lắm, đau óc kinh khủng". Tôi nhớ trong bài đề tựa *Tuyển tập thơ Xuân Diệu,* nhà thơ Hoàng Trung Thông đã kể lại lời tâm sự của anh Xuân Diệu: "Trong bài viết của tôi, tôi muốn đền đáp ơn cuộc sống". Và sự đền đáp của anh không phải là trừu tượng, chung chung. Như con ong làm mật, con tằm nhả tơ, anh đem sức lực của trí tuệ, tâm hồn mình để sáng tạo ra những giá trị tinh thần, góp phần làm đẹp cho cuộc sống.

Anh Xuân Diệu đã sống hết mình, làm việc hết mình, biết rằng rồi sẽ phải từ giã cuộc đời, năm 1980, anh đã viết, bình tĩnh, nhưng đầy nuối tiếc:

Cái quả cam này đà vắt hết,
Hiến cho non nước, hiến đời thân.
Tuy không biết đến bao giờ kiệt,
Nhưng dẫu sao thì cũng phải dừng.

Hãy để cho tôi được giã từ
Vẫy chào cõi thực để vào hư.

Trong hơi thở chót dâng trời đất,
Cũng vẫn si tình đến ngất ngư.

(Không đề)

Bài thơ *Không đề,* rất hay, rất xúc động, rất Xuân Diệu này đã nói lên một cách giản dị suy nghĩ của nhà thơ về cái sống cái chết, đồng thời cũng cho bạn đọc hiểu rõ một đời lao động và cống hiến sức lực cho nhân dân, đất nước của anh.

Chúng ta quý anh Xuân Diệu, còn vì bản tính rất trung thực của anh. Con người anh Xuân Diệu có thể tóm tắt trong ba ý: quý lao động, trọng sự trung thực, và sợ sự cô đơn. Anh trung thực trong mọi lời nói, và việc làm. Anh là người không biết nói dối và chúa ghét sự dối trá. Con người anh thế nào, anh bộc bạch ra thế ấy, không cần che giấu, ngụy trang. Tuy nhiên không phải là lúc nào sự trung thực của anh cũng được mọi người thông cảm, điều đó cũng dễ hiểu thôi. Cũng có người không thích anh, song người ta chỉ có thể trách anh là không khéo, là cứng quá, chứ không ai trách anh là không thật. Giờ đây, khi đã xa anh rồi, xa anh mãi, nghĩ về anh, chúng ta càng thấy quý sự chân thành đến vụng về của anh.

Cuối cùng, chúng ta nhớ anh Xuân Diệu là nhớ đến một người anh lớn, đã dành cho các em lòng yêu thương thắm thiết và sự chăm sóc chí tình. Anh rất sợ sự cô đơn, nên anh biết nâng niu từng

giọt tình cảm, anh biết vun trồng cho các mối quan hệ ngày càng nảy nở, phát triển. Hình như đã không chơi, không thân ai thì thôi, nhưng hễ đã thân thì anh thường xuyên chăm sóc, thăm hỏi và khi cần đến sự giúp đỡ của anh, anh không ngần ngại. Anh không có gia đình riêng, nhưng anh rất quý gia đình của bè bạn, và thường quan tâm tỉ mỉ đến cuộc sống gia đình của những người thân. Anh yêu trẻ, chiều trẻ, trái lại các cháu cũng rất mến, rất quấn bác Diệu. Mỗi lần đi xa về hoặc mỗi năm Tết đến, anh đều nhớ quà cho từng người. Khi thì cây kim sợi chỉ, khi thì chiếc khăn mặt, chiếc mùi soa, khi là lọ nước hoa, có khi chỉ là gói bánh, hoặc thậm chí vài cái kẹo, song anh không quên người nào. Người xưa từng nói: Điều quan trọng không phải là vật cho mà là cách cho như thế nào. Anh Xuân Diệu chu đáo trong cách xử sự, nên chỉ nhận của anh vài cái kẹo, người nhận quà bao giờ cũng xúc động trước tấm lòng thành của anh.

Đối với anh Xuân Diệu, không có nỗi đau nào bằng nỗi đau phải lìa xa những người thân yêu, lìa xa cõi đời. Song, đối với tất cả những người quen anh, thân anh, yêu thơ anh, trọng văn anh thì mãi mãi không bao giờ xa cách anh. Dù anh đã đi xa, hình ảnh anh, những kỷ niệm về anh cũng như những trang thơ, trang văn của anh vẫn sống mãi, vẫn sáng mãi trong lòng những người bạn yêu anh và đông đảo người đọc yêu thơ anh.

ANH NGỌC

NHÀ THƠ GẦN GŨI NHẤT VỚI TÂM HỒN TÔI

Buổi chiều nghe tin anh Xuân Diệu mất, tôi đạp xe dọc đường Điện Biên, trong lòng buồn bã và trống rỗng. Con đường tấp nập người xe mà sao như không có một ai. Suốt một phần tư thế kỷ qua, hầu như *không một lần nào* đi qua con đường này mà tôi lại không quay nhìn vào ngôi nhà ấy, nơi có cánh cổng rủ um tùm một bờ dây leo, khoảng sân rợp bóng cây hoàng lan và đằng sau thân cây cổ thụ ấy là khung cửa rộng mở - nơi anh Diệu vẫn ngồi làm việc.

Tôi yêu anh Diệu bằng tình yêu của một con người bình thường, nghĩa là đầy chất thiên vị - một tình yêu gần như bản năng, không có được cái sáng suốt nhưng cũng thường lạnh lẽo của thứ tình yêu trí tuệ. Tôi không thể mà cũng không thích đem anh so sánh với người này, người nọ, đem thơ anh để xếp thứ bậc cao thấp. Tôi tự thấy không có được cái bản lĩnh của E. Eptusencô, khi ông viết: "Ngẫm cho cùng tôi không mê tín một ai" - Tôi vẫn mê tín

độ hai người, mà trong đó anh Diệu là một.

Năm 1972, tại mặt trận Quảng Trị, tôi nằm ở một tổ bảo vệ đường dây, tận trong khe núi. Một đêm, có anh cán bộ khảo sát đường dây không quen biết gọi điện cho tôi, anh nói: "Tớ tên là Giảng, quê ở Bình Định" (có lẽ là Giản). Tôi liền hỏi anh: "Thế anh có biết vạn Gò Bồi, biết làng Tùng Giản không?". Có tiếng reo ở đầu dây: "Sao cậu rành thế? Chính ba má tớ lấy tên là Tùng Giản đặt cho tớ đấy". Tôi cũng lập tức reo lên với anh: "Thế là anh đồng hương với anh Xuân Diệu rồi!". Chẳng biết là thực hay hư, nhưng anh Giảng (tức Giản) liền khai ra một dây: nào là có bà con (bên ngoại, tất nhiên) với anh Diệu, anh còn phải gọi anh Diệu bằng chú - nào là lúc bé anh đã gặp anh Diệu, anh Diệu rất quý anh v.v... và v.v... Trong cái đêm ở trạm dây hoang vắng ấy, câu chuyện về anh Diệu đã kéo xích chúng tôi lại gần nhau và làm tôi ấm lòng biết mấy. Sau đó gặp nhau, chúng tôi đã trở thành một đôi bạn thân, chung nhau một căn hầm, một mẩu lương khô. Tôi đã quý một con người vì yêu một con người khác.

Sau này, được anh Diệu dành cho những dòng ưu ái về những bài thơ trúng giải của tôi, lại được gặp anh và được anh mời đến chơi nhà, tôi hết sức xúc động. Nhưng bản tính của tôi đã hại tôi. Tôi yêu anh đến cái mức hầu như không dám một mình

đến với anh. Tôi chỉ đến thăm anh vài ba lần, lúc thì rủ Hồng Diệu, lúc thì Vương Trọng. Đến nỗi, đã vài lần anh cáu với tôi. Một lần tôi gọi điện báo tin đến thăm anh, nhưng lại đến với hai người nữa. Anh nói khẽ nhưng có vẻ giận: "Các cậu rủ nhau hay tình cờ gặp? Nhà tớ không có thói quen tiếp khách tập thể đâu". Và có lần anh đã nói thẳng với tôi bằng cái trực tính của anh: "Nếu cậu cứ thế thì ba tháng nữa cậu sẽ ghét tớ vô cùng!". Anh suy luận theo phép "biện chứng của tâm hồn" - nhưng với tôi suy luận đó không đúng. Tôi làm sao lại có thể thôi yêu anh được. Với tôi, anh Diệu là biểu tượng của nhà thơ, một nhà thơ nguyên khối và "toàn tòng" đến từng sợi tóc. Toàn bộ con người anh: tâm hồn, tài năng, tri thức, lao động, cho đến vẻ ngoài một gương mặt, một mái đầu đẹp đến hoàn chỉnh, và cho đến một cái tên - sao song thân anh lại có thể chọn cho anh một cái tên tươi tắn, ngọt ngào và chính xác với cuộc đời anh đến như vậy, có thể nói, tên anh đồng nghĩa với nhà thơ, từng tiếng một vang lên như gói trọn tất cả: một mùa *Xuân,* tuyệt *Diệu!*

Lần cuối cùng tôi đến thăm anh cùng với Phạm Ngọc Cảnh. Anh vẫn dành cho tôi câu nói đùa thường trực bằng cách chơi chữ từ cái tên của tôi: "Xin chào em Ngọc". Cho đến lúc ra về anh vẫn tiễn chúng tôi đến cổng. Đã năm ba bận nắm tay anh,

mà đến lúc chúng tôi ra tận đường, khi anh đã vòng sợi xích vào cánh cổng sắt rồi, tôi quay lại nhìn anh một lần nữa thì anh vẫn đứng đó, nụ cười lấp lánh sau mắt kính, anh chìa tay qua song sắt và gọi tôi: "Bắt tay lần nữa nào". Tôi dựng xe, quay vào đưa cả hai tay nắm lấy tay anh. Và, xin cứ kể cho vui, câu cuối cùng trong đời anh nói với tôi là câu này: "Cậu có thể đổi tên lấy vợ nữa được đấy! ".

Anh Diệu là thế đấy. Có thể phỏng theo lời M.Goocki viết về X. Êxênhin để nói về anh: Xuân Diệu là một cây đại phong cầm do tạo hóa tạo nên để ca ngợi cõi đời này. Tạo hóa đã tạo ra anh và lại cướp anh đi. Con người ấy mà đã chết được thì không ai không thể chết được!

Tối 31-12-1985

HÀ KHẢI HƯNG

BUỔI NÓI CHUYỆN THƠ CUỐI CÙNG CỦA XUÂN DIỆU

Tháng 9 năm 1985, kỷ niệm 40 năm ngày Quốc khánh 2 tháng 9, câu lạc bộ Đoàn Kết (ở đường Tràng Tiền) tổ chức cuộc nói chuyện "Thơ Việt Nam 1945 - 1985". Diễn giả là nhà thơ Xuân Diệu.

Tôi còn nhớ như in buổi nói chuyện thơ hôm đó. Gọi là "thơ hiện đại Việt Nam từ sau cách mạng tới nay", nhưng lướt qua một số tên tuổi tiêu biểu, già nửa thời gian còn lại, thi sĩ phân tích, giảng giải về cái hay của thơ... mình. Tất nhiên chẳng ai lấy làm ngạc nhiên về điều này (vì ông đã làm thế nhiều lần, cả trên trang sách). Được nghe nhà thơ lớn nói chuyện đã là vui lắm lắm, huống hồ được nghe "chui" một số bài thơ xưa của ông vốn ít có dịp được tái bản, lại còn thơ trong "sổ mật" chưa hề xuất bản, vui nào bằng.

Xuân Diệu thông báo, trong cuộc gặp gỡ quốc tế các nhà văn ở Sofia vừa rồi, ông có đọc bài thơ *Chén nước*, được đồng nghiệp tán dương. Nữ sĩ Bungari Đimitrôva còn cho rằng đó là bài thơ hay nhất đọc

buổi hôm đó. Tiện đây, Xuân Diệu bình luôn mấy câu thơ Đimitrôva viết về cái hôn, đại thể "nụ hôn vùi trong tóc". "Tại sao phải vùi, chữ vùi hay như thế nào? Vì nụ hôn nóng bỏng như hòn than đỏ, phải vùi vào trong tóc, chớ không nó trơn trượt, nó rơi mất" - nguyên văn câu bình luận của nhà thơ như thế.

Mọi người vỗ tay rào rào. Nhà thơ nghiêng người, ngả cổ nâng cốc nước cam uống một hơi, vẻ mặt mãn nguyện.

Nhưng đến giờ giải lao, hình như theo thông báo từ trước "người đi nghe nói chuyện thơ được mua thêm họa báo", ở hành lang, mọi người chen chúc nhau, cố gắng mua lấy được đôi tờ họa báo về bọc sách cho con (nên nhớ những năm tháng ấy ở ta còn khan hiếm về giấy, có được đôi tờ họa báo bọc sách bọc vở là quý lắm. Đa phần chỉ dám bọc sách vở bằng giấy báo, giấy vỏ bao xi măng mà thôi). Không khí lộn xộn kéo dài, khi nhà thơ Xuân Diệu đã trở về bục diễn giả và tiếp tục nói chuyện thơ rồi, mà ở hành lang, những cánh tay nhao nhao giơ lên vẫn còn dày đặc. Xuân Diệu ngán ngẩm lắc đầu. Ông lẩm bẩm, nhưng vì miệng ông ghé gần micrô, nên trong phòng, mọi người đều nghe thấy: "Mọi người đến đây để mua họa báo chứ không phải nghe thơ à?". Mặc nhà thơ ta thán, nhiều người vẫn bỏ ngoài tai, cố gắng đạt bằng được mục đích của mình.

Xuân Diệu bắt đầu đọc tới hai câu thơ:

Lòng ta là một cơn mưa lũ,
Đã gặp lòng em là lá khoai.

Thái độ của nhà thơ đã chất nhiều bực dọc. Câu thơ đọc lên nghe nặng nề, như táp vào mặt người nghe. Đột nhiên, nhà thơ to giọng: "Lá khoai, ở miền Nam người ta gọi là lá môn, nhưng chẳng lẽ với đồng bào Bắc Kỳ, tôi lại gọi là lá môn, là:

Lòng ta là một cơn mưa lũ,
Đã gặp lòng em là lá môn.

hay sao?

Cũng chẳng cần biết ẩn ý của nhà thơ thế nào khi nói ra câu ấy, mà nghe cách giải thích ngộ quá, mọi người rộ lên cười. Tiếng cười làm cho thi sĩ hơi dịu lại, rồi chắc cũng thấy cách giải thích của mình hơi sa đà, ông nói thêm: "Vả chăng, dùng lá môn không được, như thế làm sao vần với hai câu dưới: "*Mưa biếc tha hồ tuôn giọt ngọc - Lá xanh không ướt đến da ngoài* ".

Tiếng cười lại rộ lên râm ran khắp phòng...

Có lẽ đó là buổi nói chuyện thơ cuối cùng trước công chúng của nhà thi sĩ, vì chỉ ba tháng sau đó, ông đã "vẫy chào cõi thực để vào hư". Nhà thơ Xuân Diệu ra đi đến nay vừa đúng mười năm. Lớp học sinh ngày ấy giờ đã lớn, những quyển sách đã sờn, nhưng vẫn còn đâu đây một niềm tiếc thương của những người đã từng một lần được nghe ông nói chuyện thơ...

1995

PHẠM THÀNH CHUNG

"HAY NHƯ THƠ MUYXÊ"

Sinh thời, nếu như có ai đó ca tụng nhà thơ Xuân Diệu rằng, thơ của ông hay như thơ ông này ông nọ ở nước ngoài, thì chắc nhà thơ cũng chỉ cảm thấy hài lòng, vì như vậy là người ta biết... "phải đạo" với mình, chứ thực ra ông biết nói như vậy là khập khiễng. Làm sao có thể so sánh loại thơ được đọc trên văn bản với loại thơ đọc qua bản dịch (mà nhiều khi chỉ còn là bản dịch nghĩa). Chính vì thế mà Xuân Diệu rất lấy làm thích thú - điều này ông đã từng đem "khoe" trong một cuộc nói chuyện trước công chúng (ba tháng trước ngày ông mất) - ấy là việc một cô gái Việt kiều sống ở Pháp, trong một lần gặp nhà thơ tại Trường đại học Sorbonne (thủ đô Pari) đã cho rằng thơ của ông hay không kém gì thơ Muyxê (Anphrết đơ Muyxê) nhà thơ Pháp nổi tiếng thế kỷ XIX. Điều mà Xuân Diệu thấy thỏa đáng là cô gái này đọc thơ bằng hai ngữ. Cô đọc thơ Muyxê bằng tiếng Pháp trong giáo trình cô học. Còn thơ Xuân Diệu thì cô đọc bằng tiếng mẹ đẻ (tức tiếng Việt). Sau nữa, Muyxê là nhà thơ mà khi còn trẻ Xuân Diệu đã từng ngưỡng mộ, người được mệnh danh là "nhà thơ của tuổi trẻ và tình yêu".

NGUYỄN BÙI VỢI

THIẾU HAI ĐẠI THỤ, RỪNG THƠ TRỐNG VẮNG

Ngày 18 tháng 12 năm 1985, Xuân Diệu qua đời, gần bốn năm sau, Chế Lan Viên cũng ra đi. Cả hai người đều không vượt qua được ngưỡng đời 69. Các thế hệ nhà thơ, bạn bè văn chương và bạn đọc ngơ ngác nhận ra rằng đất nước đã mất đi hai tài năng lớn. Trên bầu trời thi ca Việt Nam, hai ngôi sao sáng đã tắt.

Xuân Diệu và Chế Lan Viên có những nét giống nhau và khác nhau. Tài năng của hai ông đều phát lộ rất sớm. Mười bảy tuổi *Điêu tàn* của Chế Lan Viên ra đời *"đột ngột xuất hiện ra giữa làng thơ Việt Nam như một niềm kinh dị"* (Hoài Thanh). Hai mươi mốt tuổi, Xuân Diệu cho xuất bản *Thơ thơ* và cũng theo Hoài Thanh, "Xuân Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới". Cả hai ông đều học rộng đọc nhiều, biết nhiều: Hiểu văn học Pháp và các nước phương Tây, nắm vững thơ Đường, Tống, yêu say mê các nhà thơ cổ điển Việt Nam, tâm hồn bắt rễ rất sâu vào ca dao, tục ngữ.

Cách mạng Tháng Tám thành công, cả hai ông đều hăm hở bước vào cuộc hồi sinh của dân tộc, sống nhịp sống cần lao với nhân dân mình. Trong khi Xuân Diệu về *"ba cùng"* với nông dân trong hai đợt giảm tô ở Thanh, Nghệ thì Chế Lan Viên ngoài bộn bề với công việc cơ quan, từng đêm vật vã duyệt lại mình, duyệt lại thơ mình, từ bỏ những nhận thức cũ không còn phù hợp, tìm một cách viết mới có hiệu quả nhất cho thơ, cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Hai ông cũng có những điểm khác nhau. Xuân Diệu sáng tác kịp thời, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của đất nước. Hầu như về vùng đất nào ông cũng có thơ. Trái tim đa cảm của ông luôn luôn rung động trước nhịp đời ríu rít. Ông quá tin ở sự chân thành của lòng mình mà chưa có sự khắt khe cần thiết trong nghệ thuật biểu hiện.

Chế Lan Viên thì khác. Sau tập thơ *Gửi các anh* in sau hòa bình 1954 không chiếm được cảm tình của bạn đọc, ông thầm lặng vật vã, đánh vật với câu chữ, với ý tưởng, tìm những cách tốt nhất để chuyển hóa chất liệu đời sống thành chất liệu tâm hồn và *Ánh sáng và phù sa* của ông đã đẫm hương, thắm sắc. Ông viết mười bài có khi chỉ in một, hai. Có bài thơ ông viết đi viết lại bao nhiêu lần, kín cả một cuốn sổ.

Đọc *Tuyển tập Chế Lan Viên* ngoài khá nhiều

bài thơ hay, có thể bài này bài kia người đọc thích hay không thích nhưng khó có thể tìm thấy lỗi về câu, chữ, bố cục hay ý tưởng. Đó cũng là tuyển tập thơ ít lỗi nhất trong các tuyển tập của các nhà thơ tài danh (có người đã qua đời, có người còn sống) mà Nhà xuất bản Văn học đã xuất bản mươi năm trở lại đây.

Cả hai ông đều có ý thức chăm sóc, phát hiện những cây bút trẻ, mỗi người một cách. Chế Lan Viên thật sự thích thú khi nhặt được trong chồng bản thảo lại có một bài hay một chùm thơ của một cây bút chưa có tên nhưng đã ánh lên một chút gì. Ông sẵn sàng viết cả một "sa pô", dăm bảy dòng giới thiệu và in luôn một chùm. Ông muốn đem lại niềm phấn khích cho tác giả trẻ đó và muốn kích thích nhiều người viết trẻ khác. Cũng có người sau này thành danh, cũng có người sau chùm ấy đã không quay trở lại.

Xuân Diệu thì yêu anh em trẻ bằng cách nói thật lòng cái *"hạnh phúc đau khổ"* (từ dùng của Xuân Diệu) của việc làm thơ, gặng hỏi cho ra nhẽ *"rằng em yêu thật hay là yêu chơi"*. Ông động viên, ông mắng mỏ, có khi mắng như tát nước vào mặt rồi sau đó thấy mình quá lời lại xin lỗi.

Điều thú vị nhất trên thi đàn nhiều năm là hai nhà thơ đàn anh ấy đã bổ xung cho nhau một cách tuyệt vời. Xuân Diệu cực đoan đã có Chế Lan Viên

sắc sảo. Chế Lan Viên "tỉnh" đã có Xuân Diệu "say". Một cuộc thi thơ mà Ban giám khảo có cả hai ông là yên tâm nhất. Không ai trùm lấp được ai.

Xuân Diệu và Chế Lan Viên ngoài tài năng sáng tác còn là hai nhà thẩm thơ có hạng. Những công trình nghiên cứu và bình luận thơ của hai ông đã giúp ích các thế hệ nhà thơ rất nhiều. Một điều về thơ hai ông nói ra, đồng nghiệp và lớp trẻ phải nghiêm túc nghĩ ngợi.

Là hai nhà thơ lớn, Chế Lan Viên và Xuân Diệu còn là hai nhà văn hóa lớn, là những người "cầm cân nảy mực" cho thơ Việt nhiều năm qua.

Trong những năm tháng thơ ca xô bồ và hỗn tạp hiện nay, vắng Chế Lan Viên và Xuân Diệu, công chúng và "cầu thủ thơ" thấy thiếu biết bao, những trọng tài tinh tường, uy tín: Thiếu hai đại thụ, trống vắng một rừng thơ?

Hà Nội, 23-2-1995

NGUYỄN BÙI VỢI

ANH CHƯA SỐNG MỘT NGÀY NÀO TRONG TUỔI GIÀ

Tôi được gặp nhà thơ Xuân Diệu vào những ngày cuối thu năm 1953. Hồi đó anh tham gia đoàn cán bộ phát động quần chúng đánh đổ giai cấp địa chủ ở xã tôi - xã Cát Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Năm ấy tôi mới mười chín tuổi, đang học tại trường phổ thông cấp 3 Huỳnh Thúc Kháng ở Bạch Ngọc, được chi đoàn Thanh niên cứu quốc xã cử tham gia vào đội tuyên truyền phát động giảm tô. Dạo đó tôi đã tập làm thơ và đã có vài ba bài được in.

Gặp nhà thơ Xuân Diệu, tôi mừng lắm. Anh mặc áo quần gụ, đi dép cao su quai to, đội mũ lá nhưng mái tóc lượn sóng và đôi mắt mơ màng thì không giấu được thành phần xuất thân.

Anh "ba cùng" với một gia đình bần nông, ngày ngày ăn uống vô cùng kham khổ, đêm ngủ chõng tre, hôm rét thì nằm ổ rạ nhưng làm việc rất hăng hái. Anh đến các xóm Văn Lương, Lam Triều,

Thượng Đình, Tràng Lân tìm hiểu đời sống bà con nông dân và đọc thơ cho họ nghe. Nhiều người đã khóc khi nghe anh đọc bài thơ *Bà cụ mù lòa*. Biết tôi cũng võ vẽ làm thơ, anh khuyến khích tôi mạnh dạn đọc và tôi cũng "liều" đọc thơ cho bà con nghe bên cạnh một nhà thơ đã bao năm nổi tiếng trên thi đàn.

Cuối năm ấy, tôi đi học sư phạm ở khu học xá trung ương và mùa hè năm 1956 về nước, tôi rụt rè đến thăm anh. Cũng nghĩ là anh chẳng nhớ nữa nhưng vừa gặp, anh đã nắm chặt tay tôi và đọc luôn hai câu thơ anh viết dịp về xã tôi:

Xã Cát Văn, một mảnh đất Thanh Chương,
Mà tôi thấy cả quê hương nước Việt.

Anh bảo anh có chú ý đến một số bài thơ của tôi in ở các báo *Cứu quốc*, *Độc lập*, *Văn nghệ*. Anh nêu một số nhận xét có tính chất động viên khuyến khích tôi. Mấy chục năm đi dạy học ở trung du, cứ mỗi lần về Hà Nội là tôi đến thăm anh theo cái địa chỉ truyền khẩu đã thành giai thoại trong giới văn nghệ: *Nhà tôi 24 Cột Cờ, Ai yêu thì đến hững hờ thì qua*. Trừ những lúc phải viết bài gấp cho báo, cho tạp chí anh tiếp mươi lăm phút còn bình thường anh ngồi hàng giờ trò chuyện với tôi về thơ, bảo ban tôi về nghề. Anh là người cực đoan, bộc trực, yêu ghét hiện ra mặt. Anh không bao giờ xã giao, chiều lòng. Và hầu như lần nào anh cũng hỏi thăm về Cát Văn quê tôi, hỏi bác Nguyên hồi bấy giờ là chủ

tịch xã còn khỏe không, anh Lộc có làm thuốc nam nữa không (anh Lộc là anh rể tôi). Nói chuyện với anh, tôi thấy ngợp đi về kiến thức uyên bác của anh và mỗi lần ra khỏi ngôi nhà hai tầng có cây hoàng lan trước cửa là lòng yêu thơ, yêu văn học lại được nhân lên trong tôi.

Phải nói là ít ai chu đáo với lớp trẻ được như anh Xuân Diệu. Cách đây hai mươi năm, dạo tôi đang dạy học ở Vĩnh Yên, một hôm tôi đang mừng vì Định Hải ở Nhà xuất bản Kim Đồng lên làm việc với tôi về bản thảo thì một anh cán bộ phòng Giáo dục huyện Bình Xuyên cầm thư anh Diệu lên, nhắn tôi về gặp anh cho vui. Tôi chưa biết tính sao thì Định Hải giục: "Ông cứ về nghe Xuân Diệu bình thơ đi, tôi ở đây đọc bản thảo chờ ông về, mai ta bàn cũng được!". Đến hội trường xã Thượng Đức tôi thấy anh đang đứng ngắm, góp ý kiến với ban tổ chức kê bàn diễn giả thế nào, đèn bàn để chỗ nào cho người nghe ai cũng nhìn thấy mặt diễn giả. Anh bắt tay tôi rồi cười: "Đấy là cái phép "lùa chim vào lưới" đấy cậu ạ!".

Tết vừa rồi, sáng mồng một, anh đến tặng tôi tập sách *Công việc làm thơ.* Tôi đi vắng. Anh nói với vợ tôi: "Chắc Vợi nó bận, hơn tháng nay không thấy nó đến thăm anh, thôi em bận thì anh phải đến thăm vậy?". Mười năm nay, về Hà Nội công tác, tôi được gần anh. Thỉnh thoảng tôi đến nhờ

anh viết bài cho đài và để nghe anh nói về những thông tin thơ ca mới nhất trên thế giới. Lúc nào cũng thấy anh mải miết, dự định, hăm hở, việc này chưa xong đã đến việc khác, tập này chưa xong đã lo tập khác. Mấy năm gần đây, anh ít đi bình thơ nhưng vẫn nhắc một số anh em chúng tôi cố gắng làm cái công việc - như anh nói - là đem hàng về tận nơi cho quần chúng.

Anh Xuân Diệu ơi, anh sáu mươi chín tuổi, nhưng anh chưa sống một ngày nào trong tuổi già. Anh chân thành, hăm hở, nồng nhiệt cho đến phút ra đi...

Ý NHI

MỘT KHOẢNG TRỐNG CÓ THỰC

Mặc dù biết anh Diệu ốm nhưng suốt tuần nay cháu bé tôi bị hen nặng, tôi lại bận công việc ở Hội nghị nhà văn trẻ, nên chưa vào thăm anh được. Tuy áy náy, bồn chồn trong lòng, tôi vẫn nghĩ rồi sẽ còn được thăm anh, rồi anh sẽ bình phục, sẽ trở về với chúng ta. Ai ngờ anh Diệu ra đi mãi mãi. Khi nghe anh Hoàng Trung Thông báo tin, tôi bật khóc vì hối hận, vì tiếc thương.

Sao trong mấy ngày này tôi cứ nhớ lại hình ảnh anh Diệu lúi húi ở góc phòng pha cà phê, pha trà, dọn kẹo đãi khách. Những lúc ấy trông anh Diệu thật ân cần, dịu dàng, chi chút và cũng thật cô đơn. Mỗi lần thấy anh Diệu phải làm những công việc ấy tôi lại bùi ngùi trong lòng.

Vài năm gần đây, do công việc của Hội đồng thơ, tôi mới có dịp gặp anh Diệu nhiều. Bao giờ chúng tôi ra về anh Diệu cũng tiễn ra tận cổng và dặn sớm quay trở lại. Tôi có cảm giác là anh rất cần bạn bè, cần người trò chuyện. Có hôm tôi đến gặp anh đang chơi với cháu bé con anh Vũ, cháu bé mới hơn một năm, đem tất cả bút của ông Diệu cho vào cái

ống trúc làm chân bàn, chốc chốc cháu lại đòi ông Diệu dốc ngược bàn, đổ bút ra, rồi cháu lại cho vào... Cứ như thế, anh Diệu chiều cháu, nét mặt nhẹ nhõm, hân hoan, trẻ hẳn lại. Không hiểu sao cái cảnh vui vẻ ấy cũng lại khiến tôi bùi ngùi trong lòng. Rồi cái cách anh Diệu gói các tập thơ ra từng bó, ký tên, giữ gìn, đọc từng tác giả, nhớ từng bài, từng câu, từng chữ, cái cách anh Diệu khoe với chúng tôi các tập thơ của anh sắp in ở Bungari, ở Hungary, ở Mỹ... Không hiểu sao cứ khiến tôi buồn. Phải chăng tôi đã sớm nhận thấy phía sau nhà thơ tài năng, nhà học giả uyên bác, phía sau con người mạnh mẽ ấy có một nỗi cô đơn không nói nên lời, không giãi bày?

Cách đây ít lâu, nhân nói chuyện về anh Diệu, tôi có nói với bạn bè: "Nếu như không có Xuân Diệu, nền văn học Việt Nam hiện đại sẽ có một khoảng trống rất lớn". Anh Diệu ơi, giờ đây em mới hiểu rằng sự lường định ấy khác xa với một khoảng trống có thực.

Xin vĩnh biệt anh.

Hà Nội 30-12-1985

VƯƠNG TRÍ NHÀN

KHẢ NĂNG TỎA SÁNG

Mở đầu bài viết nhân cái chết của Tản Đà cách đây bốn mươi sáu năm (1939), Xuân Diệu từng viết đại ý: Anh (tức Xuân Diệu khi đó mới hai mươi ba tuổi), sẽ mang tiếng là người bội bạc, nếu không nhắc lại những kỷ niệm thuở nhỏ từng yêu thơ Tản Đà ra sao. Những ngày này, khi Xuân Diệu nằm xuống, nhiều thế hệ nhà văn Việt Nam cũng có thể nói như vậy: chắc chắn chúng ta sẽ mang tiếng bội bạc, nếu không ghi nhận những đóng góp của Xuân Diệu trong cuộc đời văn học của mỗi người.

Chúng ta biết ơn một Xuân Diệu - nhà thơ. Bây giờ mà nói yêu thơ Xuân Diệu, nghe như cũ cũ thế nào ấy! Nhưng quả thật, với lớp người ở lứa tuổi như tôi, chúng tôi đã vào nghề cùng với việc học nhập tâm nhiều bài thơ, nhiều câu thơ của Xuân Diệu, từ *"Huy hoàng trăng rộng, nguy nga gió"*, từ *"Hoa bưởi thơm rồi, đêm đã khuya"* ngày nào tới những câu thơ anh mới viết một hai chục năm gần đây, loại như *"Vai anh khi để đầu em tựa - Cân cả buồn vui của một đời"*. Mà những câu như thế, nhiều lắm!

Chúng ta biết ơn một Xuân Diệu - nhà văn. Đối với riêng tôi, văn xuôi Xuân Diệu luôn luôn là một cái gì kỳ lạ, nếu không nói: một bí mật. Nó du dương đầy nhạc tính mà lại không sa vào biền ngẫu: nó dồn dập như hơi thở, bề ngoài có cái vẻ rối rắm không mạch lạc gì cả, mà rút lại, vẫn trong sáng, tự nhiên, nó rất gây ấn tượng.

Xuân Diệu đã dùng thứ văn xuôi tài ba đó để viết bút ký sau những chuyến đi. Nhưng chỗ đắc dụng nhất của văn xuôi Xuân Diệu phải kể là những bài viết về thơ Hồ Xuân Hương, *Kiều,* về ca dao Nam Trung Bộ. Bên cạnh một Xuân Diệu giảng rất hay về thơ Nadim Hitmét, Nêruđa, A. Muýtxê... có một Xuân Diệu chân thành, cởi mở "trân trọng muôn vàn, muôn vàn trân trọng" khi nói về các bậc thầy làm nên di sản văn học dân tộc. Chúng ta sẽ bội bạc, nếu sau những bài đó của Xuân Diệu không tìm cách hiểu thêm và yêu thêm *các nhà thơ cổ điển Việt Nam,* như Xuân Diệu từng mong muốn.

Sau hết, (thật ra, đối với một số người đây là điều đáng nói đầu tiên) chúng ta sẽ mang tiếng là bội bạc, nếu không nhắc tới con người tác giả *Thơ thơ, Riêng chung...* người từng để lại trong chúng ta một ấn tượng hết sức mạnh mẽ về khả năng làm việc, về sức đọc, sức viết về lòng yêu nghề và tinh thần không ngừng trau dồi nghề nghiệp. Chỉ cần một vài lần dự họp với Xuân Diệu là người ta

không thể quên được anh với lối nói trực tiếp, nồng nhiệt, sẵn sàng bất bình phẫn nộ nếu chưa cột được mọi người vào những ý kiến gan ruột của mình. Chỉ cần một vài lần đến nhà đặt bài, lấy bài anh viết là người ta không thể quên được anh, với nếp làm việc tỉ mỉ, kỹ lưỡng, và một quan niệm sống thiết thực, luôn luôn chú trọng hiệu quả cụ thể.

"Lòng Xuân Hương là lửa, tay Xuân Hương có điện". Xuân Diệu đã viết về bà chúa thơ Nôm như vậy. Bởi cái lửa cái điện ấy luôn luôn thấy cháy lên, nhói lên ở chính anh, trong cái cách Xuân Diệu sống và viết. Có việc gì dính dáng đến văn học mà anh ngại ngần! Vâng, so với người khác, anh đã làm được rất nhiều, trước tác của anh bằng sự nghiệp vài ba người khác cộng lại. Nhưng lúc nào anh cũng lo để làm nữa, làm nữa.

Như hôn mãi ngàn năm không thỏa,
Bởi yêu bờ lắm lắm bờ ơi!

Cái không thỏa, cái lắm lắm ấy là hồn cốt của thơ anh, của con người anh, mà không hề giấu giếm!

... Trong số những kỷ niệm làm việc với Xuân Diệu, tôi nhớ lần gặp anh trước cửa Hội Nhà văn hơn một năm trước. Theo chủ trương của nhà xuất bản Tác phẩm mới (nơi tôi công tác), tôi tìm cách gợi ý để Xuân Diệu viết hồi ký về cuộc đời mình. Dĩ nhiên là Xuân Diệu không nhận vì anh cho rằng

còn lâu mới đến lúc ấy, trước mắt anh còn nhiều việc cần hơn là phải làm ngay. Chúng tôi nói lan man sang một ít chuyện khác, và để trở lại với đề nghị viết hồi ký của mình, tôi buột miệng:

- Tưởng như anh đã viết rất nhiều, nhưng còn bao nhiêu chỗ, chính Xuân Diệu chưa khai thác mình!

Lần đầu tiên, tôi thấy ở Xuân Diệu có một thoáng buồn, một chút như là chạnh lòng. Chẳng lẽ là như thế chăng, một người đã chịu viết như anh, lại còn nhiều điều chưa viết? Như thế chẳng là buồn lắm sao! Một chút chạnh lòng hôm ấy ở Xuân Diệu - như bao nhiêu sự hứng khởi, sự bền bỉ ở anh bấy lâu, như bản thân công việc của Xuân Diệu xưa nay - truyền sang cho người nói chuyện với anh một lòng ham muốn khôn cùng: ham sống, ham viết, muốn dồn tất cả những gì đã sống lên trang viết.

Sự sống chẳng bao giờ chán nản: tôi nghĩ rằng ấy là một trong những câu thơ đáng khắc lên mộ một con người sống và làm việc không biết mệt mỏi này.

Và tôi xin nhắc lại: Chúng ta sẽ chịu tiếng là bội bạc nếu quên đi không ghi nhận sức tỏa sáng ấy của Xuân Diệu giữa mọi người. Có phải dễ dàng gì để lúc nào trong đời cũng gặp được một người như vậy!

19-12-1985.

ĐÀO XUÂN QUÝ

SỰ SỐNG CÒN CỦA MỘT NHÀ VĂN LÀ Ở TÁC PHẨM(*)

Một hôm, hồi còn nằm chữa bệnh ở Nam Ninh (Trung Quốc) với Chế Lan Viên (1956), nhân lục tìm trong tủ sách của bệnh viện, tôi thấy có mấy tập của Pablo Neruda, một nhà thơ cách mạng rất lớn của Chi Lê mà tôi chưa được nghe nói đến bao giờ. Tôi lấy về đọc rất thích và đưa cho Chế Lan Viên đọc. Đối với Chế Lan Viên, Pablo Neruda cũng là rất mới. Anh khuyên tôi nên chọn dịch thử một ít bài, và nói thêm: "Nếu còn dịch được là còn viết được".

Tôi chọn dịch bài *Ca tụng niềm vui* (rút trong tập *Dây nho và ngọn gió)* đưa cho Hoan (tên thật của Chế Lan Viên) xem. Hoan rất thích và hết lời khích lệ rồi gửi về cho đăng ở trên tuần báo *Văn nghệ*. Anh em ở bên nhà đọc cũng rất thích mà tỏ ý vui mừng khi thấy tôi trở lại trên mặt báo sau hơn mười năm vắng bóng, mặc dù là với một bài thơ dịch.

Những ngày này, ở trong nước đang xảy ra

(*) Trích trong tập hồi ký *Nhớ lại*...

nhiều chuyện đáng gọi là "kinh thiên động địa" trong văn học, nổi tiếng là chuyện của nhóm *"nhân văn giai phẩm* " vang dội đến tận chỗ chúng tôi đang chữa bệnh. Vì chỉ nghe những tin gián tiếp nên không biết được thật đầy đủ các tình tiết trong việc này, nhưng tôi cảm thấy có điều chưa thật ổn lắm, cần phải bình tĩnh hơn, phải thận trọng hơn, đặc biệt là phải chú ý phân biệt những kẻ thật sự cố tình chống đối với những người chỉ theo đuôi hoặc vì bốc đồng, hoặc vì non nớt về chính trị nên bị lừa bịp vì những cái gọi là "mới", là "táo bạo" như những anh em văn nghệ sĩ chẳng hạn nên tôi có viết thư về cho anh Diệu nói rõ những điều suy nghĩ của tôi, và đã nhận được thư trả lời sau đây của anh Diệu.

"Hà Nội 4.12.56

Quý thân ái!

Thư Diệu viết cho Hoan cũng là viết cả cho Quý. Đây Diệu thêm một ít ra riêng Quý.

Diệu rất cảm kích lời Quý khuyên trong thư. Chú ý đến nhau, thiết tha theo dõi và giúp đỡ. Giai đoạn vừa rồi là một sai lầm chung. Trong cái lệch của mình, có phần nào do tự phụ, tự mãn, cho ý kiến mình là đúng hơn người khác. Nói chung các giải thưởng bị non, do quan niệm nặng về "khuyến khích không đánh giá đúng sự yêu cầu đã cao của quần chúng. Nhưng mặt khác, nếu ta nâng đòi hỏi

lên quá cao không nâng lên dần dần, thì cũng khó mà bầu được chiến sĩ thi đua hay là tặng giải thưởng văn học. Phải chú ý cả hai điểm.

Những chuyện vừa qua là một bài học cho mình. Riêng mình, thấy lớn thêm lên, thêm chút nào sáng suốt hơn, thêm bình tĩnh, và càng rõ rằng sự sống còn của một nhà văn là ở tác phẩm. Còn chuyện khác là phụ, nếu nói quá đi, là rơm rác! Chức tước văn nghệ thì xin trả lại cho làng. Chỗ chiến đấu là trang giấy. Nhưng mặt khác, những người nắm chính quyền Văn nghệ, ta cũng phải cất đặt cho tốt, kẻo cờ đến tay, họ phất tầm bậy thì nguy cho văn học, nguy cho chính mình!

Quý ơi! Kiên nhẫn mà chữa bệnh nhé! Anh em không viết thư, không phải là không nhớ Quý đâu. Mình đã nhắc Cận viết thư cho Quý nhiều lần, thế mà vẫn chưa viết được. Ngày khỏe thương nhau một phần, lúc đau ốm thương nhau mười phần. Chịu khó, kiên tâm chữa bệnh cho thật khỏe lành nhé.

Hôn Quý
XUÂN DIỆU".

Trong cuộc sống Diệu có lối sống riêng mọi người dễ cho là ích kỷ, hay đòi hỏi..., nhưng cả đời Diệu đã làm đúng khi những điều suy nghĩ, những điều đã nói trên đây. Suốt đời Diệu là một người viết, một người lao động không mệt mỏi trên trang giấy,

nên mặc dầu có một vài tính, tật rất khó ưa, anh em ai cũng quý mến, kính nể.

Sau này, có lần Chế Lan Viên nói với tôi: "Thật vô lý một người như ông Diệu mà bao nhiêu năm nay vẫn không được vào Thường vụ (ý nói Thường vụ Hội Nhà văn - như Ban thư ký bây giờ). Lần này mình phải đấu tranh đòi cho được". Ý Chế Lan Viên thì như vậy, muốn lo cho bạn, nhưng ngược lại về phía anh Diệu thì không bao giờ băn khoăn, suy nghĩ gì về điều này cả. Đối với anh nó chỉ là "rơm rác" như lời anh nói trong thư. Và "sự sống còn của một nhà văn là ở tác phẩm".

MIRÂY GĂNGXEN
(Pháp)

MỘT NHÀ THƠ LỚN ĐÃ ĐI XA...

Mirây Găngxen là một bạn thơ Pháp của Việt Nam. Chị từng dịch nhiều thơ nước ta cho bạn đọc nước Pháp, trong đó có những bài thơ của Xuân Diệu. Bản tin đầu năm của Hội hữu nghị Pháp - Việt vừa đăng bài của chị dưới đây, với tất cả tấm lòng ưu ái đối với nhà thơ Xuân Diệu của chúng ta.

Trái tim em thức đập,
Nơi gốc của thời gian.
Một nhịp mạnh, nhịp khẽ,
Ấy tay anh nồng nàn.

(Trái tim em thức đập)

Trong tháng Chạp này, trái tim của anh ngừng đập - anh bạn Xuân Diệu của tôi - nhưng tiếng hát thơ ca của anh vẫn còn thức!

Một nhà thơ là rễ cây và gió - là đất và nhạc. Khi một nhà thơ lớn đi xa, nhân dân của nhà thơ khóc trước hết. Và nhân dân các nước dần dần sẽ khám phá ra anh, có khi nhiều năm, có khi những thế kỷ sau, và một ngày nào đó sẽ biết đến cái chết

của anh và nghe được tiếng nói của anh.

Xuân Diệu là rễ cây và gió, là đất và nhạc.

Cũng như các nhà văn lớn của Việt Nam (khi tôi nói lớn, đó là những người được mọi người biết đến, ở nơi gặp gỡ của những cuộc đời riêng và số phận chung), Xuân Diệu là một nhà thơ bắt rễ sâu trong nhân dân. "Con một nhà nho của một tỉnh miền Bắc và một người làm nước mắm của một tỉnh miền Nam, tôi bắt rễ đến hai lần trong dải đất Việt Nam của tôi".

Không có bài thơ nào của anh không ca ngợi một hương thơm:

Nhẹ nhàng gió thổi tháng ba,
Trong hơi thanh mát có hòa nồng say.
Xuân còn, hè đã thoảng bay,
Một mình xa vợi, ngất ngây khí trời.

(Chớm sang vị hè)

Một phong cảnh:

Sông Hương hương nước thanh trong,
Trăng lam Đèo Cả, mây hồng Hải Vân.
Hỡi mình, biển đẹp vô ngần,
Sông xanh như đến dừng chân Sa Huỳnh.

(Hỡi mình)

Một con đường nhỏ của đất nước:

Tôi đã đi hàng chục đêm sao,
Một chiếc xe đạp băng vào bóng tối.
Cũng có lúc mây trời đen kịt lưới,

Cũng có tuần trăng mới ánh trăng trong.

(Những đêm hành quân)

Một cuộc chiến đấu, một nụ cười, một giọt nước mắt của nhân dân mình:

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi,
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu.
Tôi sống với cuộc đời chiến đấu,
Của triệu người yêu dấu gian lao.

(Những đêm hành quân)

Dù cho là một bài thơ tình hay một bài thơ hùng tráng ca ngợi cuộc chiến đấu gian khổ và lâu dài của nhân dân, câu thơ nào của anh cũng được tạo nên từ đất của quê hương và in dấu tay của nhân dân:

Em đến thăm anh trên đôi dép cao su,
Em đã vào nhà mà anh còn thấy bóng em
in trên trời rộng.
Em giữa đêm trăng, in trong giấc mộng,
Vì thế mà anh lồng lộng yêu em.

(Bức tượng)

Tôi từng nghe Xuân Diệu ngâm những bài thơ của mình trong các nhà máy và ở nông thôn. Ở đâu cũng vậy, qua một câu thơ, một hình ảnh, lại vang lên tiếng cười tán thưởng và đồng cảm của người nghe.

Xuân Diệu, như một người hát dạo của nhân dân trong thời kỳ hiện đại, thường đi bình thơ từ

tỉnh này đến tỉnh khác, từ làng quê đến phố phường. Những câu thơ của anh là nhạc - một nhạc điệu nhẹ nhàng, tinh tế, rất uyên bác và gọt rũa rất kỳ công, như anh từng đề cập trong các tiểu luận và suy nghĩ về thơ ca.

Chắc chắn rằng bản chất - cái hồn như anh thường nói - là điều tinh tế nhất, khó dịch nhất của thơ anh cũng như mọi bài thơ, đặc biệt là thơ Việt Nam.

Cũng như hương thoảng của hoa dạ hương ở cửa sổ buồng anh, các bản dịch công phu nhất cũng chỉ có thể miêu tả một phần rất nhỏ nhạc điệu của thơ anh, tuy vẫn vang vọng tới trái tim của mọi người trên trái đất.

Người ta bảo Xuân Diệu là nhà thơ của tình yêu. Làn tóc anh đen, mềm, đôi mắt anh đen nhánh, giọng nói anh ấm áp và trầm bổng. Lứa đôi, tìm kiếm người thương ở trung tâm thơ ca của anh. Và trước hết là người phụ nữ. Tình thương mênh mông, xúc cảm luôn mới mẻ, anh mang trong lòng nỗi đau thương của bà mẹ bị vùi dập do lễ giáo phong kiến và anh nói về người phụ nữ bằng trái tim trẻ thơ, quý trọng vô cùng và thương yêu dịu dàng:

Má ơi, má của con đã già yếu lắm,
Má là nguồn gốc của con.
Má là vạn Gò Bồi, làng Tùng Giản,
Má là sông không cạn, núi không mòn...

Má kháng chiến ở trong Bình Định,
Con ngoài này Việt Bắc tám năm.
Khi ốm đau má đắp chiếu nằm,
Bà con với láng giềng chăm sóc...

Má vẫn nghĩ như không hề má chết,
Không phí dù một hạt gạo, lá rau.

(Thơ tặng má)

Xuân Diệu, với những nhà thơ cùng thế hệ, sinh ra vào những năm hai mươi: Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Tố Hữu... đã đem lại cho nền thơ ca Việt Nam trong thời gian trước cuộc cách mạng năm 1945 một sự đột phá, một âm điệu mới, đưa nền thơ ca của đất nước thoát khỏi thời đại phong kiến và dẫn nền thơ ca ấy vào thế kỷ XX đầy biến động lớn. Xuân Diệu đã đề cập những biến chuyển sâu sắc ấy của tiếng nói, vần điệu, hình ảnh trong thơ trên những tiểu luận cơ bản, từng được trình bày bằng tiếng Pháp, đặc biệt là trong cuộc thuyết trình của anh tháng 10-1981 ở Pari với chủ đề: "Sự đóng góp của thơ Pháp vào thơ Việt". Anh đã nói lên sự gặp gỡ có ý nghĩa với những nhà thơ Pháp, từ Sáclơ Oócleăng đến Clôđen, qua Rôngxa, Lamáctin, Muytxê, Bôđơle, Véclen... Trong một lá thư gần đây nhất gửi cho tôi, Xuân Diệu báo tin anh đã dịch xong bài thơ *Chiêm ngưỡng* của Vichto Huygô và những bài ngụ ngôn của La Phôngten,

sắp được Nhà xuất bản Văn học ở Hà Nội ấn hành.

Xuân Diệu chẳng những đã giới thiệu với nhân dân nước mình nền thơ ca Việt Nam bằng những bài tiểu luận rất đặc sắc về những nhà văn và nhà thơ lớn của dân tộc: Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du, Nguyễn Trãi..., anh còn là một nhà dịch thuật lớn của các nhà thơ thế giới. Anh viết: "Đã sáu mươi nhăm tuổi, tôi vẫn còn say mê với thơ của thế giới, với thơ Pháp và trong công việc này tiếng Pháp là một công cụ tuyệt vời".

Năm 1962, anh giới thiệu tác phẩm của Nađim Hítmét bằng tiếng Việt và viết: "Tôi là học sinh của nhiều nhà trường; mãi mãi tôi vẫn là học sinh. Dù vậy, tôi đi trên đôi chân của mình và điều cơ bản nhất mà thơ tôi hiến cho bạn đọc là những giọng điệu của tôi, là tâm khảm, là linh hồn của tôi".

ALẾCHXÂY VAXILIÉP
(Liên Xô)

"TÔI LÀ MỘT TRÁI CAM, HÃY VẮT KIỆT LẤY NƯỚC CỦA NÓ - ĐÓ LÀ NHỮNG DÒNG THƠ TÔI"

Tôi làm quen với nhà thơ Xuân Diệu trong một buổi chiêu đãi ngoại giao. Anh lập tức làm cho mọi người chung quanh chú ý vì cái dáng dấp "thi sĩ" của mình. Đầu hơi ngã ngã về đằng sau, mớ tóc dài, ánh mắt sôi nổi, vầng trán cao.

Nhưng lúc đó tôi chưa có dịp nói chuyện với anh.

Vài tháng sau tôi gặp lại Xuân Diệu. Chúng tôi đến tỉnh Thái Bình - Cuban của Việt Nam. Trên sân một làng thuộc huyện Tiên Hưng, nhân dân đang tập trung đông đủ. Chúng tôi vào nhà ông chủ nhiệm hợp tác xã và gặp Xuân Diệu ở đây. Anh đang mệt mỏi ngồi sau một cái bàn và ăn trứng sống.

Cổ họng bị khô rát - Xuân Diệu nói nhỏ dường như để giải thích với tôi khi thấy tôi nhìn anh quá chăm chú. - Trong vòng bốn ngày phải nói chuyện năm lần. Thế mà những người "nhẫn tâm" này, -

anh dịu dàng đưa mắt về phía mấy người nông dân: - lại triệu tập dân làng lại và yêu cầu tôi nói chuyện lần thứ sáu. Cổ họng tưởng chừng như bị rách ra rồi... - Anh đứng dậy khoác áo vào rồi nói: - Vâng, tôi là một trái cam. Hãy vắt kiệt lấy nước của nó, đó là những dòng thơ tôi.

Xuân Diệu bước ra ngoài sân, nói vài câu rồi bắt đầu đọc thơ. Dân làng vui sướng hoan nghênh anh, vỗ tay tán thưởng từng hồi dài, sau mỗi lần anh đọc xong một bài thơ. Không ai muốn ra về mặc dầu trời đã tối.

Trên đường về Hà Nội, chúng tôi đi cùng với nhau.

- Tất nhiên là tôi rất mệt, - Xuân Diệu nói - Nhưng liệu có ai lại nghĩ đến chuyện mệt nhọc khi chiến tranh đang tiếp diễn. Đối với tôi, được ngâm thơ trước một công chúng như vậy là một hạnh phúc lớn. Và tôi không sợ mệt mỏi, vì sự mệt mỏi như vậy đem lại sự sảng khoái. Nhân dân nước chúng tôi đang chiến đấu. Họ đòi hỏi ở chúng tôi không phải những tác phẩm thô sơ, sơ lược mà là những tác phẩm sâu sắc; sự sáng tạo của chúng tôi phải giàu có, phong phú, đa dạng...

- Tôi thích tự đọc lấy những bài thơ của mình, - Xuân Diệu nói. - Tôi cảm thấy được thính giả đang nghe những bài thơ đó như thế nào, và điều đó cổ vũ tôi. Tôi thấy mình được là một nhà thơ của quần

chúng.

... Ngày hôm đó chúng tôi trở về Hà Nội trên một chiếc xe GAZ nhỏ. Xe đến một bến phà. Nhưng phà vừa rời bến. Chúng tôi ra khỏi xe, dạo chơi quanh bến phà, thích thú ngâm chân mình xuống nước sông. Nước sông mát như làm tan biến ngay những mệt nhọc và lúc ấy chúng tôi mới thấy đêm đẹp như thế nào, sao trên trời sáng quá.

Chiếc phà đã trở lại, người lái phà nhận ra Xuân Diệu, khẽ gọi anh rồi bước tới chào. Tôi nhớ lại câu chuyện gắn với bến phà này mà tôi đã được nghe kể. Có lần anh vội phải đi tới một nơi nhưng lại gặp phải một con sông. Ở bến phà bao giờ cũng có một trật tự nghiêm ngặt, cần phải chờ một chiếc xe tải nào đó tới thì phà mới chở người cùng đi với xe qua sông. Xuân Diệu đề nghị họ chở qua sông, họ chỉ một mực trả lời rằng nội quy đã đề ra như thế không thể vi phạm được. Thời gian trôi qua, nhà thơ nóng ruột quá, không biết làm thế nào. Cuối cùng, Xuân Diệu đành tự giới thiệu mình là nhà thơ, đang vội đến nói chuyện ở một địa điểm bên kia sông. "Anh là nhà thơ ư?" - mấy người công nhân bến phà kêu lên. - Thế sao không nói ngay. Mời anh lên phà. Chúng tôi sẵn sàng chở một mình anh sang sông". Khi chia tay, họ yêu cầu anh viết một bài thơ về những người ở bến phà. Anh đặt cuốn sổ tay lên mạn phà và viết vài dòng thơ. Thế

là nội quy bến phà đã bị vi phạm và Xuân Diệu kịp đến nói chuyện đúng giờ.

... Đêm đó, trên đường về Hà Nội, tôi đã hỏi chuyện nhà thơ:

- Anh hỏi tôi đã xuất bản được bao nhiêu sách ư? Hơn ba mươi cuốn. Tôi viết nhiều. Đó là một cuộc chạy thi với thời gian, ai thắng ai. Nhà thơ cần phải hào hiệp. Thật là vui khi thấy rằng cho đến cuối đời mình, mình sẽ không phải chỉ viết được một cuốn sách.

Tháng 5-1967, tập thơ *Hai đợt sóng* được xuất bản. Đó là một cuốn sách viết về cuộc đấu tranh với đế quốc Mỹ, về tình yêu và lòng căm thù, những điều đã vọng lên từ trái tim nhà thơ. Nhiều bài thơ Xuân Diệu viết về những cảnh xa nhau: Những người yêu phải xa nhau, sự cách xa không dập tắt được tình yêu chân chính, nó chỉ làm ngọn lửa tình yêu bùng cháy thêm lên.

- Chúng tôi, các nhà thơ, chúng tôi phải chuẩn bị cho ngày thống nhất Việt Nam. - Xuân Diệu nói, - chúng tôi cố gắng đăng ở miền Bắc thơ của những nhà thơ yêu nước miền Nam. Đã mười bốn năm rồi, không phải chỉ đất nước chúng tôi bị chia cắt, mà dường như chính bản thân mình bị chia cắt. Nhưng tôi tin rằng sẽ đến lúc đất nước thống nhất và sự thống nhất ấy sẽ đem lại nguồn sinh khí mới cho thơ.

Trong dòng máu Xuân Diệu, Bắc, Nam hòa làm

một. Mẹ anh là người miền Nam. Cha anh là người miền Bắc, ở một mảnh đất nghèo xứ Nghệ. Để kiếm sống, cha anh phải đi vào Nam. Và ở tỉnh Bình Định, ông đã lấy một người con gái làm nước mắm. Nhà thơ đã sinh ra ở miền Nam. Đó là quê hương anh thời niên thiếu, và khi nói đến thống nhất đất nước, mắt anh sáng lên.

Sau *Hai đợt sóng* nhà thơ đang chuẩn bị cho in tập thơ mới *Tôi giàu đôi mắt.*

- Tôi rất hạnh phúc là đã có thể nhìn thấy, yêu, tìm tòi và chiến đấu. - Xuân Diệu giải thích đầu đề tập thơ với tôi như vậy. - Đôi mắt ở đây còn có ý nghĩa nữa là: đôi mắt của người chiến sĩ đâm xuyên qua kẻ thù bằng ánh lửa căm thù, xuyên qua như một lưỡi lê.

Xuân Diệu đang cho in tập *Đi trên đường lớn* dày gần 300 trang, tập hợp các bài phê bình và bút ký anh viết gần đây.

Mùa thu 1967, anh bắt tay dịch tập trường ca *Vlađimia Ilích Lênin* của Maiacốpxki. Dịch sang tiếng Việt tập trường ca dài 1.000 câu, Xuân Diệu viết hai mươi trang lời giới thiệu.

- Làm sao anh có thể hoàn thành một khối lượng công việc lớn như vậy? - Tôi hỏi.

- Giữa hai người với nhau lẽ ra không nên nói những lời to tát nhưng tôi vẫn phải nói: Cuộc Cách mạng Tháng Tám của chúng tôi là của tôi. Tôi đã

đến thăm chiến hạm *Rạng đông*, tôi đã nghĩ đến con tàu đó khi dịch bản trường ca Lênin.

Tôi nghĩ rằng không phải bao giờ cũng có thể dịch thơ từ tiếng nước này sang tiếng nước khác một cách dễ dàng ngay cả khi những tiếng đó gần nhau, huống chi tiếng Nga và tiếng Việt lại rất khác nhau về mọi mặt.

- Tất nhiên là nhiều đặc điểm, nhiều tìm tòi trong thơ Maiacốpxki không còn giữ được trong bản dịch. Nhưng cái chính vẫn còn, đó là sức mạnh, niềm say mê, niềm tin toát ra từ câu thơ.

Trước Cách mạng Tháng Tám, Xuân Diệu là một nhà thơ lãng mạn, viết nhiều thể loại, chạy từ đề tài này sang đề tài khác nhưng rốt cuộc không tìm được chỗ đứng. Cách mạng Tháng Tám đã đem lại cái đích cho cuộc sống của anh, hướng sáng tác của anh vào một mục tiêu hữu ích.

- Năm đó tôi hai mươi sáu tuổi. - Xuân Diệu nói. - Đó là thời tuổi trẻ của tôi. Mỗi khi tháng tám đến, nó lại nhắc tôi thời tuổi trẻ đó.

Hồi đó bọn phản động ra sức phá hoại nhà nước trẻ tuổi, chúng vu cáo nhà nước đó là không có tính chất dân tộc. Xuân Diệu sáng tác một trường ca ca ngợi ngọn cờ mới - ngọn cờ đỏ sao vàng. Tháng 1-1946, khi có cuộc tổng tuyển cử đầu tiên, Xuân Diệu viết bài *Hội nghị non sông* ủng hộ mặt trận dân tộc thống nhất.

- Tôi là một đảng viên - nhiều lần Xuân Diệu nói - sáng tác của tôi có chủ đích rõ ràng. Tôi không tuyên truyền quan điểm của tôi một cách thẳng thừng, nhưng dù tôi viết về cái gì - về gặt lúa, về tình yêu, về những đứa trẻ sơ tán, thơ của tôi vẫn mang tính tư tưởng cụ thể nhất. Tôi cố gắng để làm sao sáng tác của mình không phải là những cái khung sơ lược, trừu tượng, mà là những hình tượng đầy máu thịt.

Xuân Diệu nói rất sôi nổi, anh không sợ dùng những chữ "to tát". Tư tưởng Mác Lênin đối với anh là tất cả tấm lòng anh.

- Tôi nhấn mạnh, - Xuân Diệu nói tiếp - cách mạng đã mở ra cho tôi những chân trời mà trước đây tôi không thể mơ ước được. Nhân dân nước tôi bao giờ cũng yêu thơ, nhưng trước cách mạng bị mù chữ. Bây giờ ngày càng có nhiều người đọc sách, đọc thơ. Trước cách mạng, tôi là nhà thơ của một số ít người, sau cách mạng tôi trở thành nhà thơ của đông đảo quần chúng. Bởi vậy mà tôi yêu nước cộng hòa của tôi. Con dế mèn trong đám cỏ gáy lên không phải để cho riêng mình. Nó gáy lên để tìm bạn. Nhà thơ mong muốn sao lời ca của họ được hàng triệu người nghe. Sự công nhận của đông đảo quần chúng là nguồn sức mạnh, nguồn cảm hứng của tôi.

MÃ GIANG LÂN dịch.

M. ILINXKI
(Liên Xô)

CUỘC GẶP GỠ VỚI NHÀ THƠ XUÂN DIỆU

Xuân Diệu - một trong những người mà mọi người nói: "Tỉnh dậy anh ta bỗng trở thành nổi tiếng". Hạnh phúc của thơ ca sớm mỉm cười với Xuân Diệu. Ngay tập thơ đầu tay *Thơ thơ* ra đời năm 1938, đã đem lại cho anh danh tiếng lừng lẫy. Trong những thập kỷ cuối đời, anh đã bỏ nhiều công sức cho công việc dịch. Chẳng hạn anh đã dịch trường ca Vlađimia Ilích Lênin của Maiacốpxki. Mỗi lần đến thăm Liên Xô, thể nào anh cũng đi viếng các địa danh Lênin. Những cuộc viếng thăm đó phảng phất trong cả bài thơ của anh *Thăm lều cỏ Lênin* và một trong những bài tiểu luận của anh viết dành cho tờ *Tin tức* vào trước Đại hội lần thứ 26 của Đảng Cộng sản Liên Xô, và tất nhiên, cả những câu thơ sau:

Bỗng nhiên tôi thấy một ngôi nhà có lá cờ bay
Sáng sủa, bao la, dường như không tường chặn lại,
Lênin đi đi giữa bốn bề rộng rãi,
Vầng trán mênh mông soi mãi tới trời,

Đôi mắt nheo nheo thấu suốt lòng người,
Bước chân nhanh nhanh nghiêng mình phía trước.

Đối với nhân dân Việt Nam - Xuân Diệu nói, - tên tuổi Lênin, đất nước của Lênin, đó là ngọn cờ đỏ thắm, chiến thắng tung bay trên ngọn cột buồm cao vọi của con tàu khổng lồ của chủ nghĩa xã hội, đó là ánh sáng và sự sáng tạo, đó là sức mạnh thúc đẩy lịch sử."

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng gọi chủ nghĩa Lênin là "mặt trời chiếu rọi con đường của chúng ta đi đến thắng lợi hoàn toàn", và Người nhấn mạnh rằng ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười và V.I. Lênin đối với những người cách mạng Việt Nam "giống như nước uống và thức ăn đối với người đi đường đói khát".

Tôi sung sướng là một lần đã viết những dòng thơ nói lên tình cảm lớn này - Xuân Diệu nói thêm.

Còn đây là bài báo của Xuân Diệu mà bản chính tôi phát hiện ra trong lưu trữ của mình. Bài báo viết về ngày Một tháng Năm - ngày hội của tình đoàn kết quốc tế của những người lao động:

"Tôi biết ở Mátxcơva xa xôi và bao giờ cũng gần gũi với trái tim tôi, mồng Một tháng Năm đó là thời kỳ bắt đầu nở hoa của các vườn cây. Tôi đã nhìn thấy hoa linh lan nở như thế nào vào ngày mồng Một tháng Năm ở Pari, nhưng tôi biết rằng những

bông hoa linh lan đẹp nhất - là ở ngoại ô Mátxcơva. Một lần Ilia Êrenbua gửi cho tôi tấm bưu ảnh mồng Một tháng Năm, trên đó có hình hoa dưới tuyết. Những bông hoa ấy mãi mãi ở lại trong ký ức tôi. Chúng dịu dàng, dường như sống động, với những sao tuyết trên cành. Những bông hoa ấy đã xuyên qua tuyết. Và không hiểu tại sao tôi so sánh những bông hoa dưới tuyết, những sứ giả mùa xuân ấy, với cách mạng, cái mà để giành chiến thắng cần phải đi qua nhiều gian khó".

Những thành tựu rực rỡ của quê hương Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, - Xuân Diệu viết, - là thành tựu đối với tất cả mọi dân tộc đang đấu tranh để giải phóng dân tộc và xã hội. Và nhiều tác phẩm thơ ca của tôi đã được sáng tác ra với ấn tượng sâu sắc bởi những thành tựu của những con người Xô Viết trong tất cả mọi lĩnh vực kinh tế, khoa học và văn hóa.

Tôi sống bằng những hồi ức về những chuyến đi của tôi tới Liên Xô. Tôi nhớ những bông hoa dịu dàng của những vườn lê ở nông trường Mônđavi mang tên Kirốp. Tôi nói "xin chào" các cây thông trên bờ biển của Látvia, mà tôi gọi là những cây thông Ianhit Rainhitô thán phục những bản trường ca tuyệt vời của ông.

Trong thời gian chuyến thăm Liên Xô cuối cùng, Xuân Diệu tặng tôi thêm một cuốn sách của anh -

tập thơ *Hồn tôi đôi cánh*, gồm hơn bảy mươi bài thơ.

"Anh có biết không, - anh nói - lần này hơn một nửa là thơ về... tình yêu".

Nhà thơ của tình yêu. Ngay từ những năm ba mươi người ta đã gọi Xuân Diệu như vậy. Có lẽ là, cả khi ấy, cả ngày này, không có một nam nữ học sinh nào ở Việt Nam lại không mang trong cặp một tập thơ Xuân Diệu hay không chép lại những câu thơ yêu thích vào nhật ký.

"Lâu đài thơ tôi đứng trên cái nền những tình cảm trần tục, nhưng trong lâu đài này có sự e dè trước thời gian còn qua nhanh". - Bây giờ Xuân Diệu cho như vậy, mặc dù anh vẫn nhớ và yêu mến nhiều bài thơ những năm ấy.

Tôi muốn tắt nắng đi,
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi...

Mặc dù sự nổi tiếng đến với Xuân Diệu sớm, cuộc sống vẫn không hứa hẹn sẽ dễ dàng gì. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai, nhà thơ đã buộc phải thay đổi nhiều nghề nghiệp: Anh coi nghĩa vụ của mình là phải nuôi các em; gửi tiền cho người bạn chung thủy Huy Cận để Huy Cận có thể hoàn thành việc ăn học. Và tất nhiên, anh đã làm thơ, làm thơ liên miên. Trong việc đó, nhà thơ

không thể "gửi hương cho gió". - và giác ngộ chính trị của anh cũng trưởng thành. Anh bắt đầu suy nghĩ lại hiện thực vây quanh, các suy tư của anh thấm đượm cái lý tưởng giải phóng nhân dân và đổi mới thế gian. Rồi Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã thổi căng cánh buồm thơ của anh bằng luồng gió mạnh và hướng con tàu tình cảm và suy nghĩ của anh đi cùng với nhân dân trên con đường những thành tựu vĩ đại. Bản thân Xuân Diệu đã nói như vậy gần chục năm sau khi chúng tôi gặp nhau tại nhà anh trên phố Điện Biên Phủ. Kể ra, ở nhà "anh" - nói như vậy không thật chính xác. Cả toàn bộ gia đình Huy Cận cũng sống ở đấy, bây giờ Huy Cận đã là một trong những nhà thơ lớn nhất của Việt Nam. Con nhỏ của Huy Cận, cháu Xuân Diệu, là Hà Vũ. Cháu sinh vào ngày mà người công dân Xô Viết Iuri Gagarin lần đầu tiên trong lịch sử loài người bay vào vũ trụ. Vậy là chú bé có cái tên như thế - Hà Vũ có nghĩa là thế giới các thiên hà, vũ trụ...

Hai gia đình ấy, mọi cái bao giờ cũng chung nhau. Và sự chung thủy như vậy của các trái tim, sự ruột thịt tinh thần trong một căn nhà thống nhất thật là đẹp.

Vậy là cách mạng đã cho cánh buồm thơ của anh no luồng gió mạnh. Năm 1945 ra đời cuốn sách của Xuân Diệu *Ngọn quốc kỳ*, năm 1946 - *Hội nghị*

non sông. Trong tác phẩm này vẫn giữ trật tự lãng mạn các tình cảm anh đã đưa ra sự so sánh lịch sử: trong quốc hội của quốc gia công nông đầu tiên ở đông nam châu Á, trở lại gần bảy thế kỷ trước, anh nhìn thấy sự giống nhau so với hội nghị quốc dân triệu tập năm 1285 và đã đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong cuộc đấu tranh lúc đó của Việt Nam chống những kẻ xâm lược ngoại bang. Sự so sánh thơ "qua các thế kỷ" tưởng chừng có thể tranh cãi, nhưng bản trường ca đã phù hợp đúng lúc mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược do bọn thực dân gây ra, và đã là lời kêu gọi đến cuộc kháng chiến quyết liệt, đến cuộc đấu tranh toàn dân.

Trong những năm tháng dài của cuộc chiến tranh, nhà thơ cống hiến tất cả sức lực cho nhân dân, bằng ngòi bút, bằng thơ của mình chiến đấu với kẻ thù. Các tập *Dưới sao vàng*, *Sáng*, *Mẹ con* đã được xuất bản tại vùng giải phóng. Nhân vật trong các tác phẩm ấy là các chiến sĩ quân đội nhân dân đi theo các nẻo đường chiến tranh, những người du kích không để cho giặc yên ở vùng quê, những người công nhân và nông dân - tất cả nhân dân chiến đấu.

Việt Nam đã chiến thắng, nhưng do âm mưu của bọn đế quốc, đất nước còn bị chia cắt làm hai miền, Bắc và Nam. Và nỗi đau này đã vang lên trong những vần thơ của nhà thơ.

Xuân Diệu, như mọi người yêu nước thực sự của Việt Nam, tin tưởng rằng ngày thống nhất Tổ quốc sẽ tới, nhưng biết rằng để có được ngày ấy sẽ phải đấu tranh lâu dài và gian khổ.

Đề tài miền Nam là một trong những đề tài chủ yếu trong sáng tác của nhà thơ trong giai đoạn từ 1956 đến 1964. Ngày trước anh đã từng sống nhiều năm ở miền Nam đất nước; thiên nhiên, con người ở đấy rất gần với anh. Anh yêu tất cả những cái đó. Anh trung thành với thiên nhiên và những con người ấy. Lòng trung thành, tình yêu quê hương và tinh thần chiến đấu cổ vũ ba tập sách của Xuân Diệu: *Riêng chung* (1960), *Mũi Cà Mau - Cầm tay* (1962), *Một khối hồng* (1964).

Một lần vào năm 1967, Xuân Diệu trở về sau chuyến đi vào thành phố Vinh đặc biệt xúc động. Chúng tôi đã trò chuyện với anh khi ấy cho đến tối khuya. Trước khi ra về, anh bảo: "Mắt người bất kể như thế nào, ngoài màu sắc bẩm sinh còn có hai màu sắc nữa - màu xanh lam và màu đen. Màu xanh lam - đó là tình yêu, là niềm tin, hạnh phúc. Màu đen - đó là sự căm thù, tức giận. Tôi đã bao nhiêu năm sáng tác, đã nhìn thế giới bằng cặp mắt xanh".

Tôi biết, Xuân Diệu có con mắt hiền từ, cực kỳ hiền từ. Nhưng hôm ấy tôi đã nhìn thấy anh nghiêm nghị, kiên quyết, thậm chí tức tối; và tôi

hiểu rằng anh đang nghĩ về điều gì đó rất nghiêm trọng, vượt ra khỏi giới hạn của những quan hệ con người đơn giản. Và tôi đã không lầm.

"Bây giờ, khi kẻ thù động đến đất đai chúng ta - nhà thơ tiếp, - tôi nhìn những kẻ xâm lược bằng con mắt đen".

... Nhà thơ, nhà văn, nhà báo Xuân Diệu căm phẫn tố cáo chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa khủng bố quốc tế, nạn diệt chủng, những hành động dã man của bọn quân phiệt trên hành tinh của chúng ta. Khi Oasintơn dấy lên chiến dịch vu cáo ầm ĩ chống lại Liên Xô và Việt Nam, vu cáo Liên Xô và Việt Nam dùng các chất độc ở Apganitxtăng, Lào, Campuchia, Xuân Diệu đã gửi thư từ Pari, nơi bấy giờ anh đang giảng bài về văn học Việt Nam: "Bọn đế quốc âm mưu vu cáo cái chuyện mà chính chúng có tội, - Xuân Diệu viết. - Bởi vì chính chúng tôi, những người Việt Nam, đất nước của chúng tôi đồng ruộng của chúng tôi đã đau khổ vì vũ khí hóa học Mỹ. Giả dối và nhục nhã! Tôi đã đọc cho sinh viên Pháp nghe những bài thơ viết trong thời gian chiến tranh. Tôi hy vọng những bài thơ ấy sẽ để lại dấu vết trong tâm trí thanh niên Pháp.

Giặc Mỹ can thêm tội ác phá rừng!
Rừng của miền Nam đẹp giàu trong sạch.
Mỹ - thuốc - độc Mỹ - vi - trùng - dịch - hạch
Giặc Mỹ vào mưu phá sạch rừng Nam!"

Nhà thơ yêu nước, nhà thơ quốc tế chủ nghĩa Xuân Diệu tiến hành công việc dịch thuật rất lớn. Anh đã tặng cho bạn đọc Việt Nam những bài sonnê của Sêchxpia, các chương trích trong Ếpghênhi Ônhêghin và tất nhiên, các bản dịch thơ của nhiều nhà thơ Xô Viết. Mới đây anh vừa đưa in tập thơ *Thơ thế giới cùng Việt Nam chiến đấu*.

Thơ của anh cũng chiến đấu. Chiến đấu cho hạnh phúc không chỉ của Việt Nam, mà của cả các dân tộc khác. Tiếng thơ Xuân Diệu đang vang âm như một lời tố cáo nghiêm khắc khi thảm kịch Chi Lê diễn ra, khi quân Nam Phi xâm lược Ănggôla, khi bộ máy chiến tranh Ixraen tàn sát ở Libăng, gây ra những cuộc hủy diệt dã man ở Xabra và Satila, khi Hoa Kỳ tiến hành cuộc xâm lược chống Grênada. Tiếng thơ của anh đang vang lên ngay cả lúc này, khi chủ nghĩa đế quốc Mỹ đang chuẩn bị can thiệp vào Nicaragoa.

"Nhà thơ không thể bàng quan, khi nhà người khác gặp tai họa, khi cái ác và hà hiếp đang gây ra chuyện đen tối". Điều xác nhận đó được nhà thơ Xuân Diệu biểu hiện bằng lời mà mỗi người làm văn Việt Nam đều mang trong tim mình. Là công dân của đất nước, từng biết sức mạnh của sự giúp đỡ thân ái của các dân tộc anh em cả trong những năm tháng thử thách gian khó, cả trong những ngày khó khăn hồi phục kinh tế quốc dân, anh

không thể không là một người quốc tế chủ nghĩa đến tận xương tủy. Là người Việt Nam, nhiều lần bảo vệ Tổ quốc với lòng hi sinh kiên quyết táo bạo, quyết không nhượng bộ kẻ thù, anh không thể không là người yêu nước hết lòng. Hai tính chất ấy đang gieo hứng khởi cho cả văn học Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay, nền văn học giữ gìn một cách thiêng liêng các truyền thống dân tộc và soi sáng cho nhân dân con đường đi tới tương lai tươi sáng.

THUÝ TOÀN dịch

BLAGA ĐIMITƠRÔVA
(Bungari)

XUÂN DIỆU

Anh sinh ra ở Hà Tĩnh, miền Bắc Việt Nam.

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, anh là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Trong bài nói đầu của hợp tuyển nhóm này[1], Hoài Thanh đã viết: "Chưa bao giờ ở chúng ta xuất hiện những rung động mãnh liệt, những tìm tòi sáng tạo ghê gớm như ở Xuân Diệu". Thơ tình yêu của anh được phổ biến rất rộng rãi và rất được hâm mộ. Thơ của anh phôi thai, nảy mầm từ sữa, mật của đất. Đánh giá tập *Thơ thơ* (1938) của Xuân Diệu, Thế Lữ viết: "Lầu thơ ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian, ông đã không trốn tránh mà lại còn quyến luyến cõi đời."[2]

Nhà thơ khát khao thiên cảm về cuộc sống, và mỗi giây trôi đi cũng làm cho cuộc sống bị tổn thương:

---

1. Tác giả trích ý của Hoài Thanh trong bài *Một thời đại trong thơ ca,* mở đầu tập *Thi nhân Việt Nam* - 1943.

2. Thế Lữ - Tựa *Thơ thơ.*

Tôi muốn tắt nắng đi,
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại,
Cho hương đừng bay đi.

Đây là quá trình giải phóng con người khỏi thứ luân lý và đạo giáo trung cổ ở Việt Nam thuộc địa đã từng đẩy con người ra ngoài lề xã hội. Và con người luôn luôn thấy cô đơn, bơ vơ:

Bộn bề ánh nhạc: biển pha lê,
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề.
Sương bạc làm thinh, khuya nín thở,
Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê.

Khi không tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống, nhà thơ đã chán chường trước sự vội vã của thiên nhiên:

Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà Xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.

Sau Cách mạng Tháng Tám, với tất cả tấm lòng bốc lửa của con người có nhiệt huyết, Xuân Diệu đã nhanh chóng hòa mình vào cuộc sống mới. Chính anh đã trở thành một bộ phận của dòng thác quần chúng trong những ngày sôi động này. Anh là một trong những người sáng lập nên nền thơ ca Việt Nam hiện đại - một nền thơ ca có sức thuyết phục lớn. Nó có khả năng diễn tả, truyền đạt sự rung động về cuộc sống tinh thần của con người trong xã hội mới sau bước ngoặt lịch sử vĩ đại của Việt Nam.

Những rung cảm sâu sắc của cá nhân đã hòa lẫn và quyện chặt với cái chung của xã hội. Điều này đã được Xuân Diệu thể hiện qua tên một tập thơ của mình - tập *Riêng chung* (1960).

Xuân Diệu là nhà dịch giả kiệt xuất với các bản dịch thơ Êxênhin, Puskin, Maiacốpxki... Anh là người bạn lớn thân thiết của nền văn học Bungari, từ Bôtép đến những nhà thơ trẻ nhất sau này. Anh đang chuẩn bị một hợp tuyển thơ Bungari dịch ra tiếng Việt. Không biết các nhà thơ của chúng ta sẽ được thể hiện thế nào với sự gieo vần và nhịp điệu thơ phương Đông, với sự tái tạo dưới ngòi bút trữ tình tuyệt vời của anh.

Tôi không thể đưa ra một nhận xét gì khác trước một thiên tài độc đáo, duy nhất ngoài việc chỉ có thể thể hiện qua thơ:

TRÒ CHUYỆN VỚI MỘT NHÀ THƠ Ở TUYẾN LỬA MIỀN NAM

Tặng XUÂN DIỆU

Tôi gặp anh trên những lòng đường
tan hoang và sầm uất
Anh mang trong ba lô một nắm gạo
và một quyển sổ thơ
Chúng tôi ngồi dưới một bụi tre
bóng chẳng còn nguyên,

Phía xa xa, là chòm sao Nam Tào mới mọc.
Sao Nam Tào đóng vào trời biếc
Bằng năm cái đinh óng ánh xuyên
suốt lòng tôi.
Anh bạn nhà thơ không có mái che
trên những mộng mơ
Anh không có những tấm ảnh vớt vát được
của những người thân thiết
Đặng chứng tỏ rằng anh đã từng có họ.
Vật duy nhất anh đang còn sở hữu
Là chiếc xe đạp dãi dầu.
Cả hai đều rất giống nhau
Nhà thơ, có nụ cười cũng như chiếc xe đạp
có những nan hoa tỏa vầng mặt nhật
Và chiếc xe đạp bị xám bởi bụi đường
như là đã đứng tuổi rồi
Tôi hỏi anh: "Cái bí quyết của nụ cười anh
là do đâu?"
Để bắt lấy nguồn gốc nụ cười của mình,
anh trở nên trầm mặc...
- Bí quyết thật là đơn giản.
Để dựng lại đống hỗn độn mà không bị
nó dìm tôi đi mất,
Thì phải tựa mình vào một điểm
duy nhất trên đời,
Là trái tim con người.
Đó là một điểm vững chắc không thể nhổ lay.

Mặc dầu tôi là hữu hạn, bằng yêu thương
tôi trở thành vô tận,
Nếu tôi yêu, tôi ôm choàng cả không gian
rộng lớn.
Nếu tôi yêu, tôi không biết sợ hãi là gì.
Nếu tôi yêu, thì cả bóng tối cũng đầy
ánh sáng của tình tôi,
Tôi còn thiếu cái gì trên quả đất này,
Dầu tôi không cần sở hữu vật gì cả ?
Vì lòng yêu thương tôi không hề thiếu,
chẳng bao giờ[1].

Xuân Diệu còn là tác giả của nhiều tập tiểu luận và phê bình văn học. Sau chuyến đi thăm Bungari lần đầu, tháng 8 -1971, anh đã viết một số bài thơ, bút ký tràn đầy rung động về cuộc sống của nhân dân Bungari, về cảnh đẹp thiên nhiên, về những công trình mới xây dựng và ca ngợi sự đóng góp chân thành của chúng ta vào sự nghiệp của nhân dân Việt Nam đang chiến đấu.

NGUYỄN THỊ HƯƠNG dịch
(Trong tuyển tập *Thơ Việt Nam* do Blaga Đimitơrôva
tuyển dịch và giới thiệu -
Nhà xuất bản Văn hóa nhân dân Xôphia, 1972).

1. Bản dịch bài thơ này của Xuân Diệu.

CHỬ VĂN LONG

GỬI CHỊ ĐIMITƠRÔVA

Có những điều tình cờ làm ta nhớ lại một câu chuyện đã vùi sâu trong ký ức mình, dù nó không có gì liên quan thật mật thiết. Ấy là sự tình cờ tôi đọc được trên tờ báo *Văn nghệ* của Hội Nhà văn gần đây, ba bài thơ của chị, có kèm theo những dòng giới thiệu sơ lược về hoạt động và các tác phẩm chị đã viết về Việt Nam trước đây, thời con người Việt Nam trong sáng, quả cảm, sống, chiến đấu dưới mưa bom bão đạn mở đường thống nhất non sông. Chị đã mấy lần có mặt ở Việt Nam. Chị đã đặt chân trên tuyến lửa Vĩnh Linh. Từ đó, những tác phẩm văn thơ viết về Việt Nam của chị ra đời, chúng gây được ấn tượng và tạo nên dư luận bạn đọc một thời, không chỉ ở Việt Nam. Cái tên Đimitơrôva ghi trên tập văn *Ngày phán xử cuối cùng* và tập thơ *Vây giữa tình yêu* lúc ấy được nhiều người biết tới.

Giữa những ngày bom đạn ác liệt ấy, tôi đã được gặp chị tại nhà riêng anh Xuân Diệu ở 24 Cột Cờ, Hà Nội. Lúc ấy, tôi mới là "cây bút trẻ" trong làng văn, nên trong cuộc tiếp xúc giữa hai người bạn thơ

- Xuân Diệu và chị, tôi chỉ được sắm vai pha trà, rót nước. Vẻ hấp dẫn chị tạo ra cho người ngoài cuộc như tôi, không chỉ ở nội dung câu chuyện, mà cả ở giọng nói, gương mặt thanh tú khác với nhiều phụ nữ châu Âu tôi từng gặp. Ý kiến của chị thường được Xuân Diệu tán đồng cùng với giọng cười sôi nổi. Tôi cố tìm trong những đường nét, giọng nói kia một cái gì đấy liên quan tới cái ý chị viết trong một đoạn văn ở *Ngày phán xử cuối cùng* về những loài chim quý và những loài hoa hiếm trên trái đất hình như đã bị thiên nhiên ác nghiệt cố tình tiêu diệt...'

Lần thứ hai, Xuân Diệu đi thăm Bun về, anh kể lại buổi trò chuyện với chị. Anh khen nước Bun sau mấy năm gặp lại đã thay đổi nhiều, anh nói thêm, nước Bun là tấm gương cho Việt Nam phấn đấu trên con đường xây dựng Chủ nghĩa xã hội.

Nước Bun từng là ước mơ số một của những người Việt Nam được lựa chọn đi lao động ở nước ngoài. Vậy mà nay cũng chính những con người ấy vừa từ Bun trở về đã kể:

"Sau một thời gian dài thất nghiệp, chúng tôi đã bán hết tư trang để ăn và để trở về nước. Nhiều người đã không còn gì để bán. Có anh phải ăn bánh mỳ và uống nước trừ bữa. Có anh khổ đến mức phải tới các ốp người Việt để xin ăn. Từ đó, những va chạm đáng tiếc giữa những người lao động Việt Nam và người Bun đã xảy ra. Có cả đâm chém, cướp giật ngoài phố. Cảnh sát Bun phải dùng đến

những biện pháp như khám xét, lục soát nhà ở của người Việt và những vụ bắt bớ cũng đã xảy ra, tình hình nghiêm trọng đến mức hai nhà nước phải bàn bạc cùng giải quyết...".

Trong khi ấy hoàn cảnh chị cũng không dễ chịu gì. Một tờ báo ở Liên Xô đã viết: "Ở Bun những năm tám mươi, chỉ nhắc tới cái tên Đimitơrôva cũng đã làm nhiều người khó chịu...".

Dù vậy, chị vẫn viết bài, vẫn cố gắng chứng minh cho nhân dân mình thấy những hiện tượng không đẹp kia của một số người lao động Việt Nam đang ở Bun không phải là phổ biến, càng không phải là phẩm chất của người Việt Nam nói chung.

Biết được điều này, rất nhiều người cầm bút ở Việt Nam cảm kích tấm lòng của chị. Và tôi, người em của Xuân Diệu, bạn thơ của chị trước đây, tôi cũng tự coi mình là người em của chị. Anh Xuân Diệu nay không còn nữa. Tôi thấy không thể nào không viết những dòng này gửi chị, để cảm ơn tấm lòng chị mãi chân thành với mảnh đất mà ngay trong bom rơi đạn nổ, chị vẫn tìm được sự yên tĩnh cho lòng mình. Chỉ với rung động sâu sắc ấy, những rung động của một thi sĩ lớn, chị mới cảm thông được với những người Việt Nam đang tha hương kiếm sống trên đất nước chị. Dù cho họ có mắc lỗi lầm,vẫn còn bao điều để yêu thương gắn bó.

Hà Nội, tháng 7 năm 1991

HOÀNG MINH CHÂU

NHỮNG TIẾP NỐI BỔ SUNG GIỮA HAI THẾ HỆ CẦM BÚT

(Trích)

Hai mươi năm trước đây, khi nhận làm một tuyển thơ cho Nhà xuất bản Văn học, cố thi sĩ Xuân Diệu có nhờ tôi chọn hộ bài của mấy anh em trẻ quê khu Bốn cũ. Với Xuân Hoài nhà giáo trẻ thời ấy, tôi đề cử một bài anh viết về trẻ em. Anh Diệu gạt đi, mà rằng: "Văn vần chứ chưa phải thơ". Sực nhớ tính anh thường cáu và hay giễu kiểu lời bài hát nào đó gọi "Cô giáo em tre trẻ", nên tôi đưa một bài khác Xuân Hoài viết về yêu đương (lâu ngày, đã quên mất tên bài). Anh Diệu đọc qua, không khen mà cũng chẳng chê. Lát sau, anh bảo:

- Thôi tùy Châu, mình không "can thiệp" vào thể loại này. Ngại anh em lại mắng mình "xưa kia ai cấm duyên bà...

Bỗng nhiên, anh lắc vặn cái cằm rồi hỏi tôi:

- Ủa sao cậu không lấy cho nó bài "*Lối vào nhà Bác đơn sơ, Bên hàng râm bụt bên bờ phi lao...*"?

- A, bài "Quê chung"!

Tôi đáp như đã đoán trúng ý anh, để rồi nghe anh lại gật gù:

- *"Bước chân bè bạn năm châu; Đứng gần nhau, xích gần nhau lối này..."*, mình nhớ bài đó. Thú thật, viết về đời mới, về tình cảm rộng, phải công nhận là anh em trẻ nào cũng có bài hay. Với Xuân Hoài "Quê choa", bài ấy được đấy...

*

* *

Kỷ niệm trên đây với anh Diệu tình cờ lại đến với tôi hôm trên đường về Hà Tĩnh trong tay cầm mấy tập thơ mới của Xuân Hoài. Chẳng hiểu sao, mấy lời anh Diệu nói lần tuyển thơ lại làm tôi suy nghĩ về hai thế hệ cầm bút.

Thực ra, người mà sinh ra thời đã từng phát hiện và giới thiệu một Trần Đăng Khoa, còn biết rõ nhiều nhà văn nước ta nổi lên từ mảng văn học về đề tài thiếu nhi như Tô Hoài, Võ Quảng, Phạm *Hổ*... Hoặc như Huy Cận, dù chỉ với một tập *Hai bàn tay em*. Nhưng với lớp trẻ sau nữa - như với Xuân Hoài, giá anh có thì giờ lật qua hàng chục bài thường thường, sẽ gặp lại một cái nhìn tuổi thơ: *"Trăng làm trái thị treo trên sân rằm" (Trăng lên)*, sẽ nghe được một tiếng reo: *"Vui chi bằng trưa nắng, Cây rơm dậy tiếng gà" (Cây rơm)*.

Hẳn là vì ngán lối viết bắt chước "tiếng trẻ bi bô", "loài vật ậm oẹ", mà thi sĩ của tuổi dậy thì có

phần khắt khe với loại thơ thiếu nhi đấy thôi. Chính anh từng nói: "Viết cho các em (hoặc về các em), là không được viết bằng tay trái. Thế giới trẻ con đã là thơ hoàn chỉnh. Để có được một bài như bài *Nhà văn* trong tập *Trăng non* của Tago, hoặc một đoạn thôi, trong *Nghệ thuật làm ông* của Huygô thì cần phải đầu tư... Thiết nghĩ đòi hỏi chính đáng của anh Xuân Diệu đến nay vẫn còn bổ ích - mặc dù, nếu anh còn, anh sẽ vui lòng thấy về mảng đề tài này, bạn viết trẻ quê anh giờ đã viết khá lên tay.

*

* *

Việc Xuân Diệu tế nhị, không khen không chê thơ tình của cây bút trẻ thì cũng có lý. Vâng, bạn đọc đến đời sau, và cả bạn viết nữa, rồi sẽ còn ngẩn ngơ với những câu thơ của anh: *"Trăng nhớ Tầm Dương nhạc nhớ người..."* (*Nhị hồ*) hoặc *"Chớ đạp hồn em; Trăng từ viễn xứ, Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn"* (*Lời kỹ nữ*). Họ sẽ còn phát ghen lên trước cái tình nồng nàn, quấn quýt, trong trẻo của tác giả *Thơ thơ*. Nhưng chẳng phải vì thế mà họ không muốn nghe muôn vàn lời tỏ tình khác.

Còn ai đó có bảo thời Xuân Diệu, yêu "chuyên đề", yêu "tới số" nên thơ ân ái da diết hơn thế hệ Xuân Hoài... Cũng đúng, nhưng hẳn cũng nên thấy một điều, trước đời mới, trong thưởng thức mới,

tình yêu đòi hỏi cần thể hiện đa dạng hơn. Bởi lẽ, nói theo Xuân Hoài thì: *"Phút cuồng si của tình yêu hoang dại; Bao lời thề tội lỗi đã khai sinh"* ngay nơi "những chiếc ghế bên hồ". Hơn nữa, khi "*dưới mặt trời còn nhiều cái giá*" (*Mặt trời, biển và em*) thì tình yêu cũng cần pha trí tuệ vào, để biết yêu, trước hết tìm ra được thứ tình yêu chân thực...

*

* *

Huy hoàng và chói lọi như Xuân Diệu, lên ngôi thơ tình rồi nhưng gặp Cách mạng, kháng chiến cũng hừng hực trước nhịp đời mới. Anh đã lại xông xáo, hối hả mà viết thơ bổ sung. Anh "sang bờ tư tưởng", chẳng phải để "ta lìa ta" mà để cảm xúc trước "ngọn quốc kỳ"; chịu khó đến với nông dân để viết "Làng Còng", đi "thăm bãi tha ma giặc Mỹ" mà tuyên ngôn "tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi". Đôi mắt "đa tình" đã làm nên cái "nhiệt tình" trước thực tế cuộc sống. Cho nên thật dễ hiểu vì sao anh lại nhạy cảm với nét "đời mới" và "tình rộng" của cánh trẻ, nhập những lời thơ "Quê chung" vào mắt xanh của mình. Ôi, lại giá như anh còn, anh sẽ mừng cho lứa em của anh. "Đi mô rồi cũng nhớ về Hà Tĩnh", Xuân Hoài đã tìm thấy thơ ngay cả điều ngỡ như ít thơ nhặt nơi cụm "hoa bèo tím", từ củ "khoai vạc ngà", đến đùm "cá rô thia"... Ngắm "sen lên", say "hương bưởi" khi trời yên bể lặng, khóc

HOÀNG TRUNG THÔNG

VÔ CÙNG TƯỞNG NHỚ

Thế là nhà thơ của mùa xuân đã vĩnh biệt húng ta rồi.

Một nhà thơ luôn luôn nói đến bám vào đời rồi cuối cùng cũng không bám nổi nữa

Hoa nở để mà tàn;
Trăng tròn để mà khuyết,
Bèo hợp để chia tan;
Người gần để ly biệt.

Sự ly biệt nào cũng đau lòng nhưng mà đau lòng nhất là sự vĩnh biệt.

Vừa mới đó, vợ chồng tôi vào thăm anh. Anh còn rất tỉnh táo mà nói rằng: Cảm ơn Thông và chị Thông".

Đau lòng thay! Mất một nhà thơ lớn. Mất một người bạn chí thân mặc dầu anh đã hơn tôi mười tuổi và về thơ anh là bậc đàn anh của tôi.

Tôi nghe tin đó rất bàng hoàng và suốt ngày thấy tâm hồn mình trống rỗng.

Anh Xuân Diệu ạ! Từ nay mỗi khi Tết đến vợ chồng chúng tôi sẽ không mang biếu anh chiếc bánh chưng như anh vẫn kể với bạn bè khác,

nhưng tập hồi ký của anh, tập hồi ký dài 50 trang duy nhất mà tôi có, tôi vẫn giữ gìn cẩn thận và một ngày nào đó tôi sẽ công bố lên trang báo.

*

* *

Xuân Diệu đã từng viết:

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang.

Hỡi rặng liễu có biết bây giờ chúng ta đang chịu tang ai không? Nhưng không phải là cảnh đìu hiu mà hàng trăm nghìn người đang nhớ thương một con người đó.

Xuân Diệu đã từng dịch bài thơ về bệnh đau tim của Nadim Hichmét:

Mười sáu nhát dao đâm vào trái tim của tôi,
Tim tôi không ở đây...

nhưng mà Nadim Hichmét biết bệnh đau tim của mình.

Xuân Diệu hồn nhiên hơn, không biết mình mắc bệnh đau tim. Ngày nào anh cũng chạy và tập thể dục. Anh tưởng như trái tim của anh rất khỏe:

Trái tim tôi: một cái túi tràn trề,
Hột lúa, hột mè, hột bông, hột cải.
Tim tôi chứa mà hồn tôi thì vãi,
Gió đưa hột cải ở lại trong vườn.

Trái tim anh còn đập khỏe lắm. Cho đến phút cuối cùng tôi vẫn nghĩ rằng trái tim của anh đập rất khỏe vì trái tim đó đang đập với trái tim bạn bè, đang đập với văn thơ của anh để lại.

Một con người như anh không thể trái tim ngừng đập không thể hơi thở ngừng tắt mà sức lao động bằng trí tuệ, bằng trái tim vẫn còn mãi.

Ô trái tim ta vững!
Nhìn xuống mắt không chao.
Bốn mươi thước còn tiến,
Gió bên tai rào rào.

Người bạn thơ đó rất gần gũi với tôi, với gia đình của tôi nhưng trái tim của anh lại hiến dâng trọn vẹn cho cách mạng và thơ ca.

Anh thích mùi hương của những bông hoa cũng như anh thích sóng biển và sóng hồ vì thế thơ anh đã đậm mùi nước và thơm mùi hương.

Anh rất thích hoa và khi tôi đến nhà anh, lúc nào cũng có một lọ hoa tươi thắm. Đầu nhà anh có một cây hoàng lan rất lớn và tôi ghen với anh làm sao ở trước nhà tôi không có mùi hương thoang thoảng của hoàng lan.

Nhà thơ lãng mạn và sau đó là nhà thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa không còn bình thơ và viết thơ cho chúng ta nữa, nhưng hồn thơ của anh vẫn quanh quẩn đâu đây, và như muốn nói với tôi: "Thông ơi, hãy làm thơ nhiều hơn nữa, hãy lao động nghệ thuật nhiều hơn nữa". Quyển *Công việc làm thơ* tôi đã đọc rồi, bài nói chuyện với các bạn làm văn làm thơ trẻ tôi cũng đã nghe rồi. Tôi vẫn nghe văng vẳng tiếng nói của anh thôi thúc tôi phải làm việc và lao động nghệ thuật nhiều hơn nữa.

VŨ QUẦN PHƯƠNG

VÀI KỶ NIỆM VỀ ANH XUÂN DIỆU

Nửa thế kỷ lao động sáng tạo, *tay siêng làm lụng mắt hay kiếm tìm*, đã khép lại sau lưng con người ấy. Bây giờ Anh nằm đấy, đôi tay xuôi và mi mắt khép, cách chúng tôi một lần cửa kính, phòng cấp cứu tim mạch đầy bóng áo trắng thầy thuốc. Anh nằm đấy gần quá, kìa những nếp nhăn nơi đuôi mắt, nhưng anh xa cách quá rồi. Cái hiện tại phút chốc đã thành quá khứ, 19 giờ 40 ngày 18- 12-1985. Không còn Xuân Diệu với những ý kiến bạo, bất ngờ và sâu sắc trong các cuộc họp thơ nữa. Không còn Xuân Diệu bốn giờ sáng ra máy bay đi Cuba thì hai giờ đêm viết xong tiểu luận về thơ Chùa Thầy cho Ty văn hóa Hà Sơn Bình. Không còn Xuân Diệu lắc lắc cái đầu, đấm nhè nhẹ vào trán kêu "đau óc lắm", nhưng năm nào cũng có sách xuất bản. Ngót *năm mươi* tác phẩm thơ, văn phê bình, dịch thuật. Trong sổ lúc nào cũng có thơ chưa in, trong lòng lúc nào cũng có điều định viết và bao giờ cũng có tác phẩm xếp hàng ở nhà xuất bản. Có lần viết xong bài, anh ngồi thừ ra, mắt dại đi, đờ đẫn, tự trách:

- Mình tham quá, cứ tiếc của trời, lúc nào cũng lo bài vở. Danh thì cũng đến thế. Thêm một bài có hơn gì. Mà lợi, ba lạng thịt nạc chứ bao nhiêu. Sao cứ ham viết. Đi đâu thấy người ta trách: Sao dạo này không thấy tiếng anh trên Đài, không thấy bài anh trên báo là lại sợ, lại viết

Viết cho Đài phát thanh bao giờ anh cũng đòi đọc lấy, ốm cũng cố đi, chỉ sợ người khác nhấn nhá không đúng vào câu chữ của mình. Anh có lối viết (lối nói nữa), cựa quậy vào trong từng chữ: *Một chiếc xe, đạp băng vào bóng tối.* Ai đọc: Một chiếc xe đạp, băng vào bóng tối, anh khổ lắm. Công nhân thu thanh thuộc Xuân Diệu như thuộc một phát thanh viên thực thụ. Và anh cũng tự nhiên, mùa nóng vào phòng thu, cởi trần ra, ngồi đọc.

Kỹ tính đến khắt khe, ngót nửa thế kỷ bè bạn với Huy Cận, bài thơ nào Huy Cận viết ra anh cũng xem, cũng khen chê, sửa chữa từng câu một. Huy Cận cũng thường khoe: "Bài này được ông Diệu OTK rồi". Nhưng chính anh là người giới thiệu đầy đủ nhất những đặc sắc của Huy Cận. Thấy chúng tôi trầm trồ tình bạn dài lâu thắm thiết của hai anh, anh nói:

- Không phải lúc nào cũng thuận đâu. Cũng va chạm như mọi người. Nhưng biết vun đắp thì tốt mãi. Mình tiến một bước thì bạn tiến một bước, có khi hai bước, thế là gần nhau. Tình bạn như cái cây

phải tưới cho nó. Đừng để nó mọc tự nhiên. Tôi nấu được bát canh ngon cũng bưng lên cho Cận vì cứ nghĩ rằng sau bát canh này tôi hoặc anh ấy không còn thì lòng không ân hận.

Gần đây Xuân Diệu hay nghĩ tới cái chết, anh thấy sức khỏe đã khác. Nhưng không hẳn chỉ sức khỏe. Anh nghĩ tới cái chết để sống cho thật *chất lượng*. Cách đây hơn mười năm anh đã nói:

- Tôi phải sống để tôi còn phải chết. Sống có chất lượng thì chết không tiếc.

Anh hay than thở, kể cả lúc đi bình thơ về chuyện dân ta đông con quá:

- Đẻ thế này thì không biết sống là gì nữa.

Anh là người vận động kế hoạch hóa gia đình nồng nhiệt ngay cả khi chưa có phong trào này, vì anh muốn ai cũng được nếm cái vị thật sự của cuộc sống. Anh không từ chối một cuộc bình thơ nào kể cả khi không có xe đón, các thầy giáo đèo anh bằng xe đạp, hoặc lội bùn mà đẩy xuồng cho anh (ở Nam Bộ) cũng là do lòng mong muốn ấy. Suốt đời làm thơ nhưng luôn luôn kinh ngạc: "Sao dân mình lại thích nghe thơ đến thế!". Anh thích thú khi được người ta nhận ra. Đến giờ anh còn khoe: Cách đây hơn hai mươi năm, khi đi mua rau, một bà nội trợ nhường chỗ cho anh: "Chào ông *Ngói mới,* xin nhường ông mua trước". Được một ông hàng phở ở Đà Nẵng hay một ông nước mía ở Tuy Hòa không

lấy tiền vì đã nghe thơ Xuân Diệu, anh coi là những phần thưởng của nghề thơ: "Đấy là huân chương của tôi". Anh xáo trộn chuyện thơ lẫn với chuyện đời. Gần với đời sống thường ngày, đó là đặc tính của Xuân Diệu. Ở cạnh một ông hay vũ trụ như Huy Cận, nhưng thơ anh đi theo mạch khác hoàn toàn. Anh thích mặt đất:

- Thi sĩ là trẻ con, thế giới cũ rích lại làm nó mới lại.

- Thơ là tư tưởng, tâm hồn và còn là thể xác nữa chứ. Phải có những câu thơ mà ngay thân xác của nó cũng đáng nhớ - Chữ dùng, âm điệu. Phải học cổ điển chỗ đó. Mươi năm gần đây tôi học cổ điển nhiều và tôi thó của các cụ. Mình giàu mình thó thì hóa sang. Anh nghèo mà thó nó bảo là ăn cắp. Tôi ăn cắp thường phi tang. Người ta viết:

Chim vì thóc vãi quanh thềm đậu.

Tôi học, nhưng viết cao lên:

Nõn nà sương ngọc quanh thềm đậu.

Và viết tiếp, câu này học của thơ Âu, nhưng để liền cặp rất hợp:

Nắng nhỏ bâng khuâng chiều lỡ thì.

- Thơ đi vào ý là thơ giáo huấn. Ý phải vật chất hóa thành tứ. Tứ đổi ra thành hình tượng.

- Tôi gần bảy mươi, xuất sáo, không khách khí. Tôi muốn nói vượt thời gian. Hãy đọc tôi như tôi đọc Nguyễn Khuyến. Khổ quá thì chỉ lo tồn tại.

Nhưng tồn tại rồi thì phải lo những thứ khác cho hồn người chứ.

- Đi bình thơ, cà chua rẻ tôi mua năm cân nhưng mua từ chín đến xanh để ăn dần là vừa.

- Chiếu cố gì thì một thước cũng phải là 100cm. Cứ hạ mãi chất lượng xuống để chiếu cố thì người ta chỉ chiếu cố mà không đọc thơ. Tài giỏi, là anh hùng đi nữa, nhưng phải là đàn bà thì người ta mới cưới làm vợ chứ. Tính nữ là tiêu chuẩn của vợ cũng như tính thơ là tiêu chuẩn của thơ. Người ta nuôi lợn là vì lợi nhuận chứ không phải là vì thơ tuyên truyền của anh đâu.

- Tôi phải sống để tôi phải chết. Theo tiêu chuẩn anh Nguyễn Đỗ Cung tôi chỉ còn năm năm nữa. Tôi chấp nhận sự vô biên rồi.

Đấy là câu nói năm Nguyễn Đỗ Cung mất. Mỗi lần một nhà văn nằm xuống, anh lại ươm ướm vào mình: theo tiêu chuẩn của Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Như Phong... và gần đây nhất: *Ai nghĩ đâu anh Xuân Thủy lại mất nhanh thế.* Nói xong anh lặng đi như sống ở cõi nào rồi. Tôi cũng ngồi lặng hết ngắm gương mặt anh hơn hai mươi năm trước trên pho tượng bán thân phơi phới lại nhìn anh bây giờ. Bỗng anh ấn vào tay tôi chiếc kẹo:

- Ăn cái kẹo này đi. Anh Cận mang về đấy. Biết cái vị của hư vô nhưng cũng phải biết cái vị kẹo mình được ăn cậu ạ. Ấy, ngậm, đừng nhai. Nhai

kẹo là phí. Đôngkisốt và Xăngxô Păngsa là hai tư thế của trí tuệ. Phải có cả hai.

Xuân Diệu là vậy. Dần dà tôi hiểu cái triết lý sống vừa thực tiễn vừa thâm thúy của anh. Nhiều lần anh khuyên tôi:

- Cậu nghĩ việc đời như thế nên viết tiểu luận. Đừng cầu toàn. Cứ động bút đi như tôi đấy, có ngờ đâu mình lại có thêm gian hàng tiểu luận này, mà đắt khách lắm.

Gần đây anh hay nhắc:

- Chắc là em cũng bận. Bây giờ thời giờ của em cũng đã rất quý. Khi nào có những mẩu đầu thừa đuôi thẹo em đến đây, anh đưa sách cho đọc và nói cho em nghe. Rồi anh cười: Cả đời mình thêu gối cho đám cưới nhưng không được làm cô dâu. Phương nên khai thác tài liệu ở mình. Ông cố viết một cuốn sách về tôi. Tôi chết là họ in đấy.

Nghe anh nói vui mà tôi xa xót. Tôi thầm phác một kế hoạch *khai thác* anh. Nhưng định mãi mà chưa làm được. Thứ sáu tuần trước nghe tin anh đi cấp cứu vì đau thắt ngực trái. Tôi đã bàng hoàng, lo sợ, ân hận chạy bổ đến thăm anh. Trên màn huỳnh quang nhấp nháy sóng điện tim đã ổn định. Tôi hỏi anh về chuyện sức khỏe.

- Yên rồi - anh nói nhỏ - nhưng chưa biết thế nào đâu. Tuyển tập phê bình của mình đến đâu rồi? Hỏi cho mình: Bao giờ tái bản *Phấn thông vàng.* Như mình, như anh Lưu Trọng Lư, in được thì in

đi, đừng bắt đợi.

Tôi hơi lo tình hình giá cả giấy má thế này... Nhưng lại mừng: Anh Diệu vẫn là người của công việc. Chắc qua thôi.

Về nhà tôi nói với Hữu Nhuận, người cùng tôi làm tuyển Xuân Diệu: "Kỳ này ông Diệu ra viện tôi phải đặt lịch làm việc với ông. Mình cứ bận những cái tầm phào đâu đâu. May mà...".

Tôi có ngờ đâu.

Anh ra đi, mang tất cả những gì chưa viết, định viết đi theo, kể cả tập hồi ký mà anh muốn đặt tên: *Tôi cảm tạ cuộc đời,* kể cả những dự định của riêng tôi.

*

* *

Anh thuộc loại người đã biết đếm đến từng giọt thời gian qua kẽ tay nhưng cũng không ngăn được nó chảy đi. Ai mà ngăn được. Cho đến hôm nay cái giọt cuối cùng đã cạn. Anh không còn phải chạy đua với thời gian nữa. Bây giờ anh có thể thư thả quay nhìn lại: Ùn ùn xung quanh anh là những tìm tòi, những phát hiện, những sáng tạo, những chuyến đi, những đêm bình thơ... Một khối lượng công việc khổng lồ. Anh là người lao động thơ lực lưỡng nhất trong các nhà thơ Việt Nam hiện nay. Bóng anh càng mất hút vào phía xa thời gian thì những công trình của anh sẽ càng lớn lên đồ sộ. Người ta còn tốn nhiều bút mực vì anh. Anh sống như tỏa rễ vào

cuộc đời, vào văn học. Phút chốc vắng anh. Chống chếnh một khoảng trời, một khoảng đất của thi đàn Việt Nam.

Ở bệnh viện về. Đường phố khuya vắng, chúng tôi (Trần Đăng Khoa, Phạm Tiến Duật) ôn những kỷ niệm về anh. Hôm anh được công nhận là Viện sĩ hàn Lâm Cộng hòa dân chủ Đức, Duật mang hoa sen tới mừng. Anh vui lắm. Nhưng lại hỏi nhỏ:

- Anh hỏi câu này không sợ làm giảm sự tinh khiết của những bông sen đâu. Duật mua bao nhiêu tiền chục sen đấy?

Khóa giảng gần đây nhất ở Trường viết văn Nguyễn Du, đang giảng thơ Tản Đà anh bỗng nói:

- Cuộc đời trái khoáy, thế mới là cuộc đời. Chứ cuộc đời lôi ở trong óc ra thì là Niết Bàn, là số không.

Chúng tôi hiểu anh muốn dạy một cách nhìn làm người ta dũng cảm nhập cuộc. Ham sống, ham làm, từng trải việc đời, uyên bác, thực tiễn, anh đã thật sự là người dìu dắt, không phải chỉ một lớp, mà tới hai, ba lớp nhà thơ. Có lần anh nói: Nhớ là một hình thức tồn tại (Anh dẫn chứng bài *Cái hồ* của Lamactin, bài *Buồn* của Huygô, bài *Kỷ niệm* của Muytxê).

Chúng em hiểu dạng tồn tại đó. Nhưng lúc này đây chúng em chưa quen được nó. Chưa quen được, anh Diệu ơi.

19-12-1985

MINH HUỆ

VẪN ĐẰM THẮM TÌNH QUÊ

Năm ngoái, trong chuyến đi với tôi thăm tỉnh Đồng Tháp, anh hỏi tôi rất kỹ về những chuyển biến mới của Nghệ Tĩnh trong kinh tế xã hội, trật tự an ninh và bước tiến của Hội văn nghệ Nghệ Tĩnh. Rồi thỉnh thoảng anh lại gật gật đầu:

- Mừng... Mừng cho Nghệ Tĩnh ta đang khá lên. Có mấy năm trước đây, mình lo lắm...

Tấm lòng của anh đối với quê nhà vẫn đằm thắm thiết tha một cách kín đáo.

Lần này, ra Hà Nội, tôi hình dung anh sẽ càng vui hơn khi tôi đến thăm anh và sẽ kể với anh về không khí được mùa của Nghệ Tĩnh. Và chắc anh sẽ sớm thu xếp về thăm quê, viết về quê hương như anh đã hẹn với tôi từ chuyến đi Đồng Tháp.

Thế mà không ngờ... Anh đi mau quá?

Tôi bàng hoàng sống lại với một vài kỷ niệm gắn bó tôi với anh. Cứ đọng mãi trong tôi hình ảnh thi sĩ Xuân Diệu mà tôi sớm hâm mộ qua tiếng thơ *Người kỹ nữ,* đứng diễn thuyết trên lễ đài cuộc mít tinh quần chúng chuẩn bị tổng khởi nghĩa của thành phố Vinh năm 1945. Cái giọng "cha ở đàng

ngoài, mẹ ở đàng trong" của anh cất lên sang sảng, kêu gọi phát huy truyền thống "lò cách mạng" Nghệ Tĩnh vùng lên cướp chính quyền, nghe mới đáng yêu, đáng quý làm sao. Thật tình, giây phút đó tôi không khỏi ngạc nhiên. Cứ tưởng chàng thi sĩ "ru với gió... mơ theo trăng..." đang còn vơ vẩn đâu đó ngoài dòng thác cách mạng. Không ngờ Xuân Diệu là đây, một Xuân Diệu gợi lên cho tôi lần đầu tiên cái cảm giác cụ thể về mối quan hệ giữa thi sĩ với lẽ tồn vong của dân tộc.

Sau đó, tôi hiểu vì sao anh sớm có ngay bản trường ca *Ngọn quốc kỳ.* Kháng chiến chống Pháp. Một hôm chúng tôi đang ngồi chuyện trò trong nhà cơ quan Chi hội văn nghệ kháng chiến liên khu Bốn thì có một ông khách bước vào với bộ đồ bà ba nâu bạc màu, chiếc mũ lá rộng vành và chiếc ba lô con cóc lép kẹp nằm sau lưng. Ô, hóa ra là nhà thơ Xuân Diệu. Từ một vùng đất trung du huyện Thanh Chương, nơi mà anh đã "ba cùng" với nông dân nghèo khổ, anh đến thăm chúng tôi. Tôi thực sự xúc động khi ngồi ngắm nhìn chàng thi sĩ "yêu là chết ở trong lòng một ít" bây giờ đây đã nguyên lốt anh cán bộ giảm tô, nói cười vui tươi, xởi lởi, sôi nổi bộc bạch những thu hoạch nóng bỏng cho đời, cho thơ của mình qua chuyến thâm nhập nông thôn đầy gian khổ và thú vị này. Anh đọc luôn hai bài thơ tươi rói của anh, nói về "Bà cụ mù lòa" và sự hòa quyện của hồn anh với những làng lá cọ Thanh

Chương. Chúng tôi ngồi lắng nghe trong bầu không khí đầy cảm phục, quý mến một Xuân Diệu đang thực sự trở thành người con ruột thịt của nhân dân lao động. Liền sau đó, anh quay sang nói chuyện riêng với tôi. Trời, thật không ngờ anh quan tâm đến thơ đầu tay của tôi chu đáo, tận tình đến như vậy, trong lần đầu tiên tôi được trực tiếp nói chuyện với anh.

Lần ấy, năm 1974, tôi dẫn anh và anh Huy Cận tới thăm nhà máy đại tu ô tô ở Vinh, một nhà máy còn đầy thương tích chiến tranh. Anh chị em công nhân đến giờ đổi ca, ùa tới vây lấy chúng tôi và đòi nghe thơ. Anh Xuân Diệu cười khà khà rất vui sướng, giơ tay cao lên với lời tuyên bố thật to: "Xin có ngay!". Và thế là, đứng ngay bên miệng hố bom, anh xòe ra chiếc quạt giấy đang cầm trong tay, đọc luôn bài thơ tình *Cái quạt* mở đầu "chương trình thơ xung kích" ba mươi phút của Xuân Diệu. Thơ tình, thơ chiến đấu, thơ triết lý, đủ cả. Cả đọc và bình hòa với nhau, hấp dẫn đến nỗi đã sáu giờ chiều mà không ai chịu giải tán ra về cả. Họ tấm tắc bàn tán, khen ngợi ông nhà thơ có bộ tóc quăn sang trọng như vậy mà hóa ra lại dễ tính và tỏ ra rất yêu quý họ.

Anh Xuân Diệu ơi! Anh đi, nhưng chúng tôi vẫn lắng nghe trái tim nghệ sĩ lớn của anh, trái tim "Quả sấu non trên cao", trái tim "Sự sống không bao giờ chán nản" đập mãi và đập mạnh hơn bao giờ.

HOÀNG NGUYÊN KỲ

ĐÔI BA CHUYỆN NHỚ VỀ XUÂN DIỆU

Lúc còn học Thành chung ở Vinh rồi Huế, tôi và mấy thằng bạn yêu mê văn học tập tọng làm thơ, đứa nào cũng thuộc lòng cả hai tập *Thơ thơ* của Xuân Diệu, *Lửa thiêng* của Huy Cận và nhiều thơ khác. Học trò nghèo ra tỉnh trọ học, mẹ ở quê phải tằn tiện chi chút mới có đủ tiền ăn tiền học hàng tháng gửi ra cho. Lấy đâu mà có tiền mua sách! Vậy nên đứa nào con nhà khá giả mua được sách là mượn về chép tay. Sổ tay chép thơ dày cộp.

Đêm nào thức khuya học cũng y ỷ ngâm nga hoặc lúi húi làm thơ thêm chút ít thì y như sáng đó dậy trưa, mắt nhắm mắt mở vừa nhai mẩu bánh mỳ "không người lái" vừa chạy đến trường. Một thằng vẫn nghịch ngợm trêu chọc mấy cô nữ sinh cũng đến chậm như bọn tôi bằng cách nhại thơ Xuân Diệu:

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Các em ơi, thầy Ngọc đến kia rồi!

Thầy Ngọc đây tức là nhà báo, nhà văn hóa Hữu Ngọc, nguyên giám đốc Nhà xuất bản Thế giới, lúc đó là thầy dạy văn tiếng Pháp ở trường Lê Văn

chúng tôi theo học. Đùa tếu vậy tức là yêu thơ Xuân Diệu vô cùng. Thơ anh, thơ Huy Cận... đem đến niềm yêu, nguồn vui, sự nồng ấm tình đời trong cuộc sống tẻ nhạt, thiếu thốn mọi thứ của những đứa học trò nghèo.

Năm 1946, tôi học Mỹ thuật ở Hà Nội. Một sáng hè loanh quanh bát phố, chợt thấy anh Xuân Diệu đi xe đạp đầu đường Hàng Bông, Thợ Nhuộm. Mái tóc quăn đẹp, một mảng uốn cong phủ trán, bay bướm, phong nhã như mái tóc Lamáctin, gương mặt đẹp, hai mắt nhìn xa lấp lóa trong nắng, không khác mấy so với bức ảnh in trong *Thi nhân Việt Nam* đã từng làm say lòng biết mấy thiếu nữ yêu thơ. Nhưng ngộ nhất là nhà thơ mặc sơ mi cộc, quần xooc trắng, khỏe đẹp như một cua rơ xe đạp. Tôi đứng sững nhìn theo. Kính nhi viễn chi mà. Tôi chỉ là một sinh viên yêu thơ, còn anh là một con người nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam thuở ấy.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Tôi không theo anh em lên Việt Bắc để học khóa Mỹ thuật kháng chiến của anh Tô Ngọc Vân. Vì nhớ mẹ, nhớ vợ con, tôi lên tàu hỏa khăn gói về quê. Cơ quan tôi công tác thời ấy có cái tên dài: Ty thông tin tuyên truyền - Văn nghệ! Thật ôm đồm quá thể. Tôi được tỉnh cho làm cái chân Phó ty cùng nhà thơ Xuân Tửu. Còn anh Hồ Tôn Trinh - tức giáo sư, viện sỹ Hoàng Trinh bây giờ - là Trưởng ty phụ trách cả gói. Thế

là bỗng dưng tôi có duyên nợ với làng văn nghệ. Năm 1951, Chi hội Văn nghệ Liên khu Bốn - một trong những trung tâm tập hợp các văn nghệ sĩ của đất nước - cử nhà thơ Hoàng Minh Châu, nhạc sĩ Phan Thanh Nam về Hà Tĩnh phối hợp với "ty tôi" xây dựng phong trào và vận động tổ chức cuộc họp Ban văn nghệ để thành lập Phân hội Văn nghệ tỉnh. Anh Xuân Diệu đã viết một bài hồi ký về cuộc họp này trên báo *Văn nghệ*. Anh Lưu Trọng Lư, anh Xuân Diệu là đại biểu cấp trên. Cuộc họp còn có các anh Thanh Tịnh, Phùng Quán... ở Trại thiếu sinh quân đến dự. Đây là dịp đầu tiên tôi được làm quen, được gần gũi nhà thơ Xuân Diệu.

Những lúc nghỉ giải lao và liên hoan bế mạc, ai cũng có tiết mục đóng góp. Nhưng nhộn nhất là những bài độc tấu và kể chuyện vui của anh Thanh Tịnh. Anh Xuân Diệu đọc thơ. Tôi cứ nghĩ có lẽ không ai yêu thích bài *Tây Tiến* của Quang Dũng bằng anh Xuân Diệu. Dưới những ngọn đèn dầu hỏa vừa đủ soi sáng ngôi đình lớn làm hội trường, tôi còn nhớ như in nét mặt say sưa, đắm đuối hết mức của nhà thơ lúc anh nửa ngâm nửa đọc:

... Dốc lên thăm thẳm, dốc thoai thoải
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời...
... Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ, bỏ quên đời...
... Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi...

Bài thơ ấy bây giờ ai cũng biết nhưng ngày đó, cũng như *Nhớ* của Hồng Nguyên, *Núi đôi* của Vũ Cao..., mới được nghe lần đầu, hai mắt tôi nhòe đi vì cảm động. Tối ấy, tôi sang chỗ anh nghỉ ở nhà dân, đưa anh xem hai tập *Thơ thơ* và *Lửa thiêng.* Trong ba lô hành trang đi kháng chiến, tôi chỉ có vài bộ quần áo, sổ tay, tập ký họa, ít ảnh lưu niệm và hai tập thơ này. Tập *Thơ thơ* in giấy tốt, các trang thơ in trên nền hoa xám bạc, loại đặc biệt có đánh số và chữ ký của tác giả (không nhớ làm sao tôi có được tập thơ ấy). Còn *Lửa thiêng* thì in trên giấy dó mịn, bìa vàng tươi, do Tô Ngọc Vân minh họa và trình bày rất trang nhã. Còn nhớ bài *Đẹp xưa* đề tặng nhà danh họa được in màu đỏ toàn bài. Tôi xin được tập thơ này ở một gia đình bà con với anh Huy Cận, cũng họ Cù; tôi trọ ở nhà này lúc cơ quan sơ tán.

Anh Xuân Diệu cầm từng tập thơ lên nâng niu, ngắm nghía rồi lần giở từng trang. Anh lặng im, tỏ ra xúc động. Không những vì thấy lại tác phẩm của mình và của bạn. Có lẽ còn vì tôi là kẻ yêu thơ đã bỏ lại hết mà ra đi, chỉ giữ bên mình vài ba quyển thơ yêu thích mà thời ấy, trong khuynh hướng chung, người ta cho là lãng mạn, yếu mềm, không hợp thời thế. Chúng tôi nói chuyện nhiều. Anh viết lời đề tặng vào tập *Thơ thơ* theo đề nghị của tôi; sau đó rút trong túi ra một bức ảnh cỡ 9x12:

- Ảnh này người ta chụp tôi ban đêm bằng ánh sáng đèn dầu đấy. Đẹp không? Tôi biếu anh.

Rồi anh viết dòng đề tặng ở mặt sau và ký cái tên ký rõ ràng, giản dị với chữ d không viết hoa vẩy ngược lên mà chúng ta đều quen thuộc. Tiếc rằng trận lụt năm đó do đê vỡ ở Đức Thọ - Can Lộc đã tràn tới dìm ngập cả xã Song Lộc, thôn Trường Lưu - quê hương cụ Nguyễn Huy Tự, tác giả *"Hoa tiên"* - nơi tôi sơ tán, làm hỏng nát tất cả, trong đó có hai tập thơ và tấm ảnh lưu niệm của anh.

Hòa bình lập lại. Đầu năm 1955, tôi được gọi ra Hà Nội làm báo. Một lần, tôi đến thăm Xuân Diệu, nhờ anh viết cho họa báo *Việt Nam* một bài về Blaga Đimitrôva nhân dịp quốc khánh Bungari. Anh Diệu đang lúi húi viết trên bàn viết, trong căn phòng mà Hoàng Cát đã viết "vừa là phòng văn, phòng khách, phòng ngủ và phòng ăn của nhà thơ". Trước mặt anh, vài ba quyển sách để mở. Chắc là đang tra cứu hoặc trích dẫn.

- Anh đang viết gì đấy? - Tôi hỏi.

- À, mình đang làm cái cần câu thịt gà.

- Là sao ạ?

- Chả là ngày mai, Hội văn nghệ tỉnh... đón mình về nói chuyện thơ. Đang soạn cái bài nói. Đề cương tỉ mỉ ấy mà. Mình gọi nó là cái cần câu thịt gà.

Hai anh em cùng cười xòa. Và cũng vì anh đang

chuẩn bị và bận "đi câu thịt gà" nên không nhận viết bài cho báo. Cái "hình tượng" hài hước "cần câu" vừa văn chương vừa thế tục đó gợi nên trong tôi nhiều suy tưởng. Những cái cần câu kiểu ấy của nhà thơ đã giúp thêm anh - ngoài một khối thơ đồ sộ ngợi ca tình yêu, sự sống, cuộc đời tràn đầy mê đắm, yêu thương - có những phát hiện, tìm tòi, củng cố để cống hiến cho đời những công trình nghiên cứu văn học, những tập tiểu luận - phê bình công phu, tinh tế về thi ca cận đại, hiện đại Việt Nam, về những cây thơ đại thụ thế giới. Ấy là chưa kể lao động văn học *nói* rất lớn của anh qua hàng trăm buổi nói chuyện, giới thiệu thơ với công chúng - những buổi "đi câu...", như anh đùa, nói vậy.

Một lần, tôi được xem bức ảnh anh chụp dưới chân Kim tự tháp trong một chuyến đi Pháp ghé qua Cairô. Tôi hỏi đùa:

- Sao anh không trèo lên đỉnh tháp mà chụp có oai hơn không?

- Trời đất, nắng nóng đã muốn chết lại còn trèo lên đỉnh tháp nữa. Sức đâu!

- Thế mà ngày trước Napoléon suýt nữa đã ngã lộn cổ từ trên đỉnh tháp này xuống đấy.

- Vậy sao? Mình chưa biết chuyện này.

Tôi kể anh nghe chuyện Napoléon trong cuộc đánh chiếm Ai Cập (1798) sau "chiến thắng Kim tự tháp" đã trèo lên đỉnh tháp Chéops cao 138 mét,

nhanh nhẹn thoăn thoắt trong lúc các nguyên soái, tướng lĩnh buộc phải trèo theo ì ạch, mồ hôi nhễ nhại, thở không ra hơi. Lên đến đỉnh tháp, trước hàng quân trùng trùng lớp lớp dưới chân tháp, hoàng đế bách chiến bách thắng vung tay nói lớn: "Từ trên cao những Kim tự tháp này, bốn mươi thế kỷ đang chiêm ngưỡng chúng ta!"[1]. Nhưng vì vung tay quá trớn nên ngài bị mất thăng bằng. Nếu không có viên sĩ quan tùy tùng nhanh tay nắm lấy đai lưng giữ lại thì hoàng đế đã rơi lộn nhào xuống chân tháp. Và lịch sử nước Pháp, châu Âu đã có những đổi thay khác thế. Còn Saint Hélène sẽ không phải là nơi ẩn náu và an nghỉ cuối cùng của nhà vua.

Anh Diệu nghe xong câu chuyện tỏ ra thích thú thật sự, cầm bức ảnh lên nhìn lại:

- Mình cũng đọc kha khá về Napoléon nhưng chưa biết chuyện này. Cậu đọc ở đâu vậy?

- Đây có thể là câu chuyện dã sử tôi đọc đã lâu lắm trong một cuốn truyện Pháp. Truyện kể một nhà Ai Cập học đưa vợ con sang nghỉ hè ở Ai Cập. Lúc đến thăm Kim tự tháp, ông bố kể chuyện trên cho con gái là Êchiênnét nghe. Không những thế, cô bé còn lấy được một túi thóc trong mộ táng Pharaông đã ba nghìn năm và đem về vườn nhà gieo

1. "Du haut de ces Pyramides, quarante siècles nous contemplent!".

vẫn mọc lên đám lúa. Do đấy, sách có tên là "Mùa gặt của Êchiênnét" (La moisson, d' Etiennette).

Nhà thơ lớn, nhà nghiên cứu văn học Xuân Diệu, một con người uyên bác, vốn tính cẩn trọng, thấu đáo từng câu chữ trong lúc đọc và viết - người đã phân vân, thắc mắc trong hai mươi lăm năm tìm hiểu chỉ một từ *buồng* (buồng *chuối* hay buồng *phòng)* trong bài thơ *Ba tiêu* (cây chuối) của Nguyễn Trãi - ngồi chăm chú nghe tôi kể một câu chuyện chẳng đáng mấy quan tâm. Hình ảnh đó tôi chẳng bao giờ quên được

Tháng 4-1995

NGUYỄN THỤY KHA

NHỮNG KỶ NIỆM NHỎ VỚI MỘT NHÀ THƠ LỚN

Hồi nhỏ, nghe chị đi học về cứ ngâm nga: *"... Và lòng tôi cũng hóa thành ngói mới"*, tôi hỏi thơ ai đấy, chị tôi trả lời: "Thơ Xuân Diệu". Tôi biết Việt Nam có một nhà thơ tên là Xuân Diệu từ đấy.

Lên cấp ba, có năm tôi được học văn thầy Ngô Xuân Huy - em trai nhà thơ. Nhờ thầy Huy, tôi biết thêm bài *Mũi Cà Mau* của Xuân Diệu. Thời sinh viên mơ mộng, có lúc tôi đã đem bài *Biển* của Xuân Diệu để phổ nhạc và phổ biến cho bạn bè.

Năm 1981, ở khóa I trường Viết văn Nguyễn Du, chúng tôi được nghe Xuân Diệu giảng một "cua" về thơ. Khi ấy, tôi mới thực sự tiếp xúc trực tiếp với Xuân Diệu. Trong phút giải lao giữa hai giờ giảng, anh vui vẻ nhận lời mời của tôi đi uống chè chén. Trong quán nước chè, vừa uống và vừa ăn kẹo lạc, tôi hỏi đùa anh có biết giá một chiếc lốp xe đạp ở chợ đen là bao nhiêu không, anh đập mạnh tay vào vai tôi: "Xuân Diệu làm gì lạc hậu đến nỗi thế! Nhà thơ là phải biết hết".

Trong một ngày cuối hè, kỳ sắp công bố giải thưởng thơ báo *Văn nghệ* 1981 - 1982, khi ở báo *Văn nghệ,* tôi được nghe anh Hoàng Minh Châu nói: "Ông Diệu rất khen bài *Những giọt mưa đồng hành* của Kha". Ngay sau đó, ở bên hồ Thuyền Quang, tôi lại được nghe anh Tế Hanh thông báo như thế. Nghe mà gai người. Có nhiều người thường đồn đại: "Ông Diệu nghiệt với lớp thơ trẻ lắm". Vì vậy, tôi vẫn còn nửa tin, nửa ngờ. Chỉ sau khi giải thưởng được công bố, đọc bài "Công việc làm thơ" của anh viết về giải thưởng, tôi mới thực tin. Tôi thực tin hơn nữa là hôm trao giải tại báo, anh cùng Ngô Thảo và tôi là những người cuối cùng ngồi với bia hơi. Anh có vẻ sung sướng thực sự sau khi chủ trì công việc chọn lựa khá nhọc mệt. Sau ly bia cuối cùng, Ngô Thảo phải đưa anh về tận nhà.

Xuân 1983, gặp anh ở cuộc chiêu đãi của tạp chí *Sông Hương,* tôi thông báo cho anh là tôi đã hát được bài *Nguyệt cầm* của anh mà Cung Tiến phổ nhạc. Anh Diệu hết sức tâm đắc với bài thơ này. Cuối cuộc, tôi mời anh về nhà cùng một số bạn hữu để nghe hát. Anh phân vân mãi: "Nhưng mình lại cầm chìa khóa nhà. Mình về chơi với các cậu thì tối nay, thằng Vũ không vào được nhà". (Vũ là con trai anh Huy Cận). Nhưng cuối cùng, anh vẫn đồng ý ở nhà tôi. Và cuộc vui diễn ra khá khuya. Anh đọc nhiều thơ tình cho bọn tôi nghe và cũng lắng nghe

thơ chúng tôi. Đêm đó rượu cũng ngà say và cũng Ngô Thảo lại đưa anh về nhà.

Cuối 1983, tôi chọn bài *Nhịp thu* trong tập *Thanh ca* của anh để phổ nhạc. Anh mời tôi và Nguyễn Trọng Tạo đến hát tại nhà. Khi tôi hát, anh nghe rất chăm chú. Sau đó, anh nói: "Cậu chọn bài này để làm nhạc là tinh đấy. Mình cảm ơn nhé. Anh em mình cứ nghĩ đến nhau thế này là quý". Rồi anh trân trọng nhận bản nhạc tôi chép tặng anh. Sau khi chiêu đãi chúng tôi thuốc lá Đunhin và rượu Tây, anh bảo: "Các cậu có lợi thế biết âm nhạc. Nên tìm cách sử dụng nó cho thơ. Nhưng phải chú ý đừng để nó làm cho thơ thành dễ dãi".

Xuân 1985, gặp anh tại cuộc chiêu đãi của Nhà xuất bản Đà Nẵng, anh nói: "Này! Những giọt mưa đồng hành! Lâu quá mới gặp cậu đấy! Có gì mới không?". Lúc ấy, tôi vừa hoàn thành xong chùm thơ về Nghĩa Bình sau đợt đi thực tế mùa thu 1984. Tôi đọc tặng anh hai câu thơ trong bài *Quy Nhơn*.

Người Quy Nhơn hình như yêu thi sĩ,
Ai ở đây một thời làm mới lại thơ ca.

Anh cười: "Cậu cảm đúng về Quy Nhơn đấy". Nhân lúc anh vui vẻ, tôi đọc luôn anh nghe bài thơ làm tặng Hàn Mặc Tử trong đó có những câu mở đầu như sau:

Những đỉnh núi thi sĩ,
Nghiêng về anh như cúi xuống trước anh.

Anh lắng nghe rồi trầm ngâm: "Hàn Mặc Tử là nhà thơ thực sự đáng kính trọng".

Sau đó, tôi và Nguyễn Trọng Tạo cùng anh Văn Cao trở lại Quy Nhơn. Lần này, chúng tôi được tới tận Gò Bồi, nơi nổi tiếng về nước mắm và là quê mẹ Xuân Diệu. Nhìn con đường nhỏ đi men bên bờ sông, tôi chợt nhớ đến đoạn văn anh viết trong cuốn *Những bước đường tư tưởng của tôi:* "Một buổi chiều tôi trốn về với má; má đang bận vội đi chợ, má cho tôi bốn đồng tiền ăn ba. Tôi ra khỏi nhà má, lê từng bước một, đi dọc đường theo con sông Gò Bồi mà trở về nhà thầy. Buồn quá. Tôi thấy buồn mang mang mà không hiểu được. Tôi đứng lại bên bờ sông, nhìn con sông, nhìn các rặng tre, nhìn dòng nước, nhìn mặt sông Gò Bồi nắng xiên khoai vàng úa...". Chúng tôi len qua chợ và vào thưởng thức bánh xèo ở một quán nhỏ. Anh Văn Cao vừa trầm ngâm nhấp rượu Gò Bồi, vừa im lặng nhìn ra dòng sông. Anh nói: "Cũng hiểu thêm vì sao đất này có Xuân Diệu". Về lại Quy Nhơn, anh đã viết trong bài thơ thứ hai:

... Không phải Quy Nhơn đẹp
Những nhà thơ tôi đọc
Bích khê, Hàn Mặc Tử, Yến Lan, Xuân Diệu...

Ngày lễ tang, đến viếng trước linh cữu Xuân Diệu rồi về, anh Văn Cao nói trong thoáng nao lòng: "Trong bài thơ *Quy Nhơn,* mình đã xếp hàng

Xuân Diệu sau Yến Lan rồi. Không ngờ ông này vội chen ngang về Văn Điển trước. Xuân Diệu là người giới thiệu bài thơ Xe *xác qua phường Dạ Lạc* của mình lên báo đấy".

Tháng 1-1985, tôi từ thành phố Hồ Chí Minh ra, còn anh từ Liên Xô về. Lại được gặp anh trong không khí tươi trẻ của đại hội văn nghệ Thái Bình. Ở vườn hoa thị xã Thái Bình có con vượn độc, sáng nào cũng hót não nuột. Tôi nói với anh: "Anh Diệu có thấy nó cứ như tiếng tổ tiên còn vọng trong mỗi chúng ta không?". Anh cười: "Cậu có được một cái tứ rồi đấy". Và sau đó, tôi làm xong bài thơ *Thị xã châu thổ bắc* nhờ tựa vào cái tứ đó.

Lần cuối cùng tôi gặp anh - không phải là gặp mà là thấy anh - trong một buổi sáng mưa chuyển rét của mùa đông 1985. Trên xe đạp, hòa với dòng người đi làm, tôi thấy anh đang đi bộ chân trần trên đường Điện Biên. Tôi thầm nghĩ ông này còn khỏe thật. Thế mà không ngờ đêm 18-12-1985, đêm thơ ồn ã của những người viết văn trẻ về dự đại hội, tin anh qua đời sau cơn đau đột ngột ập đến. Sáng 19-12-1985, toàn thể những người viết văn trẻ đã mặc niệm anh và cắn môi nén khóc nghe bài *Sự uyên bác với việc làm thơ* của anh do anh Lữ Huy Nguyên đọc.

Xuân Diệu đã ra đi với thân phận của một nghệ sĩ thực sự. Qua ba ngày nằm trong phòng lạnh,

sáng 21-12-1985, chúng tôi mới được gặp anh ở phòng tang lễ của bệnh viện Việt Xô. Anh gầy và xanh, mặc dù nằm như ngủ. Hẳn anh đau lắm cái cơn đau cuối cùng trước khi tim ngừng đập. Sớm ấy, gió lạnh khác thường. Không nỡ để anh gầy và xanh, chị Huy Hiền - chánh văn phòng hội nhà văn - con gái nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, người được anh giới thiệu vào Đảng, đã phải đánh phấn cho anh. Anh nằm im trong bộ vét tông màu xanh cũ, đôi tất màu cà phê sữa đã mạng nhiều chỗ. Những nhà thơ trẻ thường được coi là thân thiết của anh như Bế Kiến Quốc, Chử Văn Long đều có mặt. Chỉ vắng có một mình Vũ Quần Phương.

Một chiếc commăngca cũ tàng đón anh từ bệnh viện về nhà 51 Trần Hưng Đạo, nơi Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật làm lễ tang cho anh. Chiếc commăngca quá ngắn, quan tài thừa ra ngoài khá nhiều. Nhà thơ vĩ đại của Việt Nam ở thế kỷ XX này đã chia tay với một đoạn đường thủ đô trong tình trạng cực lòng như vậy đấy.

Ở nơi làm lễ tang, khi chúng tôi chầm chậm đưa anh lên từng bậc thang hội trường, người đến viếng đã khá đông. Chúng tôi tạm lùi về nhà một người bạn tổ chức một cái lễ nho nhỏ gọi là có một chút nhớ đến tục ba ngày cho anh.

Qua giờ Ngọ, tang lễ được cử hành. Giữa 104 vòng hoa có một bó hoa lớn màu trắng của chị Bạch

Diệp (người đã có ít ngày chung sống cùng anh) với băng tím, chữ trắng: "Vĩnh biệt anh - Bạch Diệp". Chúng tôi đã mang anh trên vai ra trên xe tang. Dù sao "Sống khôn, chết thiêng", anh đã chết như chọn trước. Thế hệ nhà văn trẻ cả nước tụ quần về thủ đô Hà Nội đã xuống đường chia tay anh. Anh đã được các nhà thơ trẻ mang trên vai trước lúc hạ huyệt ở Văn Điển. Sự trận trọng này như nước Pháp trân trọng Vichto Huygô mà trong bài viết của Ăngđrây Môroa đã ghi lại: "Mười hai nhà thơ Pháp trẻ hợp thành một đội cận vệ danh dự. Khắp nơi, quanh Khải hoàn môn và các đại lộ, trong các ngôi nhà, hàng ngàn câu thơ vang lên bởi lẽ tước hiệu, sức mạnh của ông".

Anh em các ngành nghệ thuật đến cùng anh. Cả Hà Nội tiễn đưa anh chật đường. Đoàn người theo xe tang tưởng chừng như vô tận.

Ngày Tết ông Công ông Táo 23 tháng Chạp năm Ất Sửu. Tình cờ trong một quán rượu, tôi nghe một thanh niên nói khá to: "Chiều nay đi thả cá chép ở hồ Tây. Thả xong mới nằm ngửa ra bãi cỏ nhìn trời. Chẳng hiểu sao tự nhiên mình lẩm nhẩm: "Hôm nay trời nhẹ lên cao - Tôi buồn không hiểu vì sào tôi buồn". Đọc xong, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi mới thốt lên. Trời ơi! Ông Xuân Diệu ơi! Ông nhập vào tôi từ lúc nào thế?". Anh thanh niên ấy đâu có biết hôm đó chính là ngày 2-2-1986, ngày sinh nhật lần thứ

70 của Xuân Diệu. Anh đã dành cho Xuân Diệu một phần thưởng hơn bất cứ thứ nhuận bút nào mà Xuân Diệu đã từng có. Xuân Diệu đã thực sự ở trong đời sống của nhân dân, đã trở thành cổ điển như Nguyễn Du, như Tản Đà...

Xin được một lần nữa tưởng nhớ anh bằng một khúc Xon-nê, thể thơ mà anh am hiểu và ưa thích:

Có một nhà thơ xa phố đã ba ngày
Đang đi bộ về chân trần buổi sớm
Sương ướt loang hay nước mắt khóc anh
Còn chưa khô trên những thân cành.

Lại một mình căn buồng cô độc
Lại đơn chiếc đến với người người
Sẽ chống chếnh thế nào khi vắng
trong phòng đọc
Một quả núi ngồi đeo kính cười tươi.

Viết mải miết quên đã bảy mươi
Phút đứng dậy và đi xa thế kỷ
Một đời thơ anh ở lại đời đời.

Có một nhà thơ xa phố đã ba ngày
Bước ngay vào cổ điển
Ở đâu đó với mùa xuân đang đến...

Hà Nội - Xuân 1986

LỮ HUY NGUYÊN

NHỮNG KỶ NIỆM RIÊNG CHUNG

Năm 1959, ở một vùng rừng Bắc Cạn, người lính tiều phu là tôi lúc ấy có vọc vạch làm thơ đăng báo liếp, nhưng thật ra doanh trại ở trong rừng, nhà dựa vào vách núi, cây vườn là những gốc đại thụ màu lá xanh rợp sáng chiều. Trên một gốc cây to, thân phẳng, những bài thơ, đoạn văn của đám lính chúng tôi được ghim vào gốc cây, để chia vui thưởng thức sau phút hạ cây, xuôi bè. Một ít trong những bài thơ đính trên gốc cây ấy được gửi về nhà thơ Xuân Diệu nhờ góp ý kiến. Đúng là điếc không sợ súng, tôi chờ đợi lời "phán xét" của bậc đàn anh mà tôi mến chuộng từ lâu, tuy rằng tôi chưa hề quen người, biết mặt.

Bẵng đi khá lâu, không nhận được thư trả lời của anh, tôi nghĩ rằng cái "thá" vọc vạch thơ phú tầm xoàng như mình lúc ấy mong gì được một lời phúc đáp, thì đùng một cái, đọc một bài anh viết đăng trên báo, tôi thấy một câu thơ của tôi (tất nhiên là thuộc loại inédit - chưa từng xuất bản), được anh nhắc đến, nhưng không phải để khen mà là để chê. Vì là câu thơ anh chê người khác, nên

anh đã tế nhị không nhắc đến tên tôi. Vậy là kỷ niệm đầu tiên của tôi với anh Xuân Diệu là một kỷ niệm cay đắng, lúc ấy cũng như bây giờ tôi vẫn nghĩ như vậy. Nhưng chính kỷ niệm cay đắng này đã làm cho tôi mở mắt vì thật sự cảm ơn anh, nhờ đó, "từ tôi lúc ấy đến tôi bây giờ" có một khoảng cách ý thức dần trong tôi trách nhiệm cao quý mà vất vả của một người cầm bút. Hình như không chỉ riêng với tôi, nhiều người viết văn trẻ đồng thời với tôi và sau tôi đã không ít người nhận được những kỷ niệm "đắng cay nên mới ngọt lành đó chăng" và bây giờ, tất cả đã khác trước, cùng anh đứng trong đội ngũ những người cầm bút với thâm niên khác nhau, thành tựu khác nhau, và cũng không ít người trong số chúng tôi nghiêm khắc mà nói có thể là chưa có thành tựu.

Trong cả đời văn đúng nửa thế kỷ, đặc biệt là ở giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám trở về đây, anh Xuân Diệu luôn chăm sóc đến sự phát triển của lực lượng những người viết văn nối tiếp thế hệ mình. Không kể những bài báo, quyển sách, thư từ, những buổi bình văn, bình thơ trước công chúng, hay những cuộc gặp gỡ riêng của anh với từng người để bàn về chuyện "bếp núc trong việc làm thơ"; riêng đối với ba Hội nghị Những người viết văn trẻ tổ chức từ 1959 trở lại đây, anh đều có những đóng góp gây ấn tượng mạnh đối với các bạn

trẻ (bây giờ đã có người cập kề lục tuần, vì vào nghề muộn, trẻ tuổi nghề, không trẻ tuổi đời). Ở Hội nghị những người viết văn lần thứ nhất (6-4-1959) tổ chức tại Thái Hà ấp, anh đọc bài phát biểu *Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ*, và lần thứ hai (22-6-1971) tổ chức tại 51 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, anh có bài nói chuyện thay cho tham luận: *Câu chuyện trước các bạn viết văn trẻ*. Chuẩn bị cho Hội nghị Những người viết văn trẻ lần thứ ba, anh Võ Văn Trực, Hữu Thỉnh và tôi bàn nhau dứt khoát mời bằng được anh Xuân Diệu nói chuyện tại Hội nghị như hai lần trước. Chúng tôi gặp anh đề nghị.

- Nhất định anh Xuân Diệu sẽ viết!

Anh vui vẻ nhận lời ngay, và còn nói thêm:

- Thỉnh thoảng Lữ Huy Nguyên phải tê-lê-phôn nhắc anh, hoặc đến chơi, đến chơi cũng là thúc đẩy nhau làm việc. Như lần *Thi hào dân tộc Nguyễn Du* ấy.

Câu nói của anh gợi tôi nhớ lại tập bản thảo tiểu luận của anh, tay tôi đón nhận vào những ngày cuối cùng năm 1965. Lúc ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, vừa về công tác tại Nhà xuất bản Văn học chưa được mấy tháng. Tập bản thảo lúc ấy chưa có bài *Đọc lại Nguyễn Du* bề thế sau này in ra dày ngót nửa quyển sách (viết xong ngày 18-9-1966). Là sinh viên mới ra trường, tôi thật sự bị ngợp trước một thiên tài, nhưng tôi vẫn góp ý với anh sau khi đọc

rất kỹ tập bản thảo khi chưa có bài này, và đề nghị anh viết tiếp một bài tổng kết lại cả một quá trình nghiên cứu của anh về Nguyễn Du. Anh băn khoăn đôi chút, rồi nhận lời. Mấy hôm sau, anh điện cho tôi:

- Anh đang viết... Đầu đề sẽ là *Đọc lại Nguyễn Du* đấy. Thỉnh thoảng em đến chơi hoặc điện cho anh, để nhắc. Đến chơi cũng là thúc đẩy nhau làm việc mà!

Rồi anh viết cho tôi một lá thư tôi còn giữ được bút tích, anh tự xưng mình là "bạn của Nguyên". Lúc ấy, như tôi đã nói, tôi vừa hai mươi sáu, còn anh thiếu một tuổi đầy ngũ tuần. Còn bây giờ, tôi đã bốn mươi sáu, còn anh thiếu một tháng thì vừa vặn cái thời "thất thập cổ lai hy" như câu thơ Đỗ Phủ. Vẫn lời nói năm xưa cách đây vừa tròn hai thập kỷ: "Thỉnh thoảng Nguyên tê-lê-phôn cho anh hoặc đến chơi".

Nhiều bài anh đã viết trong hoàn cảnh ấy. Lần trước là bài *Đọc lại Nguyễn Du* bề thế, và lần này là bài tham luận dài *Sự uyên bác với việc làm thơ* có thể là bài tiểu luận cuối cùng, trọn vẹn của anh trước phút lâm bệnh đột ngột. Toàn bộ bút tích dày mấy chục trang ấy vẫn được tôi lưu giữ ở Nhà xuất bản Văn học, sau này tôi mới trao, để anh Huy Cận đưa vào bảo tàng Xuân Diệu.

Lúc đầu, anh định viết về một vấn đề khác, cũng

khá cần thiết cho các bạn trẻ, nhưng chúng tôi gợi ý:

- Anh em trẻ muốn biết một nhà thơ đồng thời là một nhà văn hóa cỡ lớn như anh và anh Chế Lan Viên..., sự học tập như thế nào để đạt tới trình độ uyên bác?

Anh hạ kính, rút khăn tay lau trán, đầu lắc lắc theo thói quen:

- Phải uyên bác chứ, chỉ thi sĩ thôi không đủ. Cả một đời anh đã phấn đấu cho sự uyên bác mà, uyên bác đâu phải chuyện trời cho. Phải đọc, phải học cổ kim đông tây, rồi biến thành của mình và làm cho nó phong phú hơn. Chớ bắt chước sống sượng, người ta bắt được quả tang thì xấu hổ lắm Nguyên ơi?

Cả bài *Sự uyên bác với việc làm thơ* là cuộc tổng kết một đời học tập, đồng thời là một sự sòng phẳng: Cái gì anh học ở người; cái gì cũng là học người nhưng đạt tới trình độ hơn người. Chẳng hạn đoạn sau đây, tôi trích dẫn từ bản thảo viết tay của anh:

"Tháng 10-1981, khi nói chuyện ở Đại học Sorbonne Paris: *Le thème de l'Amour dans ma création littéraire (Đề tài tình yêu trong sáng tác của tôi),* bài thơ tình mà tôi dẫn đầu tiên là bài *Yêu là chết trong lòng một ít* vì trong bài thơ ấy tôi đã vay mượn của ba thi sĩ Pháp. Tôi muốn thính giả

người Pháp thấy một thi sĩ Việt Nam chân thực đền ơn trả nghĩa và cũng uyên bác kim với cổ, đông với tây, họ sẽ vui, và tôi sẽ đắc nhân tâm, mà đắc nhân tâm tức là được chính trị. Nhà thơ Pháp Edmont Haraucourt có bài thơ ngắn rất nổi tiếng: *Parir, c'est mourir un peu (Đi là chết ở trong lòng một ít),* đúng quá, những đôi lứa muôn đời đứt gan đứt ruột phải biệt xa nhau; khoảng 1934 - 1935, tôi đang yêu, bèn vận vào mình và chuyển sang:

Yêu là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu
Cho rất nhiều, nhưng nhận chẳng bao nhiêu.

Câu thứ ba, tôi lấy dáng dấp một câu trong bài thơ tình duy nhất không tiền khoáng hậu của Félix Arvers (1806 - 1850), tất cả sự nghiệp sáng tác của ông đã vào trong lãng quên, duy có bài thơ thất tình, thơ tình tuyệt vọng của ông: *Mon âme a son secret (Lòng ta chôn chặt mối tình)* là còn sống mãi hơn 150 năm nay đến nỗi tự vị *Larousse* cũng phải nhắc đến; trong đó có câu: Dù anh có đi trọn con đường trần thế của mình, *N'osant rien demandé, et n'ayant rient recu (chẳng dám xin và chưa nhận được gì);* tôi chuyển câu này thành: *"Cho rất nhiều, nhưng nhận chẳng bao nhiêu"*, và bao trùm là tôi đã làm theo điệu thơ rôngđô (Rondeau) của nhà thơ Charles d'Orléans, thế kỷ XV, vịnh mùa xuân, láy câu thứ nhất, thứ hai, làm câu thứ ba, thứ tư (dịch):

Thời tiết đã bỏ chiếc áo ngoài
Bằng gió, bằng mưa, bằng giá rét
Và khoác mặc lên mình gấm vóc
Khoác áo mặt trời xinh, sáng tươi

Không một loài vật hay loài chim
Mà chẳng khề khà kêu hoặc hát
Thời tiết đã bỏ chiếc áo ngoài
Bằng gió, bằng mưa, bằng giá rét.

Tôi cũng láy theo điệu rôngđô như Charles d' Orléans:

Yêu là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu
Cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu
Người ta phụ hoặc thờ ơ chẳng biết.

Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt
Tưởng trăng tàn hoa tạ, với hồn tiên
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu
Yêu là chết ở trong lòng một ít.

Và ở đoạn cuối thứ ba, câu thứ mười ba là câu cuối cùng, láy lại câu thứ nhất. Và có thể nói một cách chân thật: Charles d' Orléans khi láy lại, đã tạo ra một nhạc điệu rất hay; tuy nhiên không đắc thế bằng tôi khi láy lại các câu vì mùa xuân đang luẩn quẩn, còn tình yêu khi không được chia sẻ, thì người đang yêu như con tằm rút ruột tự giam thân

vướng vít ở trong cái kén đau khổ bịt bùng...

Quả là anh rất sòng phẳng.

Một buổi sáng, tôi nhận được điện thoại của anh:

- Bài tham luận viết xong rồi, Võ Văn Trực đến chơi, mình đã gửi Trực cầm đưa về cho Nguyên. Lấy ở Trực nhé! Nhưng cho mình đọc có mười lăm phút thôi à? Bài ấy dài đấy, Xuân Diệu đề nghị thêm năm phút nữa.

Thật ra bài đó anh viết dài tới hai mươi hai trang đánh máy, nếu đọc cho hết phải mất một tiếng đồng hồ. Tôi cười trong máy điện thoại:

- Anh Diệu ơi, thời gian đối với anh không thành vấn đề đâu!

Chả là vì chúng tôi đã có dự kiến: Sẽ chính thức mời anh nói chuyện với Hội nghị trên cơ sở nội dung bài viết ấy chừng hai tiếng đồng hồ, coi như một trong những nội dung chính của Hội nghị.

Nhưng... Anh không còn đến Hội nghị dù chỉ là đọc bài ấy trong vòng hai mươi phút mà anh yêu cầu, hay chỉ là một phút, một giây như giờ đây chúng ta mong muốn nữa. Hôm cuối cùng nằm trong bệnh viện, anh có nhắc hỏi xem bài tham luận của anh đã đọc chưa. Tối hôm ấy, ai có ngờ đâu anh đã vĩnh biệt mọi người, cuộc gặp mặt các thế hệ nhà văn đang diễn ra ở trụ sở hội 65 Nguyễn Du đêm ấy vắng anh, ai ngờ vắng anh vĩnh viễn,

cũng là cái đêm tôi ngồi soát lại bản tham luận của anh, đối chiếu giữa hai bản đánh máy và bản viết tay. Bản thảo của anh viết bằng bút bi trên một loại giấy trắng dày và mịn mà anh vẫn quen dùng từ lâu nay. Với chất liệu giấy và mực như thế, bản thảo của anh có khả năng giữ được bền lâu hơn, trước sức phá hoại vô tình của thời gian. Ai đã làm sách của anh Xuân Diệu những năm về sau này thường rất quen với loại giấy và mực bi này. Và cũng rất quen với chúng tôi, dòng chữ anh viết bên lề trái trang đầu: "Xin cho tôi lại bản thảo này. Cảm ơn. Và xin đánh thêm cho tôi xin một bản đánh máy". Ba chữ Xin, rồi sau đó là một chữ ký quen thuộc: Xuân Diệu. Sau này, bình tĩnh lại, tôi nhận thấy bản thảo của anh viết và chữa bằng ba màu mực, tất cả đều là mực bi: Thảo lần đầu bằng bút bi màu tím, hai lần sửa sau bằng mực bi màu đỏ và màu xanh lá mạ.

Nửa đêm hôm 18 tháng 12 ấy tôi mới sửa xong bản tham luận của anh Xuân Diệu. Chính tôi cũng không ngờ mình lại phải thay mặt Ban tổ chức đọc bài tham luận ấy của anh, sau phút mặc niệm anh ở hội trường sáng hôm sau.

Đọc đến dòng cuối cùng trong nguyên tác của anh: "Xin cám ơn sự theo dõi của các bạn. Xuân Diệu". Tôi sững người, thế là anh đã ra đi, ra đi thật rồi, sau lời cảm ơn chân tình ấy ư? Cả hội

trường lặng đi hồi lâu, những khóe mắt rưng lệ, những tiếng nấc sụt sùi. Mọi người đồng loạt đứng lên vỗ tay cảm ơn anh, hoan nghênh anh như là anh vẫn đang sống, vừa mới ra khỏi hội trường đi khuất vào đâu đó mà thôi. Anh Xuân Diệu ơi, có phải anh vội về nhà, viết tiếp một bài tiểu luận dở dang khác, hay là anh lại ghé qua Nhà xuất bản Văn học, nơi anh đã in hàng mấy chục tập sách đều thuộc loại tầm cỡ để đời - chụm đầu bên các anh chị em biên tập viên Nhà chúng tôi, bàn luận sôi nổi về từng dòng, từng chữ một bản thảo đưa in, mái tóc xoăn sóng tự nhiên vẫn mây gió bồng bềnh.

19-12-1985